

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

TRẦN THỊ THÚY

HỒ CHÍ MINH LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN MỤC TIÊU
ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI
Ở VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1954 - 1969

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: HỒ CHÍ MINH HỌC

HÀ NỘI - 2026

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

TRẦN THỊ THÚY

**HỒ CHÍ MINH LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN MỤC TIÊU
ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI
Ở VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1954 - 1969**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: HỒ CHÍ MINH HỌC
Mã số: 9310204

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

1. TS. Phan Công Khanh

2. PGS.TS. Lý Việt Quang



HÀ NỘI - 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

Tác giả



Trần Thị Thúy

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN.....	8
1.1. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án	8
1.2. Đánh giá tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án và những vấn đề đặt ra luận án tiếp tục nghiên cứu	30
Chương 2: BỐI CẢNH LỊCH SỬ VÀ VAI TRÒ LÃNH ĐẠO CỦA HỒ CHÍ MINH TRONG HOẠCH ĐỊNH ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1954-1969.....	35
2.1. Bối cảnh lịch sử.....	35
2.2. Hồ Chí Minh lãnh đạo hoạch định đường lối cách mạng Việt Nam giai đoạn 1954-1969	51
Chương 3: HỒ CHÍ MINH LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC THỰC HIỆN MỤC TIÊU ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1954-1969	78
3.1. Hồ Chí Minh lãnh đạo tổ chức thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam những năm 1954-1964.....	78
3.2. Hồ Chí Minh lãnh đạo tổ chức thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam những năm 1965-1969.....	115
Chương 4: GIÁ TRỊ SỰ LÃNH ĐẠO CỦA HỒ CHÍ MINH NHẪM THỰC HIỆN MỤC TIÊU ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1954-1969.....	138
4.1. Giá trị lý luận.....	138
4.2. Giá trị thực tiễn	154
KẾT LUẬN.....	179
DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN	182
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	183

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BCH	Ban Chấp hành
CNTB	Chủ nghĩa tư bản
CNXH	Chủ nghĩa xã hội
ĐLDT	Độc lập dân tộc
DTDCND	Dân tộc dân chủ nhân dân
DTGP	Dân tộc Giải phóng
ĐLDT và CNXH	Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội
GPDT	Giải phóng dân tộc
TBCN	Tư bản chủ nghĩa
XHCN	Xã hội chủ nghĩa

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài luận án

Độc lập dân tộc (ĐLDT) và chủ nghĩa xã hội (CNXH) là nội dung cốt yếu trong di sản tư tưởng Hồ Chí Minh, là hạt nhân chi phối toàn bộ cuộc đời hoạt động cách mạng của Người. Trong đó, giai đoạn 1954-1969 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1954), Hiệp định Giơnevơ được ký kết, Việt Nam tạm thời bị chia cắt thành hai miền với hai chế độ chính trị khác nhau. Miền Bắc được giải phóng và đi lên xây dựng CNXH. Miền Nam vẫn bị chủ nghĩa đế quốc thống trị.

Giai đoạn 1954-1969 đánh dấu sự phát triển và hoàn thiện quan trọng tư duy lý luận và phương pháp lãnh đạo của Hồ Chí Minh. Với tầm nhìn chiến lược và vai trò của người đứng đầu Đảng, Người cùng Trung ương Đảng lãnh đạo thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng CNXH ở miền Bắc (cách mạng xã hội chủ nghĩa - XHCN) và đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân - DTDCND). Những quyết định mang tính bước ngoặt và định hướng chiến lược của Người và Trung ương Đảng đã dẫn dắt cách mạng Việt Nam vượt qua mọi thử thách của lịch sử, những biến động của thời cuộc để đi đến thắng lợi. Ngay sau khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết, Người và Trung ương Đảng từng bước xác định những chủ trương, nhiệm vụ chiến lược phù hợp với tình hình mới thông qua các Hội nghị Trung ương, các bài viết, bài phát biểu, góp phần quan trọng vào quá trình hình thành và hoàn chỉnh đường lối cách mạng Việt Nam ở hai miền, được xác định rõ tại Đại hội III của Đảng (1960). Trước âm mưu phá hoại Hiệp định Giơnevơ của đế quốc Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm, tại Hội nghị Trung ương lần thứ 15 (1959), Người và Trung ương Đảng đã quyết định chuyển hướng phương thức đấu tranh ở miền Nam, đưa cách mạng miền Nam từ thế “giữ gìn lực lượng” sang thế “tiến công”, tạo ra một bước ngoặt có ý nghĩa chiến lược làm thay đổi cục diện ở miền Nam, mở đường cho cách mạng miền Nam tiến lên giành những thắng lợi vẻ vang. Trên cương vị người đứng đầu Đảng và Nhà nước, Người cùng Trung ương Đảng đã chỉ đạo thành lập Mặt

trận Dân tộc Giải phóng (DTGP) miền Nam Việt Nam (20-12-1960), đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân và tranh thủ được sự ủng hộ rộng lớn của nhân dân tiến bộ thế giới trong cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Khi đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh phá hoại ra miền Bắc, tại Hội nghị Trung ương lần thứ 11 (3-1965) và Hội nghị Trung ương lần thứ 12 (12-1965), Người và Trung ương Đảng đề ra những chủ trương quan trọng nhằm chuyển hướng toàn bộ hoạt động miền Bắc từ thời bình sang thời chiến, đảm bảo sức mạnh để miền Bắc đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân, hải quân của đế quốc Mỹ, đồng thời, duy trì và giữ vững sản xuất, tăng khả năng chi viện cho chiến trường miền Nam. Cùng với việc phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, Người cùng Trung ương Đảng nỗ lực hoạt động nhằm tranh thủ sự ủng hộ của bạn bè quốc tế. Nhờ đó, sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam luôn nhận được sự ủng hộ to lớn từ các nước XHCN và các lực lượng yêu chuộng hòa bình trên thế giới, tạo nên hậu phương quốc tế vững chắc để đưa cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước đi đến thắng lợi hoàn toàn. Quá trình Hồ Chí Minh lãnh đạo thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969 đã góp phần quan trọng vào những thắng lợi của cách mạng Việt Nam, đồng thời để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu về kết hợp giữa ĐLDT và CNXH, giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc và kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

Sau khi đất nước thống nhất, Đảng Cộng sản Việt Nam và nhân dân Việt Nam tiếp tục kiên định mục tiêu ĐLDT và CNXH. Năm 1986, tại Đại hội VI của Đảng - Đại hội đánh dấu bước ngoặt trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam với việc đề ra đường lối đổi mới toàn diện, Đảng tiếp tục khẳng định giữ vững ngọn cờ ĐLDT và CNXH. Tại Đại hội XIV, tổng kết 40 năm tiến hành công cuộc đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam đã đúc rút bài học kinh nghiệm đầu tiên: “kiên định, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu ĐLDT và CNXH; kiên

định đường lối đổi mới của Đảng; kiên định các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng” [42, tr.236].

Tiếp tục thực hiện mục tiêu Hồ Chí Minh lựa chọn, đất nước Việt Nam đạt được những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử, “đã làm thay đổi căn bản, toàn diện cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế của đất nước” [42, tr.205] và trên thực tế, “xét trên nhiều phương diện, người dân Việt Nam ngày nay đang có các điều kiện sống tốt hơn so với bất cứ thời kỳ nào trước đây” [170, tr.33].

Tuy nhiên, thực tiễn thực hiện mục tiêu cách mạng Việt Nam trong thời gian vừa qua bên cạnh những thành tựu đạt được vẫn còn hạn chế, bất cập. Đó là “Nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa” còn hiện tồn; việc thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” còn chậm; các thế lực thù địch tiếp tục tăng cường các phương thức, thủ đoạn để chống phá cách mạng Việt Nam, trong đó viết các tin, bài, video có nội dung phủ định, xuyên tạc về tư tưởng, cuộc đời, sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh, về con đường đi lên CNXH ở Việt Nam, về việc thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH... Để góp phần khắc phục những hạn chế và giải đáp những vấn đề thực tiễn đang đặt ra, việc nghiên cứu tư tưởng, cuộc đời, sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong đó có nghiên cứu những hoạt động lãnh đạo thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969 của Hồ Chí Minh cần tiếp tục được tăng cường. Thông qua việc phân tích tư tưởng, cuộc đời, sự nghiệp, nhất là quá trình Hồ Chí Minh lãnh đạo thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH sẽ làm sáng tỏ thêm giá trị khoa học của tư tưởng và cống hiến của Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam. Đồng thời, những kết quả nghiên cứu, góp phần thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 35-NQ/TW của Bộ Chính trị về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới.

Đặc biệt, nghiên cứu những hoạt động lãnh đạo của Hồ Chí Minh trong thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969 còn có ý nghĩa

quan trọng trong bối cảnh hiện nay. Tư duy chiến lược, phương pháp lãnh đạo và cách thức giải quyết các nhiệm vụ cách mạng của Người để lại vẫn còn nguyên giá trị đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong bối cảnh mới, đặc biệt là trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. “Càng trong bước chuyển lớn của lịch sử, chúng ta càng phải giữ vững tư tưởng Hồ Chí Minh. Càng tiến bước trên con đường hiện đại hóa, chúng ta càng phải trở về sâu sắc hơn với những giá trị nền tảng mà Người để lại” [84]. Do đó, đề tài không chỉ giúp làm sáng tỏ một giai đoạn quan trọng trong lịch sử cách mạng Việt Nam, mà còn góp phần khẳng định giá trị bền vững của tư tưởng Hồ Chí Minh và cống hiến vĩ đại của Người đối với sự phát triển của đất nước hiện nay.

Xuất phát từ tính cấp thiết và ý nghĩa quan trọng của những vấn đề nêu trên, Nghiên cứu sinh chọn vấn đề: ***“Hồ Chí Minh lãnh đạo thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969”*** làm đề tài luận án Tiến sĩ chuyên ngành Hồ Chí Minh học.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Làm rõ sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh trong thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969, từ đó luận giải giá trị của sự lãnh đạo đó trên cả phương diện lý luận và thực tiễn.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án.
- Làm rõ bối cảnh lịch sử và vai trò của Hồ Chí Minh trong lãnh đạo hoạch định đường lối thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969.
- Làm rõ vai trò của Hồ Chí Minh trong lãnh đạo tổ chức thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969.

- Phân tích các giá trị lý luận và thực tiễn sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh trong thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Vai trò Hồ Chí Minh trong quá trình lãnh đạo thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi nội dung: luận án tập trung nghiên cứu tư duy chiến lược và thực tiễn lãnh đạo của Hồ Chí Minh trong thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH ở Việt Nam. Luận án không đi sâu nghiên cứu vai trò lãnh đạo của Đảng nói chung mà tập trung làm rõ vai trò lãnh đạo của Hồ Chí Minh trong thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969. Vai trò lãnh đạo của Hồ Chí Minh trong thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH ở Việt Nam giai đoạn này rất phong phú, đa dạng. Trong phạm vi nghiên cứu của đề tài, Luận án tập trung luận giải thông qua vai trò hoạch định đường lối và tổ chức thực hiện đường lối trên các lĩnh vực chủ yếu của đời sống xã hội, từ chính trị, kinh tế, đến văn hóa, quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Trên cơ sở đó, luận án làm rõ giá trị sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh trong thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969.

- Phạm vi thời gian: luận án tập trung nghiên cứu sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh trong thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH ở Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1969, tức là từ khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết đến khi Người qua đời.

- Phạm vi không gian: ở Việt Nam.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án được thực hiện trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về vai trò của quần chúng nhân dân và cá nhân trong lịch sử; lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin và chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

- Trên cơ sở phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, tác giả kết hợp các phương pháp nghiên cứu, như: phương pháp lịch sử - lôgic trong trình bày, đánh giá, phân tích khách quan các sự kiện, hoạt động của Hồ Chí Minh để làm rõ vai trò lãnh đạo của Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam; phương pháp so sánh - đối chiếu để làm rõ vai trò và giá trị sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh trong thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969; đồng thời, sử dụng một số phương pháp cụ thể khác như phương pháp phân tích - tổng hợp, phương pháp quy nạp - diễn dịch, phương pháp tổng kết thực tiễn, phương pháp nghiên cứu văn bản...

Trên cơ sở phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, luận án sử dụng phương pháp phân tích - tổng hợp, phương pháp quy nạp - diễn dịch, phương pháp lịch sử - lôgic, phương pháp so sánh - đối chiếu, phương pháp tổng kết thực tiễn, phương pháp nghiên cứu văn bản ở chương 1, 2, 3 nhằm (1) Làm rõ những kết quả các công trình nghiên cứu đã đạt được và những khoảng trống, từ đó đặt ra nhiệm vụ đề tài luận án cần tiếp tục nghiên cứu ở chương 1; (2) Phân tích, đánh giá, làm rõ bối cảnh lịch sử và vai trò lãnh đạo của Hồ Chí Minh trong hoạch định đường lối thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH ở chương 2; (3) Phân tích, đánh giá và làm rõ những hoạt động lãnh đạo tổ chức thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH ở Việt Nam của Hồ Chí Minh giai đoạn 1954-1969 ở chương 3.

Ở chương 4, bên cạnh các phương pháp phân tích - tổng hợp, phương pháp quy nạp - diễn dịch, phương pháp lịch sử - lôgic, phương pháp nghiên cứu văn bản, phương pháp tổng kết thực tiễn, tác giả sử dụng kết hợp với các phương pháp so sánh - đối chiếu để làm rõ giá trị sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh trong thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969.

5. Những đóng góp mới về khoa học của luận án

- Luận án góp phần làm rõ bối cảnh lịch sử và sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh trong hoạch định đường lối thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969.

- Luận án bổ sung luận giải sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh trong tổ chức thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969.

- Luận án làm rõ hơn giá trị lý luận và thực tiễn sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh trong thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài nghiên cứu

6.1. Ý nghĩa lý luận

- Luận án góp phần làm rõ sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh trong thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969.

- Trên cơ sở phân tích những hoạt động, cống hiến của Hồ Chí Minh trong lãnh đạo thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969, luận án làm rõ giá trị lý luận của những hoạt động, cống hiến đó đối với cách mạng Việt Nam.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Kết quả nghiên cứu của đề tài cung cấp những luận cứ khoa học có giá trị cho việc tiếp tục vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa hiện nay.

Đề tài có thể được sử dụng để làm tài liệu tham khảo cho sinh viên ngành Hồ Chí Minh học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; tài liệu tham khảo trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng và đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Danh mục các công trình nghiên cứu của tác giả đã công bố liên quan đến luận án, Danh mục tài liệu tham khảo, luận án gồm có 4 chương, 8 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1.1. Những nghiên cứu liên quan đến tư tưởng Hồ Chí Minh về thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Cuốn sách của tác giả Phạm Văn Đồng: *Những nhận thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh* (1998) [48] khẳng định ĐLDT và CNXH hoặc ĐLDT gắn liền với CNXH là quan điểm cơ bản nhất, là cốt lõi, là nguồn gốc, là hạt nhân chi phối hệ tư tưởng cũng như sự nghiệp cách mạng của Hồ Chí Minh. Phân tích mối quan hệ giữa ĐLDT và CNXH, tác giả cho rằng, trong tư tưởng và hoạt động lãnh đạo của Hồ Chí Minh, ĐLDT và CNXH là hai bộ phận gắn bó mật thiết hữu cơ với nhau như hình với bóng, cái trước đòi hỏi cái sau, cái sau đáp ứng cái trước, khác nào như hai bộ phận của một cơ thể, tác động qua lại một cách hài hòa, cùng nhau phát triển và lớn lên. Song, tùy từng thời điểm cụ thể hai nội dung này có sự thay đổi và đảo lộn vị trí phù hợp, trong cách mạng từ DTDCND tiến lên CNXH, thì chẳng đầu tập trung vào ĐLDT, chẳng sau tập trung vào CNXH.

Tác giả Nguyễn Duy Quý trong sách *Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội* (2003) [149] đã làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh về thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH ở Việt Nam. ĐLDT là cái đích trực tiếp của mọi công cuộc GPDT, sau khi giành được ĐLDT lựa chọn duy nhất đúng đắn các quốc gia dân tộc trong thời đại ngày nay đó là CNXH. Từ cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, tác giả khẳng định nguyên nhân sâu xa vì sao sau khi giành được ĐLDT, Hồ Chí Minh lãnh đạo cách mạng tiến lên xây dựng CNXH. Theo tác giả, các xã hội dựa trên sự duy trì tình trạng áp bức, bóc lột do chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất và do những mâu thuẫn đối kháng về giai

cấp, không thể giải quyết triệt để vấn đề ĐLDT. Còn trong chế độ XHCN, bản chất của CNXH là thực hiện triệt để giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người. CNXH sẽ xóa bỏ căn nguyên kinh tế sâu xa của tình trạng người bóc lột người do chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất sinh ra. Nhờ đó, nó xóa bỏ cơ sở kinh tế sinh ra ách áp bức con người về chính trị và sự nô dịch con người về tinh thần, ý thức và tư tưởng. Và, chỉ có đứng trên lập trường giai cấp vô sản và cách mạng vô sản mới có thể giải quyết đúng đắn vấn đề ĐLDT.

Sách *Hồ Chí Minh và minh triết Hồ Chí Minh* (2008) [134] của tác giả Bùi Đình Phong cho rằng, tư tưởng Hồ Chí Minh về thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH thực chất là giải quyết mối quan hệ giữa mục tiêu trước mắt và mục tiêu lâu dài. Trong đó, ĐLDT là tiền đề, điều kiện đi tới hạnh phúc tự do; CNXH củng cố vững chắc ĐLDT, tạo bước phát triển mới về chất trong tiến trình cách mạng Việt Nam, trong mối quan hệ với ĐLDT, CNXH mang lại hạnh phúc tự do là mục tiêu chiến lược, song không phải thực hiện xong nhiệm vụ ĐLDT rồi mới bắt tay làm nhiệm vụ cách mạng XHCN. Trong thực tế, mỗi bước thực hiện nhiệm vụ giành ĐLDT vừa luôn hướng tới hạnh phúc tự do, vừa tạo tiền đề cho tự do hạnh phúc. Mục tiêu trước mắt luôn luôn được dẫn dắt bởi mục tiêu lâu dài. Nhiệm vụ lâu dài nhưng lại luôn có mặt trong nhiệm vụ trước mắt. Theo tác giả, thời kỳ 1954-1969 là giai đoạn biểu hiện rõ nét nhất ĐLDT là tiền đề của hạnh phúc tự do vừa hướng tới hạnh phúc tự do. Điều kiện của ĐLDT để đi tới hạnh phúc tự do theo quan điểm Hồ Chí Minh đó phải là một nền độc lập *hoàn toàn*. Đồng thời, theo tác giả, trong thời kỳ này, những đặc trưng của CNXH cũng dần dần được hiện thực hóa từ phạm vi hẹp đến rộng, từ nhận thức đến hành động, tạo ra một bước phát triển mới về chất mà xưa nay chưa từng có trong lịch sử dân tộc.

Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh - Ban Tuyên giáo Trung ương - Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh - Bộ Văn hóa, Thể thao và

Du lịch trong công trình: *Chủ tịch Hồ Chí Minh - Hành trình cứu nước* (2011) [156] chỉ rõ, thực hiện ĐLDT và CNXH ở Việt Nam thực chất là giải quyết vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp, là chủ nghĩa yêu nước gắn liền với chủ nghĩa quốc tế trong sáng. Từ dân tộc phong kiến, dân tộc nô lệ trở thành dân tộc XHCN. Theo các tác giả, ĐLDT và CNXH là sinh mệnh chính trị của Đảng. ĐLDT và CNXH ở Việt Nam mất thì sinh mệnh chính trị của Đảng mất. Từ thực tiễn cách mạng Việt Nam, nhờ ĐLDT và CNXH Việt Nam đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược và trên thế giới, lịch sử thế giới chỉ ra rằng: Liên Xô chiến thắng phát xít Đức và phát xít Nhật là nhờ sức mạnh của chế độ XHCN Xô viết, do Đảng Cộng sản Liên Xô lãnh đạo. Vì vậy, từ bỏ CNXH, để CNXH thất bại là tự diệt mình, phản lại dân tộc, phản lại Hồ Chí Minh. Một số nước để cho CNXH thất bại trên Tổ quốc mình, trong khi có đầy đủ lực lượng chính trị và quân sự hùng hậu với hàng triệu đảng viên là do dao động về CNXH.

Bài viết của tác giả Vũ Văn Hiền: *Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, niềm tin sắt son của dân tộc Việt Nam* (2013) [70] làm rõ tính tất yếu thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH ở Việt Nam, bởi vì việc giải quyết vấn đề ĐLDT theo ý thức hệ phong kiến và tư sản, trong khuôn khổ của chế độ phong kiến và chế độ tư bản chủ nghĩa (TBCN) không tránh khỏi những mâu thuẫn và những hạn chế bắt nguồn từ bản chất kinh tế và chính trị của các chế độ ấy. Vượt qua những mâu thuẫn và những hạn chế trong công việc giải quyết vấn đề độc lập theo lập trường phong kiến và tư sản *chỉ có thể là con đường gắn liền ĐLDT với CNXH*. Theo tác giả, lựa chọn mục tiêu thực hiện ĐLDT và CNXH ở Việt Nam của Hồ Chí Minh đến nay vẫn còn vẹn nguyên giá trị. Dù thời cuộc biến đổi xoay vần ra sao, dù phải đối mặt với xu thế toàn cầu hóa, với tất cả mặt tích cực và tiêu cực, bất trắc; dù cho ai đó bị lóa mắt bởi những bộ áo cánh sắc sảo của chủ nghĩa tư bản (CNTB) thì *hệ giá trị ĐLDT và CNXH*, trong ý thức và trong hành động vẫn là mục tiêu, lý tưởng, là quốc bảo phù hợp xu thế thời đại.

Cuốn sách của tác giả Nguyễn Đức Bình: *Về cách mạng Việt Nam trong thời đại ngày nay* (2016) [6] khẳng định, đối với Hồ Chí Minh, từ lúc ra đi tìm đường cứu nước cho đến khi Người viết những lời căn dặn cuối cùng cho toàn Đảng và toàn dân, độc lập, tự do cho dân tộc bao giờ cũng chiếm vị trí hàng đầu. Bằng kinh nghiệm máu thịt của mình, bằng trực giác và trái tim, bằng tri thức uyên bác, bằng phương pháp khoa học biện chứng mác xít, Hồ Chí Minh hiểu hơn ai hết rằng, không có ĐLDT sẽ không có gì hết, không thể giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội, giải phóng con người, không thể có CNXH, không thể có quan hệ bình đẳng, hợp tác, hữu nghị thật sự giữa các dân tộc. ĐLDT phải là tiền đề và điều kiện tiên quyết để tiến lên một xã hội công bằng, văn minh do nhân dân làm chủ. Theo tác giả, đối với Hồ Chí Minh, xây dựng CNXH phải xuất phát từ những điều kiện cụ thể của đất nước, từ lịch sử dân tộc, từ con người Việt Nam. Để thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH, Hồ Chí Minh đã chỉ ra đặc trưng bản chất nhất của CNXH - đó là một xã hội không có chế độ người bóc lột người, một xã hội bình đẳng, nghĩa là ai cũng phải lao động và có quyền lao động, ai làm nhiều thì hưởng nhiều, làm ít thì hưởng ít, không làm không hưởng; chỉ ra bước đi, biện pháp xây dựng CNXH là dần dần từng bước thực hiện cho được những mục tiêu thật “bình thường”, thật “đơn giản”, không cao xa, to tát, rất thiết thực, nhưng hết sức vĩ đại. Theo tác giả, những luận điểm của Hồ Chí Minh về CNXH và xây dựng CNXH tiếp tục soi sáng sự nghiệp đổi mới của Đảng và nhân dân

Tác giả Nguyễn Tùng Lâm trong công trình nghiên cứu: *Tư tưởng Hồ Chí Minh về giải quyết mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp với sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay* (2017) [85] cho rằng Hồ Chí Minh đã giải quyết thành công mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp trong việc xác định mục tiêu của cách mạng Việt Nam là ĐLDT gắn liền với CNXH, GPDT gắn liền với giải phóng giai cấp và giải phóng con người. Hay có thể nói một cách khác mục tiêu ĐLDT gắn liền với CNXH, chính là biểu hiện giải quyết

đúng đắn mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp trên lập trường của giai cấp công nhân. Việc giải quyết một cách nhuần nhuyễn mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp trong việc xác định con đường, mục tiêu của cách mạng Việt Nam, có thể nói đây là một sáng tạo to lớn về lý luận của Hồ Chí Minh, là một biểu hiện của một tư duy biện chứng sắc sảo được hình thành trên cơ sở nhận thức đúng đắn về quá trình vận động của hiện thực lịch sử, là một đóng góp to lớn vào học thuyết Mác-Lênin về đường lối cách mạng ở các nước thuộc địa.

Cuốn sách của tác giả Mạch Quang Thắng: *Góp phần tìm hiểu tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh* (2017) [160]. Trên cơ sở nghiên cứu lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XVI trở đi, tác giả cho rằng, đối với các nước thuộc địa và phụ thuộc, ở đâu đó có thể không đi theo con đường ĐLDT gắn liền với CNXH, nhưng riêng đối với Việt Nam thì con đường này là duy nhất đúng. Chính lịch sử phát triển của dân tộc Việt Nam đã sàng lọc một cách tự nhiên ở cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Theo tác giả, Hồ Chí Minh đã tìm ra hướng phát triển của dân tộc: Chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới GPDT một cách triệt để nhất. Chính vì thế, GPDT chỉ có thể gắn liền với CNXH mới mở ra một thời đại mới trong lịch sử dân tộc Việt Nam, đồng thời, chỉ có chủ nghĩa cộng sản, giai đoạn đầu là CNXH, mới làm cho GPDT được củng cố vững chắc và đạt được mục tiêu tối cao là giải phóng con người. Từ đó, tác giả khẳng định, thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH là con đường phát triển của dân tộc Việt Nam đã và đang đi. Không thể khác, vì nó là con đường duy nhất đúng.

Bài viết của tác giả Nguyễn Xuân Thắng: *Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong giai đoạn hiện nay* (2022) [4] khẳng định việc thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH của Hồ Chí Minh là sự tiếp nối khát vọng ĐLDT của dân tộc Việt Nam từ thuở hồng hoang dựng nước và suốt chiều dài lịch sử hàng nghìn năm chống giặc ngoại xâm, từ truyền thuyết Thánh Gióng đến việc xây dựng thành Cổ Loa, từ cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng, Bà Triệu cho đến

các cuộc khởi nghĩa của Lý Bí, Mai Thúc Loan, Phùng Hưng, v.v.. và đến Chủ tịch Hồ Chí Minh khát vọng ĐLDT được gắn với CNXH, là làm sao cho nước được độc lập, dân được tự do, ấm no, hạnh phúc.

Tác giả Đặng Công Thành trong công trình luận án tiến sĩ: *Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay* (2023) [152]. Tác giả cho rằng, ĐLDT và CNXH trong tư tưởng Hồ Chí Minh đó là hai giai đoạn kế tiếp nhau của một quá trình cách mạng, nhưng không phải tách rời nhau, mà giai đoạn trước là sự chuẩn bị tiền đề cho giai đoạn sau, và giai đoạn sau là sự kế tục và hoàn thiện các mục tiêu của giai đoạn trước. Ở mỗi giai đoạn cách mạng, ĐLDT và CNXH đều được thực hiện xoay quanh một cái trục có tính quy luật: cứu nước và dựng nước gắn bó chặt chẽ không tách rời. Tác giả nhấn mạnh, trong tư tưởng Hồ Chí Minh, sức mạnh của yếu tố dân tộc không chỉ là sức mạnh truyền thống vốn có mà đã được phát triển, nâng lên một trình độ mới, nhờ biết kết hợp với lý tưởng XHCN. Thực tế đã chứng minh, trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, giành độc lập cho đất nước, lý tưởng XHCN đã góp phần nâng lên sức mạnh tinh thần của dân tộc, giúp nhân dân Việt Nam vượt qua bao gian khổ, hy sinh, hoàn thành thắng lợi của sự nghiệp cách mạng.

Tác giả Lại Quốc Khánh trong công trình nghiên cứu: *Triết lý chính trị Hồ Chí Minh* (2024) [76] cho rằng, giải phóng - giải phóng dân tộc, giải phóng đồng bào, giải phóng người cùng khổ, giải phóng nhân loại mục tiêu chi phối suốt cuộc đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nhưng sự nghiệp cách mạng để thực hiện mục tiêu giải phóng ấy lại phải đương đầu với những thách thức vô cùng to lớn, khó khăn: Phải đương đầu với những lực lượng ngoại xâm hùng mạnh bậc nhất thế giới; phải tiến hành một “cuộc chiến đấu không lờ” để xóa bỏ những cái cũ kỹ, lạc hậu, để tạo dựng những cái mới mẻ, tốt tươi trong công cuộc cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới, v.v.. Để giành chiến thắng trong những cuộc đương đầu ấy, chủ thể hành động Hồ Chí Minh, Đảng, nhân dân

Việt Nam - không thể không đứng ở đỉnh cao của trí tuệ - trí tuệ đã nhận thức được, đã suy ngẫm một cách sâu sắc về bản chất quy luật của xã hội, về bản chất con người, về lẽ ở đời và làm người - tức là trí tuệ ở tầm triết học để tìm ra những giá trị cốt lõi cho cách mạng Việt Nam đó là độc lập, tự do, hòa bình, thống nhất, dân giàu, nước mạnh.

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu đã luận giải tư tưởng Hồ Chí Minh về thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH. Nội dung nổi bật trong các công trình nghiên cứu nhóm này là các nhà khoa học đều thống nhất cho rằng, thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là nội dung cốt lõi, xuyên suốt trong tư tưởng và hoạt động của Hồ Chí Minh. Qua phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn cách mạng Việt Nam, các tác giả khẳng định tính đúng đắn về sự lựa chọn và lãnh đạo thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam của Hồ Chí Minh. Đồng thời, các công trình nghiên cứu đã luận giải các nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Những kết quả nghiên cứu tạo cơ sở lý luận quan trọng trên cơ sở đó luận án làm rõ những hoạt động lãnh đạo và vai trò lãnh đạo của Hồ Chí Minh trong thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969.

1.1.2. Những nghiên cứu liên quan đến sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh nhằm thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969

1.1.2.1. Những nghiên cứu liên quan đến bối cảnh lịch sử và vai trò của Hồ Chí Minh trong lãnh đạo hoạch định đường lối và tổ chức thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969

Các tác giả Hoàng Trang, Phạm Ngọc Anh trong sách *Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam* (2000) [163] đã phân tích bối cảnh tình hình Việt Nam sau tháng 7-1954 và tác động của bối cảnh tình hình đến chủ trương thực hiện đồng thời hai chiến lược cách mạng của

Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Lao động Việt Nam. Theo các tác giả, chủ trương này thể hiện sự sáng tạo lớn của Hồ Chí Minh, phù hợp với thực tiễn lúc đó và góp phần phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin trên nhiều lĩnh vực. Để thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH, Hồ Chí Minh đã xây dựng và thực hiện một chương trình xây dựng CNXH trên tất cả các mặt: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, con người và đời sống tinh thần. Chính việc không ngừng củng cố các nhân tố XHCN, giải quyết các nhu cầu bức bách của quần chúng lao động đã có tác dụng làm gia tăng nhanh chóng nguồn lực sức mạnh dân tộc trong cuộc chiến tranh nhân dân, giành lại độc lập tự do cho dân tộc, thống nhất Tổ quốc và sau này là công cuộc bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN.

Sách *Hồ Chí Minh - Chiến sĩ cách mạng quốc tế* (2001) [96] của các tác giả Phan Ngọc Liên - Trịnh Vương Hồng đã phân tích bối cảnh quốc tế tác động đến hoạt động lãnh đạo thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969 của Hồ Chí Minh. Theo các tác giả, trong bối cảnh quốc tế giai đoạn 1954-1969 hoạt động lãnh đạo thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH ở Việt Nam nói chung và hoạt động ngoại giao của Hồ Chí Minh tập trung vào các công việc chủ yếu: đấu tranh chống âm mưu xâm lược của đế quốc Mỹ và tay sai, vạch trần, tố cáo trước thế giới tội ác của chúng đối với nhân miền Nam Việt Nam và dùng không quân, hải quân đánh phá miền Bắc; đồng thời nêu cao chính nghĩa cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam vì hòa bình, độc lập và thống nhất Tổ quốc; ủng hộ những cuộc đấu tranh GPDT, cuộc đấu tranh chống chiến tranh đế quốc Mỹ xâm lược, bảo vệ hòa bình thế giới, tiến bộ xã hội; thiết lập quan hệ ngoại giao, hữu nghị với các nước trên cơ sở tôn trọng chủ quyền, ĐLDT; tiếp tục góp phần đoàn kết, củng cố phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Tác giả Trần Minh Trường trong sách *Hoạt động ngoại giao của Chủ tịch Hồ Chí Minh từ năm 1954 đến 1969* (2005) [172] làm rõ bối cảnh lịch sử trong nước và quốc tế tác động đến hoạt động Hồ Chí Minh lãnh đạo thực hiện mục

tiêu ĐLDT và CNXH ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969 trên lĩnh vực ngoại giao. Theo tác giả, đặc điểm nổi bật của tình hình trong nước thời kỳ này đó là thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp, Hiệp định Giơnevơ được ký kết mở đường cho cách mạng Việt Nam bước vào thời kỳ phát triển mới. Tuy nhiên, đế quốc Mỹ với âm mưu chia cắt lâu dài Việt Nam, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới, làm căn cứ quân sự ở Đông Nam Á đã nhanh chóng hất cẳng Pháp, lập ra chính quyền tay sai của Mỹ. Về bối cảnh quốc tế, điểm nổi bật trong giai đoạn này đó là bắt đầu xuất hiện những bất đồng, mâu thuẫn giữa các nước XHCN với nhau, trước tiên là mâu thuẫn giữa Liên Xô và Trung Quốc. Trong bối cảnh đó, Hồ Chí Minh tích cực các hoạt động ngoại giao nhằm từng bước kiến tạo và mở rộng quan hệ quốc tế, tăng cường “thế và lực” của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, phát huy sức mạnh dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại. Sự chỉ đạo về đường lối và những hoạt động ngoại giao của Hồ Chí Minh trở thành một trong những nhân tố quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Tác giả Nguyễn Đức Đạt trong công trình nghiên cứu: *Tư tưởng biện chứng Hồ Chí Minh* (2007) [43] nhấn mạnh, cách mạng dân tộc dân chủ và cách mạng XHCN về lý thuyết là hai cuộc cách mạng khác nhau, nhưng thực tiễn cho thấy rằng cách mạng Việt Nam chỉ có một mục đích duy nhất là độc lập cho dân tộc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Tuy nhiên, nếu làm cách mạng dân tộc dân chủ để đi vào CNXH thì cách mạng dân tộc dân chủ đó phải là cách mạng dân tộc dân chủ kiểu mới, có định hướng CNXH, và trong cách mạng XHCN phải tính đến đặc thù của một xã hội nông nghiệp nghèo nàn lạc hậu. Theo tác giả, trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Hồ Chí Minh luôn chú ý điều này. Chính việc tính đến yếu tố đặc thù và luôn gắn với từng bối cảnh lịch sử cụ thể của dân tộc nhưng không rời bỏ vấn đề có tính nguyên tắc đó là nắm vững quy luật phát triển thời đại, Hồ Chí Minh cùng Đảng đã đúng trong xây dựng chiến lược và sách lược cho cách mạng Việt Nam.

Tác giả Hà Huy Thông trong sách *Tư tưởng Hồ Chí Minh về nghệ thuật đánh thắng chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ* (2008) [161] làm rõ những hoạt động lãnh đạo thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH của Hồ Chí Minh trong bối cảnh đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh phá hoại ra miền Bắc. Các hoạt động Hồ Chí Minh đã thực hiện đó là: dự báo sớm khả năng gây ra chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ; dự báo chính xác về tính chất, quy mô, hậu quả và kết cục chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ; xây dựng nhân tố chính trị tinh thần (ý chí quyết đánh quyết thắng giặc Mỹ xâm lược; xây dựng, củng cố niềm tin chiến thắng; động viên tinh thần chiến đấu dũng cảm, ngoan cường); tổ chức, động viên tiến hành tốt công tác phòng không nhân dân; tổ chức tốt sơ tán phòng tránh hỏa lực địch; phát huy sức mạnh tổng hợp (kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; kết hợp đánh địch trên các mặt quân sự, chính trị và ngoại giao; kết hợp chiến đấu với sản xuất); phát huy nghệ thuật chiến tranh nhân dân, đánh thắng từng bước, tiến tới đánh thắng hoàn toàn cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ (đánh địch bằng kết hợp sức mạnh của lực - thế - thời - mưu, bằng mọi hình thức và quy mô tác chiến; đánh địch bằng mọi lực lượng, mọi loại vũ khí).

Tác giả Song Thành trong cuốn sách *Hồ Chí Minh tiểu sử* (2010) [154] làm rõ những hoạt động của Hồ Chí Minh trong giai đoạn 1954-1964 và giai đoạn 1965-1968. Trong giai đoạn 1954-1964, hoạt động lãnh đạo của Người chủ yếu tập trung vào việc củng cố, cải tạo XHCN ở miền Bắc; Giương cao ngọn cờ hòa bình và thống nhất Tổ quốc; Mở rộng hoạt động quốc tế; Phát triển văn hóa, bồi dưỡng con người mới XHCN; Chỉ đạo chuyển hướng cuộc đấu tranh yêu nước của đồng bào miền Nam; Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng. Trong giai đoạn 1965-1968, khi đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh ra miền Bắc, Hồ Chí Minh lãnh đạo chuyển hướng xây dựng CNXH ở miền Bắc, vừa sản xuất, vừa chiến đấu đánh thắng chiến tranh phá hoại; Lãnh đạo, động viên quân dân ở miền Nam đánh bại các cuộc phản công chiến

lược của Mỹ; Đẩy mạnh tiến công ngoại giao, vạch trần những thủ đoạn lừa bịp của Mỹ trước dư luận thế giới, tranh thủ sự ủng hộ giúp đỡ của bạn bè khắp năm châu; Chăm lo xây dựng Đảng, bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau. Bên cạnh đó, tác giả chỉ ra những hoạt động trong năm cuối cùng cuộc đời của Người, trong đó, Người vẫn ngày đêm theo dõi tình hình miền Nam; nhắc nhở trồng cây - trồng người và trong thời gian này, Người giành thời gian để hoàn thành bản *Di chúc* lịch sử.

Tác giả Vũ Đình Hòe, Bùi Đình Phong trong công trình nghiên cứu: *Hồ Chí Minh với sự nghiệp độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam* (2010) [67], đã làm rõ quá trình Hồ Chí Minh tổ chức và lãnh đạo sự nghiệp xây dựng CNXH ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969 trên cương vị là Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Chủ tịch nước. Xuất phát từ bối cảnh đặc thù của đất nước và những nỗ lực trong tư duy sáng tạo của Hồ Chí Minh, tác giả đã phân thời kỳ này thành nhiều giai đoạn với những nội dung thực hiện cụ thể. (1) Giai đoạn 1954 - 1957, cả nước chuyển sang giai đoạn cách mạng, nhận thức tình hình, xác định nhiệm vụ, chuẩn bị tinh thần và lực lượng cho thời kỳ mới. Ở giai đoạn này, Hồ Chí Minh quan tâm giáo dục phương pháp luận nhận thức tình hình và rèn luyện, định hướng tư duy chiến lược cho cán bộ, đảng viên; xác định nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam; động viên và chuẩn bị lực lượng. (2) Giai đoạn 1958-1960, Hồ Chí Minh lãnh đạo, tổ chức quá trình cải tạo XHCN và xây dựng CNXH, trong đó xác định đặc điểm con đường đi lên CNXH ở miền Bắc; xác định nhiệm vụ của kế hoạch 3 năm đó là đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa; tiến hành phong trào hợp tác hóa; cải tạo XHCN với công thương nghiệp; xây dựng quan hệ sản xuất mới XHCN. (3) Giai đoạn 1960 - 1964, Hồ Chí Minh lãnh đạo và tổ chức miền Bắc thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất. Theo tác giả, đây cũng là giai đoạn tư duy lý luận của Hồ Chí Minh có nhiều phát triển, trong đó nhận thức CNXH, về con đường, biện pháp xây dựng CNXH và đường lối cách mạng XHCN ngày càng rõ nét hơn. (4) Giai đoạn 1965 - 1969, Hồ Chí

Minh lãnh đạo và tổ chức chuyển hướng xây dựng CNXH ở miền Bắc “vừa sản xuất, vừa chiến đấu”.

Tác giả Trần Đình Dương trong công trình nghiên cứu: *Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội mục tiêu chiến lược và con đường tiếp cận* (2011) [18], đã làm rõ những “Chông gai” trên con đường Việt Nam đi tới “Hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh” (1954-1975). Những khó khăn đó theo tác giả đã cản trở rất lớn đối với miền Bắc khi lịch sử giao phó vai trò “hậu phương lớn của tiền tuyến lớn miền Nam”. Trong những năm đầu của con đường “tiến tới hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh”, Đảng cũng đã phạm sai lầm to lớn trong cải cách ruộng đất và trong cải tạo các thành phần kinh tế theo CNXH. Ở miền Nam, Mỹ và các thế lực phản động thực hiện một cuộc chiến tranh đơn phương, đàn áp, khủng bố đồng bào miền Nam, xóa bỏ khát vọng hòa bình, thống nhất, độc lập của họ. Từ năm 1954-1969, đế quốc Mỹ và các tập đoàn tay sai thân Mỹ không chỉ phá hoại Hiệp định Giơnevơ về vấn đề Việt Nam mà còn liên tiếp gây tội ác khủng khiếp đối với nhân dân trên cả hai miền Nam - Bắc Việt Nam. Mặc dù có nhiều “chông gai”, song theo tác giả, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, kiên định thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH ở Việt Nam, cách mạng Việt Nam từng bước vượt qua để đạt được mục tiêu chiến lược.

Tác giả Lê Hữu Nghĩa trong công trình nghiên cứu: *Những bài học kinh nghiệm của cách mạng Việt Nam* (2013) [128] cho rằng, Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam lựa chọn con đường kết hợp ĐLDT với CNXH ở Việt Nam như một tất yếu khách quan, vừa phù hợp với chủ nghĩa Mác-Lênin, với mục tiêu lớn của thời đại, vừa phù hợp với ý nguyện của nhân dân; được gắn với đặc điểm tình hình của mỗi giai đoạn khác nhau của cách mạng Việt Nam từ khi Đảng vừa mới ra đời cho đến hiện nay. Trong đó, giai đoạn 1954-1975 ĐLDT kết hợp với CNXH không còn đơn thuần là mục tiêu lý tưởng như thời kỳ 1930-1945, cũng không giống như thời kỳ 1945-1954, mà CNXH đã trở

thành khẩu hiệu hành động và biến thành thực tế trên miền Bắc Việt Nam. Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng, hai chiến lược này có quan hệ hữu cơ với nhau, tác động lẫn nhau. Nhờ đó, trong 10 năm (1954-1969) miền Bắc đã tiến những bước chưa từng thấy trong lịch sử dân tộc. Đất nước, xã hội và con người đều đổi mới. Năm 1965, đế quốc Mỹ tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc bằng không quân và hải quân. Miền Bắc vừa là hậu phương vừa là tiền tuyến. Nhân dân miền Bắc dốc hết sức người, sức của cho sự nghiệp giải phóng miền Nam vì miền Nam không được giải phóng thì những thành tựu được xây dựng ở miền Bắc cũng không bảo vệ được. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, của Chủ tịch Hồ Chí Minh, với tinh thần “Không có gì quý hơn độc lập, tự do” cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đã giành thắng lợi.

Khu Di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch: *Những hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh giai đoạn 1954-1969*, tập 1 (giai đoạn 1954-1958) [77]; tập 2 (giai đoạn 1959-1964) [78]; tập 3 (giai đoạn 1965-1969) (2020) [79]. Theo các tác giả, trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, đặc biệt là giai đoạn từ tháng 12-1954 đến tháng 9-1969 Hồ Chí Minh có những hoạt động đối nội và đối ngoại vô cùng phong phú và đa dạng. Trên cương vị là Chủ tịch Đảng, Chủ tịch nước, Người đã lãnh đạo nhân dân hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế, văn hóa, đồng thời tiến hành hai nhiệm vụ cách mạng ở hai miền: xây dựng CNXH ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc; mở rộng và củng cố khối đại đoàn kết quốc tế...

Tác giả Đào Đình Tuấn trong công trình nghiên cứu luận án tiến sĩ: *Nghệ thuật lãnh đạo Hồ Chí Minh - Nội dung và giá trị* (2022) [165] đã làm rõ các biện pháp Hồ Chí Minh thực hiện nhằm xây dựng lực lượng để đấu tranh thống nhất đất nước. Trong đó, để tập hợp các tầng lớp nhân dân, các tổ chức và mọi người Việt Nam yêu nước, cùng nhau chống Mỹ cứu nước Hồ Chí Minh và Đảng đã chủ trương thành lập *Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam*

(12-1960). Sau này thêm *Liên minh các lực lượng Dân tộc, Dân chủ và Hòa bình Việt Nam* (20-4-1968) với mục đích gắn kết phong trào đấu tranh yêu nước của giới sinh viên, học sinh, trí thức, đồng bào tôn giáo, công thương gia, nhân sĩ dân chủ tại các thành thị miền Nam. Qua đó, từng bước tăng cường lực lượng của cách mạng và làm suy yếu lực lượng của kẻ địch, tạo cho chúng ta có nhiều phương án hơn để lựa chọn các giải pháp, cách thức tăng cường lực, thế trong cuộc kháng chiến chống Mỹ.

Trong công trình nghiên cứu: *Kiên định con đường đã chọn* (2007) [56] của tác giả Mai Trung Hậu - Ngô Hoan đã làm rõ nét độc đáo, sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng về lãnh đạo thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng nhằm hoàn thành mục tiêu chung là hòa bình, độc lập, thống nhất, dân chủ và CNXH. Tác giả làm rõ âm mưu, thủ đoạn đế quốc Mỹ tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược ở miền Nam Việt Nam và phân tích vai trò của Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh trong lãnh đạo, chỉ đạo để thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH ở Việt Nam, nhờ đó, “Người tí hon đánh thắng tên khổng lồ” - một câu chuyện thần kỳ trong thế kỷ XX.

Qua khảo cứu các công trình nghiên cứu, có thể nhận thấy các tác giả đã đề cập bối cảnh lịch sử tác động đến Hồ Chí Minh lãnh đạo thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969, từ đó khẳng định vai trò, cống hiến to lớn của Hồ Chí Minh trong lãnh đạo xây dựng đường lối, tổ chức thực hiện đường lối nhằm thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Các nhà khoa học dẫn chứng các hoạt động của Hồ Chí Minh trong lãnh đạo thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Toàn bộ tiểu mục này cung cấp cơ sở để luận án tiếp tục phân tích, làm rõ bối cảnh lịch sử và vai trò của Hồ Chí Minh trong lãnh đạo hoạch định đường lối và tổ chức thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969.

1.1.2.2. Những nghiên cứu liên quan đến giá trị sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh nhằm thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969

Sách *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam* (2008) [51] do tác giả Võ Nguyên Giáp chủ biên khẳng định, ĐLDT và CNXH là nội dung cốt lõi của tư tưởng Hồ Chí Minh, linh hồn, ngọn cờ thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong suốt hơn nửa thế kỷ qua. Theo tác giả, ngày nay, tư tưởng *Không có gì quý hơn độc lập, tự do* vẫn giữ nguyên giá trị và sức sống.

Tác giả Tô Huy Rứa trong bài viết *Cống hiến to lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội* (2010) [57] chỉ ra các cống hiến lịch sử của Hồ Chí Minh trong lãnh đạo thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH, trong đó, giải quyết thành công mối quan hệ giữa dân tộc với giai cấp, giữa GPDT với giải phóng giai cấp trên lập trường giai cấp công nhân. Lãnh đạo nhân dân và dân tộc Việt Nam đánh bại chủ nghĩa thực dân kiểu cũ và mới, đưa dân tộc Việt Nam vào hàng ngũ các dân tộc tiên phong của thế giới; đã xây dựng CNXH phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện của đất nước. Đặc biệt, tác giả nhấn mạnh, Hồ Chí Minh lãnh đạo thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH mở ra con đường phát triển tốt đẹp nhất cho dân tộc Việt Nam, đặt nền móng lý luận cho cách mạng Việt Nam trong thời đại mới và đã tìm thấy con đường phát triển đúng đắn, hợp lý, có triển vọng nhất, phù hợp với trào lưu tiến hóa chung của nhân loại và xu thế phát triển của thời đại.

Tác giả Đinh Thế Huynh trong bài viết: *Một vài suy nghĩ về những cống hiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh với sự nghiệp độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam* (2010) [57] chỉ ra ba cống hiến của Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam: ĐLDT và CNXH: (1) Xác định đường lối cách mạng GPDT đúng đắn và bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin; (2) Tổ chức thực hiện thắng lợi đường lối cách mạng GPDT trong thực tiễn cách mạng Việt Nam; (3) Lãnh đạo thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH ở Việt Nam. Theo tác

giả, với việc xác định thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng ở hai miền Nam Bắc có ý nghĩa sâu sắc về mặt lý luận. Đây là điều chưa có tiền lệ trong lịch sử đấu tranh của các dân tộc từ địa vị thuộc địa, nô lệ vươn lên độc lập tự do và CNXH. Đây cũng là sáng tạo lớn về mặt lý luận của Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam về cuộc cách mạng GPDT trước chủ nghĩa thực dân mới, giữa một thế giới phân cực đang có những biến đổi phức tạp.

Tác giả Bùi Đình Phong trong sách *Hồ Chí Minh với sự nghiệp độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam* (2010) [135] khi đánh giá công hiến của Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp ĐLDT và CNXH, tác giả khẳng định, sự nghiệp của Hồ Chí Minh không chỉ có giá trị đối với dân tộc Việt Nam mà còn có giá trị đối với nhân loại, nhất là đối với những nước đang phát triển, vốn là thuộc địa của thực dân, đế quốc. Đặc biệt, di sản Hồ Chí Minh về CNXH là ngọn cờ đoàn kết, tập hợp lực lượng của nhân loại tiến bộ cùng đấu tranh vì mục tiêu chung của thời đại; là giải pháp bảo vệ và củng cố vững chắc ĐLDT cho nhiều quốc gia trên thế giới; có giá trị to lớn trong việc nêu gương, định hướng cho nhiều quốc gia dân tộc lựa chọn con đường phát triển; mang giá trị nhân văn, tiến bộ và hòa bình, có tầm toàn nhân loại.

Tác giả Nguyễn Đăng Thành trong công trình nghiên cứu *Xây dựng chủ nghĩa xã hội Việt Nam - Lịch sử và kinh nghiệm* (2011) [153] làm rõ sự lựa chọn con đường tiến lên CNXH ở Việt Nam từ cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX; làm rõ quá trình chuẩn bị tiền đề tiến lên CNXH (1945-1954), quá trình xây dựng CNXH trong bối cảnh thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược (1954-1969), quá trình cả nước quá độ lên CNXH, từng bước tìm tòi con đường đổi mới (1975-1986), quá trình xây dựng CNXH trong thời kỳ đổi mới. Trên cơ sở đó, tác giả rút ra 5 bài học có giá trị đối với công cuộc xây dựng CNXH ở Việt Nam hiện nay, trong đó có bài học về thực hiện mục tiêu ĐLDT gắn liền với CNXH, phát huy cao độ

nội lực đồng thời ra sức tranh thủ ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

Tác giả Phạm Xuân Hằng trong bài viết *Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong giai đoạn hiện nay* (2013) [70] khẳng định ĐLDT gắn liền với CNXH là chủ thuyết phát triển Việt Nam trong giai đoạn hiện nay dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh dựa trên 2 luận cứ: *Thứ nhất*, trên nền tảng của tư tưởng ĐLDT và CNXH, các chủ trương, đường lối, quan điểm lớn của Đảng và pháp luật của Nhà nước về xây dựng và bảo vệ Tổ quốc được hình thành. Mọi chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước phải xuất phát từ chủ thuyết này, không được phép chệch ra ngoài quỹ đạo của chủ thuyết. Hay nói khác đi, ĐLDT và CNXH là yếu tố quy định, định hướng đường lối xây dựng đất nước của Đảng và Nhà nước. *Thứ hai*, đây là một tư tưởng, một chủ thuyết ngắn gọn mà sâu xa, nhất quán, xuyên suốt, dễ nhận thức, dễ định hướng hành động và hàm chứa cả một con đường đi của dân tộc. Con đường này, về bản chất, không thay đổi, chỉ luôn đổi mới cách đi cho phù hợp với thực tiễn từng giai đoạn và đạt mục tiêu một cách nhanh hơn, bền vững hơn. Thực tiễn cách mạng Việt Nam đã chứng minh điều đó, việc giương cao hai ngọn cờ ĐLDT và CNXH, gắn liền ĐLDT với CNXH đã đưa nhân dân ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác và trong giai đoạn hiện nay, dù đất nước đã có độc lập không bị sự xâm chiếm của các lực lượng ngoại bang, nhưng “độc lập dân tộc”, chủ quyền quốc gia vẫn luôn bị đe dọa bởi sự “nhòm ngó”, hoặc can thiệp bằng đủ loại phương thức mới tinh vi và không kém phần nguy hiểm đe dọa sự ổn định, toàn vẹn lãnh thổ của quốc gia dân tộc, nhất là thông qua các hình thức an ninh phi truyền thống do đó, kiên định mục tiêu ĐLDT và CNXH cũng vẫn là vấn đề cốt tử hàng đầu, là sự bảo đảm chắc chắn cho những thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong sự nghiệp phấn đấu cho mục tiêu *dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh*.

Tác giả Nguyễn Đức Bình trong sách *Giương cao ngọn cờ cách mạng và sáng tạo của tư tưởng Hồ Chí Minh* (2015) [5] làm rõ công hiến mới, sáng tạo của Hồ Chí Minh về kết hợp nhuần nhuyễn ĐLDT với CNXH - hạt nhân cốt lõi trong nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh. Điều này thể hiện rõ năm 1966, lúc Mỹ ném bom Hà Nội, Hồ Chí Minh tuyên bố: *Không có gì quý hơn độc lập, tự do*. Hồ Chí Minh hiểu hơn ai hết rằng, không có ĐLDT thì sẽ không có gì hết. Trong giai đoạn hiện nay, những giá trị trong di sản Hồ Chí Minh về ĐLDT và CNXH vẫn còn vẹn nguyên giá trị, dù cho đến khi Người đi xa, sự nghiệp xây dựng CNXH chỉ mới bước đầu trên miền Bắc trong điều kiện cả nước phải lo đánh đế quốc Mỹ.

Tác giả Trần Nhâm trong sách *Hồ Chí Minh - Nhà tư tưởng thiên tài* (2015) [122] cho rằng, ĐLDT gắn liền CNXH - sợi chỉ đỏ xuyên suốt tư tưởng Hồ Chí Minh và những hoạt động của Người trong lãnh đạo thực hiện mục ĐLDT và CNXH thể hiện sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam. Trên cơ sở phương pháp biện chứng, Hồ Chí Minh và Đảng đã phân tích, xem xét một cách khách quan và kết hợp một cách đúng đắn việc giải quyết mâu thuẫn của mỗi miền nhằm phục vụ cho việc giải quyết mâu thuẫn chung của cả nước trong bối cảnh lịch sử khá phức tạp và trong một tình hình thế giới khá rối ren. Theo tác giả, nếu trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, việc kết hợp đúng đắn nhiệm vụ dân tộc với nhiệm vụ dân chủ có tác dụng to lớn đến thắng lợi của cách mạng nước Việt Nam, thì trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, việc kết hợp đúng đắn cách mạng XHCN ở miền Bắc và nhiệm vụ cách mạng DTDCND ở miền Nam cũng có tác dụng to lớn đến thắng lợi đến thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới.

Tác giả Phạm Chí Nhân trong công trình nghiên cứu: *Bác Hồ với cuộc kháng chiến chống Mỹ* (2021) [124] khẳng định giá trị những hoạt động lãnh đạo

thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH của Hồ Chí Minh trong bối cảnh nước Việt Nam bị chia cắt làm hai miền. Theo tác giả, việc xác định hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng là sự vận dụng sáng tạo học thuyết Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam. Một đất nước, một dân tộc tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng khác nhau, có quan hệ mật thiết với nhau, cùng nhằm mục tiêu ĐLDT và CNXH. Đó là một cống hiến xuất sắc của Hồ Chí Minh và của Đảng.

Trong công trình nghiên cứu: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam* (2022) [170] của tác giả Nguyễn Phú Trọng đã khẳng định, ĐLDT gắn liền với CNXH là đường lối cơ bản, xuyên suốt của cách mạng Việt Nam và cũng là điểm cốt yếu trong di sản tư tưởng Hồ Chí Minh. Bằng kinh nghiệm thực tiễn phong phú của mình kết hợp với lý luận cách mạng, khoa học của chủ nghĩa Mác-Lênin, Hồ Chí Minh đã đưa ra kết luận sâu sắc rằng, *chỉ có CNXH và CNCS mới có thể giải quyết triệt để vấn đề độc lập cho dân tộc, mới có thể đem lại cuộc sống tự do, ấm no và hạnh phúc thực sự cho tất cả mọi người, cho các dân tộc*. Trong giai đoạn hiện nay, theo tác giả, nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH, những hoạt động lãnh đạo của Hồ Chí Minh trong thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH ở Việt Nam vẫn vẹn nguyên giá trị bởi CNTB đã đạt được nhiều thành tựu to lớn nhất và trong lĩnh vực giải phóng và phát triển sức sản xuất, phát triển khoa học công nghệ, chế độ phúc lợi xã hội tiến bộ hơn so với trước. Tuy nhiên, CNTB vẫn không thể khắc phục được những mâu thuẫn cơ bản vốn có của nó. Từ đó, tác giả nhận định: *“Chúng ta cần một xã hội mà trong đó sự phát triển là thực sự vì con người, chứ không phải vì lợi nhuận mà bóc lột và chà đạp lên phẩm giá con người...”* [170, tr.21-22]. Những mong ước tốt đẹp đó chính là những giá trị đích thực của CNXH và cũng chính là mục tiêu, là con đường Việt Nam và thế giới đang kiên trì, kiên định xây dựng.

Tác giả Bùi Đình Phong trong công trình nghiên cứu: *Di sản Hồ Chí Minh trong công cuộc đổi mới* (2023) [138] đã làm rõ giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh về ĐLDT và CNXH trong giai đoạn 1954-1969. Ở giai đoạn này, nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về CNXH không còn là “định hướng” hay “kiến quốc” như hai giai đoạn trước mà từng bước hiện thực hóa bằng sức mạnh tổ chức, vật chất, tinh thần, làm cho đất nước, xã hội và con người đều đổi mới. Đó là sức mạnh của một chế độ mới - chế độ XHCN. Chính sức mạnh này làm cho miền Bắc XHCN không chỉ trở thành hậu phương lớn của tiền tuyến lớn miền Nam, mà còn thể hiện sức mạnh của lực lượng XHCN đối với sức mạnh của CNTB.

Tác giả Lý Việt Quang trong bài viết *Hồ Chí Minh với mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội của cách mạng Việt Nam* (2025) [71] cho rằng, với nội dung cốt lõi là “ĐLDT và CNXH”, tư tưởng Hồ Chí Minh thể hiện sâu sắc bản chất khoa học, cách mạng và nhân văn đề hướng đến giải phóng triệt để con người, phát huy cao nhất mọi tiềm năng của mỗi con người trong sự nghiệp chung xây dựng một xã hội phát triển phồn vinh, văn minh, hạnh phúc. Thực hiện ĐLDT và CNXH đã định hướng, dẫn đường cho mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong thế kỷ XX và tiếp tục dẫn đường cho cách mạng Việt Nam trong kỷ nguyên phát triển mới. Tác giả luận chứng tính tất yếu của ĐLDT và CNXH thông qua việc tổng kết những thành tựu đất nước đạt được từ khi Đảng ra đời đến nay. Đặc biệt, những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của 40 năm đổi mới đi vào lịch sử dân tộc Việt Nam với ý nghĩa không chỉ là sự tỏa sáng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam, mà còn được coi như là những mốc son khẳng định sự lựa chọn, ủng hộ của dân tộc Việt Nam với con đường cách mạng vô sản, với việc thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH. Đó là những cơ sở, nền tảng quan trọng cho sự hồi sinh và phát triển của dân tộc sau đêm trường nô lệ và sự tàn phá khốc liệt của chiến tranh. Trong điều kiện mới của dân tộc và

thời đại, tác giả cho rằng ĐLDT chỉ có thể đạt đến giá trị hoàn toàn và được bảo đảm bền vững khi gắn liền với CNXH.

Tác giả Lý Việt Quang trong công trình *Nghiên cứu, vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ đổi mới* (2025) [146] trên cơ sở phân tích một số vấn đề lý luận, thực tiễn, đánh giá thực trạng, bài học kinh nghiệm và những vấn đề đặt ra đối với việc nghiên cứu, vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH thời kỳ đổi mới, tác giả cho rằng, để tiếp tục nghiên cứu, vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 cần phải nhận thức đầy đủ, sâu sắc tiến trình hình thành và nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về ĐLDT và CNXH qua các thời kỳ lịch sử, đặc biệt giai đoạn 1954-1969 - đây là giai đoạn Hồ Chí Minh tiếp tục hoàn thiện, bổ sung, phát triển tư tưởng về ĐLDT và CNXH, hoàn thiện lý luận cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân (DTDCND) tiến lên CNXH và xây dựng một quan niệm tương đối hoàn chỉnh, thống nhất về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam.

Tác giả Đặng Quang Định trong bài viết *Tư tưởng Hồ Chí Minh - ánh sáng soi đường thực hiện khát vọng phồn vinh, hạnh phúc trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam* (2025) [45] cho rằng, với giá trị cốt lõi là ĐLDT và CNXH, tư tưởng Hồ Chí Minh giúp Việt Nam không chỉ đối phó với các thách thức trong bối cảnh hội nhập quốc tế mà còn tạo điều kiện cho sự phát triển kinh tế - xã hội theo hướng nhân văn và công bằng. Đặc biệt, theo tác giả, từ Đại hội VII (1991) đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam xác định tư tưởng Hồ Chí Minh là “kim chỉ nam” cho toàn Đảng, toàn dân và toàn quân trên ba nội dung cơ bản: (1) Tự lực, tự cường - giá trị cốt lõi được Đảng cụ thể hóa thành chính sách khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia xây dựng nền kinh tế thị trường

định hướng XHCN. (2) Đoàn kết toàn dân - bài học tư tưởng quan trọng đã tạo nên khối đại đoàn kết dân tộc, từ đồng bằng đến miền núi, từ kiều bào ở nước ngoài đến người dân tộc thiểu số. (3) Tinh thần cách mạng - dám nhìn thẳng sự thật, nói rõ sự thật và sửa chữa sai lầm. Nguyên tắc “phê bình và tự phê bình” đã đi vào cuộc sống, trong xây dựng hệ thống chính trị, góp phần vào thành công chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, cải cách hành chính, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN.

Bài viết của tác giả Tô Lâm: *Bác vẫn cùng chúng cháu hành quân* (2025) [82] khẳng định giá trị của những hoạt động lãnh đạo và tư tưởng của Hồ Chí Minh. Theo tác giả, thực tiễn gần 40 năm đổi mới đã chứng minh rõ, mỗi chủ trương đúng đắn của Đảng, mỗi chính sách hợp lòng dân đều phản ánh sự kế thừa và phát huy sáng tạo tư tưởng của Người. Ngày nay, trên tất cả các lĩnh vực từ kinh tế, xã hội, giáo dục, y tế cho đến quốc phòng, an ninh và đối ngoại đều thấy rõ dấu ấn tư tưởng Hồ Chí Minh - nền tảng định hướng cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới. Các chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030, tầm nhìn 2045 đều lấy mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” làm trọng tâm - đó chính là mong ước của Hồ Chí Minh lúc sinh thời về một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, phồn vinh. Những định hướng lớn như phát triển bền vững, tăng trưởng đi đôi với tiến bộ xã hội, xây dựng nền kinh tế tự chủ, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân... đều bắt nguồn từ tư tưởng xuyên suốt của Người.

Các công trình nghiên cứu đã khẳng định giá trị của sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh nhằm thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Theo các tác giả, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là linh hồn, ngọn cờ thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Ngày nay, tư tưởng *Không có gì quý hơn độc lập, tự do* vẫn giữ nguyên giá trị và sức sống. Trên tất cả các lĩnh vực từ kinh tế, xã hội, giáo dục, y tế cho đến quốc phòng, an ninh và đối ngoại đều thấy rõ dấu ấn

tư tưởng Hồ Chí Minh. Tổng hợp các công trình nghiên cứu tạo cơ sở quan trọng giúp luận án phân tích, làm rõ các giá trị lý luận và thực tiễn sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh nhằm thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969.

Ngoài các công trình nghiên cứu chủ yếu trên đây, còn có khá nhiều công trình nghiên cứu khác nghiên cứu hoạt động lãnh đạo thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH tiếp cận dưới nhiều góc độ khác nhau. Song, qua tổng quan cho thấy, chưa có công trình nào nghiên cứu một cách toàn diện và có hệ thống nội dung “Hồ Chí Minh lãnh đạo thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969”.

1.2. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA LUẬN ÁN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU

1.2.1. Đánh giá tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án

Thứ nhất, đối với các công trình nghiên cứu liên quan đến tư tưởng Hồ Chí Minh về thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH ở Việt Nam: các nhà khoa học đều thống nhất cho rằng, thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH là nội dung cốt lõi, xuyên suốt trong tư tưởng và hoạt động của Hồ Chí Minh bằng nhiều cách luận giải khác nhau: từ tìm hiểu cuộc đời, sự nghiệp của Người; khái quát triết lý trong tư tưởng của Người... đến thống kê các bài nói, bài viết, thư, ấn phẩm trong Hồ Chí Minh *Toàn tập* (Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011).

Qua phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn cách mạng Việt Nam, các tác giả đã khẳng định sự lãnh đạo đúng đắn của Hồ Chí Minh trong thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969. Những thành quả cách mạng Việt Nam đạt được trong cuộc đấu tranh chống Mỹ xâm lược được đánh dấu bằng thắng lợi của Đại thắng mùa Xuân năm 1975, Bắc - Nam thống nhất và

những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử qua 40 năm đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng, kiên trì, kiên định mục tiêu ĐLDT và CNXH đã chứng minh giá trị vững bền những hoạt động, cống hiến của Hồ Chí Minh trong lãnh đạo thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH ở Việt Nam.

Thứ hai, đối với các công trình nghiên cứu liên quan đến bối cảnh lịch sử và vai trò lãnh đạo của Hồ Chí Minh trong hoạch định đường lối và tổ chức thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969: các công trình nghiên cứu đã đề cập bối cảnh lịch sử trong nước và thế giới tác động đến hoạt động lãnh đạo thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969 của Hồ Chí Minh. Từ đó, khẳng định vai trò to lớn của Hồ Chí Minh trong lãnh đạo xây dựng đường lối, tổ chức thực hiện đường lối nhằm thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH. Xuyên suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh luôn bám sát thực tiễn, trên cơ sở lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin để đề ra chủ trương, đường lối phù hợp. Trong hoạt động lãnh đạo của Người, ĐLDT và CNXH luôn gắn bó chặt chẽ với nhau, song tùy từng giai đoạn cụ thể, vị trí của hai nội dung này có thể thay đổi hoặc thực hiện song song hai nhiệm vụ cùng một lúc. Các nhà khoa học, các nhà lãnh đạo dẫn chứng các hoạt động vô cùng phong phú Hồ Chí Minh đã tiến hành để thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH.

Thứ ba, đối với các công trình nghiên cứu liên quan đến giá trị sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh nhằm thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969: các công trình nghiên cứu đã khẳng định giá trị, cống hiến to lớn của tư tưởng và hoạt động của Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam, đồng thời khẳng định: mục tiêu ĐLDT và CNXH là khát vọng của nhân dân, là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử.

1.2.2. Những vấn đề đặt ra luận án tiếp tục nghiên cứu

Kế thừa những kết quả nghiên cứu đạt được của các công trình nghiên cứu khoa học đi trước, luận án xác định một số khoảng trống cần tiếp tục làm rõ:

Thứ nhất, số lượng các công trình nghiên cứu đề cập đến bối cảnh lịch sử thế giới và trong nước tác động đến hoạt động lãnh đạo thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH ở Việt Nam của Hồ Chí Minh giai đoạn 1954-1969 còn khiêm tốn, chủ yếu chỉ đề cập sự tác động của bối cảnh lịch sử đến một lĩnh vực cụ thể hoặc sự tác động nói chung mà chưa có sự phân kỳ cụ thể từng giai đoạn. Do đó, luận án sẽ tập trung làm rõ bối cảnh lịch sử tác động đến hoạt động lãnh đạo thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH ở Việt Nam của Hồ Chí Minh giai đoạn 1954-1969.

Thứ hai, một số công trình có đề cập đến vai trò lãnh đạo của Hồ Chí Minh trong hoạch định đường lối cách mạng ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969, song đa phần chỉ dừng lại ở mức độ khái quát, chưa đi sâu phân tích toàn diện và hệ thống vai trò, cống hiến của Hồ Chí Minh trong hoạch định đường lối cách mạng ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969. Vì vậy, luận án làm rõ hơn vai trò hoạt động lãnh đạo của Hồ Chí Minh trong hoạch định đường lối cách mạng ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969, cụ thể đó là vai trò của Hồ Chí Minh trong xác định mục tiêu, nhiệm vụ cách mạng Việt Nam giai đoạn 1954-1969; xác định biện pháp thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ cách mạng Việt Nam giai đoạn 1954-1969.

Thứ ba, phần lớn các công trình liên quan đến luận án đều đề cập đến các hoạt động lãnh đạo thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH ở Việt Nam của Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, một khoảng trống đáng kể trong các nghiên cứu là chỉ đề cập các hoạt động lãnh đạo thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH ở Việt Nam của Hồ Chí Minh nói chung mà thiếu vắng các công trình nghiên cứu các hoạt động lãnh đạo tổ chức thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969 của Hồ Chí Minh. Vì vậy, luận án phân tích, làm rõ một cách toàn diện và có hệ thống các hoạt động Hồ Chí Minh lãnh đạo tổ chức

thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969 trên các lĩnh vực cụ thể: về chính trị; về kinh tế; về văn hóa, con người; về quốc phòng, an ninh; về ngoại giao. Từ đó, để thấy rõ hơn vai trò, cống hiến của Hồ Chí Minh trong hoạt động lãnh đạo thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969.

Thứ tư, nhiều công trình đã luận giải giá trị lý luận và thực tiễn tư tưởng Hồ Chí Minh về ĐLDT và CNXH. Song, số lượng công trình đi sâu phân tích, làm rõ giá trị sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh nhằm thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969 còn khiêm tốn. Do đó, luận án trên cơ sở phân tích vai trò, sự cống hiến của Hồ Chí Minh trong lãnh đạo thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969 sẽ đi sâu làm rõ giá trị lý luận và thực tiễn sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh nhằm thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969.

Tiểu kết chương 1

Sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh nhằm thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969 luôn nhận được sự quan tâm của nhiều nhà khoa học. Mỗi nhà khoa học có cách tiếp cận và nhìn nhận khác nhau. Tuy nhiên, phần lớn các công trình nghiên cứu chỉ đề cập chung chung các hoạt động lãnh đạo thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH ở Việt Nam của Hồ Chí Minh mà chưa có phân kỳ từng giai đoạn hoặc có thì chỉ đề cập trên một lĩnh vực cụ thể... vẫn thiếu vắng những công trình nghiên cứu toàn diện, sâu sắc, có hệ thống những hoạt động lãnh đạo thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969 của Hồ Chí Minh từ bối cảnh lịch sử tác động, đến những hoạt động lãnh đạo hoạch định đường lối và tổ chức thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH, để từ đó rút ra giá trị lý luận và thực tiễn phục vụ cho hoạt động lãnh đạo thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH ở Việt Nam trong thời kỳ cách mạng mới.

Hơn nữa, nhận thức là một quá trình, những gì mà nhận thức của chúng ta đạt được hôm nay cần phải luôn được bổ sung, làm sâu sắc thêm. Vì vậy, luận

án không chỉ có ý nghĩa tiếp nối và kế thừa kết quả nghiên cứu đi trước, mà còn làm sáng rõ các hoạt động lãnh đạo thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH ở Việt Nam của Hồ Chí Minh trong một giai đoạn lịch sử đặc biệt quan trọng của dân tộc Việt Nam, qua đó đóng góp mới về mặt lý luận và thực tiễn trong nghiên cứu, vận dụng và phát triển sáng tạo những giá trị trong tư tưởng, phương pháp, phong cách lãnh đạo Hồ Chí Minh trong bối cảnh hiện nay.

Chương 2

BỐI CẢNH LỊCH SỬ VÀ VAI TRÒ LÃNH ĐẠO CỦA HỒ CHÍ MINH TRONG HOẠCH ĐỊNH ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1954-1969

2.1. BỐI CẢNH LỊCH SỬ

2.1.1. Tình hình thế giới

Thứ nhất, sau Chiến tranh thế giới thứ II, nhiều nước XHCN ra đời, CNXH từ một nước trở thành một hệ thống thế giới. “Về địa lý thì liền thành một khối từ Âu sang Á” [112, tr.366]. Công cuộc xây dựng CNXH ở Liên Xô, Đông Âu, Trung Quốc... đạt những thành tựu to lớn. Về kinh tế, cuối thập kỷ 50 đầu 60 của thế kỷ XX, tỷ trọng của các nước XHCN chiếm khoảng 30% sản lượng công nghiệp toàn thế giới. Về tốc độ phát triển, nếu so sánh về tốc độ phát triển trong cùng một thời gian thì các nước thuộc Hội đồng Tương trợ kinh tế có tốc độ phát triển tăng trung bình là 10,4%, còn các nước tư bản thuộc khối các nước thuộc Hiệp ước an ninh và hợp tác châu Âu chỉ tăng 5,4% [7, tr.138]. Trên cơ sở tăng trưởng và phát triển kinh tế cao và ổn định, các nước XHCN “không những đủ khả năng đương đầu với sự bao vây, phá hoại về kinh tế của chủ nghĩa đế quốc mà còn góp phần tích cực vào việc giúp đỡ các nước mới giành được độc lập về chính trị” [172, tr.15].

Hệ thống XHCN đã trở thành một lực lượng có ảnh hưởng lớn đến tiến trình phát triển của xã hội loài người và thúc đẩy xu thế hòa bình, độc lập, dân chủ và CNXH trên phạm vi toàn thế giới; là chỗ dựa mạnh mẽ của cuộc đấu tranh GPDT ở châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ Latinh. Đặc biệt với sự giúp đỡ tích cực của Liên Xô và các nước XHCN, đến năm 1962 “gần một nửa loài người đã thoát khỏi ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc thực dân, và đã thành hơn 40 nhà nước độc lập” [116, tr.492] làm cho thế và lực của lực lượng cách

mạng và tiến bộ trên thế giới phát triển mạnh mẽ, gây bất lợi cho CNTB và chủ nghĩa đế quốc.

Sự trưởng thành và lớn mạnh của hệ thống các nước XHCN tạo điều kiện quốc tế thuận lợi cho cách mạng Việt Nam có thêm động lực về tinh thần và nguồn lực về vật chất trong khôi phục, phát triển kinh tế ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Đối với Hồ Chí Minh - một chiến sĩ cộng sản quốc tế trung kiên, những bước tiến mạnh mẽ của các nước XHCN, đặc biệt là Liên Xô và Trung Quốc, góp phần củng cố niềm tin của Người vào sức mạnh và triển vọng của CNXH, từ đó, lãnh đạo cách mạng Việt Nam thực hiện mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh.

Những kết quả và kinh nghiệm trong quá trình xây dựng đất nước của các nước trong hệ thống XHCN nhất là Liên Xô và Trung Quốc, có tác động quan trọng đến quá trình vận dụng và phát triển tư tưởng, đường lối xây dựng CNXH của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Lao động Việt Nam. Đó là bài học kinh nghiệm được tổng kết trong Đại hội lần thứ XX của Đảng Cộng sản Liên Xô (2-1956) và Đại hội lần thứ VIII của Đảng Cộng sản Trung Quốc (9-1956). Đánh giá về tác động và ảnh hưởng của hai cuộc Đại hội này, Đảng Lao động Việt Nam, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ ra rằng, hai cuộc Đại hội đó đã “giáo dục Đảng ta rất nhiều”. Chúng ta cần học hỏi kinh nghiệm của hai Đảng anh em, trước hết là của các Đảng Cộng sản Liên Xô và Đảng Cộng sản Trung Quốc, áp dụng đúng đắn những kinh nghiệm ấy vào hoàn cảnh nước ta” [24, tr.758-759].

Hội nghị đại biểu các đảng cộng sản và công nhân của các nước XHCN diễn ra tại Mátxcova tháng 11/1957 đã có ảnh hưởng nhất định đến việc hình thành tư tưởng, quan điểm chỉ đạo mới của Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng về xây dựng CNXH ở miền Bắc. Hội nghị đã nhất trí khẳng định những nguyên lý chung về xây dựng CNXH. Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng đánh

giá cao ý nghĩa của Hội nghị và Tuyên bố của Hội nghị đối với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, phong trào hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và CNXH trên thế giới. Đối với Việt Nam, những quan điểm được nêu trong Tuyên bố có ý nghĩa đặc biệt trong việc xác định phương hướng xây dựng CNXH ở miền Bắc, vì đã nêu những quy luật phổ biến về cách mạng XHCN và kiến thiết XHCN.

Thứ hai, cùng với sự lớn mạnh của hệ thống XHCN, phong trào GPDT trên thế giới tiếp tục phát triển mạnh mẽ và giành được những thắng lợi quan trọng. “Nếu như trong 12 năm đầu sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1945-1957) mới có 20 nước giành được độc lập thì chỉ trong vòng 6 năm (1958-1964) đã có thêm 35 nước, riêng năm 1960 ở châu Phi đã có 18 nước giành được độc lập ở nhiều mức độ khác nhau” [124, tr.228]. Sự phát triển của phong trào GPDT đã tạo môi trường quốc tế thuận lợi, củng cố niềm tin và tạo thêm điều kiện để Đảng và Hồ Chí Minh đẩy mạnh công cuộc đấu tranh giành độc lập, thống nhất đất nước, góp phần củng cố và phát triển phong trào GPDT trên thế giới.

Đặc biệt, trong giai đoạn này “các dân tộc sau khi giành được độc lập, tuy khuynh hướng phát triển xã hội có khác nhau, nhưng đều có điểm chung là phát triển đất nước theo đường lối độc lập tự chủ và ủng hộ phong trào hòa bình, tiến bộ xã hội” [172, tr.17]. Tình hình đó đã thu hẹp phạm vi ảnh hưởng của chủ nghĩa đế quốc, làm lung lay đến tận gốc các vị trí của chủ nghĩa đế quốc trên toàn thế giới. Sự ra đời của các nước mới giành được độc lập, trong điều kiện quốc tế lúc đó dẫn đến sự hình thành và phát triển của “Phong trào Không liên kết” - phong trào đấu tranh cho tiến bộ xã hội, chống chính sách xâm lược của các nước thực dân và các nước đế quốc, bảo vệ hòa bình thế giới. Phong trào này cũng quy tụ được đông đảo các quốc gia mới giành được độc lập, do đó, cùng có tiếng nói chung với Việt Nam trong cuộc đấu tranh đòi hòa bình, độc lập, dân chủ và tiến bộ xã hội. Chính vì vậy, trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, Việt Nam nhận được sự ủng hộ quan trọng về chính trị và tinh thần

của nhiều quốc gia thuộc Phong trào Không liên kết. Đặc biệt, quan hệ với các quốc gia thành viên Phong trào Không liên kết tạo thuận lợi để Việt Nam mở rộng quan hệ ngoại giao, tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ của các nước không thuộc khối XHCN. Tình hình đó là cơ sở để Hồ Chí Minh và Đảng có thêm điều kiện để phát huy sức mạnh của mặt trận đoàn kết quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của các lực lượng tiến bộ trên thế giới, phá vỡ âm mưu cô lập của Mỹ và các nước đồng minh, đồng thời, tạo thêm lợi thế cho cuộc đấu tranh trên mặt trận ngoại giao. Bên cạnh đó, sự phát triển của Phong trào Không liên kết càng cho thấy ý nghĩa của việc giữ vững độc lập, tự chủ trong quan hệ quốc tế; điều đó càng có ý nghĩa đối với Việt Nam, đặc biệt là trong bối cảnh giữa Liên Xô và Trung Quốc ngày càng xuất hiện những bất đồng và mâu thuẫn gay gắt.

Sự lớn mạnh của phong trào cách mạng thế giới trong những thập niên 50 và 60 làm ảnh hưởng đến giấc mơ “đại thế kỷ Mỹ”. Mỹ lo ngại làn sóng cách mạng sẽ tràn tiếp xuống ở châu Á, nhất là Đông Nam Á, trong đó, Đông Dương có một vị trí chiến lược đối với lợi ích của Mỹ. Tổng thống Mỹ D. Aisenhao tuyên bố: “Nếu Đông Dương bị đổ thì tất cả vùng Đông Nam Á sẽ đổ nhào theo như những con cờ domino” [124, tr.47]. Chính vì vậy, ngay từ cuộc chiến tranh của Pháp ở Đông Dương (1945-1954), Mỹ viện trợ ngày càng nhiều, rồi dần dần biến Pháp thành con nợ và sau đó tìm cách gạt Pháp ra khỏi Đông Dương. Hiểu rõ âm mưu của đế quốc Mỹ, trong hoạt động lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh nêu cao tinh thần đoàn kết quốc tế và tranh thủ sự ủng hộ của các lực lượng tiến bộ trên thế giới. Với Người, cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam chẳng những nhằm giải phóng hoàn toàn một nửa Tổ quốc Việt Nam, mà còn có tác dụng ngăn chặn đế quốc Mỹ và tay sai tiến công Bắc Việt Nam, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, một nước XHCN. Vì vậy, cuộc đấu tranh yêu nước của đồng bào miền Nam là để tự giải phóng, đồng thời cũng là một cống hiến quan trọng vào cuộc đấu tranh giải phóng của các dân

tộc ở châu Á, châu Phi, khu vực Mỹ Latinh để tự vệ chống sự xâm lược của các thế lực đế quốc hiếu chiến, đặc biệt là đế quốc Mỹ.

Thứ ba, những năm 1954-1969 trên thế giới tiếp tục diễn ra Chiến tranh Lạnh giữa hai hệ thống XHCN và TBCN. Tuy nhiên, từ những năm 1950, quan hệ giữa hai siêu cường Liên Xô - Mỹ xuất hiện xu thế hòa hoãn tạm thời. Thời gian này Liên Xô đề cao khẩu hiệu: “Thi đua hòa bình”, “Chung sống hòa bình” trong hệ thống các nước XHCN. Điều đó ảnh hưởng đến lập trường chung của các nước trong hệ thống XHCN, gây bất lợi cho cách mạng Việt Nam.

Nhân cơ hội này, Mỹ đẩy mạnh hoạt động ngoại giao, tìm cách khai thác triệt để mâu thuẫn Xô - Trung nhằm hạn chế sự ủng hộ, giúp đỡ của các nước XHCN đối với cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam. Thực tế đó, đã biến “Việt Nam trở thành điểm nóng của thế giới, hơn thế còn là nơi tập trung những mâu thuẫn của hai hệ thống xã hội, đồng thời là đối tác chiến lược liên quan đến quyền lợi và ảnh hưởng của ba cường quốc: Liên Xô, Trung Quốc và Mỹ” [172, tr.21] và vấn đề Việt Nam không còn bó hẹp trong phạm vi quốc gia.

Thứ tư, tình hình thế giới thời kỳ này còn xuất hiện sự tác động bất lợi trong quan hệ giữa các nước XHCN, đặc biệt là mối quan hệ bất đồng, rồi trở thành mâu thuẫn giữa Liên Xô và Trung Quốc. Đặc biệt, tại Hội nghị 81 Đảng Cộng sản và Công nhân quốc tế tại Mátxcova (11-1960), mâu thuẫn giữa hai Đảng Cộng sản Liên Xô và Trung Quốc diễn ra gay gắt. Sự bất hòa giữa các nước XHCN không chỉ làm suy yếu lực lượng cách mạng thế giới, gây bất lợi cho phong trào GPDT và phong trào đấu tranh vì hòa bình hữu nghị giữa các dân tộc, mà còn ảnh hưởng lớn đến công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất đất nước ở miền Nam, bởi sự đồng tình, ủng hộ, sự giúp đỡ to lớn của Liên Xô, Trung Quốc và các nước XHCN vẫn là nhân tố rất quan trọng để nhân dân Việt Nam kháng chiến thắng lợi. Trước tình hình đó, Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh vừa chủ trương nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ,

tự lực, tự cường trong toàn Đảng và toàn dân, vừa tích cực góp phần duy trì đoàn kết và tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau giữa các nước XHCN; đồng thời, tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của các nước XHCN đối với công cuộc xây dựng CNXH, đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Nhờ đó, Việt Nam duy trì được mối quan hệ với cả Liên Xô và Trung Quốc, nhận được sự đồng tình ủng hộ, giúp đỡ to lớn của các nước XHCN đối với cách mạng Việt Nam.

Thứ năm, những thành tựu trong nghiên cứu khoa học kỹ thuật với việc Liên Xô thử nghiệm thành công bom khinh khí (1953), phóng thành công vệ tinh nhân tạo Sputnik lên quỹ đạo trái đất (1957) mở ra một trang mới trong lịch sử chinh phục vũ trụ của loài người, làm cho nước Mỹ không còn là bất khả xâm phạm. Những thành tựu đó cũng cho thấy vai trò ngày càng quan trọng của khoa học - kỹ thuật, giáo dục và con người đối với sự phát triển của đất nước. Hồ Chí Minh nhận thức sâu sắc vai trò của những nhân tố này trong xây dựng CNXH. Do đó, trong quá trình lãnh đạo, Người đặc biệt quan tâm đến bồi dưỡng, giáo dục thế hệ trẻ, đào tạo cán bộ kỹ thuật, phát triển khoa học - công nghệ, coi đó là những nhân tố quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2.1.2. Tình hình trong nước

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi, Hiệp định Giơnevơ được ký kết. Đây là bước ngoặt mở đường cho cách mạng Việt Nam bước vào thời kỳ phát triển mới với những điều kiện thuận lợi và cả những khó khăn thách thức. Bối cảnh lịch sử đó đã tác động sâu sắc đến mọi mặt hoạt động lãnh đạo của Hồ Chí Minh từ tư duy đến hành động, từ xác định phương hướng, nhiệm vụ đến tổ chức thực hiện.

- Tình hình miền Bắc

Ở miền Bắc, chính quyền cách mạng thực hiện việc tiếp quản các vùng giải phóng trong điều kiện thuận lợi: nhận được sự ủng hộ và tin tưởng của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh; miền Bắc được giải phóng, có điều kiện hòa bình để khôi phục và phát triển đất nước; chính quyền

dân chủ nhân dân được củng cố; nhận được sự ủng hộ to lớn của các nước trong hệ thống XHCN và phong trào cách mạng thế giới. Song cũng có nhiều khó khăn do hậu quả của chiến tranh tàn phá và chính sách cai trị thực dân sau gần một thế kỷ với nền nông nghiệp (chiếm tỷ trọng hơn 90%) nhưng manh mún, lạc hậu, “làm cho đời sống của nông dân vô cùng thiếu thốn, ngay cả lương thực cũng không đủ ăn (trong khi có tới hơn 140.000 ha ruộng đất bị bỏ hoang)” [172, tr.7]; công nghiệp quá nghèo nàn, yếu kém, “sau khi Pháp rút đi chỉ có trên hai mươi xí nghiệp, nhà máy với trang thiết bị kỹ thuật cũ kỹ, nhiều cơ sở bị địch tháo dỡ đem đi hoặc bị phá hoại không sản xuất ngay được” [172, tr.8]; lực lượng sản xuất thấp, trình độ tổ chức - quản lý hạn chế, thiếu cán bộ kỹ thuật, chưa có kinh nghiệm về tổ chức sản xuất, nền văn hóa cổ truyền của dân tộc hầu như bị phá hủy hoàn toàn bởi chủ nghĩa thực dân, trong khi nền văn hóa mới vẫn chưa hình thành, các tàn tích của thực dân, phong kiến, các hủ tục lạc hậu vẫn còn ảnh hưởng nặng nề trong nhân dân; nền giáo dục phát triển chậm, đến năm 1955, toàn miền Bắc chỉ có 30 kỹ sư và cán bộ kỹ thuật [153, tr.44]; tình hình an ninh trật tự còn khá phức tạp do thực dân Pháp và đế quốc Mỹ cài gián điệp, tung biệt kích để phá hoại, gây rối; đặc biệt, đế quốc Mỹ lợi dụng tự do tín ngưỡng, tôn giáo xuyên tạc, kích động, cưỡng ép hàng vạn giáo dân miền Bắc di cư vào Nam, gây mất ổn định chính trị và an ninh miền Bắc... “Tóm lại là một cảnh tượng hoang tàn, xơ xác” [117, tr.273].

Trong bối cảnh khó khăn đó, đã xuất hiện nhiều ý kiến khác nhau về con đường xây dựng và phát triển miền Bắc, tập trung ở 2 ý kiến cơ bản: *Thứ nhất*, đất nước còn tạm chia làm hai miền, chờ ngày tổng tuyển cử tự do, thống nhất đất nước, miền Bắc sẽ cùng cả nước đi lên CNXH. *Thứ hai*, miền Bắc phải trải qua một thời kỳ phát triển tư bản chủ nghĩa rồi mới có đủ điều kiện đi lên CNXH.

Trước những ý kiến khác nhau về con đường đi lên của cách mạng miền Bắc, Đảng Lao động Việt Nam, đứng đầu là Hồ Chí Minh sớm chủ trương đưa miền Bắc đi lên CNXH. Hội nghị lần thứ 8 khóa II (8-1955) chỉ rõ: “*Bất kể*

trong tình hình nào, miền Bắc cũng phải được củng cố, phải tiến lên CNXH. Muốn thật sự củng cố miền Bắc phải đưa miền Bắc tiến lên CNXH. Củng cố miền Bắc phải luôn luôn chiếu cố miền Nam” [22, tr.577]. Tháng 01-1956, Bộ Chính trị khẳng định: “Từ khi hòa bình lập lại (1954), miền Bắc đã chuyển sang cách mạng XHCN và đang tiến trong giai đoạn quá độ lên CNXH” [153, tr.47].

Như vậy, ngay sau năm 1954, Đảng Lao động Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương thực hiện cách mạng XHCN ở miền Bắc, đưa miền Bắc đi lên CNXH. Đưa đất nước đi lên CNXH là mục tiêu, là con đường phát triển của cách mạng Việt Nam được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng; đó cũng là sự vận dụng sáng tạo tư tưởng cách mạng triệt để của Lênin. Đặc biệt, đưa miền Bắc đi lên CNXH còn có một ý nghĩa cực kỳ thiêng liêng đó là chỉ có đưa miền Bắc đi lên CNXH mới tạo ra tiềm lực kinh tế, quốc phòng và sự ưu việt về mặt chính trị thúc đẩy cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Do đó, công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc không chỉ là yêu cầu của sự phát triển mà còn là trách nhiệm đối với miền Nam ruột thịt. Bối cảnh lịch sử đó làm cho công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc giai đoạn 1954-1969 mang nhiều tính đặc thù: xây dựng CNXH trong điều kiện đất nước có chiến tranh và xây dựng CNXH để làm hậu phương lớn cho tiền tuyến lớn. Chính điều này có tác động sâu sắc đến việc lãnh đạo xây dựng đường lối và tổ chức thực hiện mục tiêu cách mạng Việt Nam của Đảng Lao động Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Các hoạt động lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh trong giai đoạn này tập trung chủ yếu các nội dung: *Về chính trị*, xác định nhiệm vụ trọng tâm là đưa miền Bắc tiến lên xây dựng CNXH, nhanh chóng xây dựng tiềm lực về mọi mặt để miền Bắc trở thành cơ sở vững chắc cho nhân dân cả nước trong cuộc đấu tranh thực hiện thống nhất đất nước. *Về kinh tế*, chủ trương khôi phục và phát triển kinh tế, thực hiện cải cách ruộng đất để người cày có ruộng. Tiến hành công nghiệp hóa để phát triển lực lượng sản xuất. Cải tạo công thương

nghiệp tư bản, phát triển kinh tế quốc doanh. *Về văn hóa - xã hội*, quan tâm công tác giáo dục, xây dựng con người mới XHCN, xây dựng nền văn hóa mới, xóa bỏ các hủ tục lạc hậu, chăm lo sức khỏe cho nhân dân.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong vòng 3 năm (1955-1957) miền Bắc đã hàn gắn xong những vết thương chiến tranh, khôi phục hầu hết các cơ sở nông nghiệp và công nghiệp. Từ năm 1957-1960, miền Bắc thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - văn hóa trong đó lấy cải tạo XHCN làm trung tâm và đã đạt được nhiều thành tựu trong công cuộc cải tạo XHCN. Từ năm 1960-1965, miền Bắc thực hiện Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, thực chất đến năm 1964 đã kết thúc do đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh phá hoại ra miền Bắc, trong khoảng thời gian từ 1960-1964, miền Bắc bước đầu xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của CNXH, thực hiện một bước công nghiệp hóa XHCN.

Những kết quả đạt được trong công cuộc xây dựng CNXH đã tạo được một bầu không khí xã hội lành mạnh, phấn khởi trên miền Bắc XHCN và đồng bào hai miền Nam - Bắc, tỏ rõ chế độ XHCN là rất tốt đẹp, đồng thời, khẳng định tính đúng đắn trên thực tế về khả năng các nước lạc hậu tiến thẳng lên CNXH không qua giai đoạn phát triển TBCN, trong điều kiện có nước XHCN đi trước giúp đỡ và cho phép nhân dân tin tưởng chắc chắn ở sự cần thiết và khả năng một nước như Việt Nam tiến lên CNXH một cách thắng lợi không phải qua con đường phát triển TBCN.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc trong giai đoạn này bộc lộ một số sai lầm và yếu kém, đặc biệt là phạm phải nhiều sai lầm, yếu kém trong chỉ đạo thực hiện cải cách ruộng đất kết hợp với chỉnh đốn tổ chức. Hậu quả những sai lầm đó đã gây ra tổn thất lớn cho cơ sở của Đảng, của chính quyền, của các tổ chức quần chúng, ảnh hưởng đến chính sách mặt trận của Đảng ở nông thôn cũng như ở thành thị, ảnh hưởng nhiều đến tình cảm và đời sống bình thường của nhân dân, làm cho tình hình nông thôn căng thẳng, ảnh hưởng đến tinh thần đoàn kết và phấn khởi trong Đảng và trong

nhân dân, đến công cuộc củng cố miền Bắc, đến sự nghiệp đấu tranh để thực hiện thống nhất đất nước.

Để sửa chữa sai lầm, khuyết điểm, Hồ Chí Minh vừa nghiêm khắc kiểm điểm, công khai thừa nhận khuyết điểm trước toàn Đảng, toàn dân, phê phán những sai lầm nghiêm trọng phạm phải, vừa kiên quyết sửa chữa sai lầm với tinh thần “Việc gì sửa được ngay thì phải làm ngay. Việc gì chưa sửa được ngay thì phải kết hợp trong kiểm tra lại mà làm” [113, tr.412]. Đặc biệt, những năm 1956-1958, sửa chữa sai lầm trong cải cách ruộng đất là một vấn đề được Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm trong hoạt động lãnh đạo. Bên cạnh đó, Người và Trung ương Đảng đã hai lần triệu tập họp Hội nghị Trung ương lần thứ 10 (9-1956), Hội nghị Trung ương lần thứ 14 (11-1958) để khắc phục sai lầm và đánh giá kết quả sửa sai. Đến năm 1957, tình hình xã hội dần ổn định. Đánh giá về nguyên nhân kết quả thực hiện cải cách ruộng đất (bao gồm sửa sai) và vai trò của Hồ Chí Minh trong thực hiện sửa sai trong cải cách ruộng đất, Đảng khẳng định: “Trong phát động quần chúng, tuy ta có phạm sai lầm, nhưng nhờ uy tín của Đảng và Hồ Chủ tịch rất lớn trong nhân dân, cho nên nói chung nông dân và các tầng lớp nhân dân khác vẫn tin tưởng ở lãnh đạo. Điều đó đã giúp ta khắc phục khó khăn, tiến hành sửa sai có kết quả tốt” [25, tr.550].

Bên cạnh khó khăn do sai lầm trong cải cách ruộng đất, công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc còn gặp nhiều khó khăn - đó là khó khăn lớn trên bước đường phát triển của cách mạng, như trình độ quản lý kinh tế còn hạn chế, tinh thần trách nhiệm chưa thật cao, chất lượng sản phẩm chưa thật tốt, tệ quan liêu, lãng phí, tham ô còn nhiều v.v.. Đáng chú ý, về phát triển công nghiệp, do chủ quan, nôn nóng muốn công nghiệp hóa nhanh chóng đã chủ trương “xây dựng 40 cơ sở trong một năm, rút cuộc không thực hiện được, phải hoãn tới 22 cơ sở...” [23, tr.678]. Trong sản xuất công nghiệp, do trình độ quản lý kém nên ở hầu hết các xí nghiệp, hàm mỏ chưa tính được chính xác giá thành sản xuất. Kế hoạch sản xuất chưa sát, việc chuẩn bị nguyên vật liệu thường bị động, chất

lượng hàng còn kém, sản xuất và tiêu thụ nhiều khi không cân đối. Đối với khu vực kinh tế tư nhân, mặc dù khu vực kinh tế tư nhân giữ vị trí còn rất quan trọng về sản xuất cũng như về thương mại, nhưng trong thực tế một số cán bộ có khuynh hướng không muốn tư sản công thương nghiệp tư nhân mở mang kinh doanh. Do nhận thức không đúng, nên “đã phạm nhiều sai lầm lệch lạc trong việc đối đãi với khu vực tư nhân” [23, tr.699].

Trên cơ sở đánh giá khuyết điểm, sai lầm trong việc thực hiện kế hoạch khôi phục kinh tế và phát triển kinh tế, Đảng Lao động Việt Nam và Hồ Chí Minh vừa lãnh đạo xây dựng đường lối, vừa lãnh đạo thực hiện cuộc vận động về cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật; nâng cao tinh thần trách nhiệm, tăng cường quản lý kinh tế tài chính, cải tiến kỹ thuật, chống tham ô, lãng phí, quan liêu; vận động đồng bào miền xuôi đi tham gia phát triển kinh tế và văn hóa ở miền núi. Đặc biệt, những chủ trương kịp thời, thực tế của Đảng và Hồ Chí Minh được thể hiện trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ 11 khóa II (12-1956), Nghị quyết Hội nghị lần thứ 12 khóa II (3-1957), Nghị quyết Hội nghị lần thứ 13 khóa II (12-1957) có ảnh hưởng tích cực đến đời sống kinh tế và chính trị của xã hội. Nhờ đó, ngành công nghiệp, thủ công nghiệp được phục hồi nhanh chóng; nông nghiệp phát triển nhanh, liên tục được mùa, lương thực không những không phải nhập khẩu mà còn có gạo để xuất khẩu; các ngành văn hóa, giáo dục, y tế phát triển nhanh chóng.

Vì vậy, dù cho công cuộc xây dựng CNXH lần đầu được hiện thực hóa ở miền Bắc, song, những giá trị ưu việt của CNXH đã được định hình và hiện rõ trong đời sống mỗi người dân. Với cương vị Chủ tịch Đảng, Chủ tịch nước, các hoạt động lãnh đạo của Hồ Chí Minh vừa khôi phục nền kinh tế vừa định hướng, chỉ dẫn các hoạt động trên mọi lĩnh vực đời sống xã hội từ chính trị, kinh tế đến văn hóa, quốc phòng, an ninh và ngoại giao nhằm thực hiện có hiệu quả, đảm bảo tính ưu việt của chế độ xã hội mới trên mảnh đất hiện thực miền Bắc và làm tròn nghĩa vụ hậu phương lớn đối với tiền tuyến miền Nam.

- Tình hình miền Nam

Ở miền Nam, theo điều 7 của Tuyên bố cuối cùng và điểm c điều 14 của Hiệp định đình chỉ chiến sự ở Việt Nam được ký kết tại Hội nghị Giơnevơ năm 1954 quy định: “Để cho việc lập lại hòa bình tiến triển đến mức cần thiết, và để thực hiện tất cả những điều kiện cần thiết cho nhân dân Việt Nam có thể tự do bày tỏ ý muốn, cuộc tổng tuyển cử sẽ tổ chức vào tháng 7-1956” [130, tr.15] và trong khi đợi tổng tuyển cử “Mỗi bên cam kết không dùng cách trả thù phân biệt đối xử nào đối với những cá nhân hoặc tổ chức, vì lý do hoạt động của họ trong lúc chiến tranh, và cam kết bảo đảm những quyền tự do dân chủ của họ” [130, tr.20]. Tuy nhiên, khi chữ ký của các bên trên Hiệp định Giơnevơ chưa ráo mực, Tổng thống Mỹ Aixenhao tuyên bố: Hoa Kỳ không bị ràng buộc vào những quyết định của Hội nghị Giơnevơ và trắng trợn can thiệp vào công việc nội bộ của nhân dân Việt Nam với âm mưu chia cắt lâu dài Việt Nam, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới. Chủ tịch Ủy ban đối ngoại Thượng viện Mỹ nói thẳng ra rằng, Hiệp định Giơnevơ chỉ là một hiệp định ngừng chiến, sẽ có thể hủy bỏ bất cứ lúc nào!. Ngày 17-11-1954, Mỹ cử Tướng Côlin làm đại sứ ở Sài Gòn. Ngay sau khi đến Sài Gòn, Côlin đặt ra một kế hoạch mang tên mình, trong đó trắng trợn tuyên bố “1. Bảo trợ chính quyền Diệm. Viện trợ trực tiếp cho Chính phủ Sài Gòn. 2. Xây dựng quân đội Sài Gòn gồm 15 vạn người do Mỹ huấn luyện, trang bị. 3. Bầu cử Quốc hội, hợp pháp hóa chính quyền Sài Gòn...” [124, tr.51].

Thực hiện âm mưu, kế hoạch đã vạch ra, Mỹ nhanh chóng đưa Ngô Đình Diệm - một phần tử chống cộng về miền Nam đưa lên làm Thủ tướng, lập ra một chính quyền tay sai của Mỹ tại đây. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ngô Đình Diệm và được sự hậu thuẫn của đế quốc Mỹ, chính quyền Ngô Đình Diệm đã lộ rõ bộ mặt xâm lược và bán nước với những hành động phản cách mạng cực kỳ tàn ác.

Bên cạnh đó, nhằm phá hoại tổng tuyển cử, chính quyền Ngô Đình Diệm thực hiện một loạt các thủ đoạn chính trị, bước khởi đầu là tiến hành trưng cầu

dân ý (10-1955) phé truất Bảo Đại, sau đó tiến hành vận động bầu cử (3-1956) lập ra Quốc hội bù nhìn, suy tôn Ngô Đình Diệm lên làm Tổng thống của Chính phủ Việt Nam Cộng hòa (10-1956). Sau khi xác lập chế độ độc tài Ngô Đình Diệm, đế quốc Mỹ tăng cường viện trợ kinh tế, quân sự giúp Ngô Đình Diệm xây dựng đội quân đánh thuê gồm nhiều sư đoàn chính quy, được trang bị vũ khí hiện đại. Được sự hậu thuẫn của đế quốc Mỹ, bắt đầu từ năm 1955, chính quyền Ngô Đình Diệm tập trung lực lượng tấn công tiêu diệt các phe phái chống đối: các lực lượng của Bình Xuyên và các giáo phái Cao đài, Hòa Hảo. Sau khi thanh toán xong các lực lượng chống đối, chính quyền Ngô Đình Diệm quay sang trả thù những người kháng chiến cũ theo phương châm “thà giết nhầm còn hơn bỏ sót”; “tiêu diệt cộng sản đến tận gốc”; tổ chức những đợt “tố cộng”, “diệt cộng” hết sức tàn khốc, dã man, coi đó là “quốc sách”; chủ trương đánh phá cơ sở cách mạng, tiêu diệt Đảng, tước đoạt mọi quyền lợi mà Đảng đã mang lại cho nhân dân miền Nam từ sau Cách mạng Tháng Tám. Chỉ trong hai năm 1955-1956, chính quyền Ngô Đình Diệm bắt bớ, tra tấn, giam cầm, sát hại hàng chục nghìn cán bộ, đảng viên không cần xét xử. Cách mạng miền Nam trải qua một thời kỳ đau thương, đen tối. Cả miền Nam biến thành một trại giam khổng lồ, “Các nhà tù, trại giam, trại tập trung chật ních những người vô tội, họ bị hành hạ, đánh đập rất dã man, bị khâu dây thép qua tay rồi đem phơi nắng, hoặc bị buộc đá vào cổ ném xuống sông...” [172, tr.11].

Chính sách phát xít độc tài của chính quyền Ngô Đình Diệm và can thiệp của đế quốc Mỹ làm cho không khí ở miền Nam càng thêm ngột ngạt, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân miền Nam càng thêm cơ cực, tình hình miền Nam càng thêm rối loạn liên miên, thêm vào đó, các hoạt động đàn áp, khủng bố và những chính sách phản động của chính quyền Ngô Đình Diệm đã đẩy mọi tầng lớp nhân dân miền Nam đến bước đường cùng. Trước tình hình đó, Đảng Lao động Việt Nam và Hồ Chí Minh nhận thấy, cần chủ động trên con đường đấu tranh cách mạng để giải phóng miền Nam, kiên quyết chống lại sự

can thiệp của đế quốc Mỹ và chính sách phát xít độc tài của chính quyền Ngô Đình Diệm.

Dưới sự chủ trì của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tháng 01-1959, Ban Chấp hành (BCH) Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 15 (mở rộng) *về tăng cường đoàn kết, kiên quyết đấu tranh giữ vững hòa bình, thực hiện thống nhất nước nhà*. Sau khi phân tích đặc điểm tình hình Việt Nam từ khi hòa bình được lập lại và xác định nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam, Hội nghị tập trung bàn về *Đường lối cách mạng Việt Nam ở miền Nam*. Căn cứ vào tình hình của xã hội miền Nam và thái độ của các giai cấp về vấn đề dân tộc, Hội nghị xác định *nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam* “là giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc và phong kiến, thực hiện độc lập dân tộc và người cày có ruộng, hoàn thành cách mạng DTDCND ở miền Nam, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh” [26, tr.81].

Trên cơ sở định hướng của Hội nghị lần thứ 15 (1959), nhân dân ở miền Nam vùng dậy làm nên phong trào “Đồng khởi”. Thắng lợi của phong trào Đồng khởi đã đưa cách mạng miền Nam từ thế “giữ gìn lực lượng” chuyển sang thế “tiến công” mạnh mẽ, rộng khắp, liên tục và tạo ra một bước ngoặt có ý nghĩa chiến lược làm thay đổi cục diện ở miền Nam, là một đòn bất ngờ giáng vào chiến lược Aixenhao, làm thất bại một hình thức điển hình của chủ nghĩa thực dân kiểu mới của Mỹ.

Từ thắng lợi của phong trào Đồng khởi, ngày 20-12-1960, Mặt trận Dân tộc giải phóng (DTGP) miền Nam Việt Nam ra đời. Ngày 16-2-1962, Mặt trận DTGP miền Nam tổ chức Đại hội lần thứ nhất, khẳng định nhiệm vụ chung của Mặt trận là đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược và gây chiến, đánh đổ tập đoàn thống trị Ngô Đình Diệm tay sai của đế quốc Mỹ, thành lập một chính quyền liên minh dân tộc dân chủ rộng rãi ở miền Nam, thực hiện ĐLDT, tự do, dân chủ, cải thiện dân sinh, giữ vững hòa bình, thi hành chính sách trung lập, tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc, tích cực góp phần bảo vệ

hòa bình ở Đông Dương, Đông Nam Á và trên thế giới. Chủ trương miền Nam trung lập là một sách lược mềm dẻo nhằm tập hợp rộng rãi mọi lực lượng, mọi người yêu nước chống Mỹ - Diệm và cô lập cao độ kẻ thù, là bước quá độ để giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, đưa cả nước tiến lên CNXH. Kết quả, mưu đồ nhanh chóng bình định miền Nam của Mỹ - ngụy bị phá sản. Đế quốc Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm lâm vào tình thế chia rẽ, hoang mang cao độ.

Những thành tựu nhân dân miền Bắc đạt được trên con đường đi lên CNXH làm gia tăng sự lo lắng của đế quốc Mỹ và tay sai cùng với thất bại nặng nề trong “chiến tranh đặc biệt”, chính quyền tay sai lâm vào tình trạng khủng hoảng sâu sắc và kéo dài. Nghiên cứu tình hình, Nhà Trắng và Lầu Năm Góc cho rằng, “nguyên nhân của mọi thất bại của chiến lược “chiến tranh đặc biệt” đều được Mỹ quy kết là do Bắc Việt Nam” [124, tr.218]. Do đó, để cứu vãn tình hình, đế quốc Mỹ trắng trợn đưa hàng trăm nghìn quân viễn chinh Mỹ và chư hầu trực tiếp xâm lược miền Nam; gây chiến tranh phá hoại tàn khốc đối với miền Bắc. Dưới làn bom đạn của kẻ thù, nhiều cơ sở hạ tầng giao thông, cơ sở sản xuất, trường học, bệnh viện vừa mới được xây dựng trong 10 năm hòa bình ở miền Bắc bị đánh phá tan hoang. Đế quốc Mỹ tính toán rằng việc mở rộng hoạt động không quân, ném bom, bắn phá miền Bắc có thể gây áp lực hòng làm cho quân và dân miền Nam giảm sức tấn công, hạn chế sự chi viện của miền Bắc cho miền Nam, dùng sự đe dọa mở rộng chiến tranh tạo ra một dư luận trên thế giới ép chính quyền Việt Nam Dân chủ Cộng hòa phải nhân nhượng chính quyền Ngô Đình Diệm và tay sai, ngừng cuộc đấu tranh cách mạng yêu nước ở miền Nam. Trước bối cảnh đó, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Hồ Chí Minh, đã quyết định chuyển hướng nền kinh tế miền Bắc từ trạng thái thời bình sang thời chiến, tăng cường công tác phòng thủ, bảo vệ miền Bắc, mở rộng các lực lượng vũ trang theo kế hoạch, xây dựng lực lượng thời chiến, phát huy vai trò miền Bắc là hậu phương lớn chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam.

Thực hiện nhiệm vụ chiến lược “vừa sản xuất, vừa chiến đấu”, đồng thời, phải làm tròn nghĩa vụ hậu phương lớn “thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”, “Mỗi người làm việc bằng hai vì miền Nam ruột thịt”...

Ngày 10-4-1965, tại Kỳ họp thứ hai, Quốc hội khóa III nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Dù Mỹ đưa thêm mấy chục vạn binh sĩ Mỹ và cố lôi kéo thêm quân đội các nước chư hầu vào cuộc chiến tranh tội ác này, thì quân và dân ta cũng quyết đánh thắng chúng” [117, tr.531]. Khắp mọi miền đất nước, nhân dân và các lực lượng vũ trang Việt Nam đều hạ quyết tâm chống đế quốc Mỹ. Cả miền Nam sôi sục ý chí: *“quyết không đời nào buông lỏng vũ khí khi những mục tiêu cơ bản của nhân dân miền Nam là độc lập, dân chủ, hòa bình và trung lập chưa thực hiện được”* [18, tr.341-342]. Các chiến dịch tiêu diệt quân Mỹ và chư hầu với quy mô lớn diễn ra rộng khắp. Tiêu biểu là trận Núi Thành, Quảng Nam (26/5/1965), trận Vạn Tường, Quảng Ngãi (18-8-1965), trận Bàu Bàng - Dầu Tiếng (Bình Dương) từ ngày 12 đến ngày 17-11-1965, đánh bại 3 cuộc hành quân lớn “tìm diệt” và “bình định” (Áttonborơ, Xêđaphôn, Gianxon Xiti) trong mùa khô 1966-1967, đặc biệt mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968, quân và dân miền Nam đồng loạt tiến công và nổi dậy đánh vào hầu hết cơ quan đầu não trung ương, địa phương của Mỹ - ngụy. Trước thất bại liên tiếp của các chiến lược ở hai miền Việt Nam, Giônxon phải xuống thang, chấm dứt không điều kiện ném bom, bắn phá miền Bắc. Từ ngày 13-5-1968, Hội nghị Paris giữa phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mỹ chính thức bắt đầu tại Trung tâm Hội nghị quốc tế, phố Kléber ở Thủ đô Paris (Cộng hòa Pháp). Từ ngày 25-01-1969, diễn ra Hội nghị đàm phán bốn bên: Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Mặt trận DTGP miền Nam Việt Nam (sau đó là Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam), Mỹ và Việt Nam Cộng hòa.

Mặc dù chấp nhận đàm phán với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mặt trận DTGP miền Nam Việt Nam (sau đó là Chính phủ Cách mạng lâm

thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam), tuy nhiên đế quốc Mỹ và tay sai vẫn mưu đồ tiếp tục cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam bằng chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”. Song, cũng như các chiến lược đã triển khai trước đó, chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” từng bước bị đánh bại và đi đến phá sản hoàn toàn.

Tóm lại, bối cảnh quốc tế và trong nước giai đoạn 1954-1969 bên cạnh những thuận lợi cơ bản cũng đặt ra không ít khó khăn, thách thức đối với cách mạng Việt Nam. Đặc biệt, miền Bắc bước vào thời kỳ quá độ lên CNXH - một công việc chưa có tiền lệ trong lịch sử dân tộc, đồng thời phải tiến hành cuộc đấu tranh chống lại một đế quốc có tiềm lực kinh tế, quân sự lớn và có tham vọng làm bá chủ thế giới. Ở miền Nam, quân và dân miền Nam tiếp tục sự nghiệp đấu tranh vì độc lập, tự do. Tuy mỗi miền có nhiệm vụ chiến lược riêng, song cùng nhau thực hiện chiến lược chung của cả nước. Chính đặc điểm tình hình đó đã ảnh hưởng sâu sắc đến hoạt động lãnh đạo thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH ở Việt Nam của Hồ Chí Minh, nhất là hoạt động hoạch định và tổ chức thực hiện đường lối cách mạng Việt Nam.

2.2. HỒ CHÍ MINH LÃNH ĐẠO HOẠCH ĐỊNH ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1954-1969

2.2.1. Hồ Chí Minh lãnh đạo xác định mục tiêu, nhiệm vụ cách mạng Việt Nam giai đoạn 1954-1969

2.2.1.1. Lãnh đạo xác định mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng, củng cố miền Bắc, đấu tranh thực hiện thống nhất đất nước những năm 1954-1964

Sau khi Hiệp định Giơnevơ về đình chỉ chiến sự ở Việt Nam được ký kết, các bên thực hiện các điều khoản về ngừng bắn, tập kết và chuyển quân. Trong thời khắc chuyển giao lịch sử, tình hình chuyển biến lớn và nhanh chóng, yêu cầu cấp thiết đặt ra lúc này là cần tới tầm tư duy chiến lược của một lãnh đạo để xác định những định hướng chiến lược và năng lực lãnh đạo, tổ chức thực hiện để xác định các khâu trọng yếu nhằm giải quyết các nhiệm vụ trước mắt và nhiệm vụ lâu dài. Trước bối cảnh đó, Hồ Chí Minh đã kịp thời đưa ra những

chỉ dẫn chiến lược thông qua *Lời kêu gọi sau khi Hội nghị Giơnevơ thành công* (22-7-1954); *Lời kêu gọi nhân dịp kỷ niệm Cách mạng tháng Tám và ngày Quốc khánh 2-9* (01-9-1954). Trong đó, Người khẳng định: “Nhiệm vụ chung của chúng ta hiện nay là: *Thi hành đúng đắn hiệp định đình chiến, đấu tranh để giữ gìn và củng cố hòa bình, để thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập và dân chủ trong toàn quốc*. Để thực hiện thống nhất, độc lập và dân chủ trong toàn quốc, trước hết chúng ta phải *giữ gìn và củng cố hòa bình*” [112, tr.37]. Những chỉ dẫn đó đóng vai trò là kim chỉ nam tư tưởng, kiến tạo sự thống nhất về nhận thức và phương hướng hành động trong toàn Đảng, toàn quân và toàn dân.

Tiếp đó, Hồ Chí Minh cùng BCH Trung ương Đảng khóa II tổ chức Hội nghị lần thứ 7 (3-1955), Hội nghị lần thứ 8 (8-1955). Tại Hội nghị, mối quan hệ của cách mạng hai miền được xác định: “Muốn thống nhất nước nhà, điều cốt yếu là *phải ra sức củng cố miền Bắc*, đồng thời giữ vững và đẩy mạnh cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam” [22, tr.576]. Củng cố miền Bắc là để bồi dưỡng lực lượng cơ bản, xây dựng chỗ dựa vững chắc cho cuộc đấu tranh củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất đất nước. Đường lối củng cố miền Bắc là “*củng cố và phát triển chế độ dân chủ nhân dân, tiến dần từng bước vững chắc đến chủ nghĩa xã hội*” [22, tr.577]. Để củng cố miền Bắc, Hội nghị nhấn mạnh cần phải có lực lượng. Lực lượng bao gồm toàn quốc, nhưng chủ yếu là ở miền Bắc. Muốn củng cố miền Bắc, nhiệm vụ quan trọng nhất là ra sức khôi phục kinh tế, nâng cao sản xuất. Trong điều kiện đất nước hiện nay, muốn khôi phục kinh tế, chủ yếu phải khôi phục nông nghiệp, vì vậy phải chú trọng công tác cải cách ruộng đất (diễn ra từ năm 1953 đến năm 1956). Từ đó, Đảng và Chính phủ quyết định tiến hành cải cách ruộng đất đợt 5, đợt cuối cùng của cuộc đấu tranh xóa bỏ giai cấp phong kiến ở miền Bắc.

Theo Hiệp định Giơnevơ, cuộc tổng tuyển cử nhằm thống nhất đất nước dự kiến được tổ chức vào tháng 7-1956. Tuy nhiên, đế quốc Mỹ và chính quyền tay sai với âm mưu chia cắt lâu dài Việt Nam đã phá hoại tổng tuyển cử, phá

hoại Hiệp định Giơnevơ. Trước tình hình đó, ngày 6-7-1956, Hồ Chí Minh viết *Thư gửi đồng bào cả nước*, trong thư, Người vạch ra những nét cơ bản về đường lối đấu tranh của quân và dân Việt Nam trong bối cảnh mới:

Về định hướng chiến lược: nước Việt Nam nhất định phải thống nhất. Đồng bào Nam và Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà. Thống nhất đất nước là con đường sống của nhân dân Việt Nam.

Về nhiệm vụ, phương pháp: kiên quyết tiếp tục đấu tranh thi hành Hiệp định Giơnevơ, thực hiện thống nhất đất nước trên cơ sở độc lập và dân chủ bằng phương pháp hoà bình, hoàn thành sự nghiệp vẻ vang giải phóng dân tộc.

Về lực lượng: đoàn kết rộng rãi tất cả những người Việt Nam yêu Tổ quốc, yêu hoà bình, yêu thống nhất trong cả nước và ở nước ngoài.

Về tính chất: đây là cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ và phức tạp.

Về kết quả của cuộc đấu tranh: “Nhất định thắng lợi”. *Nguyên nhân của thắng lợi:* vì có chính nghĩa, vì toàn dân đoàn kết một lòng, vì đồng bào Nam và Bắc anh dũng phấn đấu, vì nhân dân thế giới ủng hộ, vì phong trào đấu tranh cho hoà bình thế giới ngày càng mạnh, vì âm mưu của bọn đế quốc hiếu chiến ngày càng thất bại.

Ngày 7-9-1957, trong *Diễn văn khai mạc lớp học lý luận khóa I trường Nguyễn Ái Quốc*, nói về nhiệm vụ cách mạng của Đảng, Người chỉ rõ:

Đứng trong cả nước mà nói, thì ta chưa hoàn thành nhiệm vụ cách mạng DTDCND; nhưng đứng về miền Bắc mà nói thì từ khi hòa bình được lập lại, miền Bắc hoàn toàn giải phóng, ta đã bước vào thời kỳ quá độ tiến dần lên CNXH. Chúng ta tiếp tục nhiệm vụ cách mạng DTDCND ở miền Nam và đấu tranh thống nhất nước nhà [114, tr.91].

Từ thực tế đó, Người chỉ rõ tính chất khó khăn của cách mạng, miền Bắc đang trong giai đoạn quá độ lên CNXH - đây là một cuộc biến đổi khó khăn nhất và sâu sắc nhất, phải xây dựng một xã hội hoàn toàn mới xưa nay chưa từng có trong lịch sử dân tộc, lại phải tiến hành những nhiệm vụ đó trong những điều

kiện đặc biệt - một xã hội vừa mới thoát khỏi ách thực dân, phong kiến, hết sức lạc hậu và trong hoàn cảnh đất nước đang bị chia cắt làm hai miền. Người đặt ra yêu cầu mang tính gợi mở đối với công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc: “Trong những điều kiện như thế, chúng ta phải dùng những phương pháp gì, hình thức gì, đi theo tốc độ nào để tiến dần lên chủ nghĩa xã hội? Đó là những vấn đề đặt ra trước mắt” [114, tr.92].

Những nội dung trong *Thư gửi đồng bào cả nước* (7-6-1956) và bài nói chuyện khai mạc lớp học lý luận khóa I trường Nguyễn Ái Quốc (7-9-1957) đã góp phần khai mở nhận thức và vạch ra đường lối đấu tranh cho toàn dân tộc khi kẻ thù phá hoại Hiệp định Giơnevơ và truyền niềm tin tất thắng về thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Chính tầm nhìn vượt trước và niềm tin tất thắng của Người đã trở thành kim chỉ nam định hướng ý chí và hành động của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân hai miền Bắc - Nam bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước lâu dài, gian khổ nhưng nhất định thắng lợi. Đặc biệt, với những nội dung trong *bài nói chuyện khai mạc lớp học lý luận khóa I trường Nguyễn Ái Quốc* (7-9-1957), Hồ Chí Minh thể hiện tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo trong việc vận dụng chủ nghĩa Mác-Lênin để tìm ra con đường đi lên CNXH phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam. Những câu hỏi mang tính định hướng chiến lược về con đường đi lên xây dựng CNXH được Người đặt ra đã gợi mở các vấn đề lý luận mới về phương pháp, hình thức, tiến độ xây dựng CNXH, tạo cơ sở cho việc hình thành đường lối xây dựng CNXH ở miền Bắc.

Tại Hội nghị lần thứ 13 khóa II (12-1957), Đảng Lao động Việt Nam chính thức đặt vấn đề xây dựng đường lối cách mạng XHCN, Hội nghị nêu rõ: “Miền Bắc đã bước vào giai đoạn quá độ tiến lên CNXH từ gần 3 năm nay nhưng Trung ương chưa đề ra đường lối chung của thời kỳ quá độ” [24, tr.798]. Từ đó, Trung ương đề ra nhiệm vụ: “Xây dựng đường lối chung của thời kỳ quá độ tiến lên CNXH ở miền Bắc và đường lối đấu tranh thống nhất nước nhà” [24, tr.801]. Đây là một cống hiến lớn của Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam, từ

những định hướng chiến lược về con đường cách mạng Việt Nam, Đảng từng bước cụ thể hóa thành đường lối, chủ trương phù hợp để lãnh đạo cách mạng thực hiện thắng lợi mục tiêu đã đề ra.

Bên cạnh đó, tại Hội nghị lần thứ 13 khóa II (12-1957), dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng, nhiệm vụ củng cố miền Bắc tiếp tục được cụ thể hóa và làm sâu sắc hơn. Theo đó, nhiệm vụ khôi phục kinh tế không phải chỉ bao gồm các mặt khôi phục mức sản xuất, cơ sở sản xuất, mức sinh hoạt của nhân dân và cải biến quan hệ sản xuất cũ, xây dựng quan hệ sản xuất mới mà còn “phải làm cho *tình hình kinh tế được căn bản ổn định*” [24, tr.262].

Xác định nhiệm vụ và lãnh đạo xây dựng đường lối cách mạng XHCN ở miền Bắc, song Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng luôn nhấn mạnh mối quan hệ biện chứng giữa xây dựng CNXH ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất đất nước, vì nếu không ra sức củng cố miền Bắc và tích cực đưa miền Bắc tiến lên CNXH thì không thể có chỗ dựa vững chắc để tranh thủ hòa bình thống nhất đất nước trên cơ sở độc lập và dân chủ. Không kiên quyết đánh đổ ách thống trị của đế quốc Mỹ và phong kiến ở miền Nam thì cũng không thể tạo điều kiện thuận lợi để thống nhất Tổ quốc. Đó là “quan hệ biện chứng giữa công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và việc hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ trong cả nước” [26, tr.62].

Căn cứ vào tình hình thực tiễn, đầu năm 1959, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng triệu tập Hội nghị lần thứ 15 để bàn về đường lối của cách mạng miền Nam. Dưới sự chủ trì của Người, Trung ương Đảng phân tích sâu sắc đặc điểm tình hình Việt Nam từ khi hòa bình lập lại, đánh giá thái độ của các giai cấp trong xã hội miền Nam, từ đó xác định đường lối chiến lược đối với các mạng miền Nam và định hướng nhiệm vụ cách mạng của cả nước. Nội dung cụ thể như sau:

Xác định nhiệm vụ chung của cách mạng Việt Nam: tăng cường đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh để giữ vững hoà bình; thực hiện thống nhất đất

nước trên cơ sở độc lập và dân chủ, hoàn thành nhiệm vụ cách mạng DTDCND trong cả nước; ra sức củng cố miền Bắc và đưa miền Bắc tiến lên CNXH; xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh; tích cực góp phần bảo vệ hoà bình ở Đông Nam Á và thế giới.

Xác định nhiệm vụ cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam: giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc và phong kiến, thực hiện ĐLDT và người cày có ruộng, hoàn thành cách mạng DTDCND ở miền Nam, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh.

Xác định mối quan hệ biện chứng của cách mạng hai miền: cách mạng XHCN ở miền Bắc củng cố và phát huy thắng lợi giành được và xây dựng cơ sở vững chắc để thực hiện thống nhất đất nước. Miền Nam tiếp tục cách mạng DTDCND, đánh đổ chế độ đế quốc và nửa phong kiến, thực hiện thống nhất đất nước.

Phương pháp thực hiện thống nhất đất nước: trên cơ sở độc lập và dân chủ bằng con đường hòa bình. Tuy nhiên, nhìn thấy rõ bản chất hiếu chiến của đế quốc Mỹ và tay sai nên Hội nghị yêu cầu nhân dân hai miền phải luôn luôn nâng cao tinh thần cảnh giác, tỉnh táo đề phòng. Nếu đế quốc Mỹ và chính quyền Diệm liều lĩnh gây chiến tranh xâm lược miền Bắc, thì toàn dân từ Bắc chí Nam kiên quyết đứng lên bảo vệ miền Bắc tiêu diệt chế độ Mỹ - Diệm ở miền Nam, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước, thực hiện thống nhất Tổ quốc.

Đặc biệt, tại Hội nghị lần thứ 15 (1959), trước những ý kiến khác nhau về phương thức đấu tranh của cách mạng miền Nam, trên cơ sở phân tích đặc điểm tình hình xã hội Việt Nam và miền Nam Việt Nam từ sau Hiệp định Giơnevơ, Hồ Chí Minh với vai trò chủ trì Hội nghị đã cùng với Trung ương Đảng thảo luận, xác định phương thức đấu tranh phù hợp với điều kiện thực tiễn. Theo đó, Hội nghị xác định phải lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền thống trị

của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân. Sự chuyển hướng về phương thức đấu tranh và những nội dung đã đề ra tại Hội nghị lần thứ 15 (1959) có ý nghĩa quan trọng, đưa cách mạng miền Nam thoát khỏi thời kỳ khó khăn, tổn thất, chuyển từ thế “giữ gìn lực lượng” chuyển sang thế “tiến công” mạnh mẽ, được đánh dấu bằng thắng lợi của phong trào Đồng Khởi. Đây cũng là thất bại lớn đầu tiên của đế quốc Mỹ ở miền Nam Việt Nam.

Do nhiệm vụ cơ bản của mỗi miền khác nhau, Hội nghị chủ trương thành lập ở miền Nam một mặt trận riêng nhằm tập hợp các lực lượng chống đế quốc, phong kiến, đoàn kết tất cả các dân tộc đa số và thiểu số, các đảng phái, các tôn giáo và những cá nhân yêu nước, đoàn kết với ngoại kiều, đặc biệt là Hoa kiều, không phân biệt chủng tộc, tôn giáo, chính kiến, điều cốt lõi là chống Mỹ - Diệm, tán thành tự do, dân chủ, cải thiện dân sinh và hòa bình thống nhất Việt Nam. Ngày 20-12-1960, tại Rùm Đuông, xã Tân Lập, huyện Châu Thành, đại biểu các tôn giáo, các đảng phái và các tầng lớp nhân dân miền Nam họp Đại hội, long trọng tuyên bố thành lập Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam. Đánh giá sự kiện này, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Một mặt trận của nhân dân đoàn kết chặt chẽ và rộng rãi là một lực lượng tất thắng... Do đó, có thể đoán rằng đồng bào miền Nam nhất định sẽ thắng lợi, nước nhà nhất định sẽ thống nhất, Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà” [116, tr.119].

Phong trào cách mạng miền Nam tuy có những bước tiến triển, song điều đó không hẳn nhận được sự đồng tình của cả Liên Xô và Trung Quốc. Đánh giá về tình hình Việt Nam lúc này, có nhà lãnh đạo Trung Quốc cho rằng: “Dùng lực lượng vũ trang để thống nhất nước nhà sẽ có hai khả năng: một là thắng và một khả năng nữa là mất cả miền Bắc” [8; tr.24]. Từ đó, các đồng chí Trung Quốc khuyên Việt Nam hãy trường kỳ. Đối với Liên Xô, Liên Xô chủ trương giữ nguyên hiện trạng hai miền của Việt Nam, không ủng hộ đường lối đấu tranh vũ trang của Đảng ở miền Nam để tránh “đụng chạm” với Mỹ. Trước tình hình khó khăn đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng một mặt tích cực vận

động quốc tế (chủ yếu Liên Xô - Trung Quốc) ủng hộ nhân dân Việt Nam chống đế quốc Mỹ xâm lược, mặt khác kiên quyết giữ vững đường lối vũ trang cách mạng để giải phóng miền Nam [172; tr.44-45].

Như vậy, sau một thời gian theo dõi, cân nhắc và nghiên cứu thực tiễn, Đảng Lao động Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng bước nhận thức đầy đủ hơn yêu cầu chuyển hướng đấu tranh của cách mạng miền Nam, từ đó ban hành một nghị quyết quan trọng có ý nghĩa lịch sử, làm xoay chuyển tình hình, mở đường cho những thắng lợi tiếp theo.

Ở miền Bắc, thực hiện các nghị quyết của Hội nghị lần thứ 14 (1958) *về tổng kết cải cách ruộng đất*; Hội nghị lần thứ 16 (4-1959) *về vấn đề hợp tác hóa nông nghiệp* và các chỉ thị của Bộ Chính trị, công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc giành được thắng lợi có tính chất quyết định trong công cuộc *cải tạo XHCN* về nông nghiệp, thủ công nghiệp và công thương nghiệp tư bản tư doanh.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc và cách mạng DTDCND ở miền Nam cũng có sai lầm. Để khắc phục những sai lầm và phát huy kết quả đạt được dưới sự lãnh đạo của Đảng, trong bài *Ba mươi năm hoạt động của Đảng* (6-1-1960), trên cơ sở phân tích những thành tựu và hạn chế, Hồ Chí Minh tiếp tục làm rõ nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam, đặc điểm và mục tiêu của thời kỳ quá độ, đồng thời chỉ ra những phương pháp, bước đi phù hợp trong phù hợp trong quá trình xây dựng CNXH ở miền Bắc.

Người chỉ rõ: “Miền Bắc nhất định phải tiến lên chủ nghĩa xã hội. Mà *đặc điểm to nhất của ta trong thời kỳ quá độ* là từ một nước nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không phải kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa” [115, tr.411]. Vì vậy nhiệm vụ quan trọng của miền Bắc: “*xây dựng nền tảng vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội*, đưa miền Bắc tiến dần lên chủ nghĩa xã hội, có công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, có văn hoá và khoa học tiên tiến” [115, tr.412].

Về mục tiêu của CNXH: làm cho nhân dân lao động thoát nạn bần cùng, làm cho mọi người có công ăn việc làm, được ấm no và sống một đời hạnh phúc.

Về điều kiện đảm bảo thắng lợi: phải tăng cường về mặt tư tưởng và kiện toàn về mặt tổ chức; phải ra sức học tập chủ nghĩa Mác-Lênin củng cố lập trường giai cấp vô sản, cố gắng nắm vững những quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam; phải luôn luôn nâng cao đạo đức cách mạng, kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân; phải nắm vững khoa học và kỹ thuật.

Đối với cách mạng miền Nam, xuất phát từ thực tế đồng bào miền Nam đang cực khổ dưới ách thống trị tàn bạo của đế quốc Mỹ và tay sai, Hồ Chí Minh xác định nhiệm vụ phải đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Đối với cách mạng cả nước, với tầm nhìn chiến lược, toàn diện về tình hình mới, Người chỉ rõ: “cách mạng Việt Nam hiện nay có hai nhiệm vụ phải đồng thời tiến hành: nhiệm vụ xây dựng *miền Bắc* tiến lên chủ nghĩa xã hội và nhiệm vụ tiếp tục hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở *miền Nam*. Hai nhiệm vụ ấy đều nhằm một mục tiêu chung là: Củng cố hoà bình, thực hiện thống nhất nước nhà trên nền tảng độc lập và dân chủ” [115, tr.411].

Bài viết *Ba mươi năm hoạt động của Đảng* (6-01-1960) là một văn kiện đặc biệt quan trọng, không chỉ tổng kết ba mươi năm hoạt động của Đảng mà còn khái quát, luận giải những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam: về đặc điểm, mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ, điều kiện đảm bảo thắng lợi của cách mạng. Những luận điểm được Hồ Chí Minh trình bày trong bài viết đã góp phần quan trọng định hướng nhận thức và tư duy lý luận của Đảng, là một trong những cơ sở để Đảng Lao động Việt Nam kết thừa, phát triển và cụ thể hóa trong đường lối được thông qua tại Đại hội III của Đảng (1960). Bên cạnh đó, những bài học kinh nghiệm được Người tổng kết trong bài viết có giá trị quan trọng đối với công tác lãnh đạo cách mạng của Đảng, đó là bài học về việc luôn đứng vững trên lập trường giai cấp vô sản, tuyệt đối trung thành với lợi ích của giai cấp và của nhân dân, biết vận dụng lý luận Mác-Lênin vào tình hình thực tế và đề ra đường lối, chính sách đúng đắn; về xác định lực lượng và tổ chức lực lượng; biết

kết hợp phong trào cách mạng trong nước với phong trào cách mạng của giai cấp công nhân quốc tế và của các dân tộc bị áp bức.

Ngày 5-9-1960, trong không khí tung bừng, phấn khởi trước thắng lợi to lớn của cách mạng hai miền, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III khai mạc. Phát biểu tại Đại hội, Hồ Chí Minh khẳng định rõ nội dung và nhiệm vụ trọng tâm của Đại hội: *“Đại hội lần này là Đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh hoà bình thống nhất nước nhà”* [115, tr.673]. Việc xác định nội dung trọng tâm của Đại hội: “xây dựng CNXH ở miền Bắc” và “thống nhất nước nhà” trong *Diễn văn khai mạc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã định hướng cho quá trình thảo luận, quyết định của Đại hội, đồng thời tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động trong toàn Đảng, toàn quân và toàn dân. Tại Đại hội III của Đảng, Người tiếp tục làm rõ mối quan hệ mật thiết và thúc đẩy lẫn nhau của cách mạng hai miền và vai trò của miền Nam, Hồ Chí Minh khẳng định: *“tiến hành cuộc cách mạng XHCN ở miền Bắc là nhiệm vụ quyết định nhất đối với sự phát triển của toàn bộ cách mạng Việt Nam, đối với sự nghiệp thống nhất nước nhà... đồng bào ta ở miền Nam có nhiệm vụ trực tiếp đánh đổ ách thống trị của đế quốc Mỹ và bọn tay sai của chúng để giải phóng miền Nam”* [27, tr.917].

Việc xác định rõ mối quan hệ và vai trò của cách mạng hai miền Bắc - Nam thể hiện tầm nhìn chiến lược của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, đưa cách mạng Việt Nam bước vào một giai đoạn phát triển mới với sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc, nơi miền Bắc là hậu phương lớn có vai trò *quyết định nhất* đối với sự phát triển của toàn bộ cách mạng Việt Nam, đối với sự nghiệp thống nhất đất nước, miền Nam là tiền tuyến lớn có vai trò *quyết định trực tiếp* đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Chính đặc điểm này làm cho công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc mang nhiều tính đặc thù: xây dựng CNXH trong khi đất nước có chiến tranh, xây dựng CNXH để làm hậu phương cho tiền tuyến lớn. Bối cảnh lịch sử đó đã ghi những dấu ấn nhất định lên mô hình xây dựng CNXH ở miền Bắc và thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH ở Việt Nam.

Cụ thể hóa đường lối được xác định, Đại hội đã thông qua Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965). Cụ thể kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng từng bước vạch ra phương hướng phát triển cho từng ngành, từng lĩnh vực kinh tế, xã hội tại các Hội nghị lần thứ 5, 7, 8, 10 khóa III. Cụ thể: Hội nghị lần thứ 5 về *vấn đề phát triển nông nghiệp* (7-1961), Hội nghị lần thứ 7 về *phương hướng xây dựng và phát triển công nghiệp* (4-1962), Hội nghị lần thứ 8 về *kế hoạch phát triển kinh tế quốc dân* (4-1963), Hội nghị lần thứ 10 về *thương nghiệp và giá cả* (12-1964).

Qua những ý kiến chỉ đạo tại các Hội nghị, Hồ Chí Minh đã góp phần làm cho đường lối cách mạng XHCN được định hình và hoàn thiện thêm:

Về tính tất yếu của CNXH: Việt Nam là một nước thuộc địa và nửa phong kiến. Kinh tế rất lạc hậu, đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân thấp kém. Muốn biến đổi tình hình nghèo nàn ấy miền Bắc nhất định phải tiến lên CNXH.

Về mục đích xây dựng CNXH: làm cho mọi người dân sung sướng, ấm no.

Về bước đi của chủ nghĩa xã hội: tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên CNXH, để có một nền công nghiệp hiện đại, nông nghiệp hiện đại, có một nền văn hóa và khoa học tiên tiến.

Về cơ cấu kinh tế: xây dựng cơ cấu kinh tế công nghiệp - nông nghiệp hiện đại. Trong đó, công nghiệp và nông nghiệp phải giúp đỡ lẫn nhau và cùng nhau phát triển.

Việc xác định rõ đường lối và cụ thể hóa đường lối xây dựng CNXH ở Việt Nam thể hiện sự sáng tạo của Hồ Chí Minh trong việc vận dụng chủ nghĩa Mác-Lênin vào điều kiện thực tiễn của Việt Nam. Xác định đưa miền Bắc tiến lên CNXH trong hoàn cảnh vừa có hòa bình vừa có chiến tranh - một bối cảnh mang tính đặc thù chưa được các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác-Lênin đề cập đến, Hồ Chí Minh góp phần phát triển nhận thức lý luận về con đường đi lên CNXH ở một nước thuộc địa, kinh tế lạc hậu, đồng thời phải tiến hành cách mạng trong điều kiện đất nước tạm thời bị chia cắt và có chiến tranh. Đồng thời, lãnh đạo hiện thực hóa đường lối và tổ chức thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965),

Hồ Chí Minh thể hiện rõ năng lực hiện thực hóa chủ trương, đường lối thành những nhiệm vụ, giải pháp cụ thể gắn với từng ngành, từng lĩnh vực và từng điều kiện thực tiễn. Chính sự định hướng, dẫn dắt trong quá trình chỉ đạo của Người đã giúp Đảng từng bước cụ thể hóa đường lối xây dựng CNXH thành các chủ trương, chính sách và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội phù hợp, tạo cơ sở để phát huy sức mạnh của miền Bắc, vừa xây dựng CNXH, vừa thực hiện vai trò hậu phương lớn đối với tiền tuyến miền Nam.

Kết quả là, trên cơ sở đường lối của Đảng và sự định hướng, lãnh đạo của Hồ Chí Minh, việc thực hiện Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất đạt được nhiều thành tựu quan trọng, nhiều chỉ tiêu chủ yếu đạt và vượt mức kế hoạch đề ra, tạo ra những chuyển biến tích cực trong đời sống kinh tế - xã hội ở miền Bắc. Nền kinh tế về căn bản đã tự chủ và đang vững bước tiến lên. Đời sống văn hóa của quần chúng ngày thêm tiến bộ, nền văn học nghệ thuật với nội dung XHCN và tính chất dân tộc, ngày càng phát triển mạnh mẽ. Những thành tựu nhân dân miền Bắc đạt được tạo không khí phấn khởi trong nhân dân, là động lực để quân dân miền Nam đấu tranh chống đế quốc Mỹ và tay sai xâm lược.

Tuy nhiên, trước những thắng lợi liên tiếp và toàn diện của quân và dân trên chiến trường miền Nam và thất bại liên tục của chính quyền Sài Gòn, chính quyền Giôn-xơn quyết định chuyển sang chiến lược “chiến tranh cục bộ” ở miền Nam và mở rộng chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân ra miền Bắc nhằm ngăn chặn sự chi viện của hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn và nhằm cứu vãn nguy cơ thất bại hoàn toàn của đế quốc Mỹ ở miền Nam. Trong bối cảnh đó, Hồ Chí Minh và Đảng tiếp tục có những điều chỉnh để thích ứng với tình hình mới.

Tại *Hội nghị chính trị đặc biệt* ngày 27-3-1964, Hồ Chí Minh vạch rõ âm mưu mở rộng chiến tranh của đế quốc Mỹ, đồng thời xác định rõ *nhiệm vụ chiến lược của miền Bắc*: là căn cứ địa, hậu phương cách mạng của cả nước, phải giành nhiều sức người sức của tăng cường viện trợ cho cuộc chiến đấu của đồng bào miền Nam, gấp rút tăng cường tiềm lực quốc phòng, sẵn sàng chiến đấu. *Về lực lượng tiến hành cách mạng*: tất cả mọi người, bất kỳ ai, làm việc gì, ở cương vị nào, đều phải là những chiến sĩ dũng cảm, trong đó, cán bộ của Đảng, của Nhà

nước và của các đoàn thể nhân dân, đảng viên và đoàn viên thanh niên lao động cần phải xung phong gương mẫu.

Với việc chỉ rõ âm mưu của kẻ thù trước toàn Đảng, Hồ Chí Minh không chỉ dừng lại ở việc nhận diện và dự báo đúng âm mưu leo thang chiến tranh của đế quốc Mỹ mà quan trọng hơn, đã chuyển hóa nhận thức về nguy cơ thành những định hướng chuẩn bị cụ thể, góp phần tạo sự thống nhất về tư tưởng, ý chí và hành động trong toàn Đảng, toàn quân và toàn dân; chủ động chuyển từ trạng thái hòa bình sang trạng thái sẵn sàng chiến đấu, hạn chế nguy cơ rơi vào thế bị động, bất ngờ. Những quan điểm chỉ đạo của Người tại Hội nghị thể hiện rõ tầm nhìn chiến lược và năng lực xử lý linh hoạt, sáng tạo của Hồ Chí Minh trong những thời điểm có ý nghĩa bước ngoặt của cách mạng Việt Nam.

Những năm 1954-1964 là khoảng thời gian có ý nghĩa bước ngoặt đối với cách mạng Việt Nam. Trong suốt 10 năm, vai trò của Hồ Chí Minh không chỉ dừng lại ở việc bao quát toàn cục, xác định nhiệm vụ, chuẩn bị tinh thần và lực lượng cho thời kỳ mới mà còn thể hiện ở việc đề ra các giải pháp, trực tiếp chỉ đạo, đôn đốc và kịp thời điều chỉnh những vấn đề cụ thể nhằm giải quyết triệt để các vấn đề thực tiễn đang đặt ra. Đặc biệt, những quyết định tại Hội nghị lần thứ 15 khóa II (1959) là minh chứng tiêu biểu cho tầm nhìn chiến lược, bản lĩnh và năng lực lãnh đạo linh hoạt, sáng tạo của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, góp phần đưa cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công, tạo bước chuyển quan trọng trong cục diện cách mạng Việt Nam.

2.2.1.2. Lãnh đạo xác định mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh chống đế quốc Mỹ, giải phóng miền Nam những năm 1965-1969

Trước nguy cơ thất bại hoàn toàn của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, tháng 8-1964, đế quốc Mỹ gây ra “sự kiện Vịnh Bắc Bộ” lấy cớ mở rộng chiến tranh phá hoại bằng không quân đối với miền Bắc và tăng cường đưa các đơn vị chiến đấu của Mỹ vào miền Nam. Ngày 7-2-1965, Tổng thống Mỹ Giôn-xơn phát động cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân ra miền Bắc.

Đồng thời, tăng cường đưa quân viễn chinh Mỹ và quân chư hầu vào miền Nam, trực tiếp tiến hành chiến tranh xâm lược chống lại nhân dân Việt Nam. Đến tháng 12-1965, ở miền Nam Việt Nam có “gần 18 vạn quân đội Mỹ, 2 vạn quân đội chư hầu, chưa kể gần 7 vạn lực lượng hải quân và không quân Mỹ trực tiếp tham chiến ở Việt Nam” [31, tr.623]. Từ đây, đế quốc Mỹ bắt đầu cuộc chiến tranh xâm lược ở mức độ cao nhất, tiến hành trên phạm vi toàn lãnh thổ Việt Nam. Dân tộc Việt Nam đứng trước những thử thách đặc biệt nghiêm trọng.

Trong bối cảnh đó, Hồ Chí Minh chỉ rõ nhiệm vụ thiêng liêng nhất của mọi người Việt Nam yêu nước là “chống Mỹ, cứu nước” và tha thiết kêu gọi “Tất cả chúng ta hãy đoàn kết nhất trí triệu người như một, *quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược!*” [117, tr.534]. Trong *Lời kêu gọi nhân ngày 20-7 (1965)*, Người khẳng định: “Để hòng cứu vãn tình hình khốn đốn của chúng, gần đây đế quốc Mỹ đã đưa thêm hàng vạn quân Mỹ và chư hầu vào tăng cường xâm lược miền Nam và dùng máy bay đánh phá dã man miền Bắc nước ta. (...) để khuất phục nhân dân Việt Nam ta, dọa nạt các dân tộc ở Đông Dương, Đông Nam Á và trên thế giới” [117, tr.577]. Song, nhân dân Việt Nam quyết không sợ, dù phải chiến đấu 5 năm, 10 năm 20 năm hoặc lâu hơn nữa cũng kiên quyết chiến đấu đến thắng lợi hoàn toàn.

Để xác định rõ tình hình và nhiệm vụ mới của cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chủ trì Hội nghị lần thứ 11 (3-1965) *Về tình hình và nhiệm vụ cấp bách trước mắt*. Trước bối cảnh lịch sử diễn biến hết sức phức tạp, vận mệnh dân tộc đứng trước những thách thức nghiêm trọng, Hội nghị đã đưa ra quyết sách mang tính bước ngoặt: chuyển hướng toàn bộ miền Bắc từ thời bình sang thời chiến trên tất cả các lĩnh vực (tư tưởng, tổ chức, kinh tế, an ninh, quốc phòng, đối ngoại), đảm bảo sức mạnh để miền Bắc đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân, hải quân của đế quốc Mỹ, đồng thời, duy trì và giữ vững sản xuất, tăng khả năng chi viện cho chiến trường miền Nam.

Tháng 12-1965, Người chủ trì Hội nghị lần thứ 12 và thông qua Nghị quyết *Về tình hình và nhiệm vụ mới* (27-12-1965), trên cơ sở xác định bối cảnh tình hình mới, Hội nghị xác định: “*nhiệm vụ chống Mỹ, cứu nước hiện nay rõ ràng là nhiệm vụ thiêng liêng của cả dân tộc ta, của nhân dân ta từ Nam chí Bắc*” [31, tr.635]. Trong đó, *nhiệm vụ của nhân dân miền Bắc* là phát huy đến cao độ tác dụng hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn miền Nam. *Nhiệm vụ của nhân dân miền Nam* là kiên quyết chiến đấu tiêu diệt đế quốc Mỹ và tay sai để giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc.

Về phương châm chiến lược chung và phương châm chiến lược đấu tranh của cách mạng Việt Nam: Phương châm chiến lược chung là *đánh lâu dài, dựa vào sức mình là chính* đồng thời tranh thủ tới mức cao nhất sự đồng tình, ủng hộ của phe XHCN và của nhân dân thế giới; Phương châm đấu tranh là “*đấu tranh quân sự kết hợp với đấu tranh chính trị, triệt để vận dụng ba mũi giáp công (đấu tranh quân sự, đấu tranh chính trị và binh vận)*” [31, tr.639].

Tiếp đó, ngày 16-01-1966, trong *Bài nói chuyện tại Hội nghị cán bộ cao cấp nghiên cứu nghị quyết Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương Đảng*, Người vạch ra những nét lớn trong đường lối chống Mỹ cứu nước:

Thứ nhất, tình thế “tiến thoái lưỡng nan” của đế quốc Mỹ, nếu cứ tiếp tục chiến tranh thì thất bại thêm; rút lui hoặc tiếp tục chiến tranh, cũng thất bại. Cho nên có thể nói Chính phủ Giôn-xơn tiến thoái lưỡng nan, như người cưỡi trên lưng cọp, cứ ngồi đấy cũng khó, bước xuống cũng nguy hiểm.

Thứ hai, về không gian và thời gian của cuộc chiến tranh, phải ra sức cố gắng giành cho được thắng lợi quyết định ở miền Nam bởi vì cuộc chiến tranh này căn bản là ở miền Nam. Phải giành thắng lợi quyết định trong một thời gian, không nói mấy năm, mấy tháng, mấy ngày, nhưng trong một thời gian càng ngắn càng tốt.

Thứ ba, về phương hướng kết thúc chiến tranh, làm sao ở miền Nam tiêu diệt và phá tan được quân nguy, tiêu diệt được nhiều quân Mỹ, đó là giành được thắng lợi quyết định.

Thứ tư, về tính chất cuộc cách mạng, cuộc chiến đấu chống đế quốc Mỹ, cứu nước của nhân dân ở cả hai miền sẽ gay go, quyết liệt.

Thứ năm, trên cơ sở phân tích tình hình trong nước và những ưu khuyết điểm của địch Người chỉ ra tính tất thắng của cách mạng Việt Nam. Người nói: “Mỹ và ta đánh nhau, Mỹ không thắng được thì ai thắng? Ta thắng” [118, tr.14]. Cơ sở của thắng lợi đó là nhân dân rất anh dũng, Đảng có đường lối đúng đắn, cuộc kháng chiến được các nước anh em, nhất là Liên Xô, Trung Quốc và nhân dân thế giới đồng tình, ủng hộ và hết lòng giúp đỡ.

Ngày 17-7-1966, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi lịch sử “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”, khẳng định ý chí kiên cường, bất khuất của dân tộc Việt Nam, quyết tâm chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam.

Trước hành động leo thang chiến tranh của đế quốc Mỹ ở miền Bắc và miền Nam, những quan điểm chỉ đạo chiến lược của Hồ Chí Minh thể hiện qua các Hội nghị và bài viết không chỉ kịp thời đánh giá tình hình mà còn từng bước làm rõ những vấn đề cơ bản trong đường lối chống Mỹ, cứu nước của cách mạng Việt Nam. Đặc biệt với tầm nhìn chiến lược và niềm tin vững chắc vào thắng lợi của cách mạng, Người khẳng định: “dù phải chiến đấu 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa, chúng ta cũng kiên quyết chiến đấu đến thắng lợi hoàn toàn” [117, tr.577], Hồ Chí Minh đã chủ động lãnh đạo quân và dân hai miền chuẩn bị các điều kiện đảm bảo cho thắng lợi của cách mạng Việt Nam, giúp tránh tư tưởng nóng vội, chủ quan muốn thắng nhanh hoặc hoang mang, dao động trước sức mạnh quân sự của đế quốc Mỹ.

Ở miền Nam, khi chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ được đẩy lên quy mô lớn nhất, Hồ Chí Minh tiếp tục cùng Trung ương Đảng chỉ đạo phát huy sức mạnh tổng hợp của cách mạng, kết hợp chặt chẽ đấu tranh quân

sự - chính trị - binh vận, tạo nên thế trận rộng khắp nhằm từng bước đánh bại chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ. Đặc biệt, với tầm nhìn chiến lược, tại Hội nghị lần thứ 13 (01-1967), Người cùng Trung ương Đảng quyết định mở mặt trận ngoại giao nhằm tranh thủ sự ủng hộ của bạn bè quốc tế, mở ra cục diện “vừa đánh, vừa đàm”, phát huy sức mạnh tổng hợp để đánh Mỹ. Với uy tín và tư duy đối ngoại sắc bén, Người đã chủ động mở rộng các hoạt động đối ngoại, biến cuộc kháng chiến chính nghĩa của nhân dân Việt Nam thành ngọn cờ đoàn kết quốc tế. Nhờ đó, sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam luôn nhận được sự ủng hộ to lớn từ các nước XHCN, nhất là Liên Xô và Trung Quốc, tạo thêm thế và lực cho cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước đi đến thắng lợi hoàn toàn.

Với những quyết định có tính chiến lược của Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng, ở miền Bắc, dù đế quốc Mỹ trắng trợn dùng không quân và hải quân bắn phá, song miền Bắc không hề nao núng. Quân và dân miền Bắc hăng hái thi đua sản xuất, chiến đấu anh dũng quyết đánh thắng chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, đồng thời hết sức hết lòng ủng hộ đồng bào miền Nam ruột thịt. Phương châm chuyển hướng xây dựng kinh tế từ thời bình sang thời chiến được thực hiện tốt, trong sản xuất công nghiệp, các cơ sở sản xuất nhanh chóng được sơ tán về nơi an toàn, sản xuất được duy trì, bảo đảm cung cấp các hàng hóa tiêu dùng thiết yếu và duy trì đời sống nhân dân không bị đảo lộn trong chiến tranh; khẩn trương xây dựng và phát triển mạng lưới công nghiệp địa phương ở các vùng hậu phương trung du và miền núi; phân bổ lại sản xuất công nghiệp gắn với nguồn nguyên liệu và thị trường tiêu thụ, gắn công nghiệp với nông nghiệp và các ngành kinh tế quốc dân khác, gắn kinh tế với quốc phòng. Tuy nhiên, do địch ngày càng đánh phá ác liệt (100% nhà máy điện ở miền Bắc bị đánh bom, các tuyến giao thông huyết mạch càng bị đánh phá, phong tỏa, hầu hết các cơ sở sản xuất lớn đều phải sơ tán...) nên sản xuất công nghiệp bị giảm sút liên tục. “Giá trị sản lượng toàn ngành công nghiệp năm 1968 so với năm 1965 chỉ bằng 85%”

[153, tr.88]. Trong sản xuất nông nghiệp, các cơ sở vật chất trong nông nghiệp tuy bị đánh phá và thiệt hại nặng nề, các hợp tác xã nông nghiệp tiếp tục duy trì xây dựng, củng cố và phát triển. Song, do hậu quả nặng nề của chiến tranh phá hoại và những hạn chế của mô hình hợp tác hóa, sản xuất nông nghiệp miền Bắc đã xuất hiện tình trạng “đi xuống” và “khoán chui”, “vượt rào”.

Ở miền Nam, dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và Hồ Chí Minh, quân và dân miền Nam tổ chức phản công, làm phá sản hoàn toàn kế hoạch “tìm diệt” và “bình định” của địch trong mùa khô 1965-1966 và 1966-1967. Trước những chuyển biến của tình hình, tháng 12-1967, Hồ Chí Minh cùng Bộ Chính trị phân tích tình hình trong nước và thế giới, thống nhất chủ trương tiến hành Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân (năm 1968) nhằm tiêu diệt và làm tan rã địch, giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân, đập tan ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ. Thực hiện đường lối chiến lược đề ra, đêm 30 rạng ngày 31-01-1968, quân giải phóng miền Nam đồng loạt nổ súng tiến công và nổi dậy, đánh vào hầu hết các cơ quan đầu não địch ở trung ương và địa phương, tại hàng trăm thị xã, thị trấn, căn cứ quân sự của Mỹ, từ Đường 9 - Khe Sanh đến đồng bằng sông Cửu Long, đặc biệt mạnh mẽ, vang dội ở Sài Gòn - Gia Định, Huế. Thắng lợi đầu Xuân 1968 đã giáng một đòn quyết định vào chiến lược “chiến tranh cục bộ”, làm lung lay ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, góp phần buộc Mỹ phải điều chỉnh chiến lược, từng bước xuống thang chiến tranh và chấp nhận ngồi vào bàn đàm phán với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa từ ngày 13-5-1968 tại Paris.

Phản khởi trước thắng lợi, song Người nhắc nhở, thắng lợi đó là bước đầu, bởi đế quốc Mỹ rất ngoan cố và xảo quyệt, cuộc đấu tranh còn lâu dài, gian khổ. Người cảnh báo: “Càng gần thắng lợi, càng nhiều gian nan. Quân địch như con thú dữ đến bước đường cùng càng giãy giụa điên cuồng” [118, tr.425]. Từ đó, Người tiếp tục động viên toàn dân giữ vững quyết tâm thực hiện mục tiêu: “nhiệm vụ thiêng liêng của toàn dân ta lúc này là phải nâng cao *tinh thần quyết*

chiến quyết thắng, quyết tâm giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới hoà bình thống nhất Tổ quốc. Hễ còn một tên xâm lược trên đất nước ta, thì ta còn phải tiếp tục chiến đấu, quét sạch nó đi” [118, tr.512].

Ở đây, có thể thấy bản lĩnh chính trị Hồ Chí Minh và khả năng chủ động, ứng biến linh hoạt trước mọi biến động. Ngay sau thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân (1968), khi dư luận thế giới đang vô cùng kinh ngạc và khâm phục bởi sức mạnh của quân và dân miền Nam, Người đã chủ động định hướng tư tưởng toàn Đảng, nghiêm khắc cảnh báo về bản chất ngoan cố và xảo quyệt của đế quốc Mỹ. Thực tế diễn biến trên chiến trường miền Nam cho thấy những lời cảnh báo của Người là hoàn toàn chính xác. Ngay sau các đợt Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968, đế quốc Mỹ và tay sai đã tổ chức phản kích quyết liệt, gây cho cách mạng miền Nam nhiều khó khăn, tổn thất.

Có thể nói, những năm 1965-1969, cách mạng Việt Nam đối mặt với những thách thức mang tính sống còn khi đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh ra miền Bắc và ồ ạt đưa quân viễn chinh vào miền Nam. Trong bối cảnh đó, với cương vị là người đứng đầu Đảng và Nhà nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thể hiện vai trò lãnh đạo thông qua các quyết định và chỉ dẫn mang tầm chiến lược. Người chủ động cùng Trung ương Đảng lãnh đạo chuyển hướng hoạt động của miền Bắc từ thời bình sang thời chiến, thực hiện vừa sản xuất vừa chiến đấu; tiếp tục khẳng định vai trò của hậu phương miền Bắc đối với tiền tuyến miền Nam; động viên, tập hợp sức mạnh của toàn dân tộc với tinh thần “Mỗi người làm việc bằng hai vì miền Nam ruột thịt”, “Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”. Trước sự leo thang chiến tranh của đế quốc Mỹ, Người luôn kiên định mục tiêu ĐLDT, thống nhất đất nước, đồng thời chủ động chuẩn bị về tư tưởng, tổ chức và lực lượng cho cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ. Người đã biến lời kêu gọi bất hủ “Không có gì quý hơn độc lập, tự do” thành mệnh lệnh hành động, nguồn động viên tinh thần to lớn, góp phần củng cố ý chí quyết tâm

chiến đấu của toàn dân tộc. Kết quả là, đế quốc Mỹ và tay sai bị thất bại nặng nề ở cả hai miền Nam - Bắc, ngày 31-3-1968, đế quốc Mỹ tuyên bố hạn chế ném bom miền Bắc. Ngày 13-5-1968, cuộc đàm phán giữa Việt Nam Dân Chủ Cộng hòa và Mỹ bắt đầu tại Paris. Từ ngày 01-11-1968, Mỹ buộc phải chấm dứt hoàn toàn việc ném bom, bắn phá miền Bắc.

2.2.2. Hồ Chí Minh lãnh đạo xác định biện pháp thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ cách mạng Việt Nam giai đoạn 1954-1969

Cụ thể hóa phương hướng, nhiệm vụ đề ra, Hồ Chí Minh lãnh đạo xác định biện pháp thực hiện phù hợp tình hình mới trên hai hoạt động chủ yếu: đối nội và đối ngoại. *Về đối nội*: Đoàn kết toàn dân, thi đua sản xuất, làm cho nhân dân ấm no, đất nước giàu mạnh, đồng thời đấu tranh vì hòa bình, thống nhất, độc lập và dân chủ. *Về đối ngoại*: Đoàn kết chặt chẽ với nhân dân các nước bạn, nhân dân hai nước Cao Miên, Lào, nhân dân châu Á, nhân dân Pháp và nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới; thực hiện 5 nguyên tắc lớn chung sống hòa bình. Những hoạt động đối nội, đối ngoại đều nhằm một mục tiêu chung: hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, giàu mạnh. Cụ thể:

- Về chính trị

Trước hết, Người nhấn mạnh vai trò lãnh đạo đúng đắn của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng. Để Đảng giữ vững vai trò lãnh đạo, Người yêu cầu các tổ chức Đảng phải quan tâm, chăm lo xây dựng Đảng vững mạnh về tư tưởng, chính trị, tổ chức. *Thứ hai*, xây dựng và củng cố Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân, trong đó tập trung xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật; củng cố và hoàn thiện tổ chức bộ máy nhà nước đảm bảo tất cả quyền lực thuộc về nhân dân; xây dựng và thi hành pháp luật, giữ vững kỷ cương và trật tự xã hội. *Thứ ba*, xây dựng, củng cố và mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân tộc với nguyên tắc: “rất vững chắc, rất rộng rãi và rất thiết thực” để đoàn kết tất cả mọi người dân Việt Nam, con Lạc cháu Hồng và thành lập *Mặt trận Tổ quốc* thay cho *Mặt trận Liên Việt* đã hoàn thành sứ mệnh lịch sử. Khi tình hình cách mạng ở miền

Nam có sự chuyển biến, để đáp ứng yêu cầu mới, tháng 12-1960, Người chỉ đạo thành lập *Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam*. Từ việc kiện toàn Mặt trận Tổ quốc ở miền Bắc, đến sự ra đời của Mặt trận DTGP miền Nam Việt Nam (1960), Hồ Chí Minh đã thể hiện tầm nhìn chiến lược trong tập hợp lực lượng, không chỉ giúp phân hóa kẻ thù, mà còn tạo sự đồng thuận rộng rãi trong mặt trận đấu tranh chống ngoại xâm, tạo lập thể trận chính trị vững chắc, nguồn sức mạnh nội sinh to lớn để giành thắng lợi cuối cùng.

- Về kinh tế

Trong công cuộc kiến thiết miền Bắc, Hồ Chí Minh đã trực tiếp chỉ đạo các biện pháp nhằm cải tạo nền kinh tế cũ và xây dựng nền kinh tế mới, trong đó xây dựng là nhiệm vụ chủ chốt và lâu dài. Thông qua từng giai đoạn, vai trò lãnh đạo của Người được thể hiện rõ nét, từ khôi phục kinh tế với nhiệm vụ chủ yếu là khôi phục nông nghiệp và khôi phục các cơ sở công nghiệp, nhằm hàn gắn những vết thương chiến tranh, ổn định kinh tế và bước đầu cải thiện đời sống của nhân dân (giai đoạn 1954-1957); đến quá trình chỉ đạo miền Bắc thực hiện kế hoạch 3 năm phát triển và cải tạo kinh tế quốc dân với trọng tâm là thực hiện cải tạo XHCN đối với nông nghiệp, thủ công nghiệp và công thương nghiệp tư bản tư doanh; khâu chính là cải tạo và phát triển nông nghiệp (giai đoạn 1958-1960) và xây dựng nền tảng vật chất và kỹ thuật của CNXH có công nghiệp và nông nghiệp hiện đại (giai đoạn 1961-1965). Những biện pháp Người chỉ đạo thực hiện trong thời kỳ này không chỉ dừng lại ở việc khôi phục sản xuất, mà còn hướng tới xây dựng nền tảng kinh tế tự chủ, có công nghiệp và nông nghiệp hiện đại. Đặc biệt trong giai đoạn 1965-1969, khi đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh ra miền Bắc, Người thể hiện bản lĩnh của một nhà lãnh đạo kiệt xuất qua việc chuyển hướng phát triển kinh tế ở miền Bắc vừa sản xuất, vừa chiến đấu, thực hiện nhiệm vụ quan trọng của miền Bắc là vừa hoàn thành nhiệm vụ hậu phương lớn của tiền tuyến lớn ở miền Nam, vừa đánh bại âm mưu mở rộng chiến tranh của đế quốc Mỹ ra miền Bắc. Qua đó,

Người đã khéo léo xây dựng miền Bắc thành những “pháo đài kinh tế” vững chắc. Dưới sự dẫn dắt của Người, các xí nghiệp, hợp tác xã là nơi vừa sản xuất, vừa chiến đấu, vừa trực tiếp chi viện cho tiền tuyến miền Nam, vừa đánh bại âm mưu phá hoại của địch, qua đó, củng cố vững chắc niềm tin của nhân dân vào sự ưu việt của chế độ XHCN.

- Về văn hóa, con người

Xác định rõ tầm quan trọng của văn hóa trong công cuộc xây dựng CNXH và đấu tranh thống nhất đất nước, Hồ Chí Minh đã định hình một tầm nhìn chiến lược về văn hóa, Người coi văn hóa là “động lực tinh thần” để hiện thực hóa các mục tiêu chính trị. Với quan điểm: “Xã hội thế nào, văn nghệ thế ấy” [112, tr.231] khi dân tộc bị áp bức thì văn hóa, văn nghệ cũng mất tự do. Do đó, muốn tự do thì các hoạt động văn hóa, văn nghệ phải nhằm mục đích phục vụ công cuộc xây dựng CNXH và đấu tranh thống nhất đất nước. Người đã xác lập sứ mệnh của văn hóa là phải gắn liền với vận mệnh dân tộc, phải trở thành vũ khí sắc bén trong cuộc đấu tranh thống nhất đất nước và xây dựng xã hội mới.

Để phát huy vai trò của văn hóa, Người lãnh đạo khôi phục các giá trị văn hóa quý báu của dân tộc (nhưng tránh “phục cổ” một cách máy móc), đồng thời, học hỏi, giao lưu với các nền văn hóa tiên tiến của các nước (nhưng không được tiếp thu một cách xuôi chiều mà cần có sự sáng tạo).

Trong xây dựng văn hóa, Hồ Chí Minh quan tâm xây dựng con người mới XHCN. Theo Người, “Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những *con người xã hội chủ nghĩa*” [116, tr.66], con người XHCN cần có *ý thức làm chủ Nhà nước, tinh thần tập thể xã hội chủ nghĩa và tư tưởng “mình vì mọi người, mọi người vì mình”*, từ công việc, tư tưởng đến thái độ đều phải có tư cách người chủ; phải toàn tâm toàn ý phục vụ CNXH. Để xây dựng con người mới, cần đặc biệt quan tâm đến công tác giáo dục. Mục đích của giáo dục là phải đào tạo nên những công dân và cán bộ tốt, những người chủ tương lai của nước nhà. Trong giáo dục, phải tuân thủ nguyên tắc: (1) Rèn

luyện toàn diện về mọi mặt: thể dục, trí dục, mỹ dục và đức dục để trở thành những người có ích cho gia đình, quê hương, đất nước; (2) Phải có mối liên hệ mật thiết giữa nhà trường với gia đình học trò, kết hợp giáo dục của nhà trường với gia đình và xã hội; (3) Giáo dục cũng phải theo hoàn cảnh, điều kiện. Phải ra sức làm nhưng làm vội không được; (4) Học hỏi là một việc phải tiếp tục suốt đời; (5) Chương trình học phải phù hợp với chính sách chung của Đảng và Nhà nước; nội dung dạy và học phải liên hệ thiết thực với những công tác chung. Những định hướng mang tầm chiến lược của Hồ Chí Minh trên lĩnh vực văn hóa - xã hội thể hiện tầm nhìn chiến lược: xây dựng xã hội mới không chỉ quan tâm tới phát triển kinh tế, chính trị mà còn phải xây dựng nền tảng văn hóa, giáo dục và con người. Đây chính là cơ sở để hình thành sức mạnh tinh thần, tạo nên những con người mới XHCN, sẵn sàng thực hiện sứ mệnh xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Về quốc phòng, an ninh

Khi xác định biện pháp thực hiện quốc phòng, an ninh, Hồ Chí Minh đã định hình một tư duy chiến lược, trong đó chỉ rõ sức mạnh của quốc phòng, an ninh không chỉ nằm ở vũ khí, mà quan trọng hơn là ở con người, ở sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân và sự kết hợp hài hòa giữa nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh với xây dựng kinh tế. Đồng thời, Người cũng đặc biệt chú trọng xây dựng lực lượng vũ trang tinh nhuệ và hiện đại.

Xác định Quân đội là lực lượng nòng cốt bảo vệ thành quả cách mạng, ngay cả trong thời bình cũng không được lơ là việc củng cố quốc phòng, Hồ Chí Minh chỉ rõ: “nếu lực lượng mình mà yếu thì không làm được cái gì, cho nên lực lượng của mình là cái gốc phải luôn luôn sẵn sàng, đó là Quân đội. Vì vậy, vấn đề củng cố quốc phòng rất là quan trọng, chớ không phải hòa bình rồi là không cần củng cố quốc phòng” [112, tr.436]. Với nhãn quan sắc bén, Hồ Chí Minh chỉ đạo xây dựng Quân đội “tiến từng bước lên chính quy và hiện đại” [113, tr.588]. Để Quân đội hoàn thành nhiệm vụ giữ gìn hòa bình, bảo vệ

đất nước, bảo vệ công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc và làm hậu thuẫn cho cuộc đấu tranh thống nhất đất nước, Quân đội thực hiện hai nhiệm vụ chính: *Một là*, xây dựng một quân đội hùng mạnh, sẵn sàng chiến đấu. *Hai là*, tăng gia sản xuất cùng với toàn dân để tiến dần lên CNXH. Việc xác định hai nhiệm vụ này đã kiến tạo nên hình mẫu Quân đội nhân dân kiểu mới - đơn vị vừa chiến đấu, vừa sản xuất. Nhờ đó, Quân đội không chỉ là lực lượng nòng cốt bảo vệ vững chắc, mà còn là lực lượng tham gia lao động sản xuất, gắn kết mật thiết nhiệm vụ quốc phòng với nhiệm vụ xây dựng CNXH.

Cùng với việc củng cố quốc phòng, cần xây dựng lực lượng công an. Theo Người, “Công việc làm của công an âm thầm nhưng rất quan trọng” [113, tr.261]. Trong lúc chiến tranh, công an có việc, lúc hoà bình công an lại càng nhiều việc hơn. Khi miền Bắc đi lên xây dựng CNXH, công an có nhiệm vụ giữ gìn trật tự trị an, bảo vệ cho nhân dân an cư lạc nghiệp, để xây dựng thắng lợi CNXH ở miền Bắc, làm cơ sở vững mạnh cho cuộc đấu tranh thực hiện hòa bình thống nhất đất nước. Khi xây dựng Nhà nước dân chủ nhân dân, công an có nhiệm vụ bảo vệ dân chủ của nhân dân và thực hiện chuyên chính với những kẻ chống lại dân chủ của nhân dân.

Để giữ gìn quốc phòng, an ninh, phải gần gũi nhân dân, dựa vào lực lượng của nhân dân vì nhân dân có hàng triệu tai mắt, do đó, nếu biết dựa vào dân thì việc gì cũng làm được, xa rời nhân dân thì tài tình mấy cũng không làm gì được. Với phương châm dựa vào dân, gắn bó mật thiết với nhân dân trong bảo đảm quốc phòng, an ninh đã tạo nên một thể trận lòng dân vững chắc - nguồn sức mạnh vô địch để bảo vệ Tổ quốc và chi viện cho tiền tuyến miền Nam.

- Về đối ngoại

Mặc dù đã giành được thắng lợi ở Hội nghị Giơnevơ, nền ngoại giao Việt Nam lúc này vẫn còn rất non trẻ. Về mặt quan hệ ngoại giao nhà nước, cho đến năm 1954, Việt Nam mới chỉ được các nước trong phe XHCN công nhận và đặt quan hệ ngoại giao chính thức. Vì vậy, việc xác lập những nguyên tắc và chính

sách đối ngoại mang tính chiến lược có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, nhằm phá vỡ thế cô lập, từng bước mở rộng quan hệ ngoại giao khu vực và quốc tế, tranh thủ tối đa sự ủng hộ, giúp đỡ của các nước anh em và nâng cao uy tín Việt Nam với bạn bè quốc tế. Nhận thức rõ điều này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm định hình đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ song song với việc xác lập các nguyên tắc ứng xử quốc tế của Việt Nam với tất cả các nước trên cơ sở bình đẳng và tôn trọng năm nguyên tắc chung sống hòa bình. Đó là: (1) Tôn trọng chủ quyền và lãnh thổ toàn vẹn của nhau, (2) Không xâm phạm nhau, (3) Không can thiệp vào nội chính của nhau, (4) Đối đãi nhau bình đẳng và đôi bên đều có lợi, (5) Chung sống hòa bình [112, tr.385]. Đối với các nước đế quốc, thực dân từng tham chiến ở Việt Nam, Hồ Chí Minh khẳng định, Nhân dân và Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa luôn luôn quý mến nhân dân các nước, sẵn sàng đặt quan hệ thân thiện với các nước trên nguyên tắc bình đẳng và đôi bên đều có lợi.

Trên cơ sở đường lối và những nguyên tắc đó, Hồ Chí Minh chủ động lãnh đạo triển khai các hoạt động đối ngoại nhằm tạo dựng và phát huy sức mạnh quốc tế phục vụ sự nghiệp cách mạng Việt Nam. Người chú trọng củng cố và phát triển quan hệ với Liên Xô, Trung Quốc và các nước XHCN; Củng cố và mở rộng quan hệ với các nước láng giềng trong khu vực; Tham gia các hoạt động của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế; Tăng cường củng cố và mở rộng đoàn kết quốc tế, tranh thủ sự ủng hộ và giúp đỡ của bạn bè quốc tế đòi Mỹ chấm dứt chiến tranh. Sự chủ động trong hoạt động đối ngoại của Hồ Chí Minh đã góp phần quan trọng hình thành nên một “hậu phương quốc tế” rộng lớn, giúp cô lập kẻ thù và ủng hộ cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân Việt Nam.

Những biện pháp thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH ở Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh bước đầu kiến lập được chế độ XHCN với quan hệ sản xuất XHCN và những cơ sở vật chất - kỹ thuật ban đầu của CNXH, một Nhà nước chuyên chính vô sản được củng cố, hệ tư tưởng và nền văn hoá

XHCN được đặt trên những nền móng vững chắc, đem lại những thay đổi sâu sắc trên tất cả các lĩnh vực. Chính việc không ngừng xây dựng và củng cố các nhân tố của CNXH, đã có tác dụng làm gia tăng nhanh chóng nguồn lực sức mạnh dân tộc, dẫn đến thắng lợi quan trọng trong công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất đất nước. Kết quả đạt được cho thấy các biện pháp cơ bản phù hợp với yêu cầu cách mạng Việt Nam trong điều kiện lịch sử giai đoạn này. Tuy nhiên, miền Bắc đi lên CNXH từ một nền kinh tế vốn là sản xuất nhỏ, lạc hậu lại bị chiến tranh tàn phá rất nặng nề. Năm 1954, miền Bắc bước vào cách mạng XHCN, đến năm 1964 đế quốc Mỹ bắt đầu mở rộng chiến tranh ra miền Bắc, vì vậy thời gian thật sự xây dựng chỉ có 10 năm. Sau khi hoàn thành cải tạo XHCN một thời gian ngắn, miền Bắc phải trực tiếp chiến đấu chống lại cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ. Hơn nữa, chiến tranh đã phá huỷ hầu hết những cái mà nhân dân tốn biết bao công sức để xây dựng nên, làm cho quá trình tiến lên sản xuất lớn bị chậm lại và làm đảo lộn cả nền nếp quản lý kinh tế.

Tiểu kết chương 2

Hồ Chí Minh lãnh đạo thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969 trong bối cảnh thế giới và trong nước có nhiều biến động sâu sắc, trong đó, điểm nổi bật là đế quốc Mỹ xâm lược miền Nam, đất nước tạm thời bị chia làm hai miền. Miền Bắc hoàn thành những nhiệm vụ của cách mạng DTDCND, miền Nam đang bị đế quốc Mỹ và tay sai thống trị. Tình hình đó đã hình thành ở Việt Nam hai khu vực có chế độ chính trị và xã hội khác nhau.

Thời điểm này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đảm nhiệm nhiều trọng trách lớn trước Đảng và dân tộc. Người vừa là Chủ tịch Đảng, vừa là Chủ tịch nước. Trong bối cảnh đó, với cương vị và trọng trách người đứng đầu đòi hỏi người lãnh đạo phải kiên định về mục tiêu chiến lược, vững vàng về bản lĩnh chính trị và khả năng nhận diện chính xác tình hình, xử lý linh hoạt những vấn đề mới nảy sinh

và kịp thời điều chỉnh phương thức lãnh đạo phù hợp với từng giai đoạn. Đây vừa là một thử thách nặng nề của lịch sử, vừa là điều kiện để Người phát huy tầm nhìn chiến lược, bản lĩnh chính trị, năng lực tổ chức thực tiễn trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

Thực tiễn giai đoạn 1954-1969 cho thấy, nhờ tinh thần chủ động, sáng tạo trước mọi tình huống, Hồ Chí Minh đã lãnh đạo toàn Đảng, toàn dân vượt qua mọi thử thách của lịch sử. Thắng lợi của cách mạng là kết quả của sự kiên định về mục tiêu và kết tinh từ tư duy chiến lược sắc bén của một lãnh tụ có tầm nhìn xa trông rộng. Điều đó được thể hiện rõ nét qua những quyết định mang tính bước ngoặt tại Hội nghị lần thứ 15 khóa II (1959), Đại hội III của Đảng (1960), Hội nghị lần thứ 11 khóa III (3-1965), Hội nghị lần thứ 12 khóa III (12-1965), Hội nghị lần thứ 13 khóa III (01-1967)... cùng việc chỉ đạo thành lập Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (1955), Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam (1960) và triển khai nhiều chủ trương, biện pháp trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Những quyết định và hoạt động lãnh đạo của Người đã góp phần quan trọng đưa cách mạng hai miền từng bước vượt qua mọi thách thức, đánh bại các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ, tạo tiền đề vững chắc tiến tới thắng lợi hoàn toàn của sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Chương 3

HỒ CHÍ MINH LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC THỰC HIỆN MỤC TIÊU ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1954-1969

3.1. HỒ CHÍ MINH LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC THỰC HIỆN MỤC TIÊU ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM NHỮNG NĂM 1954-1964

3.1.1. Về chính trị

3.1.1.1. *Chăm lo xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh toàn diện*

Thứ nhất, chăm lo xây dựng Đảng về tư tưởng

Trong quá trình lãnh đạo, đặc biệt sau một thời gian thực hiện công cuộc cách mạng cải cách ruộng đất, trước nhịp phát triển nhanh chóng và phức tạp của tình hình, tư tưởng, nhận thức của cán bộ, đảng viên có nhiều sai lầm, lệch lạc nghiêm trọng. Kiểm điểm nguyên nhân sai lầm, Người cho rằng, vì trình độ lý luận thấp kém cho nên đứng trước nhiệm vụ cách mạng ngày càng mới và phức tạp, trong việc lãnh đạo, Đảng không khỏi lúng túng, không tránh khỏi sai lầm, khuyết điểm. Nhằm hạn chế phạm sai lầm, đỡ bớt mò mẫm Người yêu cầu Đảng và mỗi cán bộ, đảng viên phải nâng cao sự tu dưỡng về chủ nghĩa Mác-Lênin, phải học tập lý luận, phải nâng cao trình độ lý luận.

Để nâng cao trình độ lý luận cho cán bộ, Người quan tâm việc huấn luyện lý luận cho cán bộ và đưa ra chỉ dẫn mang tính nguyên tắc định hướng cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng lý luận, đó là lý luận phải liên hệ với thực tế. *Về cách thức học*, học lý luận không phải là học để thuộc lòng từng câu từng chữ, đem kinh nghiệm của các nước áp dụng một cách máy móc mà phải học chủ nghĩa Mác-Lênin để phân tích và giải quyết các vấn đề cụ thể của cách mạng Việt Nam. Yêu cầu để học tập hiệu quả, đó là đối với bất cứ vấn đề gì đều phải đặt câu hỏi “vì sao”?

Sự quan tâm và những chỉ dẫn của Hồ Chí Minh đối với công tác giáo dục, bồi dưỡng lý luận đã góp phần nâng cao trình độ lý luận của Đảng và mỗi đảng

viên, cán bộ. Đại bộ phận cán bộ, đảng viên nhận thức được tương đối sâu sắc đặc điểm cách mạng XHCN ở miền Bắc, đánh giá đúng mức hơn ý nghĩa to lớn của những thắng lợi đạt được, nhìn rõ những nguyên nhân sâu xa và tính chất tất yếu và lâu dài của những khó khăn trong công cuộc xây dựng CNXH. Mặt khác, khắc phục được một phần quan trọng những tư tưởng bi quan, hoài nghi, dao động trong việc đánh giá tình hình, đánh giá phong trào; đẩy lùi một bước tư tưởng bảo thủ, tư tưởng tiêu cực trong việc chấp hành đường lối, chủ trương, nhất là trong việc lãnh đạo nông nghiệp, tư tưởng ỷ lại, thái độ thiếu trách nhiệm đối với sự nghiệp chung và tư tưởng ngại khó, sợ khổ.

Thứ hai, chăm lo xây dựng Đảng về chính trị

Đảng mạnh trước hết bởi ở đường lối, chủ trương đúng, đây là điều kiện tiên quyết quyết định thắng lợi của cách mạng. Để Đảng đủ năng lực hoạch định đường lối, chủ trương đúng, Người chỉ dẫn một số vấn đề có tính nguyên tắc, đó là phải luôn quán triệt sâu sắc quan điểm “lấy dân làm gốc”, trong mọi hoạt động và chính sách của Đảng là phải “*hết sức chăm nom đến đời sống của nhân dân*” [112, tr.518].

Nhận thấy một trong những hạn chế trong xây dựng Đảng về chính trị đó là chưa đánh giá tình hình toàn diện, thiếu điều tra, nghiên cứu một cách cụ thể. Người yêu cầu phải gắn liền lý luận với thực tế, phải thường xuyên theo dõi, nắm bắt tình hình trong nước và thế giới. Trong các cuộc họp thông thường Người thường yêu cầu mọi người “làm một “tour d’horizon” (nhìn quanh chân trời), xem tình hình thế giới, trong nước ra sao, ai biết gì cứ nói” [59, tr.222].

Đặc biệt, trong xây dựng Đảng về chính trị, Người quan tâm nhiều đến khâu tổ chức thực hiện. Tránh tình trạng “có hội, có nghị, có quyết mà không hành” hay là tình trạng có “hội mà không nghị, nghị mà không quyết, quyết rồi mà không làm”. Trong nhiều vấn đề nên xem cái gì làm trước, cái gì làm sau, mà làm cái gì phải có làm đến nơi đến chốn.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, phải kiểm tra xem hiệu quả thực hiện như thế nào. Người đề nghị Bộ Chính trị cần thì sáu tháng, hằng tuần dành hẳn mấy ngày làm việc để nghiên cứu tìm ra giải pháp phù hợp; khi định những chính

sách gì, những kỷ luật gì, đều phải xem xét chu đáo, tránh tình trạng chủ trương đúng nhưng thực hiện không hiệu quả, dẫn đến việc phải điều chỉnh.

Thứ ba, chăm lo xây dựng Đảng về tổ chức

Theo Hồ Chí Minh, tổ chức trước hết là con người, trong con người phải chú ý trọng điểm là đảng viên. Người quan tâm xây dựng đội ngũ đảng viên cả về chất lượng và số lượng. Nhằm đảm bảo chất lượng, Người cùng Trung ương Đảng xây dựng các quy định về nhiệm vụ của đảng viên được ghi trong Điều lệ của Đảng tại Đại hội lần thứ III (1960). Để phát triển đảng viên về số lượng, Người quan tâm đến công tác phát triển đảng viên mới. Khi kết nạp phải lựa chọn rất cẩn thận, tránh làm ô ạt và phải nắm vững phương châm phát triển Đảng là “trọng chất hơn lượng”.

Trong công tác xây dựng tổ chức, Người coi trọng việc xây dựng chi bộ tốt, chi bộ vững mạnh. Vì sao phải xây dựng chi bộ tốt ?. Theo Người, chi bộ là người trực tiếp lãnh đạo quần chúng để thực hiện đường lối và chính sách của Đảng. Chi bộ tốt thì mọi việc đều tiến bộ. Chi bộ kém thì gặp nhiều khó khăn. Do đó, xây dựng chi bộ cho tốt, cho vững mạnh là một việc vô cùng quan trọng.

Để xây dựng tổ chức, Người quan tâm công tác chỉnh đốn đảng và coi đó là điều kiện cần và đủ, thiết thực và thường xuyên để Đảng trong sạch, vững mạnh, đủ trí tuệ, bản lĩnh, vượt qua những thử thách. Để chỉnh đốn đảng, Người yêu cầu phải thực hiện các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng. Phát biểu bế mạc Hội nghị lần thứ 9 khóa II (24-4-1956), Người nhấn mạnh: “phải tăng cường tập thể lãnh đạo từ Trung ương đến địa phương... Tập thể lãnh đạo phải đi đôi với *cá nhân phụ trách*. Phải định rõ chế độ làm việc, đảm bảo nguyên tắc lãnh đạo cao nhất của Đảng, tức là tập thể lãnh đạo. Phải mở rộng dân chủ; phải mở rộng phê bình và tự phê bình, nhất là phê bình từ dưới lên” [113, tr.314].

Bên cạnh đó, Người thường xuyên chấn chỉnh những khuyết điểm mới nảy sinh và chỉ dẫn cụ thể cách thức sửa chữa như hiện tượng sùng bái cá nhân; bệnh suy bì đả ngộ và địa vị; bệnh công thân; bệnh quan liêu, mệnh lệnh; bệnh hình thức...

Vấn đề xây dựng đạo đức cho cán bộ, đảng viên luôn được Người thường xuyên quan tâm. Tháng 12-1958, dưới bút danh Trần Lực, Hồ Chí Minh viết bài *Đạo đức cách mạng*, nội dung tác phẩm làm rõ các nội dung cơ bản của đạo đức mới, đạo đức XHCN. Không chỉ giáo dục đạo đức, Hồ Chí Minh còn tự mình nêu cao tấm gương về đạo đức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân noi theo. Điều này có ý nghĩa rất quan trọng trong việc chuẩn bị về nhận thức, tư tưởng, đạo đức cho cán bộ, đảng viên, nhân dân trong bối cảnh miền Bắc chuyển từ cách mạng DTDCND tiến lên cách mạng XHCN.

Riêng đối với công tác xây dựng Đảng ở miền Nam, ngay từ giữa năm 1954, khi thực hiện chuyển quân, tập kết theo Hiệp định Giơnevơ, Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã “duy trì một lực lượng cán bộ “khung” các cấp ở miền Nam” [154, tr.567]. Để đảm bảo vai trò lãnh đạo của Đảng ở miền Nam trong điều kiện đế quốc Mỹ và tay sai xâm lược, Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương thành lập Xứ ủy Nam Bộ tại Hội nghị Bộ Chính trị ngày 01-6/9/1954. Đầu năm 1955, dự kiến tình hình có thể diễn biến phức tạp, đối phương không chịu thi hành hiệp định, Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh giao nhiệm vụ cho một số trí thức là đảng viên vào miền Nam hoạt động công khai, hợp pháp trong phong trào đấu tranh chống Mỹ - Diệm như: Luật sư Nguyễn Hữu Thọ, các giáo sư Phạm Huy Thông, Nguyễn Văn Dưỡng... [124, tr.54]. Tiếp đó, Hội nghị lần thứ 3 khóa III (01-1961), Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh quyết định thành lập Trung ương Cục miền Nam nhằm tăng cường sự lãnh đạo của BCH Trung ương Đảng đối với cách mạng miền Nam. Bên cạnh đó, trong các cuộc họp Bộ Chính trị, trong các buổi làm việc với cán bộ miền Nam ra Bắc, trong các bức thư gửi đồng bào miền Nam Người luôn đề cập đến tầm quan trọng của công tác xây dựng Đảng trong thực hiện nhiệm vụ. Các quan điểm chỉ đạo của Người đều đến được với cán bộ, đảng viên miền Nam dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Xứ ủy Nam Bộ, Liên khu ủy Nam Trung Bộ. Cụ thể, trong công tác xây dựng Đảng, luôn chú ý sửa đổi lề lối làm việc giữa tỉnh, huyện, xã; củng cố tổ chức và phát triển Đảng với phương châm trọng chất hơn lượng, phát triển Đảng theo yêu cầu chứ không phải theo khả năng, chú ý phát triển đều khắp

ba vùng, trước hết nhằm vào các vùng nông thôn, thành thị, các khu ấp chiến lược, vùng đồng bào dân tộc, tôn giáo...; quan tâm công tác tuyên truyền, giáo dục đường lối, chính sách và lãnh đạo tư tưởng để cho mỗi cán bộ, đảng viên nhận rõ kết quả cũng như khuyết điểm trong việc chấp hành đường lối chính sách của Đảng và coi công tác tuyên truyền là công tác cách mạng căn bản nhất, là một vũ khí căn bản để đấu tranh đánh quân thù.

Với các hoạt động tích cực của Hồ Chí Minh trong công tác xây dựng Đảng, với sự cố gắng của toàn Đảng, của mỗi đảng viên, những sai lầm trong cải cách ruộng đất đã kịp thời được phát hiện và sửa chữa; cán bộ, đảng viên biết vận dụng lý luận Mác-Lênin vào tình hình thực tế của đất nước và đề ra đường lối, chính sách đúng đắn; công tác xây dựng đảng về tổ chức, đặc biệt việc xây dựng đạo đức cho cán bộ, đảng viên, việc phòng tránh tình trạng quan liêu, thoái hóa của cán bộ, đảng viên trong điều kiện hòa bình được quan tâm. Việc xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh được chú trọng.

Lãnh đạo công tác xây dựng Đảng từ trạng thái chiến tranh chuyển sang hòa bình, Hồ Chí Minh đã để lại nhiều dấu ấn nổi bật với tư cách là người đứng đầu. Không chỉ trong chỉ thị, nghị quyết, dấu ấn Hồ Chí Minh còn thể hiện phong cách lãnh đạo dân chủ, thực tiễn và sâu sát. Qua đó, đặt nền tảng vững chắc cho sự cầm quyền của Đảng vừa có trí tuệ, vừa có đạo đức, lấy sự tận tụy phục vụ nhân dân làm thước đo. Chính sự trong sạch, vững mạnh của Đảng là điều kiện tiên quyết, quyết định thắng lợi của cách mạng.

3.1.1.2. Xây dựng và củng cố Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân

Thứ nhất, xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật

Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, cách mạng Việt Nam chuyển sang giai đoạn mới. Người nêu ra yêu cầu quan trọng và cấp bách đó là sửa đổi Hiến pháp. Phát biểu trước Quốc hội, Người cho rằng, Hiến pháp năm 1946, thích hợp với tình hình và nhiệm vụ cách mạng trong thời kỳ đó. Nhưng trong tình hình mới và nhiệm vụ cách mạng mới hiện nay thì không thích hợp nữa. Vì vậy nên phải sửa đổi Hiến pháp.

Được Quốc hội giao nhiệm vụ là Trưởng ban sửa đổi Hiến pháp, Người chỉ đạo Ban sửa đổi Hiến pháp “họp 18 lần, đã thảo luận và thông qua 9 bản thuyết trình lớn” [114, tr.386]. Ngày 31-12-1959, Hiến pháp sửa đổi được Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khóa thứ nhất, kỳ họp thứ 11 nhất trí thông qua với 10 chương và 112 điều. Ngày 01-01-1960, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh số 1 của Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa công bố Hiến pháp mới. Đó là bản Hiến pháp XHCN đầu tiên ở Việt Nam, khẳng định ý chí và nguyện vọng của nhân dân trong xây dựng CNXH và đấu tranh thống nhất đất nước.

Trong quá trình xây dựng Hiến pháp năm 1959, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm đến sự tham gia đóng góp ý kiến của các đoàn thể và mọi người dân. Người yêu cầu phải trưng cầu ý kiến nhân dân cả nước một cách rộng rãi để bản Hiến pháp tiêu biểu cho nguyện vọng của nhân dân. Đọc *Diễn văn khai mạc phiên họp đầu tiên của Ban Sửa đổi Hiến pháp (27-2-1957)*, Người nhấn mạnh: “Bản Hiến pháp chúng ta sẽ thảo ra... phải tiêu biểu được các nguyện vọng của nhân dân... Sau khi thảo xong, chúng ta cần phải trưng cầu ý kiến của nhân dân cả nước một cách thật rộng rãi. Có như thế bản Hiến pháp của chúng ta mới thật sự là một bản Hiến pháp của nhân dân, của chế độ dân chủ” [113, tr.510-511]. Kết quả, sau 4 tháng bản dự thảo được công bố để toàn dân thảo luận và góp ý kiến, khắp các nơi, trong các cơ quan, xí nghiệp, trường học và các tổ chức khác của nhân dân, từ thành thị đến nông thôn, việc nghiên cứu và thảo luận dự thảo Hiến pháp được tiến hành sôi nổi và rộng rãi có đủ các tầng lớp nhân dân tham gia.

Để đảm bảo giữ vững kỷ cương, trật tự xã hội và tính nghiêm minh của pháp luật, Người quan tâm chỉ đạo việc xây dựng và thi hành tốt, thi hành đúng pháp luật. Với Người, pháp luật là công cụ cần thiết để giữ gìn quyền lợi cho dân; là điều kiện đảm bảo trật tự xã hội, Người nhấn mạnh: “Trong một nước thường phạt phải nghiêm minh thì nhân dân mới yên ổn” [108, tr.189]. Vì vậy, bên cạnh xây dựng và ban hành Hiến pháp, Người quan tâm chỉ đạo xây dựng và ban hành các văn bản pháp luật; trực tiếp tham gia chỉ đạo xây dựng, góp ý và ký ban hành

các văn bản pháp luật: Sắc lệnh 229/SL ngày 29-4-1955 về chính sách dân tộc; Sắc lệnh 234/SL ngày 14-6-1955 về chính sách tôn giáo; Luật bầu cử Quốc hội (13-1-1960); pháp lệnh về thể lệ bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp (23-1-1961); Luật tổ chức Quốc hội (14-7-1960); Luật tổ chức Hội đồng Chính phủ (14-7-1960); Luật tổ chức Tòa án nhân dân (14-7-1960); Luật tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân (15-7-1960); Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính các cấp (27-10-1962)... Hệ thống các văn bản pháp luật được ban hành trong giai đoạn này đã quy định đầy đủ về quyền và nghĩa vụ của công dân, tạo ra những điều kiện đảm bảo để nhân dân phát huy quyền làm chủ của mình, đồng thời, kịp thời điều chỉnh, quản lý xã hội bằng pháp luật trong điều kiện mới qua đó thể hiện bản chất dân chủ của xã hội XHCN.

Thứ hai, củng cố và hoàn thiện tổ chức bộ máy nhà nước đảm bảo tất cả quyền lực thuộc về Nhân dân

Đảm bảo sự vận hành thông suốt của tổ chức bộ máy nhà nước, Người chỉ đạo xây dựng quy định về cơ cấu tổ chức các cơ quan quyền lực ở Trung ương (Quốc hội), cơ quan hành chính (Hội đồng Chính phủ), cơ quan tư pháp (Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân) và các cơ quan quyền lực ở địa phương (Hội đồng nhân dân), cơ quan hành chính (ủy ban hành chính địa phương các cấp). Những nội dung đó được thể hiện rõ trong Hiến pháp sửa đổi năm 1959 và Luật tổ chức Quốc hội (14-7-1960); Luật tổ chức Hội đồng Chính phủ (14-7-1960); Luật tổ chức Tòa án nhân dân (14-7-1960); Luật tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân (15-7-1960); Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính các cấp (27-10-1962). Đây là cơ sở hết sức quan trọng để hoàn thiện bộ máy chính quyền từ Trung ương và địa phương đảm bảo sự thống nhất, hiệu quả.

Đáng chú ý là Người rất quan tâm đến việc củng cố chính quyền địa phương, Người yêu cầu phải “củng cố chính quyền nhân dân và củng cố những tổ chức của nhân dân ở các địa phương. Bởi vì nếu chính quyền nhân dân và tổ chức nhân dân ở các địa phương lỏng lẻo thì những chính sách của Đảng và của Chính phủ đưa ra thi hành không đến nơi đến chốn” [113, tr.612]. Người trực tiếp đi về

các địa phương, chỉ rõ những ưu điểm và hạn chế, chỉ rõ cần phải làm gì để chính quyền thực hiện nhiệm vụ nhân dân giao phó.

Vấn đề kiện toàn lại bộ máy, xây dựng bộ máy hoạt động hiệu lực hiệu quả được Người quan tâm. Trên cơ sở đi nghiên cứu thực tế các địa phương, Hồ Chí Minh thẳng thắn chỉ rõ: “Trong bộ máy của Nhà nước, số người làm việc giấy tờ và những việc linh tinh có nơi cũng còn quá nhiều... Thật là phung phí sức lao động! [115, tr.499]. Từ đó, yêu cầu phải sắp xếp để có thật nhiều người trực tiếp sản xuất, còn số người không trực tiếp sản xuất càng ít càng tốt.

Trong xây dựng và hoàn thiện bộ máy nhà nước, Người luôn chú trọng vấn đề xây dựng đội ngũ cán bộ. Trong bối cảnh từ chiến tranh chuyển sang hòa bình, trước tình hình mới, Người yêu cầu người cán bộ phải luôn tỉnh táo, không tự kiêu, tự đại, tự mãn. Theo Người: “bom đạn của địch không nguy hiểm bằng “đạn bọc đường” vì nó làm hại mình mà mình không trông thấy” [112, tr.47]. Người thường xuyên theo dõi, nắm bắt tình hình để kịp thời chấn chỉnh những hành vi không đúng của cán bộ.

Những chỉ dẫn và hoạt động tích cực của Hồ Chí Minh trong xây dựng, củng cố và hoàn thiện bộ máy nhà nước, xây dựng đội ngũ cán bộ đã giúp bộ máy vận hành thông suốt từ Trung ương đến cơ sở trong điều kiện đất nước vừa mới chuyển từ chiến tranh sang hòa bình còn nhiều khó khăn. Đặc biệt, đội ngũ cán bộ trong các cơ quan nhà nước đã mạnh dạn sửa sai, hoàn thiện để đảm nhiệm các nhiệm vụ được phân công.

Thứ ba, chỉ đạo xây dựng và thi hành pháp luật, giữ vững kỷ cương và trật tự xã hội

Người cho rằng, pháp luật là công cụ cần thiết để giữ gìn quyền lợi cho dân; là điều kiện đảm bảo trật tự xã hội, “Trong một nước thường phạt phải nghiêm minh thì nhân dân mới yên ổn” [108, tr.189]. Để đảm bảo thi hành đúng pháp luật, sau khi ban hành Hiến pháp sửa đổi năm 1959, Người ký ban hành Luật tổ chức Tòa án nhân dân (14-7-1960) gồm 2 chương, 29 điều. Tiếp đó, ngày 15-7-1960, Người ký ban hành Luật tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân gồm 5 chương 25 điều,

trong đó quy định rõ những vấn đề có tính nguyên tắc trong hoạt động của ngành Tòa án và Viện Kiểm sát nhân dân các cấp.

Xác định vấn đề cán bộ là gốc của mọi công việc, Người nhắc nhở cán bộ ngành Tư pháp phải nêu cao tinh thần “Phụng công, thủ pháp, chí công vô tư”, phải công bằng, liêm khiết, trong sạch, gần dân, hiểu dân, giúp dân, học dân. Trong nội bộ ngành phải luôn đoàn kết, đoàn kết từ trên xuống dưới, từ dưới lên trên, làm gương cho nhân dân.

Để cho việc tuân theo pháp luật của nhân dân được tốt, Người yêu cầu các cơ quan, địa phương, cán bộ phải thường xuyên tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho nhân dân. Trong *Bài nói chuyện tại Hội nghị cán bộ thảo luận Dự thảo Luật Hôn nhân và gia đình* (10-10-1959), Người nói rõ sự cần thiết phải tuyên truyền, giáo dục pháp luật khi Luật được Quốc hội thông qua đó là “vì tập quán cũ đã ăn sâu lâu đời trong nhân dân. Cho nên công bố đạo luật này chưa phải đã là mọi việc đều xong, mà còn *phải tuyên truyền giáo dục lâu dài mới thực hiện được tốt*” [115, tr.301].

Bản thân Người luôn ý thức trách nhiệm cao trong việc tuyên truyền pháp luật, nói chuyện tại *Đại hội đại biểu nhân dân Hà Nội về thắng lợi của kỳ họp lần thứ 11 Quốc hội khóa I* (13-1-1960), Người yêu cầu, để thi hành Hiến pháp một cách nghiêm chỉnh “các đại biểu Hội đồng nhân dân và các cán bộ thì phải phổ biến Hiến pháp một cách kỹ lưỡng và rộng khắp trong nhân dân và gương mẫu trong việc thi hành Hiến pháp và các luật lệ” [115, tr.428]. Bên cạnh đó, mỗi khi có dịp đi về cơ sở Người đều kêu gọi người dân tuân thủ pháp luật và bản thân Người làm tấm gương mẫu mực về thi hành pháp luật. Người không chấp nhận quyền ưu tiên để công an giao thông bật đèn xanh mở đường ở một ngã tư lúc đường phố đông người. Đối với Người, tất cả mọi người đều phải tôn trọng kỷ cương, tuân thủ đúng pháp luật.

Đặc biệt, sau khi ban hành và tuyên truyền pháp luật, Hồ Chí Minh dành thời gian theo dõi việc thi hành pháp luật để kịp thời chấn chỉnh. Ngày 9-3-1961, trong *Bài nói chuyện tại đại hội phụ nữ toàn quốc lần thứ III*, Người chỉ rõ hạn chế trong công tác phụ nữ, trong đó có việc thực thi Luật hôn nhân và gia đình

Người nói, “Hiện nay vẫn còn nhiều người và nhiều nơi làm trái luật ấy. Vài thí dụ: Nhiều người còn ngược đãi vợ và ép uông duyên con...” [116, tr.60]. Từ đó, yêu cầu cần phải tuyên truyền rộng khắp và bền bỉ giáo dục; đồng thời đối với những kẻ phạm pháp thì phải thi hành kỷ luật một cách nghiêm khắc.

Các hoạt động nhằm hướng tới xây dựng nhà nước thật sự dân chủ của Hồ Chí Minh đã đặt cơ sở để phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ của người dân, vai trò của Nhà nước ngày càng được tăng cường và củng cố, đặc biệt bản Hiến pháp sửa đổi năm 1959 do Người làm Trưởng Ban soạn thảo bảo đảm mọi quyền dân chủ rộng rãi của nhân dân lao động. Hệ thống các văn bản pháp luật được ban hành mang tính chất XHCN, có bản chất dân chủ, thể hiện ý chí của giai cấp công nhân và nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng, qua đó kịp thời điều chỉnh các quan hệ mới phát sinh trong điều kiện mới.

3.1.1.3. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc

Trong tiến trình lãnh đạo thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH ở Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn coi đại đoàn kết toàn dân tộc là nguồn sức mạnh nội sinh quyết định mọi thắng lợi. Vì vậy, ngay sau khi miền Bắc được hòa bình, trước tình hình mới, đặt vấn đề: Chính sách của ta bây giờ thế nào? Đối với bên trong như thế nào?. Người cho rằng: “*Bên trong*, phải đoàn kết rộng rãi” [112, tr.69]. Với tầm nhìn chiến lược, Người cho rằng, thực hiện đoàn kết không phải chỉ để vượt qua khó khăn trước mắt, mà phải hướng tới sự gắn kết rộng rãi và lâu dài. Nói chuyện tại Hội nghị đại biểu Mặt trận Liên - Việt toàn quốc (10-1-1955), Người chỉ rõ: “Đoàn kết của ta không những rộng rãi mà còn đoàn kết lâu dài” [112, tr.244]. Trong thực hành đoàn kết, phải tăng cường đoàn kết trong Đảng vì *sự đoàn kết trong Đảng* là quan trọng hơn bao giờ hết. Muốn đoàn kết chặt chẽ trong Đảng phải thống nhất tư tưởng, mở rộng dân chủ nội bộ, mở rộng tự phê bình và phê bình. Thực hiện chính sách đoàn kết, Người chỉ rõ 2 khuynh hướng sai lầm cần phải chống: cô độc hẹp hòi và đoàn kết vô nguyên tắc.

Trước yêu cầu của tình hình mới, để có một tổ chức đủ sức tập hợp nhân dân thực hiện nhiệm vụ cách mạng trong tình hình mới, Người chỉ đạo việc thành lập Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trên cơ sở liên hiệp Mặt trận Liên Việt và Mặt trận

Việt Minh. Tháng 9-1955, Mặt trận Dân tộc Thống nhất Việt Nam họp Đại hội, Đại hội quyết định thành lập Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hồ Chí Minh được Đại hội bầu làm Chủ tịch danh dự. Sự ra đời của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (1955), không chỉ khắc phục tình trạng phân tán nguồn lực, mà còn tạo sự thống nhất, đồng thuận cao trong toàn xã hội. Chính sự đoàn kết thống nhất dưới ngọn cờ của Mặt trận góp phần tạo nên sức mạnh tổng hợp để miền Bắc xây dựng CNXH, thực hiện vai trò hậu phương lớn đối với miền Nam và đưa sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước từng bước đi đến thắng lợi.

Để mở rộng và tăng cường đại đoàn kết dân tộc, Hồ Chí Minh tích cực tuyên truyền, giải thích, hướng dẫn các đơn vị, địa phương trong thực hành đoàn kết. Trong các bài nói chuyện từ nhà máy, xí nghiệp đến các xã, huyện, tỉnh/thành phố Người đều căn dặn các đơn vị, địa phương phải coi trọng vấn đề đoàn kết. Bên cạnh đó, Người dành sự quan tâm đến việc xây dựng và củng cố các tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên và Hội phụ nữ, coi đó là nhân tố quan trọng góp phần tăng cường sức mạnh của Mặt trận.

Khi đế quốc Mỹ và tay sai phá hoại việc thi hành Hiệp định Giơnevơ và công cuộc đấu tranh giành thống nhất đất nước ở miền Nam cần được mở rộng, đặc biệt sau thắng lợi của phong trào Đồng Khởi (1960), yêu cầu cấp bách của miền Nam là phải có một ngọn cờ chính trị thống nhất để tập hợp mọi tầng lớp nhân dân. Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng đã chỉ đạo Xứ ủy Nam Bộ khẩn trương xây dựng một mặt trận dân tộc rộng rãi. Ngày 20-12-1960, Mặt trận dân tộc thống nhất ở miền Nam được thành lập với tên gọi Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Ngay sau khi Mặt trận DTGP miền Nam được thành lập, Hồ Chí Minh đã khẳng định tính pháp lý của Mặt trận với tư cách là “*người đại diện chân chính và duy nhất*” của nhân dân miền Nam, là người đoàn kết và lãnh đạo nhân dân miền Nam kháng chiến chống đế quốc Mỹ cùng bọn Việt gian” [117, tr.537]; khẳng định vai trò của Mặt trận: “Nếu không có Mặt trận tham gia thì không thể giải quyết được vấn đề miền Nam” [117, tr.537]. Việc thành lập và khẳng định Mặt trận là *người đại diện chân chính và duy nhất* có ý nghĩa vô cùng lớn, đây không chỉ là một tuyên bố chính trị mà còn là đòn tấn công trực diện vào

tính chính danh của chính quyền Sài Gòn trên trường quốc tế, đồng thời tạo cơ sở pháp lý vững chắc giúp cách mạng miền Nam mở rộng quan hệ đối ngoại, tranh thủ sự ủng hộ của bạn bè quốc tế. Đặc biệt, sự ra đời của Mặt trận DTGP miền Nam đã trở thành trung tâm đoàn kết, quy tụ mọi tầng lớp nhân dân miền Nam, khơi dậy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, biến khát vọng độc lập, thống nhất đất nước thành động lực trực tiếp cho cuộc đấu tranh giành thắng lợi. Kết quả là, dưới sự lãnh đạo của Đảng, thông qua hoạt động của Mặt trận DTGP miền Nam, đồng bào miền Nam từ rừng núi đến đồng bằng, từ thôn quê đến thành thị đoàn kết chặt chẽ, vượt mọi gian khổ khó khăn, chiến đấu hy sinh vô cùng anh dũng chống đế quốc Mỹ và tay sai và đã giành được những thắng lợi vẻ vang.

Bên cạnh đó, để củng cố vững chắc khối đại đoàn kết toàn dân tộc, kịp thời nắm bắt, chỉ đạo sâu sát cách mạng miền Nam, Hồ Chí Minh luôn dành sự quan tâm đặc biệt thông qua việc thường xuyên gặp gỡ các cán bộ, chiến sĩ từ miền Nam ra Bắc công tác, đồng thời duy trì sự liên kết mật thiết qua viết thư, như: *Thư gửi các đơn vị miền Nam tập kết* (16-12-1954), *Thư gửi đồng bào Nam bộ* (12-1954), *Thư gửi cán bộ miền Nam tập kết* (19-6-1956), *Thư gửi đồng bào, chiến sĩ và cán bộ miền Nam* (20-7-1964)... Qua đó, kịp thời chỉ đạo cách mạng miền Nam và động viên, chia sẻ với những khó khăn của đồng bào, khơi dậy tinh thần quyết chiến, quyết thắng của quân và dân miền Nam.

3.1.2. Về kinh tế

3.1.2.1. Lãnh đạo khôi phục và phát triển kinh tế (1955-1957)

Hiệp định Giơnevơ được ký kết, miền Bắc được hòa bình, song do hậu quả nặng nề của chiến tranh và thiên tai, nạn đói diễn ra liên tiếp nhiều nơi. Trước tình hình đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư, phát biểu, nói chuyện với cán bộ, nhân dân yêu cầu phải khôi phục nền kinh tế cải thiện mức sống của nhân dân. Kế hoạch khôi phục kinh tế bao gồm nông nghiệp, công nghiệp, thương nghiệp, giao thông vận tải; nhưng sản xuất nông nghiệp là *chính*.

Tiếp tục thực hiện chủ trương người cày có ruộng, Người chỉ đạo việc thực hiện cải cách ruộng đất đợt 5, đợt cuối cùng của cuộc đấu tranh xóa bỏ giai cấp phong kiến ở miền Bắc.

Trong khi tiến hành cải cách ruộng đất đợt 5, Người viết thư, đi thăm và nói chuyện với đồng bào và cán bộ tại các vùng thực hiện cải cách ruộng đất lần 5. Chỉ tính riêng năm 1956, Người đã sáu lần phát biểu và gửi thư cho đồng bào và cán bộ tại các vùng thực hiện cải cách ruộng đất đợt 5. Sau gần nửa năm, cải cách ruộng đất đợt 5 đã cơ bản hoàn thành ở vùng đồng bằng trung du và 280 xã vùng núi. Hồ Chí Minh đánh giá thắng lợi cải cách ruộng đất là to lớn và căn bản “Nó mở đường cho đồng bào nông thôn ta xây dựng cuộc đời ấm no, góp phần xứng đáng vào công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế, củng cố miền Bắc thành cơ sở vững mạnh để đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà” [113; tr.411]. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, các đợt cải cách ruộng đất “đã mắc những sai lầm rất nghiêm trọng, làm tổn thất nặng nề cho ta về nhiều mặt” [113, tr.446], ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình xã hội và uy tín chính trị của Đảng và Chính phủ, ảnh hưởng đến công cuộc củng cố miền Bắc, đến sự nghiệp đấu tranh để thực hiện thống nhất đất nước. Với sự nhạy bén của một nhà lãnh đạo vĩ đại, Hồ Chí Minh nhiều lần cảnh báo về những nguy cơ, thách thức trong quá trình thực hiện và nỗ lực phòng ngừa. Ngay từ khi chuẩn bị tiến hành các đợt phát động quần chúng triệt để giảm tô, tiến tới cải cách ruộng đất, tháng 2-1953, Hồ Chí Minh đã nhắc nhở: “Cũng như mọi chiến dịch khác, nó phải có chính sách rõ ràng, phương châm đúng đắn, kế hoạch đầy đủ, có tổ chức, có lãnh đạo, chứ không phải nói “phóng tay phát động” quần chúng là phóng tay lung tung. Khi thi hành không được “tả”, không được “hữu”. “Tả” và “hữu” đều thất bại” [111, tr.46]. Trước khi đợt 5 cải cách ruộng đất tiến hành, Người coi đó “giống như chiến dịch Điện Biên Phủ” và căn dặn cán bộ “Phải ba cùng thật thà... Phải đi sâu, xét kỹ; phải luôn luôn kiểm tra công tác; chấp hành chính xác, phải coi trọng từ việc to đến việc nhỏ; phải nhớ rằng “sai một ly đi một dặm”... Có khuyết điểm thì sửa chữa ngay, không nên chần nản và không nên đợi đến khai hội mới phê bình, sửa chữa” [113, tr.183].

Nhận thức rõ vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu, Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng ra nhận trách nhiệm, trực tiếp chỉ đạo sửa sai bằng tinh thần tự phê bình rất nghiêm khắc: “Vì ta thiếu dân chủ nên nghe ít, thấy ít... Tôi nhận trách nhiệm trong lúc sóng gió này... Khuyết điểm của tôi đã ảnh hưởng đến sai lầm của cải cách ruộng đất và chinh đồn tổ chức” [1].

Để sửa chữa những sai lầm, Người nghiêm túc chỉ đạo và thực hiện việc sửa sai. Trong *Kết luận về đợt 1 của Hội nghị Trung ương lần thứ 10 (Mở rộng)* (1-10-1956) trên cơ sở phân tích điểm khó khăn và thuận lợi khi tiến hành sửa sai, Người nêu quyết tâm phải sửa chữa sai lầm: “Các đồng chí về địa phương cần phải làm cho cán bộ và đảng viên thấm nhuần tinh thần tự phê bình và phê bình cùng quyết tâm sửa chữa khuyết điểm sai lầm của Trung ương, làm cho mọi người đều hăng hái, kiên quyết và tin tưởng” [114, tr.431].

Chính thái độ thẳng thắn, hành động quyết liệt và biện pháp sửa chữa kịp thời của Người đã có tác động quan trọng đến việc củng cố tổ chức đảng, tăng cường đoàn kết, ổn định tình hình chính trị - kinh tế - xã hội miền Bắc, qua đó, nhanh chóng khôi phục và củng cố vững chắc niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng.

Sớm nhận ra nhiệm vụ của nông thôn, “Nông thôn phải kinh qua 2 *cuộc cách mạng*: Cải cách ruộng đất là một cuộc, cuộc thứ hai là từ chỗ thực hiện tổ đổi công, hợp tác xã, nông trường tập thể đến chỗ xã hội hoá nông nghiệp” [113, tr.181]. Vì vậy, cùng với việc thực hiện cải cách ruộng đất, Người quan tâm việc tổ chức lại cách thức sản xuất ở nông thôn từ phát triển rộng khắp tổ đổi công tiến lên xây dựng các hợp tác xã. Kết quả, đến tháng 7-1956 “Cả miền Bắc có hơn 19 vạn tổ, bao gồm hơn 58% gia đình nông dân” [113, tr.361].

Trong khôi phục kinh tế, bên cạnh sản xuất nông nghiệp là chính, Hồ Chí Minh quan tâm đến sản xuất công nghiệp. Người đi thăm và nói chuyện với công nhân các nhà máy, xí nghiệp, khu mỏ, bến cảng... Người nhấn mạnh về vai trò và trách nhiệm của giai cấp công nhân đối với nền kinh tế và đất nước. Để tạo động lực trong lao động, Người khuyến khích chế độ làm khoán, “Chế độ làm khoán là một điều kiện của CNXH, nó khuyến khích người công nhân luôn luôn tiến bộ,

cho nhà máy tiến bộ” [113, tr.537-538]. Theo Người, “bình quân chủ nghĩa là trái CNXH” [113, tr.583]. Người đưa ra các nguyên tắc phân phối sản phẩm lao động đảm bảo sự công bằng, bình đẳng: “Làm tốt, làm nhiều: Hưởng nhiều, làm xấu, làm ít: Hưởng ít” [113, tr.534]. Việc Hồ Chí Minh khuyến khích chế độ làm khoán và nguyên tắc phân phối theo lao động trong bối cảnh miền Bắc vừa bước sang thời bình thể hiện sự đổi mới trong tư duy quản lý kinh tế. Việc lấy hiệu quả lao động làm thước đo là quan điểm hoàn toàn đúng đắn, giúp khắc phục căn bệnh “bình quân chủ nghĩa” và sự trì trệ trong sản xuất, đồng thời, khơi dậy động lực sáng tạo của người lao động trong bối cảnh năng lực quản lý còn hạn chế.

Nhằm thúc đẩy nông nghiệp và công nghiệp phát triển. Người quan tâm đến ngành thương nghiệp vì trong nền kinh tế quốc dân có ba mặt quan trọng: Nông nghiệp, công nghiệp, thương nghiệp. Thương nghiệp là khâu giữa nông nghiệp và công nghiệp, nếu thương nghiệp hoạt động không tốt thì hoạt động nông nghiệp và công nghiệp sẽ bị rời rạc. Từ đó, Người đưa ra những chỉ dẫn để ngành thương nghiệp hoạt động hiệu quả đó là phải tích cực chống lãng phí, tham ô; phải thực hành tiết kiệm; quản lý tốt của công; quản lý chặt chẽ thị trường; chống đầu cơ tích trữ, bình ổn vật giá phục vụ nhân dân.

Miền Bắc vừa mới được giải phóng, kinh tế tư nhân vẫn là thành phần chủ yếu, Hồ Chí Minh không chủ trương xóa bỏ ngay kinh tế tư nhân mà lựa chọn cách tiếp cận từng bước, phù hợp với điều kiện thực tế. Người chủ trương: “công và tư đều được chú ý, thợ và chủ đều có lợi, thành hương (*thành thị và nông thôn*) giúp đỡ nhau, trong ngoài lưu thông đều để khôi phục và phát triển sản xuất, làm cho kinh tế phồn thịnh, làm cho đời sống của nhân dân dồi dào hơn” [112, tr.39].

Với sự định hướng và chỉ đạo kịp thời của Trung ương Đảng và Chính phủ, đứng đầu là Hồ Chí Minh, qua ba năm, nhân dân miền Bắc đã khắc phục được những khó khăn, thu được nhiều thành tích to lớn trong công cuộc hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục kinh tế, bước đầu phát triển văn hóa, giảm bớt khó khăn và dần dần cải thiện đời sống cho nhân dân ở cả miền đồng bằng và miền núi. Cải cách ruộng đất căn bản hoàn thành, công việc sửa chữa sai lầm trong nhiều địa phương làm xong và thu được kết quả tốt. Nông nghiệp vượt hẳn mức

trước chiến tranh. Công nghiệp đã khôi phục các xí nghiệp cũ, xây dựng một số nhà máy mới.

3.1.2.2. Lãnh đạo thực hiện kế hoạch ba năm phát triển và cải tạo kinh tế quốc dân (1958-1960)

Đến cuối năm 1957, về cơ bản miền Bắc hoàn thành cải cách ruộng đất và làm xong nhiệm vụ khôi phục kinh tế. Nền kinh tế sau khi khôi phục có những bước tiến đáng kể, song, căn bản vẫn là một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, công nghiệp nhỏ bé, công nghiệp hiện đại còn ít. Để giải quyết vấn đề đang đặt ra, Hội nghị lần thứ 14 (11-1958) vạch ra phương hướng, nhiệm vụ cụ thể trong ba năm (1958-1960) và Quốc hội thảo luận, thông qua “Kế hoạch ba năm cải tạo và bước đầu phát triển kinh tế - văn hóa 1958-1960”. Đây là lần đầu tiên, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nhà nước đã tiến hành xây dựng và phát triển kinh tế có kế hoạch để từng bước đưa đất nước tiến lên CNXH.

Nhiệm vụ của kế hoạch ba năm 1958-1960 là đẩy mạnh cải tạo XHCN đối với các thành phần kinh tế cá thể của nông dân, thợ thủ công và thành phần kinh tế tư bản tư doanh; đồng thời mở mang và tăng cường lực lượng của thành phần kinh tế quốc doanh tạo cơ sở vật chất cho CNXH. Người chủ trương, cải tạo phải gắn liền với xây dựng, trong đó xây dựng là chủ chốt, lâu dài và được tiến hành trên tất cả các mặt: lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất, khoa học kỹ thuật, văn hóa tư tưởng.

Xuất phát từ điều kiện thực tế, Người cho rằng khâu chính thúc đẩy công cuộc cải tạo XHCN ở miền Bắc là đẩy mạnh phong trào hợp tác hóa trong nông nghiệp. Trong bài *Ba mươi năm hoạt động của Đảng* (6-1-1960) Người chỉ rõ mục đích của đường lối cải tạo XHCN của Đảng đối với nông nghiệp là “đưa nông dân làm ăn riêng lẻ đi dần từ tổ đổi công (có mầm mống XHCN), tiến lên hợp tác xã cấp thấp (nửa XHCN), rồi tiến lên hợp tác xã cấp cao (XHCN)” [115, tr.413].

Nhằm kịp thời hướng dẫn cho cán bộ và nhân dân thực hiện đúng đường lối chủ trương của Đảng, Người thường xuyên đi về các địa phương trực tiếp chỉ đạo phong trào hợp tác xã và sản xuất nông nghiệp. Trong những lần tiếp xúc với người dân, Người tận tình chỉ dạy cách thức làm, các nguyên tắc tổ chức tổ đổi

công và hợp tác xã hiệu quả. Điều đó không chỉ giúp cho người dân hiểu rõ hơn đường lối hợp tác hóa trong nông nghiệp của Đảng và Chính phủ mà còn kịp thời động viên nhân dân tham gia sản xuất, làm thủy lợi, đắp đê, chống hạn... Bên cạnh đó, Người thường xuyên nhắc nhở cán bộ về ý nghĩa, về trách nhiệm và nhiệm vụ để đẩy mạnh phong trào tổ đổi công và hợp tác xã.

Khi nhận thấy phong trào tổ chức hợp tác xã nông nghiệp nhiều nơi còn lệch lạc, Người yêu cầu củng cố, phát triển phong trào đổi công và hợp tác xã phải chú trọng chất lượng tốt, không nên chỉ chú trọng con số. Sự chỉ đạo đó của Người không chỉ giúp khắc phục những hạn chế trong phong trào, mà còn thể hiện bản lĩnh của người lãnh đạo luôn biết định hướng tầm nhìn, lấy chất lượng làm thước đo thực tiễn, đảm bảo phong trào phát triển đúng hướng, thực chất.

Với sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của Hồ Chí Minh, tính đến cuối năm 1960, “85% nông hộ nông dân lao động đã tham gia hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, trong đó 10% nông hộ tham gia hợp tác xã bậc cao” [28, tr.15].

Cùng với việc coi trọng vấn đề hợp tác hóa nông nghiệp, Hồ Chí Minh chú trọng vấn đề cải tạo các thành phần kinh tế khác theo hướng đi lên CNXH. Vận dụng sáng tạo chính sách kinh tế mới của Lênin, Người không nôn nóng xóa bỏ các thành phần kinh tế, không đối lập các thành phần kinh tế TBCN mà luôn tìm cách giúp đỡ họ cải tạo theo CNXH. Đối với thợ thủ công, người buôn bán nhỏ và những người lao động riêng lẻ khác, Người chủ trương “bảo hộ quyền sở hữu về tư liệu sản xuất của họ, ra sức hướng dẫn và giúp đỡ họ cải tiến cách làm ăn, khuyến khích họ tổ chức hợp tác xã sản xuất theo nguyên tắc tự nguyện” [115, tr.373]. Đối với những nhà tư sản công thương, Người chủ trương: “Nhà nước không xóa bỏ quyền sở hữu về tư liệu sản xuất và của cải khác của họ; mà ra sức hướng dẫn họ hoạt động nhằm làm lợi cho quốc kế dân sinh (...) khuyến khích và giúp đỡ họ cải tạo theo CNXH” [115, tr.373].

Trong cải tạo XHCN, Hồ Chí Minh chủ trương vừa cải tạo quan hệ sản xuất cũ vừa xây dựng quan hệ sản xuất mới, trong đó, nhà nước phải chú trọng, ưu tiên phát triển thành phần kinh tế quốc doanh tạo nền tảng vật chất cho CNXH và thúc đẩy việc cải tạo XHCN. Tư duy chiến lược không xóa bỏ, mà hướng dẫn, giúp đỡ

và cải tạo, hỗ trợ các thành phần kinh tế cùng phát triển vừa thúc đẩy sản xuất phát triển, vừa tạo nền tảng kinh tế vững chắc để miền Bắc đủ sức gánh vác sứ mệnh hậu phương chiến lược cho cuộc đấu tranh thống nhất đất nước.

Kết quả trong ba năm 1958-1960, công cuộc cải tạo XHCN đạt được những kết quả quan trọng, xóa bỏ vĩnh viễn các giai cấp bóc lột và đưa nhân dân lao động vào con đường làm ăn tập thể, xây dựng quan hệ sản xuất hoàn toàn mới, XHCN. Trên cơ sở đó, công cuộc xây dựng CNXH có điều kiện tiến hành trên quy mô rộng rãi về mọi mặt, đưa miền Bắc từng bước tiến lên con đường công nghiệp hóa XHCN. Hàng trăm cơ sở sản xuất mới được ra đời. Xây dựng được 130 công trình trên hạn ngạch và đưa vào sản xuất 86 nhà máy, giá trị sản lượng công nghiệp tăng 4,9 lần so với năm 1955. Đặc biệt, mục tiêu của kế hoạch 3 năm 1958-1960 là để nâng cao đời sống cho người dân đã đạt được. Trong ba năm, thu nhập quốc dân tính theo đầu người “tăng 17,4%; mức sống của nhân dân lao động đã nâng cao một bước rõ rệt. Lương bình quân của công nhân, cán bộ, viên chức tăng 25%” [28, tr.16].

3.1.2.3. Lãnh đạo thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965)

Để cách mạng phần đầu tiến lên nữa, tiến lên mãi, ngày 5-9-1960 Đại hội III của Đảng khai mạc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc diễn văn tại Đại hội, trên cơ sở đánh giá tổng quát sự chuyển biến cách mạng Việt Nam từ sau Đại hội lần thứ II (1951) đến năm 1960, Người chỉ rõ nhiệm vụ hiện nay của cách mạng Việt Nam: “*Đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước*” [115, tr.673]. Sau 6 ngày làm việc từ ngày 5-9-1960 đến ngày 10-9-1960, Đại hội đạt được kết quả to lớn, trong đó đã thảo luận và quyết định thông qua *Nhiệm vụ và phương hướng của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất phát triển kinh tế quốc dân (1961-1965)*. Đây là lần đầu tiên một kế hoạch dài hạn xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho CNXH được hoạch định và triển khai trên miền Bắc.

Triển khai thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất được thông qua tại Đại hội III, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng BCH Trung ương Đảng tổ chức các Hội nghị bàn sâu từng chuyên đề: Hội nghị lần thứ 5 (7-1961) bàn về *Vấn đề phát triển*

nông nghiệp, Hội nghị lần thứ 7 (4-1962) bàn về *Nhiệm vụ và phương hướng xây dựng và phát triển công nghiệp*, Hội nghị lần thứ 10 (12-1964) bàn về *Thương nghiệp và giá cả*... Những ý kiến của Hồ Chí Minh phát biểu trong các Hội nghị, bài nói tại các địa phương và các bài viết đăng trên Báo *Nhân dân* góp phần cụ thể hóa việc triển khai thực hiện nhiệm vụ và phương hướng của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965) trong thực tiễn.

Để kịp thời hướng dẫn triển khai tổ chức thực hiện, nắm bắt tình hình và động viên cán bộ, nhân dân, Người có nhiều chuyến đi thăm và làm việc tại nhiều địa phương, tham dự các hội nghị về sản xuất nông nghiệp, Đại hội hợp tác xã và đội sản xuất tiên tiến, các lớp đào tạo cán bộ kỹ thuật cho hợp tác xã... nói chuyện với nông dân, Người giải thích giúp người dân hiểu rõ các nghị quyết của Trung ương, từ đó đưa ra các chỉ dẫn rất cụ thể để phát triển nông nghiệp.

Người thẳng thắn chỉ ra những hạn chế của phong trào hợp tác hóa. Nói chuyện với đồng bào các dân tộc tỉnh Tuyên Quang (21-3-1961), Người chỉ rõ: “mục đích của hợp tác xã là làm cho thu nhập chung của xã và thu nhập riêng của xã viên ngày càng tăng. Nhưng hiện nay có hợp tác xã lại thu nhập không bằng nông dân riêng lẻ, có một số những hợp tác xã cấp cao thu hoạch kém thua hợp tác xã cấp thấp. Vì sao vậy?” [116, tr.79]. Từ thực tế đó, Người chỉ ra nguyên nhân: “Vì cán bộ lãnh đạo chỉ biết phát triển con số, mà không lo *củng cố*, không lo làm cho các hợp tác xã thật vững mạnh. Vì nóng vội (...) Vì quản lý kém - hoặc là chưa được dân chủ, hoặc là chưa được chí công vô tư, hoặc là kém sáng suốt” [116, tr.79]. Thực tiễn phong trào hợp tác hóa trong những năm trước đổi mới và sự phát triển các hợp tác xã kiểu mới trong công cuộc đổi mới đã minh chứng sự đúng đắn của những quan điểm này, đồng thời gợi mở những vấn đề có ý nghĩa phương pháp luận trong quá trình tổ chức, quản lý và phát triển kinh tế tập thể.

Bên cạnh phát triển nông nghiệp, Người chỉ rõ vai trò quyết định của công nghiệp đối với nền kinh tế quốc dân. Trong bài viết *Con đường phía trước* đăng trên Báo *Nhân dân*, số 2134, ngày 20-1-1960 Người cho rằng: “Đời sống nhân dân chỉ có thể thật dồi dào, khi chúng ta dùng máy móc để sản xuất một cách thật rộng rãi: dùng máy móc cả trong công nghiệp và trong nông nghiệp... Đó là con đường phải đi của chúng ta: *Con đường công nghiệp hoá nước nhà* [115, tr.445]. Việc xác

lập công nghiệp hóa là con đường tất yếu để cải thiện và nâng cao đời sống của nhân dân, Hồ Chí Minh thể hiện tầm nhìn chiến lược về con đường xây dựng CNXH ở Việt Nam. Với nhãn quan chính trị sắc bén, Người không tách rời công nghiệp với nông nghiệp mà chủ trương gắn kết chặt chẽ, xem đó là nền tảng để tạo ra động lực thúc đẩy nền kinh tế phát triển toàn diện và vững chắc.

Chú trọng phát triển công nghiệp, song Người cũng lưu ý phải đảm bảo sự cân đối giữa thực hiện công nghiệp hóa với đời sống của nhân dân. Tại cuộc họp Bộ Chính trị ngày 30-7-1962, Người chỉ rõ: “Vấn đề con người là hết sức quan trọng. Nhà máy cũng rất cần có thêm, có sớm, nhưng cần hơn là con người,... làm cho quần chúng hiểu chủ nghĩa xã hội đúng hơn” [61, tr.203]. Trong bối cảnh miền Bắc đang tập trung ưu tiên phát triển công nghiệp nặng, chỉ dẫn của Người đã thể hiện sâu sắc tư duy phát triển toàn diện, trong đó con người vừa là mục tiêu, vừa là chủ thể của quá trình xây dựng CNXH. Chính định hướng đó đã giúp nhân dân hiểu bản chất của công nghiệp hóa XHCN và tính ưu việt của chế độ XHCN, đó là một xã hội vì con người và sự tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ xã hội, từ đó, tạo động lực tinh thần mạnh mẽ, khơi dậy tinh thần tự giác của quần chúng trong công cuộc xây dựng đất nước. Nhờ đó, ngành công nghiệp đã cân đối và giải quyết căn bản nhu cầu tiêu dùng của người dân. Kết quả đến năm 1964 “90% nhu cầu của nhân dân về hàng tiêu dùng đã được công nghiệp nhẹ đáp ứng; 60% nhà ở nông thôn là tường gạch, mái ngói” [135, tr.229].

3.1.3. Về văn hóa, con người

3.1.3.1. Tổ chức khôi phục mọi hoạt động văn hóa

Sau khi miền Bắc được giải phóng, Hồ Chí Minh kêu gọi nhân dân khôi phục mọi hoạt động văn hóa. Nhiệm vụ cấp bách là tiếp tục thanh toán nạn mù chữ đã được triển khai từ sau Cách mạng tháng Tám. Nhằm khơi dậy tinh thần quyết tâm cho toàn ngành giáo dục trong thanh toán nạn mù chữ, *Nói chuyện tại Đại hội chiến sĩ thi đua toàn ngành giáo dục* (21-2-1956), Người đưa ra kế hoạch “chậm nhất là 3 năm, phải thanh toán nạn mù chữ cho toàn dân” [113, tr.273]. Thực hiện kế hoạch, Hồ Chí Minh phát động toàn ngành giáo dục và các địa phương từ thành thị đến thôn quê, ở các đường phố, các nhà máy, các công trường,

các chợ búa... khắp nơi có lớp học. Buổi sáng, buổi trưa, buổi tối, đến đâu cũng nghe tiếng học, tạo nên một phong trào quần chúng sôi nổi.

Bên cạnh đó, Người viết bài, phát biểu tại các Hội nghị và nói chuyện với cán bộ và đồng bào trong các chuyến đi về cơ sở về sự cần thiết xóa nạn mù chữ, đồng thời có những chỉ dẫn để ngành giáo dục và các địa phương thực hiện. Tại Đại hội sơ kết công tác bình dân học vụ 6 tháng đầu năm 1956, Người yêu cầu: “Muốn giải thoát nạn mù chữ cho số đông nhân dân (...), phải đi sát quần chúng, bàn bạc với quần chúng, áp dụng những hình thức, phương pháp thích hợp với sinh hoạt của quần chúng, phải dựa vào quần chúng để đẩy phong trào lên” [113, tr.367]. Kết quả, dưới sự lãnh đạo của Đảng, với sự quan tâm của Hồ Chí Minh và tinh thần nỗ lực cố gắng của nhân dân cả nước, phong trào xóa nạn mù chữ đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Năm 1960, trong bài viết *Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tròn 15 tuổi*, Người khẳng định: “nạn mù chữ đã được xóa bỏ” [115, tr.659].

Nhằm tránh tình trạng tái mù chữ và để đồng bào ngày càng tiến bộ, Hồ Chí Minh sớm yêu cầu Chính phủ và Bộ Giáo dục, Bộ Văn hóa nhiệm vụ mới là phải có sách báo hợp với trình độ đồng bào cho đồng bào xem vì những người thoát nạn mù chữ mà không có sách báo xem thì lại mù chữ lại. Với tư cách là Chủ tịch Đảng, Người cùng Trung ương bàn thảo và ban hành Nghị quyết số 03-NQ/TW ngày 20-2-1957 *Về việc cải tiến báo Nhân dân* và Chỉ thị số 06/CT-TW ngày 20-2-1957 *Về việc phát hành và phổ biến Báo Nhân dân* trong đó chỉ thị nêu rõ “cần phải đẩy mạnh việc phát hành và phổ biến báo Nhân dân, nhất là ở các xã, các xí nghiệp, khu phố và trường học” [24, tr.57].

Cùng với quyết tâm thanh toán nạn mù chữ, Hồ Chí Minh quan tâm đến nâng cao trình độ văn hóa cho nhân dân. Căn cứ vào từng cấp học Người có chỉ dẫn cụ thể: Giáo dục *Đại học* cần kết hợp lý luận khoa học với thực hành. Giáo dục *Trung học* cần đảm bảo cho học trò những tri thức phổ thông chắc chắn, thiết thực. Giáo dục *Tiểu học* cần giáo dục các cháu thiếu nhi: Yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, yêu lao động, yêu khoa học, trọng của công. Những chỉ dẫn của Người đã đặt nền tảng lý luận quan trọng cho nền giáo dục Việt Nam với phương châm: học đi đôi với hành, giáo dục gắn liền với thực tiễn. Mục tiêu của giáo dục không chỉ là

truyền thụ tri thức mà còn hướng tới mục tiêu phụng sự Tổ quốc, phục vụ công cuộc xây dựng CNXH.

Văn hóa, văn nghệ được Hồ Chí Minh thường xuyên dành nhiều sự quan tâm. *Nói chuyện trong buổi bế mạc Đại hội văn nghệ toàn quốc lần thứ II* (28-2-1957) Người chỉ rõ nhiệm vụ của giới văn nghệ đó là đấu tranh để củng cố miền Bắc, đấu tranh để thống nhất đất nước. Muốn hoàn thành nhiệm vụ được tốt, cần phải học tập, phải trau dồi tư tưởng, trau dồi nghệ thuật, đi sâu vào quần chúng. “Phải đi sát sự thực (...) phải trau dồi đạo đức cách mạng, trước hết là đức khiêm tốn” [113, tr.513]. Khi nhận thấy những hạn chế của công tác văn hóa: phong trào văn hoá có bề rộng, chưa có bề sâu; nặng về mặt giải trí mà còn nhẹ về mặt nâng cao tri thức của quần chúng, Người gửi thư cho Bộ trưởng Bộ Văn hóa gửi Hội nghị cán bộ văn hóa (3-3-1957) yêu cầu cán bộ văn hóa phải nắm vững mục tiêu của ngành văn hóa đó là “đoàn kết nhân dân, giáo dục tinh thần yêu nước và xã hội chủ nghĩa cho nhân dân (...), động viên nhân dân thi đua sản xuất, thực hành tiết kiệm, hoàn thành kế hoạch Nhà nước để củng cố miền Bắc và hăng hái đấu tranh giành thống nhất nước nhà” [113, tr.514-515]. Việc xác định rõ ràng sứ mệnh của văn hóa trong giai đoạn lịch sử đặc thù thể hiện tầm nhìn chiến lược của Hồ Chí Minh. Văn hóa không thể đứng ngoài mà phải gắn liền với sự nghiệp củng cố miền Bắc, thống nhất đất nước; văn hóa phải khắc phục tình trạng nặng về giải trí, mà phải hướng tới việc nâng cao trình độ dân trí, soi đường, dẫn lối cho người dân. Với tầm nhìn đó, Người đã phát huy mạnh mẽ vai trò của văn hóa thành một nguồn động lực nội sinh để xây dựng và bảo vệ đất nước.

Từ thời chiến chuyển sang thời bình có nhiều công việc cần quan tâm, song với chủ trương *cải thiện dần đời sống của nhân dân*, cả đời sống vật chất và đời sống tinh thần. Hồ Chí Minh dành nhiều sự quan tâm trong việc duy trì và khôi phục mọi hoạt động văn hóa, đặc biệt trên lĩnh vực văn hóa giáo dục. Nhờ đó, trình độ văn hóa của nhân dân được nâng cao. Phong trào *Bình dân học vụ* đã xóa được nạn mù chữ, việc nâng cao trình độ văn hóa được coi trọng, “ở nông thôn miền xuôi, phần lớn cán bộ chủ chốt xã có trình độ lớp 4, cán bộ chủ chốt hợp tác xã có trình độ lớp 3, thanh niên nông dân có trình độ lớp 3, lớp 4” [22, tr.179-180].

Việc nâng cao trình độ văn hóa đã góp phần quan trọng vào việc nâng cao trình độ chính trị và quản lý kinh tế của cán bộ và nhân dân.

3.1.3.2. Xây dựng nền văn hóa, con người mới xã hội chủ nghĩa

Với quan điểm “chủ nghĩa xã hội chỉ có thể xây dựng được với sự giác ngộ đầy đủ và lao động sáng tạo của hàng chục triệu người” [114, tr.93] và “Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những *con người xã hội chủ nghĩa*” [116, tr.66]. Hồ Chí Minh coi con người là động lực quyết định của xây dựng CNXH và luôn quan tâm đến xây dựng con người mới một cách toàn diện: phải có ý thức làm chủ đất nước, tinh thần tập thể XHCN và tư tưởng “mình vì mọi người, mọi người vì mình”; phải có học thức, văn hóa, kỹ thuật; phải có sức khỏe; quan tâm tới con người từ những nhu cầu thiết thực, cụ thể hằng ngày với cơm ăn, áo mặc và cả những khát vọng cao cả như độc lập, tự do, dân chủ của chế độ XHCN... Chính sự thấu hiểu và chăm lo sâu sắc ấy đã trở thành nguồn động lực tinh thần to lớn, thôi thúc mỗi người dân cống hiến hết mình vì lý tưởng độc lập, tự do và CNXH.

Cùng với xây dựng con người mới XHCN, Hồ Chí Minh quan tâm đến phát triển văn hóa giáo dục và coi đây là một mặt trận quan trọng trong công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc và đấu tranh thực hiện thống nhất đất nước. *Phát biểu tại lớp học chính trị của giáo viên cấp II và cấp III toàn miền Bắc (13-9-1958)*, Người nhấn mạnh: “Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người” [114, tr.528].

Trong việc giáo dục và học tập, Người yêu cầu phải chú trọng đủ các mặt: đạo đức cách mạng, giác ngộ XHCN, văn hoá, kỹ thuật, lao động và sản xuất. *Về nội dung giáo dục*, cần chú trọng về giáo dục đạo đức: “biết yêu Tổ quốc, yêu chủ nghĩa xã hội, yêu khoa học, yêu lao động và người lao động, thật thà, dũng cảm, sẵn sàng tham gia lao động và bảo vệ Tổ quốc” [117, tr.746]. *Về tri thức*, để đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa đất nước và phát triển nông nghiệp, Người nhấn mạnh phải “Đẩy mạnh hơn nữa việc giáo dục lao động trong nhà trường (...) nhằm đào tạo thế hệ trẻ đã có những kiến thức khoa học... lại có những kiến thức cơ bản về kỹ thuật sản xuất công nghiệp và nông nghiệp, những thói quen lao động, sẵn sàng bước vào công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa” [116, tr.203].

Những tư tưởng và hoạt động của Người đã góp phần hình thành và định hướng hệ giá trị chuẩn mực cho con người Việt Nam mới. Đồng thời, với tầm nhìn chiến lược về sự nghiệp “trồng người”, Hồ Chí Minh đặt nền tảng cho bước phát triển mạnh mẽ của ngành giáo dục. Sự xuất hiện của thể hệ trí thức, cán bộ khoa học - kỹ thuật, trong đó có những người xuất thân từ công nhân, nông nhân là minh chứng sinh động về tầm nhìn sâu rộng của Người.

Xây dựng và phát triển các hoạt động văn học - nghệ thuật hướng tới phục vụ đại đa số nhân dân được Hồ Chí Minh quan tâm. Người đặt ra tiêu chuẩn của một tác phẩm văn nghệ xứng đáng đó là tác phẩm có *nội dung* chân thật và phong phú, có *hình thức* trong sáng và vui tươi. Khi chưa xem thì muốn xem, xem rồi thì có *bổ ích*. Để có các tác phẩm xứng đáng, Người yêu cầu đối với đội ngũ văn nghệ sĩ và những người làm công tác văn hóa, *trước hết* phải có kiên tâm vì “Ở rẻo cao đi từ nhà này qua nhà khác, xóm này qua xóm khác nhiều khi cũng đến 5 cây số, phải trèo mấy lần núi, xuống mấy lần đèo, lội qua mấy lần suối. (...) đi được như vậy phải có kiên tâm” [114, tr.558]; *thứ hai*, phải có tinh thần, lập trường chính trị; *thứ ba*, phải có đạo đức cách mạng, tinh thần phục vụ nhân dân, thái độ khiêm tốn. Thông qua các chỉ dẫn của Người trên lĩnh vực văn hóa, Hồ Chí Minh đã xác định vị thế của văn hóa, văn nghệ trong tiến trình cách mạng. Qua đó, thiết lập các chuẩn mực và yêu cầu để văn hóa và đội ngũ văn nghệ sĩ thực sự xứng đáng với sứ mệnh “soi đường cho quốc dân đi”.

Hồ Chí Minh dành nhiều sự quan tâm đến xây dựng nếp sống mới, đời sống mới ở trong nhân dân. Kêu gọi người dân bên cạnh khôi phục những giá trị tốt đẹp của dân tộc, cần: “phải chấm dứt những *tệ nạn xấu xa* do xã hội cũ để lại, như lười biếng, cờ bạc, tệ nấu rượu lậu, buôn gian bán lận, tiêu xài xa xỉ, gả bán cưỡng ép, v.v.” [117, tr.182]. Tuyên truyền để người dân biết ăn sạch, uống sạch, mặc sạch, ở sạch và phát động nhiều phong trào thi đua “tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm”, “Tết trồng cây” để tạo nếp sống mới trong nhân dân.

Với sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của Người, đến đầu năm 1964, “95% nhân dân đã biết đọc, biết viết. So với ngày hòa bình mới lập lại, số học sinh phổ thông tăng gấp 3 lần rưỡi; số học sinh đại học và chuyên nghiệp trung cấp tăng gấp 25 lần” [30, tr.94-95]. Trong phong trào thi đua “dạy tốt, học tốt” do Hồ Chủ tịch đề

xưởng từ năm 1961 đã xuất hiện nhiều điển hình tiên tiến, sáng tạo nhiều kinh nghiệm giáo dục quý báu. Nhiều tệ nạn xã hội cũ được xóa bỏ. Khắp nơi sôi nổi phong trào thi đua cần kiệm xây dựng nước nhà. Đời sống văn hóa của quần chúng ngày thêm tiến bộ, nền văn học nghệ thuật với nội dung XHCN và tính chất dân tộc về hình thức, ngày càng phát triển mạnh mẽ.

3.1.4. Về quốc phòng, an ninh

3.1.4.1. củng cố lực lượng quốc phòng, an ninh, giữ gìn trật tự trị an, sẵn sàng chiến đấu

Khi miền Bắc tiến lên CNXH, miền Nam tiếp tục đấu tranh thống nhất đất nước, nhiệm vụ của quân đội đó là củng cố quốc phòng, giữ gìn hòa bình, bảo vệ Tổ quốc, giúp đỡ nhân dân tăng gia sản xuất làm lực lượng trụ cột cho công cuộc hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ. Để hoàn thành nhiệm vụ, Hồ Chí Minh yêu cầu toàn thể cán bộ và chiến sĩ giữ vững và nâng cao ý chí chiến đấu, ra sức thi đua học tập quân sự và chính trị, làm cho quân đội ngày càng mạnh làm tròn nhiệm vụ vẻ vang. Người chỉ ra các biện pháp xây dựng quân đội mạnh, đó là phải cố gắng học tập chính trị và kỹ thuật để tiến lên chính quy.

Người kêu gọi đẩy mạnh phong trào thi đua trong quân đội, thi đua để làm tròn nhiệm vụ bảo vệ biên giới, bảo vệ bờ biển, bảo vệ thành thị và giữ gìn trật tự an ninh cho nhân dân. Ngày 31-8-1955 trong *Bài nói với các anh hùng mới được tuyên dương* Người căn dặn: “Trước kia, các chú đã thi đua giết giặc lập công; ngày nay, các chú phải thi đua xây dựng Quân đội nhân dân hùng mạnh” [113, tr.98]. Hơn nữa, công cuộc đấu tranh thực hiện hoà bình, thống nhất, độc lập và dân chủ nhất định thắng lợi, nhưng lâu dài, gian khổ và phức tạp. Để vượt khó khăn gian khổ, để đi đến thắng lợi, quân đội phải đẩy mạnh hơn nữa phong trào *thi đua yêu nước*.

Để quân đội hoàn thành nhiệm vụ: *Một là*, xây dựng một quân đội hùng mạnh, sẵn sàng chiến đấu. *Hai là*, tăng gia sản xuất cùng với toàn dân để tiến dần lên CNXH. Người quan tâm xây dựng quân đội thường trực và xây dựng lực lượng hậu bị (các đơn vị bộ đội sản xuất). Quân đội thường trực có nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, các đơn vị bộ đội sản xuất có nhiệm vụ tích cực lao động hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất. Đối với các đơn vị bộ đội sản xuất, Người căn dặn đó là một

nhệm vụ vẻ vang mà Đảng và Chính phủ giao cho quân đội nên cán bộ và chiến sĩ cần học về kỹ thuật nông nghiệp vì đánh đế quốc có một thứ giặc trước mắt, nhưng trong nông nghiệp có nhiều kẻ thù: nào trời không mưa thuận gió hòa, nào sâu bọ phá hoại. Đánh giặc trong nông nghiệp phức tạp hơn đánh giặc thực dân.

Quan điểm và sự chỉ đạo của Hồ Chí Minh cho thấy Người không chỉ nhìn nhận Quân đội chỉ với chức năng chiến đấu, mà đặt Quân đội trong mối quan hệ thống nhất giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, giữa nhiệm vụ quốc phòng với nhiệm vụ xây dựng CNXH. Trong điều kiện miền Bắc vừa xây dựng CNXH, vừa làm hậu phương lớn cho cách mạng miền Nam, việc xây dựng Quân đội chính quy, từng bước hiện đại, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có ý nghĩa quan trọng trong việc củng cố tiềm lực quốc phòng và xây dựng miền Bắc vững mạnh.

Được sự dìu dắt và chỉ dẫn tận tình của Hồ Chí Minh “bộ đội ta đã có nhiều tiến bộ và đang tiến dần từng bước đến chính quy và hiện đại” [113, tr.500]. Phong trào thi đua được thực hiện sôi nổi, đặc biệt phong trào “Ba nhất”. Do đó, đã làm tốt nhiệm vụ bảo vệ miền Bắc, đập tan mọi hành động khiêu khích, phá hoại của đế quốc Mỹ và tay sai, góp phần tích cực xây dựng kinh tế, phát triển văn hóa, làm tròn trách nhiệm của một quân đội cách mạng.

Bên cạnh củng cố quốc phòng, Người quan tâm đến xây dựng lực lượng công an, coi đây là lực lượng nòng cốt trong giữ gìn an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, tạo môi trường ổn định để miền Bắc khôi phục, phát triển kinh tế và tiến lên CNXH. Người yêu cầu lực lượng công an phải nhận thức rõ bản chất, chức năng của mình là bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền nhân dân, bảo vệ nhân dân và phục vụ nhân dân; bởi theo Người, dân có yên ổn thì mới hăng hái sản xuất, xây dựng CNXH được.

Trong xây dựng lực lượng Công an nhân dân, Hồ Chí Minh đặc biệt nhấn mạnh mối quan hệ mật thiết với nhân dân, coi đây là nguồn sức mạnh quyết định để hoàn thành nhiệm vụ. Người căn dặn cán bộ công an phải gần dân, dựa vào dân, phát huy sức mạnh và khả năng tham gia bảo vệ an ninh của nhân dân, bởi “Nhân dân có hàng triệu tai mắt. Nếu công an biết dựa vào nhân dân, thì nhân dân sẽ là người giúp việc rất đắc lực của công an” [113, tr.260]. Đặc biệt, Người

yêu cầu cán bộ công an phải thường xuyên rèn luyện đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân, toàn tâm toàn ý, 100% phục vụ nhân dân.

Những chỉ dẫn của Hồ Chí Minh đã định hướng quan trọng cho việc xây dựng lực lượng Công an nhân dân vừa vững về chính trị, trong sạch về đạo đức, vừa gắn bó mật thiết với nhân dân, đáp ứng yêu cầu bảo vệ thành quả cách mạng trong điều kiện miền Bắc vừa xây dựng CNXH, vừa phải đối phó với các hoạt động phá hoại, gián điệp, biệt kích của đối phương. Qua đó tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân yên tâm sản xuất, xây dựng CNXH và chi viện cho cách mạng miền Nam.

Bên cạnh xây dựng và củng cố quốc phòng, an ninh, Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức, tạo sự thống nhất và đồng thuận trong nhân dân. Thông qua các bài viết trên Báo *Nhân dân*, các bài phát biểu tại hội nghị và những buổi nói chuyện với cán bộ, nhân dân ở các địa phương, Người thường xuyên giải thích, làm rõ nội dung và ý nghĩa của Hiệp định Giơnevơ, giúp nhân dân nhận thức đúng tình hình, nêu cao cảnh giác trước những âm mưu, thủ đoạn của đối phương, từ đó củng cố niềm tin và quyết tâm bảo vệ thành quả cách mạng. Khi chính quyền Ngô Đình Diệm dụ dỗ, lừa bịp, ép buộc một số đồng bào (ở vùng tạm bị chiếm) bỏ nhà bỏ cửa vào Nam làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự các địa phương, Người đã kịp thời viết bài, phát biểu, vạch rõ bản chất và mục đích của những hoạt động này, đồng thời tuyên truyền, vận động đồng bào bình tĩnh, tỉnh táo, cân nhắc kỹ trước những luận điệu xuyên tạc, lừa bịp. Khi đế quốc Mỹ trắng trợn vi phạm các điều ước của Hội nghị Giơnevơ, chia cắt lâu dài nước Việt Nam, biến miền Nam thành căn cứ quân sự, Người tiếp tục sử dụng nhiều hình thức tuyên truyền, đối ngoại để tố cáo hành động vi phạm của Mỹ, từ các bài viết trên báo chí đến thư gửi Tổng thống và nhân dân Mỹ. Qua đó, Người khẳng định lập trường chính nghĩa, ý chí độc lập, thống nhất của nhân dân Việt Nam, đồng thời tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân tiến bộ trên thế giới.

Để giữ vững trật tự an ninh và quốc phòng, Người quan tâm đến chính sách tôn giáo, giữ bí mật nhà nước, quan tâm phát triển miền núi, cải thiện sinh hoạt của đồng bào các vùng dân tộc thiểu số. Người yêu cầu: “Các ngành phải nhận rõ

vấn đề miền núi quan trọng... Địch vẫn tìm cách len vào đó để phá ta. Về xã hội, kinh tế, chính trị, quân sự, miền núi rất quan trọng. Các ngành phải chú trọng tiến hành công tác ở miền núi” [115, tr.181]. Trên cơ sở nhận thức rõ vị thế trọng yếu của vùng miền núi và vùng dân tộc thiểu số, Hồ Chí Minh đã chỉ đạo xây dựng, hình thành thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững chắc, với sự ủng hộ mạnh mẽ của lòng dân. Chính sự đồng thuận và đoàn kết gắn bó này đã tạo thành bức tường thành kiên cố, góp phần làm thất bại âm mưu, thủ đoạn lợi dụng vấn đề tôn giáo, dân tộc để chia rẽ khối đại đoàn kết, bảo vệ vững chắc quốc phòng, an ninh Tổ quốc.

3.1.4.2. Tổ chức phong trào đấu tranh yêu nước của đồng bào miền Nam

Thực hiện nghiêm chỉnh Hiệp định Giơnevơ đã ký kết, Hồ Chí Minh và Đảng kêu gọi nhân dân ở miền Nam thực hiện tiến trình chuyển vùng, tập kết, số cán bộ, đảng viên được bố trí ở lại phải rút lui vào hoạt động bí mật, thay đổi phương thức đấu tranh. Tuy vậy, đế quốc Mỹ với âm mưu xâm lược Việt Nam ra sức phá hoại Hiệp định Giơnevơ, đưa Ngô Đình Diệm lên làm thủ tướng, trực tiếp viện trợ kinh tế và quân sự cho chính quyền họ Ngô để ngăn cản hiệp thương, tổng tuyển cử, xóa bỏ các quyền tự do dân chủ của nhân dân miền Nam, khủng bố những người không ưa đế quốc Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm, trả thù những người trước đây tham gia kháng chiến, âm mưu của chúng nhằm chia cắt lâu dài đất nước Việt Nam, biến miền Nam Việt Nam thành căn cứ quân sự và thuộc địa kiểu mới của Mỹ. Chính sách phát xít độc tài của chính quyền Ngô Đình Diệm làm cho không khí ở miền Nam ngột ngạt, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân miền Nam cơ cực, tình hình miền Nam rối loạn.

Trước tình hình đó, Hồ Chí Minh vạch trần những âm mưu và hành động của đế quốc Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm, từ đó chỉ rõ nhiệm vụ thiêng liêng của nhân dân Việt Nam là kiên quyết đấu tranh thực hiện Hiệp định Giơnevơ. Chủ trì Hội nghị Bộ Chính trị tháng 6-1956, Người nhấn mạnh: “Hình thức đấu tranh của ta trong toàn quốc hiện nay là đấu tranh chính trị, không phải đấu tranh vũ trang. Nói như thế không có nghĩa là tuyệt đối không dùng vũ trang tự vệ trong những hoàn cảnh nhất định” [23, tr.225]. Hội nghị quyết định: “Cần củng cố các lực lượng vũ trang và bán vũ trang hiện có và xây dựng căn cứ làm chỗ dựa. Đồng

thời xây dựng cơ sở quần chúng vững mạnh làm điều kiện căn bản để duy trì và phát triển lực lượng vũ trang. Tổ chức tự vệ trong quần chúng nhằm bảo vệ các cuộc đấu tranh của quần chúng và giải thoát cán bộ khi cần thiết” [23, tr.228].

Để giúp đỡ đồng bào miền Nam đấu tranh thống nhất đất nước, Hồ Chí Minh chỉ đạo, động viên đồng bào miền Bắc cố gắng thi đua, củng cố miền Bắc vững mạnh để chiếu cố miền Nam vì nền có vững, nhà mới chắc; gốc có mạnh, cây mới tốt. Miền Bắc là nền tảng, là gốc rễ lực lượng đấu tranh của toàn dân, cho nên đồng bào miền Bắc phải làm cho nó thật vững, thật mạnh.

Bên cạnh đó, chuẩn bị con đường thống nhất đất nước, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Hồ Chí Minh đứng đầu đề nghị từng bước bình thường hóa quan hệ giữa miền Nam và miền Bắc, cho phép dân chúng hai bên gửi thư, thăm thân và tổ chức hoạt động thể thao và văn hóa, v.v.. Nhưng đế quốc Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm phản đối tất cả những đề nghị chân thành và hợp lý trên. Hơn nữa, để đối phó với lực lượng cách mạng, đế quốc Mỹ tăng cường viện trợ về kinh tế và quân sự cho chính quyền Ngô Đình Diệm. Đế quốc Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm ra sức xây dựng thêm các sân bay quân sự và đường giao thông chiến lược; thực hiện khủng bố trắng khắp miền Nam, tàn ác nhất là vụ đầu độc 6.000 người yêu nước trong trại tập trung Phú Lợi; liên tục càn quét, phá phách, thảm sát người dân các tỉnh miền Nam gồm cả đàn ông, đàn bà, người già và trẻ em. Đặc biệt, với việc ban hành đạo luật 10/59, chính quyền Ngô Đình Diệm lê máy chém đi khắp thành thị và thôn quê. Ách thống trị của đế quốc Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm khiến cho nền kinh tế miền Nam Việt Nam bị lệ thuộc chặt chẽ vào Mỹ, đẩy nhân dân miền Nam vào cảnh cực khổ, đau thương.

Trong bối cảnh đó, Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng một mặt lên án, tố cáo tội ác man rợ của đế quốc Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm; đồng thời, chỉ đạo cách mạng miền Nam chuyển hướng kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang dưới nhiều hình thức nhằm phá thế kìm kẹp của đế quốc Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm. Tháng 01-1959 và tháng 7-1959, Hội nghị lần thứ 15 (mở rộng) được tổ chức để bàn về đường lối của cách mạng miền Nam trong giai đoạn mới dưới sự chủ trì của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tạo ra bước ngoặt trong lịch sử cho phong trào cách mạng ở miền Nam. Dưới ánh sáng của Nghị quyết 15

(mở rộng) và các chỉ thị, nghị quyết của Bộ Chính trị, sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh, nhân dân miền Nam nổi dậy đấu tranh, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, từ thấp đến cao, dẫn tới phong trào Đồng khởi trên khắp toàn miền Nam.

Sau thắng lợi của phong trào Đồng khởi (1959-1960), *Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam* ra đời. Dưới ngọn cờ của Mặt trận DTGP miền Nam, trong một thời gian ngắn đã nhận được sự ủng hộ rộng rãi của nhân dân hai miền và các lực lượng yêu chuộng hòa bình trên thế giới. Để tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân tiến bộ và các lực lượng yêu chuộng hòa bình trên thế giới đối với cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân miền Nam, cuối năm 1960, trong bài viết *Tuyên bố về tình hình miền Nam*, Người tha thiết kêu gọi nhân dân yêu chuộng hòa bình và chính nghĩa trên thế giới “vì hòa bình công lý, vì nhân đạo tự do, chặn bàn tay đầm máu của bọn Mỹ - Diệm và ủng hộ mạnh mẽ hơn nữa cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân miền Nam Việt Nam đến thắng lợi hoàn toàn” [115, tr.744]. Qua đó, Hồ Chí Minh đã kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại, góp phần tạo dựng môi trường quốc tế thuận lợi và tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ rộng rãi đối với sự nghiệp đấu tranh thống nhất đất nước.

Tháng 9-1960, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III được tổ chức. Phát biểu khai mạc Đại hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói rõ mục đích và ý chí quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ và tay sai, thống nhất đất nước. Thực hiện chủ trương, đường lối đã đề ra tại Đại hội III, Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng không ngừng tìm tòi, đề ra và tổ chức thực hiện nhiều giải pháp nhằm tăng cường sức mạnh cho cách mạng miền Nam, trong đó, chú trọng việc mở rộng và hoàn thiện tuyến đường Trường Sơn và tuyên vận tải chiến lược “Đường Hồ Chí Minh trên biển”, từng bước hình thành hệ thống hành lang chiến lược, nối thông liên lạc, vận chuyển vũ khí, trang bị và lực lượng bộ đội, kịp thời chi viện tăng cường cho chiến trường miền Nam.

Tháng 3-1964, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng triệu tập *Hội nghị chính trị đặc biệt* nhằm đánh giá tình hình và xác định nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới. Dưới sự chủ trì của Người, Hội nghị khẳng định quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân vừa xây dựng miền Bắc vững mạnh, vừa tăng cường chi viện cho cách mạng miền Nam, kiên quyết đấu tranh chống đế

quốc Mỹ và tay sai, thực hiện thống nhất đất nước. Thực hiện chủ trương đề ra, quân và dân miền Nam đã không ngừng tiến công, làm nên Chiến thắng Bình Giã (12-1964 đến 01-1965), Ba Gia (5-1965), Đồng Xoài (7-1965)... Thắng lợi này đã tạo bước phát triển quan trọng cho cách mạng miền Nam, góp phần làm phá sản từng bước chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của Mỹ.

Những năm 1954-1964 đánh dấu chặng đường cách mạng miền Nam đối diện với những thách thức khốc liệt trước âm mưu chia cắt lâu dài và chính sách khủng bố của đế quốc Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm. Trong hoàn cảnh đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thể hiện xuất sắc vai trò người dẫn đường khi không ngừng tìm tòi và đổi mới phương thức đấu tranh phù hợp với tình hình thực tế. Quyết định mang tính bước ngoặt tại Hội nghị Trung ương 15 (1959) - chuyển hướng kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, đã mở ra một thời kỳ mới, trực tiếp dẫn đến thắng lợi của phong trào Đồng khởi. Đặc biệt, với tinh thần chủ động, sáng tạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh trong hoạch định đường lối, chủ trương, sách lược tại Đại hội III của Đảng (1960) và *Hội nghị chính trị đặc biệt* (1964) đã tạo ra thế và lực mới cho cách mạng miền Nam, lực lượng cách mạng đã làm phá sản chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ ở miền Nam, xác lập thế đứng vững chắc, tạo đà cho những bước tiến quyết định trong công cuộc đấu tranh giành độc lập và thống nhất đất nước. Thực tiễn đó cũng khẳng định bản lĩnh, sự nhạy bén và năng lực lãnh đạo của Hồ Chí Minh trong việc xử lý những bước ngoặt của cách mạng, tạo cơ sở để cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước bước sang một giai đoạn phát triển mới.

3.1.5. Về đối ngoại

3.1.5.1. củng cố và phát triển quan hệ với Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa

Cùng với việc xây dựng miền Bắc thành hậu phương vững mạnh, Hồ Chí Minh đã tiến hành nhiều hoạt động ngoại giao nhằm củng cố tình đoàn kết hữu nghị giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân Liên Xô, Trung Quốc, các nước XHCN và phát triển kinh tế - văn hóa với các nước bạn, tăng cường tiềm lực cho cách mạng. Các chuyến thăm của Người đến Liên Xô, Trung Quốc và Mông Cổ (năm 1955) và 9 nước: Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên, Tiệp Khắc, Ba

Lan, Cộng hòa Dân chủ Đức, Hungari, Nam Tư, Anbani, Bungari và Ruman (1957) đã thu được kết quả rất tốt đẹp. Qua đó, thắt chặt hơn nữa tình hữu nghị giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân các nước XHCN. Làm tăng thêm uy tín của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trên trường quốc tế. Mở rộng và củng cố thêm những mối quan hệ quốc tế của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đặc biệt, về *chính trị*, thông qua các bản Tuyên bố chung, các nước bày tỏ sự ủng hộ mạnh mẽ đối với cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân Việt Nam, kiên quyết yêu cầu thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định Giơnevơ. Về *kinh tế, văn hóa giáo dục*, thông qua các Hiệp định về viện trợ không hoàn lại và cho vay, các Nghị định thư về trao đổi văn hóa, khoa học kỹ thuật, giáo dục do Người trực tiếp ký kết, Việt Nam đã nhận được nguồn lực vật chất to lớn từ các nước. Cụ thể, Liên Xô đồng ý viện trợ cho Việt Nam 400 triệu rúp để thực hiện kế hoạch 3 năm khôi phục và phát triển kinh tế; cử chuyên gia sang giúp Việt Nam khôi phục 25 xí nghiệp, công trình công nghiệp, nhà máy thuộc các ngành cơ khí, than, điện lực và công nghiệp nhẹ. Trung Quốc cam kết viện trợ cho Việt Nam 800 triệu nhân dân tệ; đồng ý cử nhiều chuyên gia kinh tế, nhân viên kỹ thuật, sang giúp Việt Nam. Nước Cộng hòa Nhân dân Mông cổ viện trợ 500 tấn thịt hộp, một số bò, cừu giống để xây dựng nông trường chăn nuôi [172, tr.56-57]... Những nguồn viện trợ quý giá và kịp thời đó, cùng với sự hỗ trợ chí tình của các nước anh em đã trở thành tiền đề vật chất quan trọng giúp miền Bắc nhanh chóng vượt qua khó khăn, đạt được những thành tựu to lớn trong công cuộc khôi phục, phát triển kinh tế, phát triển văn hóa - xã hội.

Nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của mối quan hệ bền chặt với Liên Xô, Trung Quốc và các nước XHCN, đặc biệt là mối quan hệ với hai trụ cột của CNXH, do đó, bên cạnh các chuyến thăm và làm việc chính thức ở Liên Xô và Trung Quốc theo nghi thức ngoại giao, Hồ Chí Minh còn chủ động sắp xếp, tham dự nhiều cuộc hội đàm với lãnh đạo hai nước. Tuy nhiên, hoạt động ngoại giao với Trung Quốc và Liên Xô đã diễn ra trong bối cảnh quốc tế đầy phức tạp, nhất là sự bất đồng ngày càng gay gắt giữa Liên Xô và Trung Quốc. Trước tình hình đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng vừa nêu cao tinh thần độc lập tự chủ, sáng tạo vừa nỗ lực hoạt động nhằm góp phần ngăn ngừa sự chia rẽ và duy

trì tình đoàn kết giữa các nước XHCN, tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của cả Liên Xô và Trung Quốc đối với công cuộc xây dựng và đấu tranh thống nhất đất nước.

Bằng thái độ chân thành, kiên trì và phương pháp ngoại giao mềm dẻo, linh hoạt, sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, quan hệ giữa Việt Nam với Liên Xô và Trung Quốc tiếp tục được củng cố và tăng cường. Từ năm 1961-1965, Liên Xô tiếp tục giúp Việt Nam xây dựng 73 xí nghiệp và các công trình làm cơ sở cho công nghiệp; cho Việt Nam vay dài hạn 430 triệu rúp; viện trợ không hoàn lại số thuốc men, dụng cụ y tế giá 20 triệu rúp [172, tr.97]; Trung Quốc ký nhiều Hiệp định kinh tế thương mại, trong đó, có Hiệp định ký ngày 31-01-1961, đồng ý cho Việt Nam vay dài hạn số tiền 141.750.000 đôla...[172, tr.103]. Những nguồn lực vật chất to lớn đó là cơ sở quan trọng giúp miền Bắc hoàn thành kế hoạch phát triển kinh tế 5 năm lần thứ nhất, qua đó, tạo lập sự chuẩn bị vững chắc cả về vật chất và tinh thần để miền Bắc phát huy vai trò hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn miền Nam. Kết quả đạt được khẳng định sự đóng góp to lớn của mặt trận ngoại giao vào thắng lợi chung của dân tộc, trong đó Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có những đóng góp đặc biệt quan trọng trong việc xây dựng nên mối quan hệ đặc biệt giữa Việt Nam với hai nước lớn là Liên Xô và Trung Quốc.

3.1.5.2. Củng cố và mở rộng quan hệ với các nước láng giềng

Đối với các nước láng giềng, đặc biệt là với hai nước Lào và Campuchia, Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh ý nghĩa và tầm quan trọng của tình đoàn kết quốc tế giữa nhân dân ba nước Đông Dương trong cuộc đấu tranh GPDT và xây dựng đất nước. Người chỉ rõ, “Việt Nam sẽ không thể ổn định nếu không có mối quan hệ thân thiện với các nước trong khu vực, đặc biệt là các nước trên bán đảo Đông Dương” [172, tr.41]. Đối với Lào, Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố bày tỏ quan điểm “Việt Nam sẵn sàng đặt quan hệ hữu nghị với Vương quốc Lào, ủng hộ chính sách hòa bình trung lập của Lào, lên án Mỹ âm mưu phá hoại việc thi hành Hiệp định Giơnevơ và Hiệp định Viên Chăn (về Lào)” [172, tr.41-42]. Đối với Campuchia, Người vẫn kiên trì đường lối ngoại giao mềm dẻo, tháng 10-1957, Người “cử một đoàn đại biểu Chính phủ ta sang thăm Campuchia, bày tỏ thái độ thiện chí của Việt Nam ủng hộ Campuchia trước sức ép của Mỹ và bọn tay sai” [172, tr.42]. Với chính sách ngoại giao mềm dẻo, sáng suốt, Đảng và Chủ tịch

Hồ Chí Minh bước đầu làm thất bại âm mưu chia rẽ của kẻ thù, tạo điều kiện cho việc thiết lập Liên minh chiến đấu Việt - Lào - Campuchia ở giai đoạn tiếp theo.

Nhằm phát huy sự ủng hộ của quốc tế đối với Việt Nam, đồng thời gia tăng sức ép của quốc tế trong giải quyết vấn đề ở Việt Nam, Hồ Chí Minh quan tâm chú ý đến việc mở rộng quan hệ hữu nghị với các nước dân chủ, các nước trong khu vực Á - Phi, đặc biệt là quan hệ với hai nước lớn ở châu Á là Ấn Độ và Indônêxia, những *sáng lập viên* của *Phong trào không liên kết*. Cụ thể, tháng 10-1954, vừa tiếp quản Thủ đô, Hồ Chí Minh chủ động tạo ra các hoạt động ngoại giao nhằm tranh thủ sự đồng tình của các nước dân chủ, đồng thời thu hút dư luận thế giới thông qua việc mời nguyên thủ các nước Ấn Độ, Miến Điện, nhiều nguyên thủ quốc gia châu Á, châu Phi sang thăm Việt Nam. Nhận lời mời của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nguyên thủ các nước sang thăm Việt Nam: Thủ tướng Lào (tháng 5-1956), Phó Tổng thống Ấn Độ (tháng 9-1957), Tổng thống Ấn Độ (tháng 3-1959), Tổng thống Indônêxia (tháng 6-1959), Phó Thủ tướng Angiêri (tháng 9-1960)... Các chuyến thăm của các nước thuộc lực lượng thế giới thứ ba diễn ra ở Việt Nam thu hút sự chú ý của dư luận thế giới, làm tăng uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế, đồng thời, tạo được cảm tình và sự ngưỡng mộ đối với các nước châu Á, châu Phi và phong trào GPDT.

Để thắt chặt hơn nữa tình hữu nghị, tình đoàn kết giữa các dân tộc Á - Phi, qua đó tăng thêm lực lượng giữ gìn hòa bình thế giới và đáp lại tình cảm hữu nghị của các nước anh em, bạn bè, tháng 2-1958, Chủ tịch Hồ Chí Minh đi thăm Ấn Độ, Miến Điện. Tháng 2-1959, Người đến thăm đất nước Indônêxia. Thành công trong các chuyến đi của Người giúp các nước đoàn kết, ủng hộ sự nghiệp thống nhất của nước Việt Nam, đặc biệt, chuyến đi của Người đến Indônêxia đã “khai thông chiếc cầu nối giữa Việt Nam với các nước trong khu vực Đông Nam Á, các nước ở châu Á, châu Phi, do đó có được sự ủng hộ giúp đỡ của một lực lượng vô cùng to lớn, đó là các quốc gia thuộc *Phong trào không liên kết*” [172, tr.65].

Các hoạt động ngoại giao của Chủ tịch Hồ Chí Minh với các nước láng giềng đã góp phần làm thất bại âm mưu chia rẽ của các thế lực thù địch, củng cố vững chắc tình đoàn kết giữa ba nước Đông Dương. Đồng thời, việc mở rộng quan hệ hữu nghị với các nước dân chủ và các nước trong khu vực Á -

Phi, đặc biệt là quan hệ với hai nước là Ấn Độ và Indônêxia đã nâng tầm vị thế quốc tế của Việt Nam và “khai thông chiếc cầu nối” giúp Việt Nam kết nối với các lực lượng tiến bộ trên thế giới, tạo ra sự ủng hộ quốc tế mạnh mẽ cho công cuộc thống nhất đất nước.

3.1.5.3. Tham gia các hoạt động của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, đặc biệt là kêu gọi giải quyết bất đồng, đề cao tinh thần đoàn kết nhất trí giữa các đảng cộng sản

Cùng với việc chỉ đạo hoạch định xây dựng đường lối đối ngoại và xây dựng chính sách ngoại giao của Việt Nam, Hồ Chí Minh còn trực tiếp tham gia các hoạt động của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, thể hiện nghĩa vụ của một chiến sĩ quốc tế cộng sản. Từ những năm 50, nhận thấy trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế bắt đầu nảy sinh tình trạng bất đồng về một số vấn đề quốc tế, trước hết giữa Liên Xô và Trung Quốc. Để góp phần củng cố tình đoàn kết, thống nhất giữa các đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ động dàn xếp, mong muốn thu hẹp mọi bất đồng giữa hai nước Liên Xô và Trung Quốc. Người viết một loạt bài viết thể hiện rõ quan điểm quốc tế của Đảng Lao động Việt Nam được công bố rộng rãi trên các phương tiện thông tin trong nước và quốc tế. Trong các bài viết, Hồ Chí Minh khẳng định ý nghĩa của Cách mạng Tháng Mười và chủ nghĩa Mác-Lênin đối với thắng lợi của phong trào GPDТ trên thế giới. Đối với cách mạng Việt Nam, ảnh hưởng của Cách mạng Tháng Mười và chủ nghĩa Mác-Lênin có ý nghĩa vô cùng lớn lao “tựa như người đi đường đang khát mà có nước uống, đang đói mà có cơm ăn” [114, tr.173].

Tháng 11-1957, Chủ tịch Hồ Chí Minh dẫn đầu đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ Việt Nam sang dự lễ kỷ niệm 40 năm Cách mạng Tháng Mười, dự Hội nghị các Đảng Cộng sản và Công nhân trên thế giới họp tại Mátxcova từ ngày 14 đến ngày 19-11-1957. Tại Hội nghị này, Hồ Chí Minh có những đóng góp tích cực vào việc trao đổi, tổng kết những vấn đề chiến lược, sách lược đối với phong trào cách mạng thế giới, sự cần thiết phải tăng cường sự đoàn kết của phong trào cộng sản quốc tế.

Phát biểu tại khóa họp Xôviết tối cao Liên Xô nhân kỷ niệm 40 năm Cách mạng Tháng Mười (6-11-1957), Người nhấn mạnh: “Trong hoàn cảnh quốc tế

hiện nay, khi bọn đế quốc đang âm mưu phá hoại sự thống nhất của các nước XHCN, âm mưu gây một cuộc chiến tranh mới, thì sự thống nhất của các nước trong phe XHCN có một ý nghĩa đặc biệt” [114, tr.181]. *Tại Hội nghị đại biểu các đảng cộng sản và công nhân các nước xã hội chủ nghĩa (16-11-1957)*, Người phát biểu và nhất trí cao với Bản Tuyên bố của Hội nghị về sự “cấp thiết phải đoàn kết và thống nhất các đảng mácxít - lêninnít về mặt tư tưởng, về sự cần thiết phải lập ra mặt trận thống nhất rộng rãi và vững chắc, phát triển và củng cố phong trào công nhân quốc tế” [114, tr.189].

Mặc dù các Đảng Cộng sản và công nhân các nước XHCN rất cố gắng trong giải quyết những bất đồng và chia rẽ giữa Trung Quốc và Liên Xô, song mâu thuẫn Liên Xô - Trung Quốc ngày càng gay gắt. *Tại Hội nghị đại biểu các đảng cộng sản và đảng công nhân quốc tế họp ở Mátxcova (tháng 11-1960)*, hai Đảng Trung Quốc và Liên Xô công khai đả kích nhau. Trước nguy cơ bất đồng công khai, làm ảnh hưởng đến uy tín phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, Hồ Chí Minh đã trực tiếp gặp N.Kho-rút-sốp - Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô và Đặng Tiểu Bình, Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Trung Quốc để hòa giải và trao đổi về một số nội dung trong bản dự thảo Tuyên bố. Nhờ sự cố gắng nỗ lực của Người, bản Tuyên bố của Hội nghị cũng được thông qua.

Phát biểu tại Hội nghị (tháng 11-1960) Người khẳng định: “cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân các nước đang diễn biến rất phức tạp. Các đảng anh em hoạt động trong những điều kiện đó có khi không thể hoàn toàn tránh được có những quan điểm khác nhau trên vấn đề này hoặc vấn đề khác” [117, tr.721]. Để khắc phục tình trạng đó, Người kêu gọi các nước:

không nên dùng bất kỳ hình thức cưỡng bách nào để bắt buộc bên này phải theo quan điểm của bên kia, không nên dùng lời lẽ chua cay đối với nhau, càng không nên dùng phương pháp tranh luận và đả kích công khai, mà chỉ có dùng cách bàn bạc dân chủ theo tinh thần đồng chí trong các cuộc hội nghị đại biểu các đảng thì mới có thể cùng nhau phân rõ đúng sai và đi đến nhất trí [117, tr.722].

Từ đó, Người lên tiếng yêu cầu các nước giữ vững và tăng cường sự đoàn kết nhất trí vì đều là anh em ruột thịt trong đại gia đình cộng sản quốc tế, cùng

nhau chung sức phấn đấu cho tương lai tươi sáng của cả loài người. Trong đó, Người nhấn mạnh vai trò quan trọng của Liên Xô và Đảng Cộng sản Liên Xô trong việc duy trì sự đoàn kết, thống nhất của hệ thống XHCN và phong trào cộng sản quốc tế.

Bài phát biểu của Hồ Chí Minh được các đại biểu đánh giá cao. Sau này, Người còn nhiều lần viết thư kêu gọi Đảng Cộng sản Liên Xô có biện pháp để chấm dứt tranh luận công khai với Đảng Cộng sản Trung Quốc, dàn hòa với Anbani, Nam Tư nhưng các Đảng này vì nhiều lý do đã từ chối hòa giải. Không những thế, “họ còn ra sức tập hợp lực lượng, chia bè phái chống lại nhau và cố gắng lôi kéo Việt Nam tham gia” [172, tr.52]. Trong bối cảnh đó, Người khẳng định lập trường thủy chung, trong sáng của Đảng Lao động Việt Nam và nhắc nhở Đảng luôn khéo léo trong ứng quan hệ với các nước, Người lưu ý: “Cần phải bình tĩnh tìm hiểu, không nên vội, không nên phê phán bên này đúng, bên kia sai”, và chỉ rõ: “Trong đại gia đình các đảng cộng sản đều có những vấn đề riêng, nhưng “đảng nào đối với ta cũng rất tốt, đều giúp đỡ ta...” [63, tr.21].

Những hoạt động trách nhiệm và đầy nhiệt huyết của Chủ tịch Hồ Chí Minh với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế đã góp phần giảm bớt những bất đồng trong quan hệ giữa Trung Quốc và Liên Xô, góp phần củng cố tình đoàn kết giữa các nước trong hệ thống XHCN và phong trào cộng sản, đồng thời làm tăng uy tín Việt Nam trên trường quốc tế.

Bên cạnh đó, với vị thế mới trong quan hệ quốc tế, Việt Nam liên tục được đón tiếp những nguyên thủ các nước XHCN đến thăm: Thủ tướng Rumani (3-1958); Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Bungari (10-1958); Thủ tướng Cộng hòa Dân chủ Đức (17-11-1958); Thủ tướng Hungari (1-4-1959); Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Ba Lan (6-10-1959); Chủ tịch Quốc hội Tiệp Khắc (3-2-1960); Thủ tướng Trung Quốc (9-5-1960)... Tất cả các đoàn đại biểu được Chủ tịch Hồ Chí Minh đón tiếp, gặp gỡ, hội đàm và ký Tuyên bố chung.

Hồ Chí Minh lãnh đạo tổ chức thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH giai đoạn 1954-1964 trong bối cảnh đất nước có nhiều thuận lợi, song cũng có nhiều khó khăn. Trên cơ sở vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, căn cứ vào thực tiễn cách mạng Việt Nam, với thiên tài trí tuệ và quyết tâm biến nghị quyết của

Đảng thành quyết tâm của mọi cán bộ, đảng viên và nhân dân, Người đã dẫn dắt toàn Đảng, toàn quân, toàn dân vượt qua mọi thách thức. Ở miền Bắc, qua 10 năm xây dựng CNXH đã hoàn thành khôi phục và cải tạo XHCN, xóa bỏ cơ bản chế độ chiếm hữu ruộng đất phong kiến, đem lại quyền làm chủ cho nông dân ở nông thôn. Đến năm 1960, các nhiệm vụ cải tạo XHCN về cơ bản hoàn thành. Từ 1961-1965, nhân dân miền Bắc thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất và đạt được những thành tựu nhất định trong phát triển công nghiệp nặng, phát triển nông nghiệp. Ở miền Nam, 10 năm (1954-1964) là 10 năm đấu tranh oanh liệt, kiên cường. Tháng 12-1960, Mặt trận DTGP miền Nam được thành lập, trở thành trung tâm đoàn kết nhân dân và các lực lượng yêu chuộng hòa bình trên thế giới. Các cơ sở cách mạng được xây dựng và phát triển, các lực lượng vũ trang được hình thành. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, quân dân miền Nam đã làm thất bại từng bước chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ.

Những thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong việc thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng CNXH ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam những năm 1954-1964 bắt nguồn từ đường lối đúng đắn của Đảng; sự lãnh đạo, chỉ đạo sáng suốt, nhạy bén của Trung ương Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng với sự nỗ lực, hy sinh của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân. Trong quá trình đó, thông qua các hoạt động đối nội và đối ngoại, Hồ Chí Minh đã thể hiện một tấm gương sáng về tinh thần độc lập, tự chủ và sáng tạo trong việc vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin. Những tìm tòi, vận dụng sáng tạo của Người không chỉ góp phần đưa cách mạng Việt Nam đi đến thắng lợi mà còn góp phần làm phong phú chủ nghĩa Mác - Lênin trên một số luận điểm quan trọng. Qua thực tiễn lãnh đạo, Người cũng để lại tấm gương sáng ngời về đạo đức cách mạng và phong cách của một nhà lãnh đạo hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân, quyết tâm suốt đời đấu tranh cho Đảng, cho cách mạng; vì Đảng, vì dân đấu tranh quên mình, gương mẫu trong mọi việc.

3.2. HỒ CHÍ MINH LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC THỰC HIỆN MỤC TIÊU ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM NHỮNG NĂM 1965-1969

3.2.1. Về chính trị

Thứ nhất, quan tâm xây dựng Đảng và chỉnh đốn đảng, bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên

Tổng kết nguyên nhân thắng lợi của cách mạng Việt Nam, Người cho rằng, cuộc đấu tranh cách mạng trường kỳ, gian khổ và vô cùng anh dũng đã rèn luyện và dạy cho nhân dân Việt Nam nhiều bài học lớn, trong đó bài học lớn đầu tiên là “*Phải có đường lối cách mạng đúng, có đảng của giai cấp vô sản lãnh đạo đúng...*” Đảng phải thật sự là đội tiên phong dũng cảm và bộ tham mưu sáng suốt của giai cấp vô sản, của nhân dân lao động và của cả dân tộc” [117, tr.608]. Tuy nhiên, thực tế có nhiều tổ chức đảng, nhiều cán bộ chưa nhận thức sâu sắc tầm quan trọng vai trò công tác xây dựng đảng nên còn sai lầm, khuyết điểm. Biết được, Người phê bình: “Một số cán bộ ta hình như mãi làm công tác hành chính, sự vụ hơn là để nhiều tâm sức xây dựng con người, xây dựng Đảng và các tổ chức cách mạng” [118, tr.663].

Để Đảng tiếp tục phát huy vai trò lãnh đạo trong điều kiện mới, Người giành thời gian đến thăm và nói chuyện với Hội nghị bồi dưỡng chính huấn do Trung ương triệu tập (26-01-1965), Hội nghị cán bộ cao cấp nghiên cứu nghị quyết Hội nghị lần thứ 12 BCH Trung ương Đảng (16-01-1966), Hội nghị tổng kết ba năm xây dựng chi bộ và đảng bộ cơ sở “bốn tốt” (19-4-1966), trực tiếp giảng bài cho lớp huấn luyện đảng viên mới của Đảng bộ Hà Nội (14-5-1966), lớp bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo cấp huyện (18-1-1967)... Bên cạnh đó, Người viết các bài viết tổng kết và định hướng cho công tác xây dựng Đảng: *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân* (1969), *Di chúc* (1969)... Qua các bài nói chuyện, bài viết Người đã đề cập nhiều vấn đề quan trọng có giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc, góp phần hoàn thiện lý luận về công tác xây dựng Đảng.

Trước hết, Đảng muốn giữ vai trò lãnh đạo cần phải xây dựng được đường lối cách mạng đúng đắn. Muốn vậy, phải biết vận dụng chủ nghĩa Mác-Lênin vào hoàn cảnh đất nước một cách sáng tạo. Người yêu cầu mỗi cán bộ “nên luyện cho mình có đôi chân hay đi, đôi mắt hay nhìn, cái óc hay nghĩ, không nên chỉ ngồi ở bàn giấy, theo kiểu “đạo nhân phòng thủ” [63, tr.131].

Không chỉ nói, Người còn nêu tấm gương mẫu mực, trong kế hoạch làm việc, Hồ Chí Minh luôn có kế hoạch đi về cơ sở, bên cạnh đó, Người luôn theo dõi tình hình thế giới, nhờ đó kịp thời nhận định tình hình và chỉ đạo thực hiện đặc biệt trong vấn đề về sơ tán nhân dân, về xây dựng quân đội phòng không không quân; về chủ động chuyển hướng nền kinh tế ở miền Bắc từ trạng thái hòa bình sang chiến tranh, vừa sản xuất vừa chiến đấu...

Hai là, đối với công tác xây dựng Đảng về tổ chức, Người thường xuyên nhắc nhở xây dựng chi bộ cho tốt, cho vững mạnh. Khi nhận thấy việc một số chi bộ “bốn tốt” vẫn còn khuyết điểm Người thẳng thắn phê bình và đặt ra các yêu cầu, nhiệm vụ để các chi bộ phấn đấu, trong đó giao nhiệm vụ cho các thành ủy, tỉnh ủy có chi bộ kém phải đi sâu đi sát đến các chi bộ, cần phải giúp đỡ các chi bộ một cách thiết thực và thường xuyên, cần chỉ đạo riêng chi bộ để rút kinh nghiệm về xây dựng chi bộ “bốn tốt”.

Ba là, trong điều kiện đất nước có chiến tranh, vấn đề đoàn kết cán bộ, đảng viên, đoàn kết trong Đảng là vấn đề đặc biệt quan trọng. Người yêu cầu cán bộ, đảng viên phải đoàn kết chặt chẽ với nhau. Tất cả cán bộ, đảng viên của Đảng phải vì Đảng, vì dân mà đoàn kết và phấn đấu. Cả cuộc đời hoạt động cách mạng, Người luôn thể hiện tấm gương về thực hành đoàn kết. Tổng kết tâm quan trọng, sự cần thiết phải đoàn kết, trong bản *Di chúc* Người căn dặn: “*Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình*” [118, tr.622].

Bốn là, phải thực hiện nghiêm các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt của Đảng. Với Người, thực hiện nghiêm các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt của Đảng là cách tốt nhất để củng cố và phát triển, thống nhất trong Đảng.

Đặc biệt, vấn đề Người quan tâm nhiều nhất, nhất quán và xuyên suốt đó là vấn đề về xây dựng đạo đức cách mạng cho đảng viên và cán bộ. Người có nhiều bài viết về đạo đức cách mạng để chỉ dẫn thực hành đạo đức cho mỗi cán bộ, đảng viên, đặc biệt, ngày 3-2-1969 nhân kỷ niệm ngày thành lập Đảng, Người viết bài *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân* đăng trên Báo Nhân

dân. Trong bài viết, Người thẳng thắn chỉ ra những khuyết điểm còn có ở một số ít cán bộ, đảng viên. Để sửa chữa, Người chỉ ra các nguyên tắc, biện pháp cần thực hiện. Sự quan tâm của Người đối với đạo đức cách mạng còn được thể hiện trong bản *Di chúc*. Người căn dặn: “Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần *đạo đức cách mạng*, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân” [118, tr.622].

Những năm 1965-1969, giữa lúc cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ bước vào giai đoạn khốc liệt, Hồ Chí Minh không chỉ tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo cách mạng mà còn đặc biệt quan tâm đến công tác xây dựng Đảng. Chính sự quan tâm thường xuyên và những chỉ dẫn sâu sắc của Hồ Chí Minh về xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong giai đoạn này có ý nghĩa quan trọng trong việc củng cố năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, góp phần bảo đảm Đảng đủ khả năng lãnh đạo toàn dân, toàn quân vượt qua những thử thách khắc nghiệt của chiến tranh, thực hiện đồng thời nhiệm vụ xây dựng CNXH ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Thứ hai, xây dựng và giữ bộ máy Nhà nước trong sạch, vững mạnh

Quản lý, điều hành đất nước trong điều kiện chiến tranh diễn ra trên cả hai miền Nam - Bắc, Hồ Chí Minh vẫn đặc biệt quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo duy trì đảm bảo các hoạt động của Nhà nước. Để kịp thời quản lý xã hội trong điều kiện ở miền Bắc có chiến tranh, Người chỉ đạo xây dựng, ban hành và công bố nhiều văn bản pháp lý như: Lệnh số 34-LCT (11-4-1967), công bố Pháp lệnh quy định một số điểm về bầu cử và tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính các cấp trong thời chiến; Lệnh ngày 10-11-1967, công bố Pháp lệnh trừng trị các tội phản cách mạng...

Người quan tâm giữ cho bộ máy Nhà nước trong sạch, đảm bảo hoạt động bình thường của Nhà nước. Nhận thấy đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhà nước có những việc làm chưa đúng, Người chấn chỉnh kịp thời và yêu cầu tất cả mọi cán bộ, công nhân, viên chức nhà nước, nhất là cán bộ lãnh đạo phải cố gắng vươn lên cho xứng đáng với nhân dân anh hùng, với sự nghiệp cách mạng vĩ đại. Trong đó, phải là sửa đổi lề lối làm việc, phải chống bệnh giấy tờ, hội họp nhiều;

phải thường xuyên đi kiểm tra; phải kiện toàn sự lãnh đạo của các cấp, các ngành; phải mạnh dạn giao việc cho những cán bộ trẻ đã được rèn luyện, thử thách.

Trong xây dựng Nhà nước, Hồ Chí Minh chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhà nước. Theo Người, chất lượng của Nhà nước có mối quan hệ chặt chẽ với chất lượng của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhà nước. Ngày 29-12-1966, tham dự và nói chuyện tại kỳ họp Hội đồng Chính phủ cuối năm 1966, Người nêu ra các nhiệm vụ rất quan trọng và yêu cầu tất cả cán bộ, công nhân, viên chức nhà nước quyết tâm làm bằng được, đó là phải cố gắng vươn lên cho xứng đáng với nhân dân anh hùng, với sự nghiệp cách mạng vĩ đại; phải tìm mọi cách, làm hết sức mình để giúp đỡ tiền tuyến lớn; phải ra sức nghiên cứu sớm và kiên quyết thực hiện việc cải tiến quản lý kinh tế tài chính cho hợp với hoàn cảnh chiến tranh hiện nay và hợp với hướng tiến lên về sau.

Với sự nỗ lực cố gắng của Chính phủ, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã hoàn thành nhiệm vụ trong việc định hướng, điều tiết nền kinh tế phù hợp với tình hình; tiếp tục xây dựng và thực thi pháp luật đảm bảo quản lý xã hội bằng pháp luật, giữ vững an ninh trật tự xã hội, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân. Ở đây, vai trò của Hồ Chí Minh không chỉ thể hiện ở việc xây dựng một bộ máy Nhà nước vận hành hiệu quả, mà còn ở bản lĩnh, tầm nhìn chiến lược về xây dựng, giữ gìn sự trong sạch, liêm chính của bộ máy nhà nước ngay cả trong điều kiện đất nước bị chia cắt và có chiến tranh ác liệt. Đây là vấn đề cực kỳ quan trọng, bởi bộ máy nhà nước trì trệ, đội ngũ cán bộ, công chức, nhất là những cán bộ chủ chốt bị thoái hóa, biến chất thì không chỉ làm giảm hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước, mà còn làm ảnh hưởng đến niềm tin của nhân dân đối với Nhà nước và chế độ.

Thứ ba, tiếp tục củng cố và mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân tộc

Khẳng định vai trò của đại đoàn kết đối với thắng lợi của cách mạng, Người kêu gọi toàn dân đoàn kết. Hồ Chí Minh luôn quan tâm củng cố khối đoàn kết và dành sự ủng hộ, động viên Mặt trận DTGP miền Nam. Trong các bài viết, bài trả lời phỏng vấn Người đều khẳng định tính chính danh của Mặt trận, yêu cầu đế quốc Mỹ phải tôn trọng, thực hiện các nội dung trong Cương lĩnh của Mặt trận DTGP miền Nam và khẳng định đó là cơ sở để giải quyết vấn đề miền Nam. Để kịp thời

động viên và lãnh đạo Mặt trận, Hồ Chí Minh thường xuyên gửi thư, điện cho Mặt trận và Luật sư Nguyễn Hữu Thọ. Chỉ tính riêng từ năm 1965-1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh có 17 bức thư và điện chúc mừng, thăm hỏi gửi cá nhân Luật sư Nguyễn Hữu Thọ và Mặt trận DTGP miền Nam. Nội dung các bức thư và điện Người đều tin tưởng và mong muốn tha thiết đồng bào, chiến sĩ ở miền Nam yêu quý vượt mọi khó khăn, hăng hái xốc tới, giành nhiều thắng lợi quyết định.

Bên cạnh đó, Người luôn đặc biệt chú trọng việc gặp gỡ trực tiếp, trao đổi với các cán bộ, nhân sĩ tiêu biểu ở miền Nam như: đồng chí Phạm Hùng, Giáo sư Nguyễn Văn Hiếu, đồng chí Nguyễn Văn Linh, đồng chí Nguyễn Thị Bình,... Trong cuộc gặp với đồng chí Nguyễn Văn Linh - Phó Bí thư Trung ương cục miền Nam, Người căn dặn: “Bất cứ trong tình huống nào cũng phải bám chắc lấy dân, dựa vào dân để mà tồn tại. Đó là chìa khóa của mọi thắng lợi” [124, tr.281]. Gặp đồng chí Phạm Hùng - Bí thư Trung ương cục, chính ủy Bộ Tư lệnh Quân giải phóng miền Nam, Người nhắc nhở: “Phải nhanh chóng củng cố và phát triển cơ sở chính trị, các đoàn thể thanh niên, phụ nữ, nông hội, công đoàn ở nông thôn và thành thị. (...) phải luôn luôn nắm vững phương châm đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị. Phải xây dựng lực lượng vũ trang địa phương cho mạnh” [124; tr.281]. Những lời căn dặn của Người trong các cuộc gặp trở thành nguồn sức mạnh tinh thần hết sức to lớn, động viên, cổ vũ quân dân miền Nam luôn vững vàng trước những thử thách khắc nghiệt của cuộc kháng chiến.

Bước vào năm 1968, trước sự chuyển biến của cách mạng miền Nam, mở đầu thời kỳ quân và dân ở miền Nam liên tục tổng tiến công và nổi dậy nhằm giành thắng lợi quyết định, tình hình mới đòi hỏi phải có tổ chức mới có khả năng tập hợp đông đảo quần chúng trí thức yêu nước, một số công chức trong bộ máy ngụy quyền Sài Gòn. Trong bối cảnh đó *Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt Nam* (20-4-1968) ra đời, Người gửi điện cho Chủ tịch Trịnh Đình Thảo và Ủy ban Trung ương Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt Nam đề kịp thời động viên những kết quả bước đầu của Liên minh, đồng thời phân tích tình hình và định hướng hoạt động của Liên minh để làm cho khối toàn dân đoàn kết càng thêm lớn mạnh, góp sức đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân đến thắng lợi hoàn toàn.

Nhằm củng cố và mở rộng hơn nữa khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thi đua sản xuất, quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới hoà bình thống nhất đất nước, ngày 20-7-1968, Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi. Lời kêu gọi của Người được Ban Bí thư dùng làm tài liệu cho toàn Đảng, toàn quân, toàn dân nghiên cứu sinh hoạt chính trị để mỗi cán bộ, đảng viên, chiến sĩ và nhân dân nâng cao hơn nữa giác ngộ về sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, đẩy mạnh hơn nữa cuộc vận động chính trị toàn dân thực hiện thắng lợi nhiệm vụ “Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”.

Bằng sự quan tâm sâu sắc và tình cảm chân thành, Hồ Chí Minh không chỉ lãnh đạo, định hướng mà còn trực tiếp hòa mình vào cuộc đấu tranh của đồng bào, chiến sĩ cả nước, đặc biệt là nhân dân miền Nam. Sự quan tâm sâu sắc và tình cảm chân thành của Người đã tạo nên sợi dây liên kết tinh thần bền chặt giữa hậu phương miền Bắc với tiền tuyến miền Nam, củng cố niềm tin và ý chí chiến đấu của quân dân miền Nam trong những năm tháng khốc liệt của cuộc kháng chiến. Đặc biệt, *Lời kêu gọi ngày 20-7-1968* của Người đã trở thành văn kiện chính trị quan trọng, có giá trị định hướng tư tưởng, củng cố niềm tin và thống nhất ý chí cho toàn dân tộc trong thực hiện nhiệm vụ chiến lược: tất cả để đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược.

3.2.2. Về kinh tế

Sau thất bại của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, đế quốc Mỹ chuyển sang chiến lược “Chiến tranh cục bộ” nhằm cứu vãn tình thế. Đế quốc Mỹ đưa lực lượng chiến đấu lớn trực tiếp xâm lược miền Nam, đồng thời không ngừng mở rộng chiến tranh phá hoại chủ yếu bằng không quân đối với miền Bắc từ tháng 8-1964, tạo nên tình hình cả nước đều có chiến tranh với đế quốc Mỹ trên mức độ khác nhau ở hai miền.

Trước bối cảnh đó, đặc biệt khi miền Bắc không còn ở trong thời kỳ xây dựng hòa bình mà bắt đầu ở vào thời chiến, Hồ Chí Minh cùng BCH Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 11 (3-1965) và Hội nghị lần thứ 12 (12-1965) nhằm chuyển hướng xây dựng kinh tế và tăng cường lực lượng quốc phòng cho hợp với tình hình mới và để cho miền Bắc có đủ sức mạnh nhằm kịp thời đáp ứng yêu cầu bảo vệ miền Bắc, chống lại các cuộc ném bom bắn phá và phong tỏa của đế quốc

Mỹ; đáp ứng yêu cầu chi viện to lớn cho cách mạng miền Nam trong tình hình mới và yêu cầu tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của CNXH.

Thực hiện sự chỉ đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, từ đầu năm 1965, cả miền Bắc nhanh chóng chuyển sang thời chiến với quyết tâm đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược và tiếp tục xây dựng CNXH, sẵn sàng chi viện cho miền Nam. Việc chuyển hướng nền kinh tế miền Bắc từ thời bình sang thời chiến thể hiện tầm nhìn chiến lược và năng lực lãnh đạo kiệt xuất của Hồ Chí Minh. Với bản lĩnh chính trị vững vàng và tư duy độc lập, tự chủ, Người đã kịp thời chỉ đạo tổ chức lại nền kinh tế miền Bắc, hạn chế các tổn thất do các cuộc tập kích của không quân và hải quân của đế quốc Mỹ, vừa thực hiện phương châm “vừa sản xuất, vừa chiến đấu”. Đây là cơ sở vững chắc để miền Bắc thực hiện trọng trách vai trò hậu phương lớn, chi viện kịp thời cho tiền tuyến miền Nam.

Nhằm kịp thời động viên, khích lệ hợp tác xã cán bộ và xã viên các hợp tác xã có thành tích trong sản xuất và chiến đấu, Người thường viết thư khen. Chỉ tính riêng ngày 2-3-1966 Người gửi 5 bức thư khen các hợp tác xã đạt năng suất lúa cao năm 1965. Bên cạnh đó, Người đôn đốc, nhắc nhở các cấp đảng, chính quyền và đoàn thể cần phái cán bộ về tận cơ sở giúp đồng bào tổ chức tốt công việc sản xuất, phòng không. Người kêu gọi các hợp tác xã đẩy mạnh cuộc vận động “5 tấn một hécta”.

Trong điều kiện chiến tranh, đế quốc Mỹ ném bom đánh phá đê điều, các công trình thủy lợi, lại thiên tai (lũ lụt, hạn hán...) liên tiếp xảy ra, Người đôn đốc, nhắc nhở cấp ủy đảng, chính quyền huyện và xã phải sâu sát cơ sở, vận động và tổ chức nhân dân thực hiện việc bảo vệ đê điều và công trình thủy lợi đến nơi đến chốn, kiên quyết đập tan âm mưu giặc Mỹ.

Với sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát của Hồ Chí Minh, dù đế quốc Mỹ tăng cường đánh phá miền Bắc, song sản xuất nông nghiệp vẫn tiếp tục tăng trưởng. Trong những năm 1965-1968, sản lượng lương thực vẫn xấp xỉ bằng năm 1964, có năm cao hơn, như năm 1965 đạt 5.562.000 tấn. Phong trào hợp tác hóa trong nông nghiệp tiếp tục phát triển. Năm 1964 có 84.7% số hộ nông dân vào hợp tác xã, đến năm 1968 số hộ nông dân vào hợp tác xã lên đến 94% [154, tr.626].

Về công nghiệp, trong điều kiện miền Bắc bị chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, Hồ Chí Minh cùng Đảng vẫn chủ trương tiếp tục đẩy mạnh sản xuất công nghiệp, nhất là công nghiệp nhẹ và công nghiệp địa phương. Đây là một nội dung quan trọng của việc chuyển hướng kinh tế trong thời chiến. Thực tế đã chứng minh, chủ trương chuyển hướng phát triển công nghiệp trong chiến tranh, đặc biệt là tập trung vào phát triển công nghiệp nhẹ và công nghiệp địa phương là một quyết sách đúng đắn góp phần quan trọng vào việc tăng cường tiềm lực kinh tế - quốc phòng, đáp ứng nhu cầu thiết yếu của nhân dân và chi viện cho chiến trường miền Nam. Đặc biệt, việc tiếp tục phát triển công nghiệp nặng, nhất là ngành than giữ vai trò then chốt trong việc cung cấp nguyên liệu quan trọng cho toàn bộ hệ thống sản xuất của miền Bắc và tiếp tế cho miền Nam.

Với các hoạt động chuyển hướng kịp thời trên lĩnh vực kinh tế, giúp cho nền sản xuất ở miền Bắc trong những năm có chiến tranh được duy trì, qua đó bảo đảm yêu cầu chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến miền Nam và đáp ứng những nhu cầu thiết yếu về đời sống của nhân dân. Mặc dù điều kiện vật chất còn nhiều khó khăn, mức sống của nhân dân chưa cao, nhưng miền Bắc vẫn cơ bản bảo đảm đời sống nhân dân, không để xảy ra tình trạng thiếu đói nghiêm trọng. Trong hoàn cảnh miền Bắc vừa đương đầu với hàng triệu tấn bom đạn của đế quốc Mỹ, vừa cung cấp sức người, sức của cùng đồng bào miền Nam đánh giặc, cứu nước thì những kết quả đạt được là những kỳ tích, làm sáng ngời tính ưu việt và sức mạnh của CNXH.

3.2.3. Về văn hóa, con người

Khi đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh ra miền Bắc, đưa cả nước trong tình trạng có chiến tranh. Xác định con người là nhân tố quyết định thắng lợi, Người kêu gọi và động viên các tầng lớp nhân dân và cán bộ các cơ quan phát huy tinh thần yêu nước, nêu cao “Chủ nghĩa anh hùng cách mạng”, vượt mọi khó khăn, gian khổ, chiến đấu dũng cảm, lập nhiều chiến công oanh liệt trong xây dựng, bảo vệ miền Bắc, đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Để khơi dậy và đưa tinh thần yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng thấm sâu vào các tầng lớp nhân dân và mỗi cán bộ, đảng viên, Người gửi thư cho: các đồng chí Bộ Chính trị, Chủ tịch Nguyễn Hữu Thọ và Trung ương Mặt trận

DTGP miền Nam; gửi điện Luật sư Trịnh Đình Thảo - Chủ tịch Ủy ban Trung ương Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hoà bình Việt Nam; ra lời kêu gọi nhân ngày 20-7 năm 1969; gửi thư cho BCH Đảng Lao động Việt Nam các địa phương, trong đó, Người yêu cầu “phải làm cho mọi người phát huy mạnh mẽ tinh thần yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng, không sợ gian khổ, đem hết sức mình để làm tốt nhiệm vụ vừa sản xuất, vừa chiến đấu, quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược” [117, tr.693]. Qua những chỉ dẫn đó, Hồ Chí Minh không chỉ khơi dậy tinh thần yêu nước mà còn từng bước cụ thể hóa những biểu hiện của chủ nghĩa anh hùng cách mạng thành những yêu cầu, chuẩn mực trong lao động, chiến đấu và thực hiện nhiệm vụ cách mạng.

Thực hiện sự động viên và định hướng của Hồ Chí Minh, tinh thần yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng từng bước được chuyển hóa thành những phong trào hành động rộng khắp trong các tầng lớp nhân dân, trên mọi mặt trận: nông nghiệp, công nghiệp, quốc phòng, khoa học kỹ thuật, giáo dục, văn hóa, y tế, v.v.. Hàng triệu thanh niên miền Bắc hăng hái tham gia phong trào “Ba sẵn sàng”. Hàng vạn thanh niên tình nguyện vào các đội thanh niên xung phong chống Mỹ, cứu nước; đồng bào miền Nam đã chiến đấu vô cùng anh dũng, liên tiếp đánh mạnh kẻ địch trên khắp các chiến trường và giành được nhiều thắng lợi vẻ vang. Quân và dân ở cả hai miền một lòng chống đế quốc Mỹ, cứu nước, chiến đấu anh dũng vô cùng, càng đánh càng mạnh, càng đánh càng thắng.

Trong bối cảnh đất nước có chiến tranh, Hồ Chí Minh đã khơi dậy và phát huy hiệu quả chủ nghĩa anh hùng cách mạng trở thành nguồn lực nội sinh quan trọng, tạo tiền đề quan trọng để thống nhất ý chí và hành động của toàn dân tộc. Điều này không chỉ có vai trò là định hướng tư tưởng, mà còn xác lập một hệ giá trị niềm tin vững chắc, thôi thúc hàng triệu cán bộ, chiến sĩ và nhân dân vượt qua mọi thử thách, không sợ gian khổ, từ đó, chuyển hóa khát vọng độc lập thành hành động cách mạng thực tế trong lao động sản xuất và chiến đấu cả ở tiền tuyến và hậu phương.

Dù đất nước trong tình trạng chiến tranh, song giáo dục vẫn được Hồ Chí Minh tiếp tục quan tâm. *Trong thư gửi các cán bộ, cô giáo, thầy giáo, công nhân,*

nhân viên, học sinh, sinh viên nhân dịp bắt đầu năm học mới ngày 16-10-1968, Người nhân mạnh: “Dù khó khăn đến đâu cũng phải tiếp tục thi đua dạy tốt và học tốt” [118, tr.507] nhằm đào tạo những người kế tục sự nghiệp cách mạng to lớn của Đảng và nhân dân. Việc kiên trì thực hiện phương châm “dạy tốt, học tốt” ngay trong hoàn cảnh chiến tranh khốc liệt thể hiện rõ tư duy nhất quán và tầm nhìn chiến lược của Người đối với sự nghiệp giáo dục. Qua đó, tạo động lực đề ngành giáo dục vượt qua mọi khó khăn, khẳng định vai trò tiên phong trong việc đào tạo con người mới, chủ động xây dựng lực lượng kế cận, sẵn sàng tiếp nối sự nghiệp bảo vệ độc lập và xây dựng CNXH.

Chủ tịch Hồ Chí Minh dành nhiều sự quan tâm tới công tác tuyên truyền, đặc biệt là những người làm báo. Người chỉ rõ, đối với người viết báo “cái bút là vũ khí sắc bén, bài báo là tờ hịch cách mạng để động viên quần chúng đoàn kết đấu tranh, chống chủ nghĩa thực dân cũ và mới, chống chủ nghĩa đế quốc, đứng đầu là đế quốc Mỹ, vì độc lập dân tộc, tiến bộ xã hội và hòa bình thế giới” [117, tr.540]. Nội dung tuyên truyền phải chú ý đến tuyên truyền về lịch sử, đất nước, con người và những giá trị của văn hóa Việt Nam vì “Bây giờ do cuộc chống Mỹ, cứu nước của ta có một vị trí rất lớn đối với thế giới, ta lại đánh thắng đế quốc Mỹ, nên ngày càng có nhiều người nước ngoài tìm hiểu rất kỹ về Việt Nam” [118, tr.671].

Người hướng dẫn các hoạt động văn học - nghệ thuật nhằm phục vụ kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược. Về hình thức, nghệ thuật phải gần với cuộc sống, không thể tùy ý muốn tưởng tượng ra thế nào cũng được. Về cách viết, phải học cách kể chuyện của nhân dân, ngắn gọn mà có duyên. Người phê phán tật nói chữ và khuyên nên dùng Tiếng Việt vì Tiếng Việt rất phong phú.

Đáng chú ý, từ năm 1968 trở đi Người dành nhiều thời gian để xuất bản và tuyên truyền loại sách *người tốt, việc tốt* và làm việc với những gương người tốt việc tốt, nghe báo cáo về gương người tốt việc tốt của đồng bào cả hai miền Nam - Bắc. Phương pháp lấy gương “người tốt, việc tốt” để giáo dục lẫn nhau của Hồ Chí Minh không chỉ lan tỏa những phẩm chất cao đẹp của con người Việt Nam, mà còn tạo cơ sở thực tiễn để xây dựng lối sống mới, con người mới XHCN từ những hành động tự giác, giản dị trong đời sống hằng ngày.

Những ý kiến và hoạt động chỉ đạo của Người trong xây dựng văn hóa, con người nhằm phục vụ cho sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ trên cả hai miền từ 1965-1969 đã cổ vũ, động viên mạnh mẽ quần chúng nhân dân tích cực đấu tranh và lao động sản xuất vì độc lập, tự do, vì CNXH; góp phần hình thành và củng cố lối sống mới, con người mới XHCN. Lối sống mới đã trở thành phổ biến, người với người sống có tình có nghĩa, đoàn kết, yêu thương nhau. Bên cạnh đó, hoạt động giáo dục để nâng cao dân trí, giáo dục lý tưởng, đạo đức cách mạng vừa tạo nguồn nhân lực cho kháng chiến và kiến thiết đất nước sau chiến tranh tiếp tục duy trì và phát triển trong điều kiện chiến tranh ác liệt. Nhờ đó, quần chúng nhân dân lao động bước đầu phát huy được ý thức và năng lực làm chủ tập thể trong sản xuất, quản lý kinh tế, quản lý xã hội.

3.2.4. Về quốc phòng, an ninh

Mặc dù lãnh đạo nhân dân kiên quyết đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược, Hồ Chí Minh vẫn luôn nỗ lực tìm kiếm một giải pháp chính trị cho vấn đề miền Nam. Tuy nhiên, trái với thiện chí của Việt Nam, đồng thời, lợi dụng tình hình bất hòa trong hệ thống XHCN thế giới và phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, đặc biệt là sự bất hòa trong quan hệ giữa Liên Xô và Trung Quốc, đế quốc Mỹ liên lĩnh đẩy mạnh chiến tranh xâm lược ở miền Nam và leo thang chiến tranh ra Bắc. Ngày 2 và 4-8-1964, Mỹ dựng lên “Sự kiện Vịnh Bắc Bộ”. Ngày 5-8, Tổng thống Mỹ ra lệnh cho máy bay ồ ạt ném bom xuống Hòn Gai và các tỉnh Bắc Trung Bộ. Ngày 7-8-1964, Quốc hội Mỹ ra nghị quyết về “Sự kiện Vịnh Bắc Bộ” cho phép Tổng thống Mỹ “thi hành mọi biện pháp cần thiết” để tiếp tục cuộc chiến tranh ở Việt Nam.

Trước hành động leo thang chiến tranh đầy tội ác của đế quốc Mỹ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lên tiếng tố cáo trước nhân dân toàn thế giới và nhân dân ở nước Mỹ về sự căm phẫn của toàn thể nhân dân Việt Nam trước hành động xâm lược của đế quốc Mỹ đối với nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và khẳng định ý chí quyết tâm giành thắng lợi tới cùng của toàn thể nhân dân Việt Nam dù đế quốc Mỹ có tăng cường leo thang và mở rộng chiến tranh ra miền Bắc. Bên cạnh đó, Người vẫn

kiên trì chủ trương giải quyết vấn đề Việt Nam bằng giải pháp chính trị. Song, phớt lờ kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh và nguyện vọng của nhân dân hai miền, đế quốc Mỹ vẫn tiếp tục tăng cường đưa quân đội vào miền Nam và đánh phá bằng không quân ra miền Bắc, biến tình hình cả nước có chiến tranh với hình thức và mức độ khác nhau ở mỗi miền. Trước tình hình mới, Hồ Chí Minh cùng Đảng tổ chức Hội nghị lần thứ 11 khóa III (từ ngày 25 đến ngày 27-3-1965) *Về tình hình và nhiệm vụ cấp bách trước mắt*. Hội nghị xác định nhiệm vụ cơ bản của cách mạng Việt Nam đó là:

... tranh thủ thời cơ, tập trung lực lượng của cả nước giành thắng lợi quyết định ở miền Nam trong thời gian tương đối ngắn, đồng thời chuẩn bị sẵn sàng đối phó và quyết thắng cuộc chiến tranh cục bộ ở miền Nam nếu địch gây ra; tiếp tục xây dựng miền Bắc, kết hợp chặt chẽ xây dựng kinh tế và tăng cường quốc phòng, kiên quyết bảo vệ miền Bắc đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại và phong tỏa bằng không quân và hải quân của địch [31, tr.109].

Hội nghị lần thứ 11 khóa III được xác định là Hội nghị mở đầu bước phát triển mới của cách mạng Việt Nam. Tại Hội nghị, tư duy chiến lược sắc bén và bản lĩnh chính trị của Hồ Chí Minh được thể hiện rõ trong việc cùng Trung ương Đảng đánh giá đúng tình hình, kịp thời điều chỉnh phương hướng lãnh đạo, chuyển hướng hoạt động của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân sang trạng thái thời chiến để chủ động đối phó với hoạt động leo thang chiến tranh của đế quốc Mỹ với khẩu hiệu trọng tâm là “Xây dựng và bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam”, tạo thế chủ động để đối phó với chiến tranh cục bộ ở miền Nam và chiến tranh phá hoại ở miền Bắc đưa cách mạng Việt Nam bước vào giai đoạn phát triển mới.

Trên cơ sở đường lối, chủ trương của Đảng và dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh, quân và dân miền Nam chủ động chiến đấu theo phương châm nắm vững thế chủ động tiến công, phát triển quyền làm chủ rừng núi, nông thôn và xung quanh các đô thị. Với phương châm tác chiến đó, quân và dân miền Nam đã giành

được những thắng lợi trong trận Vạn Tường (Quảng Ngãi), Đất Cuốc (Biên Hòa), Dầu Tiếng, Bàu Bàng (Thủ Dầu Một)..., làm thất bại âm mưu chiến lược muốn nhanh chóng giành được thế chủ động đã mất trên chiến trường của đế quốc Mỹ.

Nhận được tin thắng lợi của quân dân miền Nam, Hồ Chí Minh gửi thư, gửi điện mừng biểu dương những chiến công của quân dân miền Nam và Mặt trận DTGP miền Nam. Trong điện mừng nhân dịp kỷ niệm lần thứ năm ngày thành lập Mặt trận DTGP miền Nam (20/12/1960-20/12/1965), Người khẳng định: “Những chiến thắng vẻ vang gần đây ở Vạn Tường, Plây Me, Đà Nẵng, Chu Lai, Bàu Bàng, Dầu Tiếng, Sài Gòn, v.v. càng chứng tỏ quân và dân ta ở miền Nam có đủ khả năng đánh bại hoàn toàn cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ dù chúng đưa thêm vào miền Nam mấy chục vạn quân nữa” [117, tr.683].

Bị thất bại nặng nề, tuy nhiên đế quốc Mỹ vẫn ngoan cố đẩy mạnh chiến tranh xâm lược. Đầu năm 1966, quân Mỹ mở cuộc phản công chiến lược lần thứ nhất vào mùa khô năm 1965-1966 trên một không gian rộng lớn từ miền Đông Nam Bộ đến khu V. Tuy nhiên, thực tiễn chiến trường đã chứng minh tính đúng đắn trong nhận định của Hồ Chí Minh, dù đế quốc Mỹ đưa thêm quân, quân dân miền Nam có đủ khả năng đánh bại chúng, những trận “đánh lớn, thắng to” của quân dân miền Nam đã làm thất bại hoàn toàn cuộc phản công mùa khô lần thứ nhất của đế quốc Mỹ.

Không cam chịu thất bại, đế quốc Mỹ tiếp tục đưa quân vào miền Nam, chúng mở 895 cuộc hành quân lớn nhỏ, trong đó có ba cuộc hành quân then chốt là Áttônboxơ, Xêđaphôn và Gianxon Xiti. Song với ý chí sắt đá và quyết tâm chống đế quốc Mỹ cứu nước của nhân dân Việt Nam, ngày 17-7-1966, trong lời kêu gọi *Không có gì quý hơn độc lập, tự do*, Người đánh thép tuyên bố: “Giônxon và bè lũ phải biết rằng: Chúng có thể đưa 50 vạn quân, 1 triệu quân hoặc nhiều hơn nữa (...). Nhưng chúng quyết không thể lay chuyển được chí khí sắt đá, quyết tâm chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam anh hùng” [118, tr.131]. Lời kêu gọi bất hủ ấy đã trở thành cương lĩnh chiến đấu, khơi dậy mạnh mẽ khát vọng độc lập, tự do trong mỗi người dân Việt Nam, tạo nên sự thống nhất ý chí của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân; đồng thời, tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ to lớn của

bạn bè và nhân dân thế giới trong cuộc đấu tranh chống chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ ở Việt Nam.

Dưới sự lãnh đạo, động viên của Trung ương Đảng và Hồ Chí Minh, quân dân miền Nam mở hàng loạt trận phản công, đánh ngay trên địa bàn hành quân, ở vùng sau lưng địch và đánh thẳng vào cơ quan đầu não, làm phá sản hoàn toàn kế hoạch “tìm diệt” và “bình định” của đế quốc Mỹ và tay sai trong mùa khô 1966-1967. Càng đánh, miền Nam lại giành được thắng lợi to lớn hơn, ngày 5-6-1967, Hồ Chí Minh gửi thư đến Luật sư Nguyễn Hữu Thọ và các vị trong Ủy ban Trung ương Mặt trận DTGP miền Nam chúc mừng thắng lợi Đông - Xuân 1966-1967. Trong thư Người chỉ rõ nguyên nhân thắng lợi, do: “sự lãnh đạo sáng suốt của Mặt trận Dân tộc giải phóng, đồng bào và các chiến sĩ miền Nam, triệu người như một, đoàn kết một lòng, chiến đấu cực kỳ anh dũng” [118, tr.346]. Đồng thời, dự báo và căn dặn quân và dân hai miền không vì thắng lợi mà chủ quan vì “chúng còn ngoan cố. Chúng sẽ đưa thêm quân sang, dùng thêm nhiều thủ đoạn dã man, tàn bạo, tiếp tục tăng cường chiến tranh xâm lược miền Nam và đánh phá miền Bắc ác liệt hơn nữa” [118, tr.347].

Tháng 8-1967, Đại hội bất thường của Mặt trận DTGP miền Nam họp và thông qua Cương lĩnh chính trị (được công bố rộng rãi vào đầu tháng 9-1967) nhằm mở rộng khối đoàn kết dân tộc thống nhất, đẩy mạnh kháng chiến, kiên quyết thực hiện độc lập, dân chủ, hòa bình, trung lập, tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc. Ngày 6-9-1967, Hồ Chí Minh gửi thư đến Luật sư Nguyễn Hữu Thọ nhân dịp Mặt trận DTGP miền Nam công bố bản Cương lĩnh chính trị. Trong thư Người nhấn mạnh: “*Đoàn kết* là sức mạnh vô địch của chúng ta. (...) Dù giặc Mỹ hung ác đến đâu, sức mạnh đoàn kết vĩ đại của chúng ta nhất định sẽ đánh thắng chúng” [118, tr.366].

Bị thất bại và sa lầy ở miền Nam, song do sức ép của phái hiếu chiến, tổng thống Mỹ vẫn quyết định đưa thêm quân vào miền Nam Việt Nam, xúc tiến kế hoạch phản công chiến lược lần thứ ba vào mùa khô 1967-1968. Tháng 12-1967, Bộ Chính trị khóa III họp dưới sự chủ trì của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trên cơ sở phân tích tình hình trong nước và thế giới, Bộ Chính trị đã quyết định dùng phương

pháp Tổng công kích và Tổng khởi nghĩa nhằm tiêu diệt và làm tan rã quân địch, giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân, đập tan ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ và tay sai nhằm “đạt được những mục tiêu trước mắt của cách mạng miền Nam là “độc lập, dân chủ, hòa bình, trung lập, tiến tới thống nhất nước nhà” [126].

Thực hiện đường lối đề ra, đêm 30 rạng ngày 31-01-1968 (đúng đêm giao thừa Tết Mậu Thân) quân giải phóng miền Nam tiến hành cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968. Do bị bất ngờ về thời gian, quy mô và hướng tiến công, quân đội Mỹ và tay sai lúng túng đối phó, tạo điều kiện để cuộc Tổng tiến công và nổi dậy giành được những thắng lợi quan trọng, làm lung lay ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ. Mặc dù trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân, quân và dân miền Nam chịu những tổn thất không nhỏ, song thắng lợi của đòn tiến công và nổi dậy đó đã đảo lộn thế chiến lược của đế quốc Mỹ, làm phá sản chiến lược “chiến tranh cục bộ”, buộc chúng phải xuống thang chiến tranh và ngồi vào bàn đàm phán tại Hội nghị Paris.

Nhận được tin thắng lợi của quân và dân miền Nam, ngày 4-2-1968, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi điện cho chủ tịch Nguyễn Hữu Thọ và Trung ương Mặt trận DTGP miền Nam. Bức điện mở đầu viết: “Trong mấy ngày đầu Xuân, quân và dân ta ở miền Nam đánh rất giỏi, rất đều, rất nhịp nhàng, đánh khắp nơi mà nơi nào cũng thắng to! (...) Đồng bào cả nước rất phấn khởi, tự hào; bầu bạn ta khắp năm châu rất vui mừng!” [118, tr.425]. Từ đó, Người khẳng định ý nghĩa và tác động to lớn của những thắng lợi của quân dân miền Nam và bày tỏ niềm tin vào triển vọng thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Những lời khen ngợi, chỉ bảo của Người giúp cho quân và dân miền Nam có thêm động lực vượt qua khó khăn, sớm chủ động ứng phó với âm mưu, thủ đoạn của đế quốc Mỹ và chính quyền tay sai.

Ở miền Bắc, đối phó với chiến lược mở rộng chiến tranh ra miền Bắc nhằm ngăn chặn sự chi viện của hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn, phá hoại công cuộc xây dựng CNXH và làm giảm quyết tâm chống Mỹ, cứu nước của nhân dân; trên cơ sở chủ trương đề ra tại Hội nghị lần thứ 11 (3-1965) và Hội nghị lần thứ 12 khóa III (12-1965), Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng lãnh đạo nhân dân chuyển nền kinh tế từ thời bình sang thời chiến; vừa sản xuất, vừa chiến đấu với

quyết tâm đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược và tiếp tục xây dựng CNXH, sẵn sàng chi viện cho miền Nam, làm hậu phương lớn cho tiền tuyến lớn. Trong bài nói tại *Hội nghị phổ biến kế hoạch nhà nước năm 1965*, Người kêu gọi nhân dân miền Bắc: “Từng giờ, từng phút, từ cán bộ đến quần chúng đều phải cố gắng thực hiện “Mỗi người làm việc bằng hai để đền đáp cho đồng bào miền Nam ruột thịt” [117, tr.462] vì đồng bào miền Nam anh dũng hy sinh xương máu trong cuộc chiến đấu chống đế quốc Mỹ xâm lược và bảo vệ miền Bắc thì nhân dân miền Bắc phải quyết tâm vượt mọi khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ và ủng hộ miền Nam.

Phát biểu tại kỳ họp thứ hai, Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, khóa III (10-4-1965) Người chỉ rõ nhiệm vụ thiêng liêng của mọi người Việt Nam yêu nước lúc này là *chống Mỹ cứu nước*.

Dưới sự lãnh đạo và động viên của Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng, phong trào thi đua chống Mỹ, cứu nước sôi sục khắp nơi, lôi cuốn mọi tầng lớp nhân dân tham gia: thanh niên có phong trào “Ba sẵn sàng”; phụ nữ có phong trào “Ba đảm đang”; công nhân có phong trào “Tay búa, tay súng”; nông dân có phong trào “Tay cày, tay súng”; các cụ phụ lão tổ chức các đội *Bạch đầu quân* để làm những công việc như: khuyến khích con cháu tham gia bộ đội và thanh niên xung phong; giữ gìn trật tự, trị an trong làng xóm; giúp đỡ dân quân, tăng gia sản xuất; trồng cây gây rừng; cổ động bà con đặt hũ gạo chống Mỹ, cứu nước...

Các phong trào thi đua đã góp phần quan trọng vào việc duy trì sản xuất, củng cố quốc phòng, bảo đảm đời sống nhân dân và tăng cường sức người, sức của chi viện cho chiến trường miền Nam. Hồ Chí Minh luôn theo dõi và biểu dương kịp thời những tập thể, cá nhân có thành tích trong sản xuất và chiến đấu. Người gửi nhiều thư khen, điện khen cho quân và dân cả nước. Những lời động viên và nhắc nhở của Người đã tiếp thêm niềm tin và quyết tâm cho toàn dân trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Bên cạnh đó, để chủ động ứng phó với chiến tranh bằng không quân và hải quân của đế quốc Mỹ ở miền Bắc, Hồ Chí Minh thường xuyên đến thăm và nói chuyện với các lực lượng trong Quân đội: ngày 21-1-1966 Người tới thăm và nói chuyện với *đơn vị Công binh Quân khu 3*; 13-3-1967 Người tới thăm và nói chuyện tại *Hội nghị cán bộ các lực lượng Vũ trang Nhân dân*; 19-3-1967 Người

tới thăm và nói chuyện với *đại biểu cán bộ, chiến sĩ Binh chủng Đặc công*. Với các lực lượng Người không trực tiếp đến thăm như lực lượng pháo binh, dân quân du kích, bộ đội thông tin liên lạc, không quân... Người gửi thư cổ vũ, động viên và căn dặn về cách khắc phục khó khăn, quyết tâm giành thắng lợi. Thông qua những hoạt động đó, Hồ Chí Minh thể hiện sự quan tâm sâu sát đối với lực lượng vũ trang, đồng thời kịp thời nắm bắt tình hình thực tiễn, động viên cán bộ, chiến sĩ phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo và ý chí quyết tâm trong chiến đấu. Việc trực tiếp gặp gỡ, thăm hỏi, căn dặn và động viên của Người trở thành nguồn cổ vũ tinh thần quan trọng, góp phần củng cố ý chí chiến đấu, nâng cao trách nhiệm của lực lượng vũ trang trong nhiệm vụ bảo vệ miền Bắc và chi viện cho tiền tuyến miền Nam.

Đặc biệt, với nhãn quan chính trị sắc bén, hiểu sâu sắc bản chất của đế quốc Mỹ, Hồ Chí Minh đã sớm có dự báo chiến lược về những hành động leo thang của đế quốc Mỹ. Ngay từ đầu năm 1968, Người đã chỉ đạo đồng chí Phùng Thế Tài - Phó Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam: “Sớm hay muộn, đế quốc Mỹ cũng sẽ đưa B-52 ra đánh Hà Nội, rồi mới chịu thua. Chú phải dự kiến trước mọi tình huống, càng sớm càng tốt, để có thời gian chuẩn bị...” [104]. Lời dự báo mang tầm vóc chiến lược đó đã trở thành mệnh lệnh chỉ đạo, thôi thúc Quân đội, đặc biệt là Quân chủng Phòng không - Không quân khẩn trương nghiên cứu và xây dựng thế trận phòng không nhân dân từ sớm, từ xa. Sự chuẩn bị chủ động về mọi mặt đã giúp quân và dân Hà Nội, Hải Phòng đánh bại cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B-52 của đế quốc Mỹ, làm nên chiến thắng lịch sử “Điện Biên Phủ trên không” 12 ngày đêm cuối năm 1972. Thắng lợi đó là nhân tố then chốt buộc phía Mỹ phải ký “Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam” tại Hội nghị Paris.

Nhận thấy vai trò của ngành giao thông vận tải đối với sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ cứu nước, nhất là đảm bảo sự chi viện của miền Bắc đối với miền Nam, Hồ Chí Minh chỉ đạo ngành giao thông vận tải hoàn thành tốt nhiệm vụ thiêng liêng. Người nhấn mạnh, giao thông vận tải là một mặt trận. Mỗi công nhân, thanh niên trong ngành giao thông vận tải phải là một chiến sĩ. Trong cuộc kháng

chiến chống Mỹ, “Giao thông vận tải thắng lợi tức là chiến tranh đã thắng lợi phần lớn rồi” [118, tr.74]. Xác định giao thông vận tải là một “mặt trận”, mỗi cán bộ, công nhân viên là một chiến sĩ, Người đã khơi dậy tinh thần, trách nhiệm, ý chí chiến đấu và bản lĩnh vượt qua khó khăn của đội ngũ cán bộ, công nhân viên trong toàn ngành. Đây là nguồn động lực quan trọng giúp ngành giao thông vận tải vượt qua mọi sự tàn phá khốc liệt của chiến tranh, kiên cường giữ vững mạch máu giao thông, hoàn thành xuất sắc sứ mệnh chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam.

Với sự chuẩn bị kỹ càng, chủ động và tổ chức lực lượng phù hợp, quân và dân miền Bắc dũng cảm không những bắn rơi nhiều máy bay Mỹ mà thắng cả đế quốc Mỹ trên các mặt giao thông vận tải, xây dựng kinh tế, giữ vững đời sống nhân dân... Kết quả, “Qua hơn ba năm chống Mỹ, cứu nước, miền Bắc XHCN càng thêm vững vàng và luôn luôn hết lòng hết sức làm tròn nghĩa vụ đối với đồng bào miền Nam ruột thịt” [118, tr.466].

Trước những thất bại nặng nề của quân đội Mỹ ở miền Bắc và cả ở miền Nam, cùng với sức ép ngày càng gia tăng của dư luận thế giới, trong đó có phong trào phản đối chiến tranh ngay tại nước Mỹ, ngày 31-3-1968, chính quyền Giôn-xơn buộc phải tuyên bố ném bom hạn chế ở miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra. Âm mưu của chúng là tập trung mọi cố gắng về không quân và hải quân đánh phá ác liệt các tỉnh khu IV cũ nhằm ngăn chặn miền Bắc chi viện đối với chiến trường miền Nam. Trong đó, máy bay Mỹ tập trung ném bom bắn phá vào những đầu mối giao thông để làm tắc nghẽn tuyến vận chuyển từ Bắc vào Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh thường xuyên theo dõi diễn biến chiến sự, kịp thời chỉ đạo và nhắc nhở các cấp, các ngành, các địa phương làm tốt nhiệm vụ bảo vệ, khôi phục và bảo đảm thông suốt các tuyến giao thông huyết mạch. Kết quả, sau bốn năm chiến đấu vô cùng anh dũng, quân và dân miền Bắc “bắn rơi hơn 3.200 máy bay, bắn cháy hàng trăm tàu chiến lớn nhỏ, *đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại* của đế quốc Mỹ trên miền Bắc nước ta” [118, tr.511].

Mặc dù liên tiếp chịu thất bại, đế quốc Mỹ vẫn chưa từ bỏ dã tâm xâm lược miền Nam, trước tình hình đó, Hồ Chí Minh tiếp tục động viên quân và dân cả nước phát huy sức mạnh đoàn kết, nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, kiên

quyết và kiên trì đẩy mạnh kháng chiến, thực hiện quyết tâm đánh cho quân Mỹ phải rút hết sạch, đánh cho ngụy quân và ngụy quyền sụp đổ hết, giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới hoà bình thống nhất đất nước.

3.2.5. Về đối ngoại

Cuối năm 1964, đầu năm 1965, khi đế quốc Mỹ leo thang mở rộng chiến tranh ra miền Bắc, việc tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của Liên Xô, Trung Quốc, các nước XHCN và lực lượng tiến bộ trên thế giới trở thành yêu cầu cấp thiết đối với cách mạng Việt Nam. Tuy nhiên, lúc này, những bất đồng trong quan hệ Trung Quốc - Liên Xô vẫn còn căng thẳng. Cả hai nước đều muốn lôi kéo Việt Nam để tranh thủ dư luận trong nước và thế giới, trong bối cảnh đó, vấn đề đặt ra phải giữ được đường lối độc lập, tự chủ, vừa tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ tối đa của các nước bạn, vừa góp phần vào việc khôi phục sự đoàn kết giữa các nước XHCN và giữa các đảng cộng sản và công nhân trên thế giới.

Đối với Liên Xô, Hồ Chí Minh luôn thể hiện sự trân trọng, biết ơn sâu sắc đối với sự ủng hộ, giúp đỡ to lớn của lãnh đạo Đảng, Nhà nước và nhân dân Liên Xô đối với cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược của nhân dân Việt Nam. Người đánh giá cao ý nghĩa và hiệu quả to lớn sự viện trợ của Liên Xô đối với Việt Nam, phong trào cách mạng thế giới và công cuộc đấu tranh bảo vệ hòa bình thế giới. Để giúp Liên Xô hiểu rõ hơn về cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam và bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đối với Đảng và nhân dân Liên Xô, Hồ Chí Minh cử các đoàn đại biểu cấp cao của Đảng và Nhà nước Việt Nam sang Liên Xô. Bên cạnh đó, Người chỉ đạo việc mời và đón tiếp thân tình nhiều đoàn đại biểu cấp cao của Đảng, Nhà nước Liên Xô sang thăm Việt Nam.

Đối với Trung Quốc, Hồ Chí Minh luôn trân trọng và ghi nhận sự ủng hộ, giúp đỡ to lớn của Đảng Cộng sản và nhân dân Trung Quốc đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam. Nhằm bày tỏ lòng biết ơn, đồng thời củng cố và tăng cường quan hệ hữu nghị, đoàn kết Việt - Trung, Người đã thực hiện các chuyến thăm chính thức và không chính thức tại Trung Quốc. Phát biểu trong các chuyến thăm, Hồ Chí Minh luôn khẳng định tấm lòng thủy chung của Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam đối với tình hữu nghị, đoàn kết Việt - Trung.

Trong bối cảnh quan hệ giữa Liên Xô - Trung Quốc còn căng thẳng, việc Việt Nam duy trì mối quan hệ tốt đẹp với cả hai nước Liên Xô và Trung Quốc và nhận được sự viện trợ từ cả hai nước là một thành công nổi bật của hoạt động đối ngoại. Bằng sự chân thành, thủy chung và nhãn quan chính trị sắc bén trong ứng xử ngoại giao, Người khéo léo xử lý mối quan hệ với Liên Xô và Trung Quốc để các bên hiểu sâu sắc về tình hình Việt Nam, giữ vững đường lối độc lập, tự chủ, không bị cuốn vào vòng xoáy tranh giành ảnh hưởng của các nước lớn, thuyết phục các nước ủng hộ cho sự nghiệp đấu tranh giành độc lập, thống nhất đất nước ở Việt Nam.

Người quan tâm ủng hộ, động viên và vun đắp tình hữu nghị của nhân dân ba nước Đông Dương trong cuộc chiến đấu chống đế quốc Mỹ xâm lược. Ngày 25-2-1965, Người gửi thư chào mừng hội nghị nhân dân Đông Dương, trong đó tin tưởng “Nhân dân ba nước anh em Việt Nam, Campuchia và Lào vốn đã luôn luôn cùng nhau sát cánh chống kẻ thù chung là chủ nghĩa thực dân, đế quốc. Đứng trước nguy cơ một cuộc chiến tranh mở rộng do Mỹ gây nên, nhân dân ba nước chúng ta đoàn kết chặt chẽ chống đế quốc Mỹ, thì chúng ta nhất định thắng lợi” [117, tr.495]. Niềm tin của Người đã thành hiện thực, mặt trận đoàn kết nhân dân ba nước Đông Dương được hình thành, trở thành một lực lượng mạnh mẽ, góp phần tích cực vào sự nghiệp của nhân dân ba nước Đông Dương.

Để mở rộng và tăng cường hơn nữa sự ủng hộ mạnh mẽ của quốc tế, đặc biệt khi chính quyền Mỹ mở các “Chiến dịch hòa bình” nhằm tạo nên sức ép quốc tế, cô lập và bắt Việt Nam thương lượng theo các điều kiện có lợi cho Mỹ, tạo cơ để mở rộng chiến tranh và che giấu các hành động quân sự, xoa dịu dư luận Mỹ và dư luận quốc tế; Hồ Chí Minh chủ động mở rộng quan hệ với nhiều quốc gia, tổ chức quốc tế, cùng đông đảo nhân sĩ, trí thức, chính khách, nhà văn hóa có uy tín để hình thành một mặt trận nhân dân thế giới ủng hộ nhân dân Việt Nam chống Mỹ xâm lược, đồng thời, qua đó, vạch trần cái thực chất gọi là “Chiến dịch hòa bình”, luận điệu “hòa bình” của đế quốc Mỹ.

Đặc biệt, ngày 24-01-1966, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết thư gửi tới nguyên thủ quốc gia và thủ tướng 60 nước, trình bày rõ tình hình nghiêm trọng đang diễn ra ở Việt Nam. Trong thư, Người lên án những thủ đoạn hoà bình giả hiệu của

Chính phủ Mỹ và kêu gọi Chính phủ và nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới kịp thời ngăn chặn mọi âm mưu thâm độc của Mỹ ở Việt Nam và Đông Dương. Bức thư của Người là một đòn tấn công chính trị sắc bén, đánh trực diện vào chiêu bài “hòa bình giả hiệu” của đế quốc Mỹ. Bằng việc phơi bày thực chất dã tâm xâm lược của đế quốc Mỹ trước toàn thế giới, bức thư cùng các hoạt động ngoại giao của Người đã tạo nên một làn sóng ủng hộ mạnh mẽ của nhân loại tiến bộ đối với cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân Việt Nam.

Thấy rõ thảm họa cuộc chiến tranh của đế quốc Mỹ ở Việt Nam, nhất là khi đế quốc Mỹ điên cuồng mở rộng chiến tranh ở miền Nam, “leo thang” ném bom, bắn phá miền Bắc, đế quốc Mỹ bắt thêm nhiều thanh niên đi làm bia đỡ đạn, bắt nhân dân nộp thêm sưu thuế để chi phí vào chiến tranh, điều này khiến cho cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ không những làm hại cho Việt Nam mà cũng có hại cho nước Mỹ và nhân dân Mỹ. Nhận thấy nhân dân Việt Nam và nhân dân Mỹ cùng có một kẻ thù chung là đế quốc Mỹ, Hồ Chí Minh kêu gọi nhân dân Mỹ ủng hộ cuộc kháng chiến chính nghĩa của nhân dân Việt Nam, hình thành Mặt trận Thống nhất phản đế giữa nhân dân Việt - Mỹ. Theo Người, khi nhân dân Mỹ giác ngộ, vùng dậy đấu tranh tạo thành một hợp lực quyết định thắng lợi “Nhân dân Mỹ đánh từ trong ra, nhân dân ta đánh từ ngoài vào. Hai bên giáp công mạnh mẽ, thì đế quốc Mỹ nhất định sẽ thua, nhân dân Việt - Mỹ nhất định sẽ thắng” [117, tr.640].

Với các hoạt động ngoại giao chủ động, sáng tạo của Hồ Chí Minh, cuộc chiến đấu chống Mỹ cứu nước của nhân dân Việt Nam nhận được sự đồng tình, ủng hộ rộng lớn của nhân loại tiến bộ. Đặc biệt, ngay tại nước Mỹ, nhiều cuộc biểu tình chống ném bom ở miền Bắc, nhiều chiến sĩ hòa bình đã tự thiêu để tố cáo thái độ kiên quyết đòi Chính phủ Mỹ phải chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược ở Việt Nam. Đúng như nhà báo Mỹ Oantơ Lípman nhận xét: “Lương tâm người Mỹ nổi giận... Cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam là cuộc chiến tranh không được lòng dân nhất trong lịch sử Hoa Kỳ” [154, tr.656-657]. Nhờ hoạt động ngoại giao vừa kiên quyết, vừa linh hoạt, Việt Nam đã tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ rất to lớn của các nước XHCN, sự đồng tình và ủng hộ ngày càng mạnh mẽ của nhân dân tiến bộ trên thế giới, kể cả nhân dân Mỹ. Đó là nhân tố rất quan

trọng giúp Việt Nam tăng cường sức mạnh về chính trị, tinh thần và vật chất kỹ thuật để đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược.

Tiểu kết chương 3

Hoạch định đường lối cách mạng đúng đắn cho mỗi miền là vấn đề rất khó khăn, song, để hiện thực hóa đường lối đó và kết hợp nhiệm vụ cách mạng hai miền với hai nội dung khác nhau nhưng vì một mục tiêu chung lại càng khó khăn hơn vì chưa có tiền lệ.

Vượt qua bối cảnh lịch sử đầy biến động và phức tạp của tình hình trong nước và quốc tế, Đảng Lao động Việt Nam, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lãnh đạo, chỉ đạo quân và dân hai miền thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng CNXH ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam những năm 1954-1964. Từ năm 1965-1969, trước sự leo thang chiến tranh của đế quốc Mỹ, Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp tục đề ra những quyết sách chiến lược, chỉ đạo quân, dân hai miền liên tiếp đánh bại các cuộc phản công chiến lược của đế quốc Mỹ, buộc chúng phải xuống thang từng bước, từ ném bom hạn chế đến phải chấm dứt không điều kiện việc ném bom, bắn phá miền Bắc, chấp nhận phải ngồi vào bàn đàm phán tại Hội nghị Paris.

Có thể khẳng định, mỗi bước tiến lên của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn 1954-1969 là minh chứng khẳng định sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đặc biệt, với vai trò là người đứng đầu, Người đã giải quyết tài tình, sáng tạo mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ chiến lược của hai miền, đưa cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam từng bước đi tới thắng lợi.

Tư tưởng, phương pháp, phong cách của Người đã trở thành nguồn sức mạnh tinh thần quan trọng, góp phần thống nhất ý chí và hành động của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân; khơi dậy lòng yêu nước, ý chí độc lập, tinh thần tự lực, tự cường và chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Nhờ đó, quân và dân hai miền anh dũng chiến đấu, vượt qua mọi hy sinh gian khổ, kiên trì và đẩy mạnh sản xuất, chiến đấu, quyết tâm đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược, thống nhất đất nước.

Chương 4

GIÁ TRỊ SỰ LÃNH ĐẠO CỦA HỒ CHÍ MINH NHẪM THỰC HIỆN MỤC TIÊU ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1954-1969

4.1. GIÁ TRỊ LÝ LUẬN

4.1.1. Kế thừa và phát triển chủ nghĩa yêu nước Việt Nam trong bối cảnh mới - yêu nước gắn liền với yêu chủ nghĩa xã hội

Hồ Chí Minh kế thừa nhiều giá trị truyền thống, đặc biệt là chủ nghĩa yêu nước. Đối với chủ nghĩa yêu nước, Hồ Chí Minh còn phát huy, nâng lên một tầm cao mới. Ở Người, yêu nước không chỉ sẵn sàng đấu tranh vì độc lập, tự do của Tổ quốc mà còn đem lại cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc cho nhân dân.

Là một lãnh tụ thiên tài, Hồ Chí Minh linh hoạt, sáng tạo trong việc xác định các tiêu chí thể hiện tinh thần yêu nước phù hợp với đặc thù, tính chất, nhiệm vụ cách mạng. Trong điều kiện đất nước chưa thống nhất, cách mạng hai miền thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược khác nhau, Người đặt ra nhiệm vụ: Ở miền Nam, yêu nước là phải quyết tâm đánh đuổi đế quốc Mỹ và tay sai xâm lược - đây là quyền thiêng liêng, là trách nhiệm, là nghĩa vụ của mỗi một người dân Việt Nam mà nhân dân miền Nam là tiên tuyến trong trận chiến đấu chống giặc; Ở miền Bắc, yêu nước là phải tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm với quyết tâm “Mỗi người làm việc bằng hai” để làm tròn nhiệm vụ hậu phương của tiên tuyến lớn miền Nam.

Ý thức rõ ràng về sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam thời đại mới, Người nêu rõ, yêu Tổ quốc, yêu nhân dân phải gắn liền với yêu CNXH, vì chỉ có tiến lên CNXH thì dân mình mới được ấm no, Tổ quốc mới được giàu mạnh. Yêu nước phải có hành động cụ thể, thiết thực, hiệu quả chứ không phải nói suông. Muốn vậy, mỗi người phải không ngừng tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm, vì không cần, không kiệm thì lấy đâu vốn phát triển đất nước,

làm sao cải thiện được đời sống nhân dân. Hơn nữa, độc lập rồi dân không được ăn no, mặc ấm thì độc lập chẳng có nghĩa lý gì. Với Người, độc lập không chỉ độc lập về chủ quyền, độc lập trong quyết định các quyết sách chính trị, mà độc lập phải được thể hiện trong thực tế bằng chất lượng đời sống người dân được đảm bảo.

Hồ Chí Minh phê phán những cách hiểu giản đơn, siêu hình về CNXH, coi CNXH chỉ là sự chia đều của cải hiện có mà không chú trọng tới lao động sản xuất và nâng cao năng suất lao động. Khi miền Bắc đi lên CNXH, có người nghĩ rằng: “Chỉ cần đem hết của cải sẵn có trong xã hội chia đều cho mọi người cùng hưởng là tự khắc ai nấy đều được no ấm”. Có khi họ tưởng tượng chủ nghĩa xã hội chỉ là sự chia đều như thế” [115, tr.431]. Biết được có người nghĩ vậy, Người nói rõ, suy nghĩ như vậy là không đúng vì nếu thực hiện CNXH theo kiểu chia đều, cào bằng thì mức sống sẽ hết sức tồi tàn và như thế thì chưa thể có no ấm cho mọi người “Vì ruộng đất, máy móc tự nó không đẻ ra của cải cho chúng ta. Điều quan trọng là sau khi đã làm chủ được nó, chúng ta phải biết bắt nó đẻ ra của cải ngày càng nhanh, càng nhiều, để đời sống chúng ta ngày càng dồi dào” [115, tr.431-432]. Ở miền Nam, dù CNXH chưa được hiện thực hóa, song, Người luôn theo dõi và nhắc nhở Trung ương Cục miền Nam luôn chú ý củng cố mọi mặt trong những vùng đã giải phóng hay những vùng đã phá thế kìm kẹp, luôn quan tâm việc nâng cao dần mức sống của nhân dân. Những hoạt động của Hồ Chí Minh về chăm lo cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc cho nhân dân thể hiện sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin của Hồ Chí Minh vào thực tiễn Việt Nam, CNXH chỉ có thể giành thắng lợi khi xây dựng được xã hội mới giàu có, thịnh vượng cho đại đa số nhân dân trên cơ sở tăng năng suất lao động.

Tuy nhiên, trong điều kiện đất nước phải xây dựng một xã hội hoàn toàn mới xưa nay chưa từng có trong lịch sử dân tộc đặt ra rất nhiều khó khăn, trong đó thách thức lớn là vấn đề quản lý - đây là khó khăn có tính chất chung của tất cả các nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH. Để hạn chế khuyết điểm trong công

tác quản lý, Người yêu cầu mỗi cán bộ và người dân phải luôn nêu cao tinh thần yêu nước, Người nhấn mạnh, trong kháng chiến chống giặc ngoại xâm, yêu nước là cố gắng đấu tranh chống giặc xâm lược, trong điều kiện hòa bình yêu nước thể hiện ở hiệu quả công việc, ở năng suất lao động và mỗi chi bộ, mỗi đơn vị, mỗi hợp tác xã phải lấy hiệu quả, năng suất lao động làm tiêu chí, thước đo đánh giá. Chính việc xác định rõ động cơ, cách thức, biện pháp thể hiện lòng yêu nước trong từng bối cảnh cụ thể đã nâng chủ nghĩa yêu nước Việt Nam lên tầm cao mới, yêu nước không chỉ thể hiện ở lời nói hay khẩu hiệu mà phải thể hiện bằng việc làm cụ thể. Những quan điểm của Người tạo cơ sở, động lực thôi thúc mỗi người không ngừng học tập, cải tiến công việc để nâng cao hiệu quả công việc được giao.

Ở đây, Hồ Chí Minh đã vượt qua những quan điểm yêu nước truyền thống và nâng truyền thống yêu nước của con người Việt Nam trong thời đại mới bằng những hoạt động vô cùng phong phú, trên cơ sở đó, định hình những giá trị mới về chủ nghĩa yêu nước của con người Việt Nam thể hiện ở tinh thần *Không có gì quý hơn độc lập, tự do*; “tranh được tự do, độc lập rồi mà dân cứ chết đói, chết rét, thì tự do, độc lập cũng không làm gì” [108, tr.175], vì vậy, ĐLDT phải gắn liền với CNXH, khi đất nước được độc lập thì phải làm cho nhân dân lao động thoát khỏi nạn bần cùng, làm cho mọi người có công ăn việc làm, được ấm no và sống một đời hạnh phúc, phải không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, lấy năng suất, hiệu quả công việc làm tiêu chí, thước đo tinh thần yêu nước...

Quán triệt sâu sắc những giá trị của chủ nghĩa yêu nước, trong hoạt động lãnh đạo thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH ở Việt Nam, Hồ Chí Minh và Đảng không ngừng khơi dậy và phát huy mạnh mẽ tinh thần yêu nước của nhân dân thông qua các phong trào thi đua yêu nước phù hợp với từng giai đoạn lịch sử. Chính chủ nghĩa yêu nước trở thành nguồn động lực tinh thần to lớn, quy tụ và

động viên toàn dân tham gia xây dựng CNXH ở miền Bắc, đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

4.1.2. Bổ sung và phát triển sáng tạo lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin về chủ nghĩa xã hội

Hoạt động lãnh đạo thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969 của Hồ Chí Minh được soi sáng bằng lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, đồng thời, thực tiễn hoạt động lãnh đạo thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969 của Hồ Chí Minh có giá trị to lớn góp phần bổ sung, phát triển sáng tạo, làm sâu sắc thêm giá trị lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về CNXH.

Tiếp thu và vận dụng sáng tạo quan điểm chủ nghĩa Mác-Lênin về tính phổ biến và tính đặc thù của các dân tộc tiến lên CNXH: “Tất cả các dân tộc đều sẽ đi lên CNXH, đó là điều không thể tránh khỏi, nhưng tất cả các dân tộc đều tiến tới CNXH không phải một cách hoàn toàn giống nhau” [86, tr.160]. Hồ Chí Minh đã lãnh đạo cách mạng Việt Nam quá độ lên CNXH trong bối cảnh đất nước rất nhiều khó khăn với đặc điểm lớn nhất là từ một nước nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên CNXH không phải kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, với một nửa đất nước đang còn tiến hành cách mạng GPDT.

Hiệp định Giơnevơ được ký kết, miền Bắc hoàn toàn giải phóng, miền Nam tiếp tục thực hiện cách mạng DTDCND, Hồ Chí Minh và Đảng đưa ra một quyết định mang tính sáng tạo đặc biệt: tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng khác nhau ở hai miền đất nước với hai quy luật khác nhau, một bên xây là chính, và một bên phá là chính. Miền Bắc - nơi đã hoàn thành cách mạng GPDT - quá độ lên CNXH, giữ vai trò hậu phương lớn, quyết định nhất đối với toàn bộ sự nghiệp cách mạng cả nước. Miền Nam - nơi vẫn còn nằm dưới ách thống trị của đế quốc Mỹ và tay sai - tiếp tục thực hiện cách mạng GPDT, giữ vai trò tiền tuyến lớn, trực tiếp quyết định đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Điểm sáng tạo nổi bật trong tư duy của Hồ Chí Minh không chỉ nằm ở việc xác định đúng nhiệm vụ cách mạng của từng miền, mà còn ở chỗ lãnh đạo hai miền thực hiện hai nhiệm vụ cách mạng khác nhau nhưng không triệt tiêu nhau, ngược lại tạo động lực cho nhau; xây dựng CNXH ở miền Bắc không tách rời nhiệm vụ giải phóng miền Nam, ngược lại, chính là điều kiện vật chất, tinh thần và chính trị quan trọng bảo đảm cho thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ. Đồng thời, thắng lợi của cách mạng miền Nam lại góp phần bảo vệ và củng cố thành quả xây dựng CNXH ở miền Bắc. Hai nhiệm vụ khác nhau về hình thức và quy luật vận động, nhưng thống nhất trong mục tiêu chung là ĐLDT và CNXH.

Thắng lợi của cách mạng Việt Nam đã góp phần làm phong phú thêm quan điểm chủ nghĩa Mác-Lênin về tính tất yếu đi lên CNXH và chứng tỏ rằng, trong điều kiện một nước lạc hậu nghèo nàn, bị chiến tranh tàn phá vẫn có thể đi lên xây dựng CNXH, giành độc lập cho dân tộc nếu có đường lối đúng đắn, có sự ủng hộ của toàn dân và bè bạn quốc tế chứ không nhất thiết phải rập khuôn theo một mô hình duy nhất.

Xây dựng CNXH ở miền Bắc trong bối cảnh đất nước có chiến tranh đặt ra cho Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh nhiều vấn đề khó khăn, mới mẻ cả trong nhận thức và thực tiễn. Vận dụng sáng tạo lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin về CNXH, Người từng bước xác định rõ nội dung về con đường đi lên CNXH ở Việt Nam. *Về mục tiêu*, CNXH là làm sao cho dân giàu nước mạnh. *Về tính chất*, CNXH không thể làm mau được mà phải làm dần dần vì cuộc cách mạng XHCN là một cuộc biến đổi khó khăn nhất và sâu sắc, vì phải xây dựng một xã hội hoàn toàn mới xưa nay chưa từng có trong lịch sử dân tộc. *Về nội dung*, CNXH phải được nhận thức một cách toàn diện cả về chính trị, kinh tế, văn hóa, quốc phòng, an ninh, đối ngoại.

Về chính trị, Người luôn nhấn mạnh vai trò lãnh đạo của Đảng và coi đó là nhân tố quyết định thành công của công cuộc xây dựng CNXH. Các nhà kinh điển luôn nhấn mạnh vai trò lãnh đạo của những người cộng sản đối với cách

mạng XHCN, song thực tiễn rất phong phú, hơn nữa do điều kiện và hoàn cảnh lúc đó, C.Mác - Ph.Ăngghen - Lênin chưa thể đi sâu, phân tích các nội dung công tác xây dựng Đảng trong điều kiện Đảng lãnh đạo xây dựng CNXH ở một nước vừa có hòa bình, vừa có chiến tranh. Vấn đề đặt ra là làm thế nào để Đảng nắm và giữ được vai trò lãnh đạo, từ thực tiễn hoạt động lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh đã bổ sung và làm sâu sắc thêm những quan điểm có tính nguyên tắc trong công tác xây dựng Đảng. Đó là Đảng muốn vững Đảng phải lấy chủ nghĩa Mác-Lênin làm cốt; phải đề ra đường lối, chủ trương đúng đắn vì đường lối chính trị đúng đắn là yếu tố quyết định đến thành công hay thất bại; phải tuân thủ các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng. Bên cạnh các nội dung xây dựng Đảng về tư tưởng, chính trị, tổ chức theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, Hồ Chí Minh còn nhấn mạnh thêm tầm quan trọng của việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của mỗi đảng viên, cán bộ và coi đó là nhân tố quyết định thành hay bại của cách mạng.

Kế thừa quan điểm của Lênin, Hồ Chí Minh luôn quan tâm công tác xây dựng Đảng và chỉnh đốn Đảng, trong *Di chúc* Người căn dặn: "... việc cần phải làm trước tiên là *chỉnh đốn lại Đảng*, làm cho mỗi đảng viên, mỗi đoàn viên, mỗi chi bộ đều ra sức làm tròn nhiệm vụ Đảng giao phó cho mình, toàn tâm, toàn ý phục vụ nhân dân" [118, tr.616]. Trong điều kiện Đảng cầm quyền, Đảng đối diện với nhiều nguy cơ, trong đó có nguy cơ về tự suy thoái. Do đó, xây dựng Đảng, chỉnh đốn Đảng giúp Đảng chống lại những nguy cơ suy yếu về bên trong. Vì vậy, trong hoạt động lãnh đạo, Người thường xuyên yêu cầu các tổ chức đảng, mỗi cán bộ, đảng viên phải thường xuyên tự chỉnh đốn để củng cố và phát triển. Từ thực tế hoạt động của Người, xây dựng và chỉnh đốn đảng trở thành việc làm thường xuyên, liên tục, là điều kiện đảm bảo sự vững mạnh toàn diện của Đảng, là "cẩm nang hành động" để Đảng giữ vững bản chất cách mạng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu trong mọi hoàn cảnh.

Hoạt động lãnh đạo thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH của Hồ Chí Minh làm phong phú, sâu sắc thêm nội dung xây dựng Nhà nước thật sự của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Từ thực tiễn xây dựng CNXH ở Việt Nam, Hồ Chí Minh khẳng định tính ưu việt của chế độ dân chủ XHCN, đó là chế độ xã hội do nhân dân lao động làm chủ, tất cả mọi quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân. Bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước thống nhất với tính nhân dân và tính dân tộc. Để xây dựng Nhà nước thật sự của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân, Hồ Chí Minh vận dụng sáng tạo và bổ sung, làm sâu sắc thêm các quan điểm có tính nguyên tắc trong xây dựng Nhà nước XHCN. Đó là Nhà nước phải quản lý xã hội bằng pháp luật, tất cả các quyền là chủ, làm chủ của nhân dân phải được hiện thực hóa bằng Hiến pháp và pháp luật; phải xây dựng bộ máy nhà nước gọn nhẹ, tinh giản, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả; phải xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhà nước có năng lực, có phẩm chất. Mặc dù Hồ Chí Minh chưa sử dụng khái niệm nhà nước pháp quyền XHCN, song từ hoạt động thực tiễn Người sớm đề cao vai trò của Hiến pháp, pháp luật - cơ sở hình thành nên nhà nước pháp quyền. Người đề ra các tiêu chí về một nhà nước trong sạch, vững mạnh. Đó là phải có đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhà nước vừa có đức, vừa có tài; phải ra sức phòng chống tham ô, lãng phí, quan liêu. Điều hành đất nước tuân theo các nguyên tắc đó, Hồ Chí Minh đã xây dựng Nhà nước thật sự của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân, vững vàng trong mọi hoàn cảnh và hoàn thành xuất sắc vai trò là công cụ lãnh đạo xã hội của Đảng.

Xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh bên cạnh xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước, Hồ Chí Minh quan tâm xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Xác định rõ lực lượng xây dựng CNXH là đông đảo quần chúng nhân dân, Hồ Chí Minh luôn quan tâm xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân do giai cấp công nhân lãnh đạo và lấy công nông làm lực lượng nòng cốt. Để đoàn kết toàn dân, Người chủ trương xây dựng Mặt trận dân tộc thống nhất vì theo Người, lực lượng dân tộc chỉ trở thành sức mạnh vô địch khi được tập hợp

thành một khối vững chắc trong Mặt trận. Phát huy vai trò của Mặt trận trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, Hồ Chí Minh đã giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa Đảng và Mặt trận, trong đó Đảng vừa là thành viên của Mặt trận, vừa là lực lượng lãnh đạo Mặt trận. Từ những hoạt động lãnh đạo của Hồ Chí Minh làm nổi bật lên vai trò của Mặt trận dân tộc thống nhất và khẳng định một vấn đề có tính nguyên tắc trong thực hành đoàn kết đó là đoàn kết nhân dân trong Mặt trận Dân tộc thống nhất không phải là sách lược tạm thời mà là chiến lược lâu dài của Đảng.

Về kinh tế, để xây dựng thành công CNXH, Hồ Chí Minh vận dụng sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về xây dựng cơ sở chủ yếu của chế độ XHCN trong thời kỳ quá độ đó là một nền kinh tế phát triển cao. Nền kinh tế phát triển cao là nền kinh tế có công nghiệp - nông nghiệp hiện đại, khoa học kỹ thuật tiên tiến, đời sống vật chất của nhân dân không ngừng được nâng cao. Người coi lợi ích của nhân dân là mục tiêu tối thượng, là nguyên tắc trong mọi hoạt động, với Người “tất cả đường lối, phương châm, chính sách... của Đảng đều chỉ nhằm nâng cao đời sống nhân dân” [116, tr.164]. Để xây dựng nền kinh tế, Người quan tâm đến phát triển lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất. Về lực lượng sản xuất, Người tập trung xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật và đội ngũ những người lao động có trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật. Về quan hệ sản xuất, vận dụng sáng tạo quan điểm của V.I.Lênin: “Để chuẩn bị (...) việc chuyển sang chủ nghĩa cộng sản, thì cần thiết phải có một loạt những bước quá độ như CNTB nhà nước và chủ nghĩa xã hội” [95, tr.189] trong hoạt động lãnh đạo, Hồ Chí Minh chủ trương phát triển cơ cấu kinh tế nhiều thành phần trong thời kỳ quá độ. Người xác định rõ vị trí và xu hướng vận động của từng thành phần kinh tế, trong đó ưu tiên phát triển kinh tế quốc doanh để tạo nền tảng vật chất cho CNXH, thúc đẩy cải tạo XHCN. Đây là một quan điểm rất sáng tạo thể hiện tinh thần dân chủ, đổi mới của Hồ Chí Minh trên lĩnh vực kinh tế. Bắt tay vào sự nghiệp xây dựng CNXH, cải tạo XHCN, Người nêu ra các vấn đề có tính nguyên

tắc đó là phải được tiến hành thận trọng và dựa trên tinh thần tự nguyện của nhân dân. Trước việc một số nước XHCN ồ ạt đưa nông dân vào công xã nhân dân hoặc nông trường quốc doanh với quy mô lớn, Người vẫn cho rằng cải tạo nông dân không được nóng vội, phải đi từ tổ đổi công, tiến lên hợp tác xã cấp thấp, rồi tiến lên hợp tác xã cấp cao. Trong điều hành kinh tế, Người có sự sáng tạo lớn khi sớm đề ra cơ chế khoán: “Làm khoán là ích chung và lại lợi riêng... làm khoán tốt thích hợp và công bằng dưới chế độ ta hiện nay” [113, tr.537-538], đây là cơ sở lý luận để sau này Đảng ban hành cơ chế khoán sản phẩm trong công nghiệp và khoán hộ trong nông nghiệp. Để có tiềm lực kinh tế phục vụ cho sự phát triển, Người đặc biệt chú trọng đến thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Người cho rằng, nếu các nước tư bản thường huy động vốn bằng cách chủ yếu là vay mượn nước ngoài, ăn cướp của các thuộc địa và bóc lột nhân dân lao động thì Việt Nam không sử dụng những phương thức đó vì trái với bản chất của chế độ XHCN. Việt Nam chỉ có cách là tích cực tăng gia sản xuất và đẩy mạnh thực hành tiết kiệm. Coi trọng thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong phát triển kinh tế là nét đặc sắc trong tư tưởng kinh tế Hồ Chí Minh. Với việc cụ thể hóa các nguyên tắc chung, các quy luật kinh tế vào thực tiễn cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh đã làm phong phú thêm kho tàng lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin về nội dung xây dựng CNXH về kinh tế trong điều kiện một nước nghèo nàn, lạc hậu, tiến hành xây dựng CNXH trong điều kiện có chiến tranh.

Về văn hóa, tiếp thu và vận dụng sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về CNXH, đó là xã hội không chỉ nền kinh tế phát triển cao mà phải có nền văn hóa phát triển cao. Hồ Chí Minh quan tâm khôi phục những giá trị văn hóa tốt đẹp trong văn hóa dân tộc và xây dựng nền văn hóa XHCN. Đặc biệt, vận dụng sáng tạo quan điểm của Lenin: chủ nghĩa cộng sản “chỉ có thể thực hiện được trên cơ sở một nền học vấn hiện đại và nếu họ không có nền học vấn đó, thì chủ nghĩa cộng sản vẫn chỉ là một nguyện vọng mà thôi” [93, tr.365], trong xây dựng nền văn hóa mới - văn hóa XHCN, Hồ Chí Minh luôn quan tâm đến

văn hóa giáo dục. Trong nền giáo dục mới, Người yêu cầu phải gắn liền lý luận với thực tiễn, học đi đôi với hành, mọi người đi học không phải để “làm quan” mà để làm việc, làm người, để phụng sự nhân dân và Tổ quốc... Nét đặc sắc trong hoạt động lãnh đạo của Hồ Chí Minh về văn hóa đó là Người rất coi trọng yếu tố con người với tư cách vừa là chủ thể, vừa là khách thể của văn hóa. Nhận thức rõ vai trò của con người trong xây dựng CNXH, Người nhấn mạnh: “Muốn xây dựng CNXH trước hết cần có những *con người XHCN*” [116, tr.66]. Con người XHCN trong quan niệm Hồ Chí Minh vừa là mục tiêu, vừa là động lực để xây dựng CNXH. Do đó, không phải đợi xây dựng xong CNXH mới xây dựng con người mới XHCN mà xây dựng con người XHCN và xây dựng CNXH là một quá trình thống nhất, mỗi bước tiến trong công cuộc xây dựng CNXH sẽ là điều kiện để hoàn thiện con người mới XHCN và mỗi bước xây dựng con người mới XHCN là một nấc thang xây dựng CNXH. Giải quyết sáng tạo các vấn đề quan trọng xoay quanh vấn đề văn hóa, Hồ Chí Minh có đóng góp lớn vào kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin.

Về quốc phòng, an ninh, lãnh đạo thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH trong điều kiện đất nước vừa có hòa bình, vừa có chiến tranh, Hồ Chí Minh làm phong phú thêm lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin trên lĩnh vực quốc phòng, an ninh bằng các quan điểm và hoạt động sáng tạo. Kế thừa quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về tính tất yếu của bạo lực cách mạng, xuất phát từ điều kiện cụ thể của cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh nhấn mạnh đến vai trò của đấu tranh chính trị và đấu tranh ngoại giao, hình thành ba mặt trận trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ: quân sự, chính trị và ngoại giao. Trên mặt trận quân sự, khi buộc phải dùng bạo lực với kẻ thù thì bạo lực của Hồ Chí Minh luôn kết hợp với tinh thần nhân đạo, hòa bình. Với Người, chống đế quốc Mỹ không phải tiêu diệt hết quân Mỹ để thắng mà là phải đuổi hết Mỹ để thắng. Để củng cố và tăng cường quốc phòng, an ninh, khi miền Bắc đi lên xây dựng CNXH hay tiến hành cách mạng DTDCND ở miền Nam, Hồ Chí Minh nhấn mạnh vai

trò của quần chúng nhân dân. Người chủ trương tiến hành chiến tranh nhân dân và xây dựng nền quốc phòng toàn dân, dựa vào dân để giữ gìn trật tự trị an. Điểm đặc sắc trong hoạt động lãnh đạo của Hồ Chí Minh trên lĩnh vực này đó là xây dựng căn cứ địa, hậu phương với các cấp độ khác nhau: có hậu phương miền Bắc, có căn cứ địa từng vùng, từng chiến trường và có cả hậu phương quốc tế bao gồm các nước anh em, bè bạn. Chủ trương này đã phát huy được tiềm lực sẵn có, tinh thần tự lực cánh sinh của từng địa phương, vừa tranh thủ được sự ủng hộ, giúp đỡ của bạn bè quốc tế. Hồ Chí Minh đã thành công khi xây dựng được thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, những quan điểm sáng tạo của Hồ Chí Minh góp phần làm phong phú thêm kho tàng lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin về CNXH.

Trên lĩnh vực ngoại giao, hoạt động lãnh đạo của Hồ Chí Minh để lại nhiều giá trị nổi bật với chủ trương “thêm bạn, bớt thù”. Người phân biệt rõ nhân dân Mỹ và đế quốc Mỹ, nhân dân yêu chuộng hòa bình với bọn đế quốc phản động. Người mở rộng sự ủng hộ của bạn bè quốc tế với cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam bằng nghệ thuật ngoại giao “tâm công”. Người là người Việt Nam đầu tiên nhận ra sức mạnh của công tác truyền thông đối ngoại, trong giai đoạn 1954-1969, để kêu gọi sự ủng hộ của bạn bè quốc tế, để nhân dân thế giới hiểu rõ hơn về cuộc chiến tranh ở Việt Nam, Người tích cực họp báo, trả lời phỏng vấn báo chí quốc tế. Việc “người Mỹ thừa nhận: nước Mỹ thua trong cuộc chiến tranh Việt Nam trước hết là thua ngay trên mặt trận báo chí” [74, tr.208] đã chứng minh tính đúng đắn trong chủ trương đẩy mạnh công tác tuyên truyền đối ngoại của Hồ Chí Minh.

Với những giá trị đã tạo ra, hoạt động lãnh đạo thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969 của Hồ Chí Minh góp phần làm phong phú học thuyết chủ nghĩa Mác-Lênin về CNXH trong điều kiện một nước nông nghiệp lạc hậu, tiến thẳng lên CNXH không kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

4.1.3. Bổ sung và phát triển sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp

Thấm nhuần quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp, Hồ Chí Minh cho rằng, vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp có mối quan hệ chặt chẽ hữu cơ với nhau; ĐLDT gắn liền với CNXH; ĐLDT phải là độc lập thật sự, không phải là độc lập giả hiệu kiểu Mỹ. Với nhận thức đó, Người không coi việc “giải quyết vấn đề dân tộc (...) chỉ là con đường, phương tiện để thực hiện mục tiêu cao hơn, xa hơn là giải phóng con người và xã hội loài người. Trái lại, theo Người, giải phóng dân tộc là mục tiêu, mục đích của cách mạng, đồng thời là con đường để giải phóng xã hội, giải phóng con người” [85, tr.26].

Trong thực tiễn cách mạng Việt Nam giai đoạn 1954-1969, Hồ Chí Minh đã xử lý mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp một cách linh hoạt, không giáo điều, không cực đoan. Ở miền Bắc, Người xác định rõ: “Cách mạng giải phóng dân tộc phải phát triển thành cách mạng xã hội chủ nghĩa thì mới giành được thắng lợi hoàn toàn” [118, tr.392]. Sứ mệnh lịch sử để hiện thực hóa con đường đó là của giai cấp công nhân mà đội tiên phong là Đảng Cộng sản vì chỉ có chính đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo mới thực hiện được sự thống nhất giữa GPDT, giải phóng giai cấp, giải phóng con người. Cơ sở xã hội để thực hiện cuộc cách mạng đó là giai cấp công nhân liên minh với giai cấp nông nhân, trí thức và Người coi đó là nền tảng của Mặt trận đoàn kết toàn dân tộc. Tiến hành cách mạng XHCN trong điều kiện rất khó khăn, song Hồ Chí Minh luôn chủ trương quan tâm đến đời sống người dân, Người yêu cầu, các cơ quan, ban, ngành, địa phương quan tâm đến vấn đề con người, theo Người đó là vấn đề quan trọng nhất, tất cả mọi nhiệm vụ đều dựa vào đó mà làm. Đây là vấn đề nhất quán trong tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề giai cấp từ khi tìm ra con đường cứu nước, đến giành chính quyền và miền Bắc đi lên xây dựng CNXH. Đặc biệt, sự nghiệp xây dựng CNXH ở miền Bắc giai đoạn này không chỉ củng cố miền Bắc, mà còn

hướng tới sứ mệnh lịch sử thiêng liêng: xây dựng hậu phương lớn vững chắc, chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam. Ở đây, Hồ Chí Minh và Đảng đã giải quyết tốt mối quan hệ biện chứng giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp, giữa ĐLDT và CNXH thông qua đường lối tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược. Đây mạnh cách mạng DTDCND ở miền Nam nhằm bảo vệ miền Bắc XHCN; xây dựng miền Bắc XHCN vững mạnh nhằm tạo sức mạnh tổng hợp, đóng vai trò quyết định nhất để hoàn thành cách mạng GPDT ở miền Nam, tiến tới thống nhất đất nước.

Ở miền Nam, Hồ Chí Minh lãnh đạo tiến hành cách mạng DTDCND. Người lên án, tố cáo, kêu gọi đồng bào cả nước quyết tâm đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược nhằm xóa bỏ ách áp bức bóc lột của đế quốc, tay sai, giành ĐLDT, thống nhất đất nước, cả nước đi lên CNXH. Ngày 7-7-1966, trong *Lời kêu gọi kháng chiến chống Mỹ cứu nước*, Người khẳng định: “Không có gì quý hơn độc lập, tự do” [118, tr.130]. Lời kêu gọi thể hiện rõ ý chí quyết tâm, định hướng chiến lược trong việc giải quyết vấn đề dân tộc, đồng thời, thể hiện rõ tính triệt để của cách mạng, độc lập - tự do không chỉ là lợi ích, là khát vọng, là ước vọng của dân tộc mà còn là lợi ích của giai cấp bởi không giải phóng được dân tộc thì giai cấp cũng không được giải phóng.

Việc giải quyết đúng đắn, biện chứng mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp, giữa ĐLDT và CNXH trong giai đoạn 1954-1969 của Hồ Chí Minh đã tạo nên sức mạnh to lớn, quy tụ được mọi tầng lớp nhân dân tham gia vào sự nghiệp cách mạng, góp phần bổ sung và phát triển sáng tạo lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin trong điều kiện một nước thuộc địa phong kiến, phải đồng thời giải quyết những nhiệm vụ lịch sử đan xen, phức tạp.

Những thành tựu cách mạng Việt Nam giai đoạn 1954-1969 góp phần làm sâu sắc một trong những vấn đề lớn nhất và phức tạp nhất của thời đại: mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp. Đồng thời, từ hoạt động lãnh đạo của Hồ Chí Minh khẳng định, Người không chỉ vận dụng trung thành chủ

nghĩa Mác-Lênin, mà còn là nhà tư tưởng cách mạng có khả năng phát triển sáng tạo lý luận đó trên cơ sở thực tiễn sinh động của cách mạng Việt Nam. Con đường đi lên CNXH Người xác lập cho Việt Nam vừa giữ vững nguyên tắc, mục tiêu chiến lược, vừa hết sức linh hoạt về bước đi, hình thức và phương pháp, qua đó làm phong phú thêm lý luận về cách mạng XHCN trong điều kiện các nước thuộc địa, kém phát triển.

4.1.4. Căn bản hoàn thiện tư tưởng về con đường cách mạng Việt Nam - nền tảng tư tưởng cho việc thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay

Tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cách mạng Việt Nam: ĐLDT và CNXH được hình thành từ khi Người bắt gặp chủ nghĩa Mác-Lênin và từng bước hoàn thiện trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Đặc biệt, tư tưởng đó có bước phát triển về chất trong giai đoạn 1954-1969. Trước năm 1954, ĐLDT được coi là mục tiêu trực tiếp, trước mắt, còn đi lên CNXH chỉ mới mang tính chất định hướng. Khi miền Bắc hoàn toàn giải phóng và tiến lên CNXH, các quan điểm của Người về CNXH lần đầu tiên được thực hiện trên mảnh đất hiện thực. Xuất phát từ bối cảnh đất nước tạm thời bị chia cắt, Hồ Chí Minh đã định hình tư duy chiến lược sáng tạo tiến hành đồng thời và kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược ở hai miền. Ngay từ năm 1955, Người đã chỉ cho toàn Đảng, toàn dân thấy rõ: “Miền Bắc là nền tảng, là gốc rễ của lực lượng đấu tranh của nhân dân ta. Nền có vững nhà mới chắc. Gốc có vững cây mới bền. (...) phải ra sức củng cố miền Bắc về mọi mặt, phải làm cho miền Bắc vững mạnh và tiến lên mãi” [113, tr.10]; “Miền Bắc giàu mạnh là cơ sở vững chắc của cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà” [115, tr.673].

Quán triệt sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh, tại Đại hội III (1960), Đảng đã vạch ra đường lối tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược: “Hai nhiệm vụ chiến lược ấy có quan hệ mật thiết với nhau và có tác dụng thúc đẩy lẫn nhau” [27, tr.916]. Trong đó, cách mạng XHCN ở miền Bắc giữ *vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển của toàn bộ cách mạng Việt Nam*. Cách mạng DTDCND ở

miền Nam giữ vai trò *quyết định trực tiếp* đánh đổ ách thống trị của đế quốc Mỹ và tay sai để giải phóng miền Nam. Thông qua việc thực hiện nhiệm vụ của mỗi miền mà góp phần vào việc thực hiện nhiệm vụ chung của cả nước là thực hiện thống nhất đất nước trên cơ sở độc lập và dân chủ, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh.

Đường lối đó không chỉ thể hiện ý chí độc lập, khát vọng tự lực tự cường của dân tộc mà còn minh chứng cho bản lĩnh, tầm nhìn, trí tuệ kiệt xuất của Hồ Chí Minh trong giải quyết mối quan hệ biện chứng giữa ĐLDT và CNXH. Với đường lối đó, tinh thần yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân đã được phát huy cao độ. Thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam trong những năm 1954-1975 chứng minh tính khoa học và sự đúng đắn của đường lối tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược của Đảng. Hai nhiệm vụ đó *không mâu thuẫn, không bài trừ lẫn nhau* mà luôn *hỗ trợ và thúc đẩy lẫn nhau* cùng phát triển và đưa sự nghiệp cách mạng Việt Nam đi đến thắng lợi hoàn toàn.

Sau 11 năm đất nước thống nhất, tại Đại hội VI (12-1986), Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định quyết tâm “*tiếp tục thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng thành công CNXH và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN*” [42, tr.24]. Quyết tâm của Đảng Cộng sản Việt Nam cho thấy đổi mới không phải thay đổi mục tiêu mà là đổi mới tư duy, phương thức và bước đi để thực hiện mục tiêu CNXH một cách hiệu quả hơn, phù hợp với thực tiễn đất nước. Tại Đại hội VII (1991), trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH*, Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định: “*Nắm vững ngọn cờ ĐLDT và CNXH*. Đó là bài học xuyên suốt trong quá trình cách mạng nước ta” [42, tr.25]. Trong đó, ĐLDT là điều kiện tiên quyết để thực hiện CNXH và CNXH là cơ sở đảm bảo vững chắc cho độc lập dân tộc.

Từ Đại hội VIII, Đại hội IX, X đến Đại hội XI của Đảng liên tục nhấn mạnh, xây dựng CNXH là nhiệm vụ hàng đầu, bảo vệ Tổ quốc là nhiệm vụ thường xuyên quan trọng, coi đó là hai nhiệm vụ chiến lược gắn bó với nhau.

Đặc biệt, Đại hội X, XI của Đảng đã làm sâu sắc hơn mối quan hệ giữa: phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh; giữa ổn định chính trị với phát triển bền vững; giữa ĐLDT với CNXH trong điều kiện hội nhập quốc tế. Đại hội X của Đảng nhấn mạnh, kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh theo phương châm phát triển kinh tế - xã hội là nền tảng để bảo vệ Tổ quốc; ổn định chính trị, củng cố quốc phòng, an ninh vững mạnh là điều kiện để phát triển kinh tế - xã hội. Đại hội XI (2011), Đảng khẳng định tính quy luật của con đường cách mạng Việt Nam, đi lên CNXH là khát vọng của nhân dân, là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử.

Đại hội XII, XIII, XIV của Đảng tiếp tục nâng tầm nhận thức khi khẳng định kiên định ngọn cờ ĐLDT và CNXH là vấn đề mang tính nguyên tắc, có ý nghĩa sống còn đối với chế độ, là nền tảng vững chắc của Đảng, không cho phép ai được ngả nghiêng, dao động. Bài học đó tiếp tục được Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định trong *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận và thực tiễn về công cuộc đổi mới theo định hướng XHCN trong 40 năm qua ở Việt Nam* tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV (2026): “Kiên định, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu ĐLDT và CNXH; kiên định đường đổi mới của Đảng; kiên định các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng” [42, tr.236].

Thực tiễn qua 40 năm đất nước đổi mới, dù bối cảnh quốc tế và trong nước có nhiều thay đổi, song mục tiêu nhất quán và bài học hàng đầu Đảng luôn nhấn mạnh đó là mục tiêu ĐLDT và CNXH mà Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhân dân đã lựa chọn và không ngừng bồi đắp, xây dựng, hiện thực hóa. ĐLDT và CNXH là ngọn cờ sáng đôi của cách mạng Việt Nam trong lịch sử, hiện tại và tương lai. ĐLDT là tiền đề, là điều kiện để xây dựng CNXH, xây dựng CNXH củng cố ĐLDT và đem lại cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc cho nhân dân. Toàn bộ lịch sử phát triển của cách mạng Việt Nam từ khi Đảng ra đời cho đến nay đã khẳng định nguyên tắc bất biến: ĐLDT gắn liền với CNXH, ĐLDT là quyền thiêng

liêng của tất cả các dân tộc trên thế giới, không có ĐLDT thì không thể có được tự do, hạnh phúc thực sự. Song có ĐLDT rồi mà không đi lên xây dựng CNXH thì ĐLDT cũng không được bảo đảm.

Trong quá trình phát triển đất nước, dù có những thời điểm bối cảnh đất nước đặt ra thử thách về việc lựa chọn con đường nhất là cuối thập niên 80, đầu thập niên 90 của thế kỷ XX khi mô hình CNXH ở Đông Âu và Liên Xô sụp đổ, cách mạng thế giới lâm vào thoái trào nhưng Đảng Cộng sản Việt Nam luôn kiên định mục tiêu ĐLDT và CNXH.

4.2. GIÁ TRỊ THỰC TIỄN

4.2.1. Hiện thực hóa khát vọng của nhân loại tiến bộ về thực hiện độc lập, tự do, hạnh phúc

Thứ nhất, độc lập, tự do, hạnh phúc là “ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”

Độc lập, tự do, hạnh phúc luôn là ước mơ của mỗi dân tộc và của con người. Các cuộc đấu tranh nhằm thay thế hình thái kinh tế - xã hội này bằng hình thái kinh tế xã hội khác suy cho đến cùng nhằm hướng tới khát vọng chung của con người là được độc lập, tự do, hạnh phúc. Tuy nhiên, với bản chất của chế độ tư hữu, ước mơ đó của con người chưa bao giờ là hiện thực mà chỉ là khát vọng. Hiểu rõ bản chất căn nguyên gây nên tình trạng áp bức, khổ đau cho nhân dân, Hồ Chí Minh luôn tìm cách giải quyết tận gốc những căn nguyên đó - đây chính là sự khác biệt trong con đường cách mạng của Hồ Chí Minh với những nhà yêu nước đương thời.

Năm 1954, khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết, Hồ Chí Minh vạch ra con đường đưa dân tộc Việt Nam bước vào thời kỳ hòa bình, đi lên xây dựng CNXH. Trong điều kiện CNXH xây dựng trên một nửa nước, Người hiện thực hóa các giá trị độc lập, tự do, hạnh phúc bằng những việc làm cụ thể, thiết thực đem lại cuộc sống mà nhân dân bao đời hằng mong muốn. Về *chính trị*, hình thành một nhà nước dân chủ, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân lao động. Về *kinh tế*, tiến hành cải cách ruộng đất, xóa bỏ hình thức chiếm hữu ruộng đất

phong kiến, mang lại ruộng đất cho nông dân; chăm lo xây dựng và phát triển kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể và duy trì các loại hình kinh tế khác; thực hiện các kế hoạch phát triển kinh tế để nâng cao đời sống nhân dân; hình thành các tổ đổi công, hợp tác xã... *Về văn hóa - xã hội*, nâng cao trình độ dân trí, chăm lo xây dựng con người mới với những giá trị mới đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng CNXH; quan tâm chăm lo sức khỏe cho người dân, chú trọng đào tạo bác sĩ, kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại để chăm sóc sức khỏe cho nhân dân tốt hơn. Quan tâm đến vấn đề môi trường, đặc biệt trồng cây để đảm bảo vấn đề sinh thái và nguyên liệu để xây nhà ở cho người dân. Chỉ đạo quan tâm đến đời sống của thương binh, bệnh binh... Những việc Người thực hiện giúp cho công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc thực sự có ý nghĩa, đáp ứng được mong muốn, nguyện vọng của nhân dân.

Ở miền Nam, trong điều kiện chiến đấu chống đế quốc Mỹ và tay sai xâm lược, Người vẫn luôn quan tâm đến đời sống của người dân. Người kêu gọi nhân dân đấu tranh giành độc lập, độc lập thực sự chứ không phải là độc lập kiểu Mỹ; Người quan tâm đến việc giáo dục con người, đặc biệt con em học sinh miền Nam ra Bắc học tập. Người kêu gọi đồng bào miền Bắc phải cố gắng làm việc bằng hai vì miền Nam ruột thịt và không ngừng sản xuất, thi đua để tạo động lực cho miền Nam phấn đấu hoàn thành cách mạng GPDT và đi lên xây dựng CNXH, có đời sống ấm no, tự do, hạnh phúc. Nhờ có sự chủ động, do đó, khi tình hình cách mạng miền Nam có chuyển biến tích cực, phần lớn các Ủy ban Giải phóng chuyển thành Ủy ban nhân dân Cách mạng, nhiều địa phương tổ chức bầu cử Hội đồng Nhân dân Cách mạng, hệ thống chính quyền cách mạng đã đem lại cho nhân dân quyền dân sinh, dân chủ, bình đẳng. Trong đó, “quan trọng nhất là đem lại quyền lợi ruộng đất cho nông dân. Hệ thống chính quyền cách mạng đã thực sự trở thành một nhân tố quyết định thắng lợi cho cách mạng miền Nam” [174].

Những định hướng tư tưởng và hoạt động của Người để hiện thực hóa những mục tiêu ĐLDT và CNXH những năm 1954-1969 tạo không khí phấn

khởi trên toàn miền Bắc và nhân dân cả nước những năm 60 của thế kỷ XX, lần đầu tiên nhân dân được thụ hưởng những giá trị của một đất nước được độc lập thật sự. Những kết quả đạt được là tiền đề để toàn Đảng, toàn dân phấn đấu phát triển hơn nữa trong giai đoạn sau, nhất là khi đất nước thống nhất, cả nước đi lên xây dựng CNXH.

Hơn thế nữa, những hoạt động lãnh đạo thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH của Hồ Chí Minh, trong đó lãnh đạo thực hiện chăm lo đời sống cho nhân dân thể hiện tầm nhìn của thiên tài chiến lược Hồ Chí Minh. Những mục tiêu Người đưa ra để nâng cao đời sống cho nhân dân khi miền Bắc bước đầu xây dựng CNXH (xóa đói giảm nghèo, bình đẳng giới, y tế, giáo dục, bảo vệ môi trường) hoàn toàn trùng khớp với *Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ* (MDGs) và *Mục tiêu phát triển bền vững* (SDGs) mà Liên Hợp quốc đề ra đầu thế kỷ XXI.

Nhờ có định hướng đúng đắn ngay từ đầu và luôn được Đảng, Chính phủ quan tâm thực hiện, do đó, trong quá trình thực hiện các MDGs, SDGs, Việt Nam là điểm sáng và đạt, vượt nhiều chỉ tiêu Liên Hợp quốc đưa ra. Những thành tựu đã đạt được trong việc thực hiện các mục tiêu của Liên Hợp quốc chính là minh chứng khẳng định tầm nhìn, khả năng dự báo và sức sống trường tồn của tư tưởng Hồ Chí Minh.

Dù thế giới đã bước qua thế kỷ XXI, những quan điểm của Người về mục tiêu phát triển của nhân loại vẫn còn vẹn nguyên giá trị, đóng vai trò định hướng, chỉ dẫn con đường phát triển cho dân tộc trong bối cảnh mới. Lý tưởng về một xã hội hòa bình, thịnh vượng, ấm no, hạnh phúc vẫn là ngọn cờ tư tưởng dẫn đường cho hàng triệu con người trên thế giới đang hàng ngày, hàng giờ nỗ lực phấn đấu thực hiện như nhận định của Viện sĩ thông tấn Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô (trước đây) V.M.Xônxép:

Trong thế giới đầy năng động của chúng ta ngày nay đang diễn ra những biến đổi lớn lao... Nhưng trong mọi biến đổi cũng có một số điều quan trọng không hề thay đổi. Đó là lý tưởng xã hội chủ nghĩa, các tư tưởng nhân đạo chủ nghĩa, tự do, dân chủ và công bằng xã hội,

mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhà yêu nước vĩ đại, người theo chủ nghĩa quốc tế đã cống hiến trọn đời mình cho những lý tưởng đó. Năm tháng sẽ qua đi nhưng nhân loại tiên bộ nhớ mãi tên tuổi và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh [57, tr.162].

Thứ hai, độc lập, tự do, hạnh phúc là hướng tới xây dựng một thế giới mới theo lý tưởng tốt đẹp của CNXH

Năm 1980, trên cương vị Chủ tịch Hội đồng Hòa bình thế giới, Rômét Chandra khi nói về Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh:

Bất cứ nơi nào chiến đấu cho độc lập tự do,

Ở đó có Hồ Chí Minh và ngọn cờ Hồ Chí Minh bay cao.

Bất cứ ở đâu chiến đấu cho hòa bình và công lý,

Ở đó có Hồ Chí Minh và ngọn cờ Hồ Chí Minh bay cao.

Ở bất cứ đâu nhân dân chiến đấu cho một thế giới mới, chống lại đói nghèo,

Ở đó có Hồ Chí Minh và ngọn cờ Hồ Chí Minh bay cao [176, tr.90].

Ngọn cờ đấu tranh giành độc lập tự do, chống lại đói nghèo hướng tới xây dựng một xã hội tốt đẹp của Hồ Chí Minh đã tạo động lực, truyền cảm hứng cho nhiều dân tộc trên giới. Từ lúc ra đi tìm đường cứu nước, đến khi lãnh đạo nhân dân xây dựng CNXH, Người luôn nhận thức sâu sắc giá trị cốt lõi của độc lập, tự do, hạnh phúc; khát vọng của nhân dân về một xã hội lý tưởng. Vì vậy, Người luôn quan tâm hiện thực hóa mục tiêu của CNXH đó là làm cho dân có ăn, làm cho dân có mặc, làm cho dân được học hành đó. Khi được hỏi chủ nghĩa xã hội là gì? Người trả lời ngắn gọn: “chủ nghĩa xã hội là không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân” [116, tr.404]. Ngay sau cách mạng tháng Tám thành công, Người coi đói nghèo và ngu dốt đó là giặc nội xâm và không ngừng lãnh đạo, tổ chức, động viên mỗi một người dân vươn lên thoát nghèo, học tập để trở thành người làm chủ đất nước.

Thấm nhuần quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin quy luật về sự phù hợp giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, về căn nguyên gây ra tình trạng

nghèo đói, lạc hậu, để nâng cao đời sống người dân, người luôn quan tâm đến phát triển lực lượng sản xuất bởi Người hiểu rõ rằng CNXH ưu việt hơn CNTB không chỉ ở chỗ đó là xã hội người dân được làm chủ, đó còn là xã hội có lực lượng sản xuất phát triển hơn so với CNTB mà Người diễn đạt rất ngắn gọn “nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì” [108, tr.64]. Người hiểu sâu sắc rằng, xét đến cùng, người ta chỉ có thể tiêu diệt một chế độ xã hội bằng hiệu quả kinh tế, chế độ mới ra đời thay thế được xã hội cũ, về cơ bản là bằng cách đem lại một năng suất lao động cao hơn. Do đó, yêu cầu không ngừng cải tiến kỹ thuật, nâng cao hiệu quả quản lý, kêu gọi người dân tham gia tổ đổi công, hợp tác xã, quan tâm đến các loại lợi ích khác nhau trong xã hội, đó là lợi ích cá nhân - lợi ích tập thể - lợi ích giai cấp - lợi ích dân tộc, lợi ích trước mắt - lợi ích lâu dài... Bên cạnh đó, Người gắn ĐLDT với CNXH, bởi chỉ có CNXH mới xóa bỏ được căn nguyên kinh tế sâu xa của tình trạng người bóc lột người do chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất sinh ra. Nhờ đó, xóa bỏ tận gốc cơ sở kinh tế làm nảy sinh ách áp bức con người về chính trị, sự nô dịch con người về tinh thần, tư tưởng và ý thức.

Những hoạt động Hồ Chí Minh thực hiện nhằm xóa bỏ đói nghèo, hướng tới xây dựng một xã hội tốt đẹp đã bổ sung, phát triển tư tưởng của nhân loại về thực hiện độc lập, tự do, hạnh phúc một cách triệt để. Bên cạnh đó, không những chỉ rõ độc lập, tự do, hạnh phúc là gì, Người còn chỉ rõ cách thức thực hiện độc lập, tự do, hạnh phúc, đó là: phải thay đổi triệt để những nếp sống, thói quen, ý nghĩ và thành kiến có gốc rễ sâu xa hàng ngàn năm; phải thay đổi quan hệ sản xuất cũ, xóa bỏ giai cấp bóc lột, xây dựng quan hệ sản xuất mới không có bóc lột áp bức; phải biến một nước dốt nát, cực khổ thành một nước văn hóa cao và đời sống tươi vui hạnh phúc; phải tiến hành những nhiệm vụ đó trong những điều kiện đặc biệt. Những tư tưởng và hoạt động của Người đã truyền cảm hứng, niềm

tin đến nhân dân các nước đang đấu tranh cho những điều tốt đẹp nhất học tập và làm theo.

Trong giai đoạn hiện nay, mặc dù CNTB đã có những sự điều chỉnh, tuy nhiên, càng phát triển CNTB lại bộc lộ những mâu thuẫn vốn có nhất là vấn đề về nghèo đói, giàu nghèo, ngu dốt... Với bản chất của CNTB, những mâu thuẫn đó không thể giải quyết một cách triệt để trong khuôn khổ của xã hội tư bản. Lịch sử thế giới hiện có 180 nước đang phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa, ngay cả những nước lớn như Brazil, Mêhicô, Ai Cập cũng có rất nhiều điều nan giải. Khi bức tranh chính thể của con đường tư bản chủ nghĩa qua từng nước đang phát triển trên quy mô quốc tế hiện nay có thể diễn tả theo hình ảnh của Kítsingơ đã nêu ra: “châu Phi đói, châu Á nghèo, Mỹ Latinh nợ nần chồng chất” [162, tr.53-54].

Thêm vào đó, nền kinh tế toàn cầu, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư không đi liền với bình đẳng và công bằng xã hội, sự giàu có về của cải vật chất của một số ít người không làm giảm đi tình trạng bị bóc lột và đói nghèo của nhân dân lao động trong các nước tư bản mà còn làm gia tăng khoảng cách giàu nghèo. Theo báo cáo của Oxfam Quốc tế ngày 20-1-2025, trong năm 2024 trên thế giới xuất hiện thêm 204 tỷ phú USD. Tính trung bình, cứ mỗi tuần thế giới xuất hiện thêm 4 tỷ phú USD mới, trong khi đó, số người sống trong cảnh nghèo đói hầu như không có sự thay đổi đáng kể từ năm 1990 đến nay. Báo cáo của Oxfam cũng dự đoán, trong 10 năm tới thế giới sẽ có ít nhất 5 tỷ phú sở hữu tài sản vượt 1 nghìn tỷ USD, trong khi đó, 44% dân số toàn cầu - tương đương hơn 3 tỷ người - vẫn đang sống dưới mức nghèo khổ với thu nhập dưới 6,85 USD mỗi ngày [173]. Để giải quyết những vấn đề toàn cầu đó, xây dựng xã hội XHCN là niềm tin, là hy vọng của nhân loại, điều này được ông Gilbert Houngbo, Tổng giám đốc Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) khẳng định: “Bất bình đẳng không phải là không thể tránh khỏi; đó là kết quả của những lựa chọn chính trị” [142]. Và ở Việt

Nam, lựa chọn chính trị đó chính là con đường phát triển của dân tộc - ĐLDT và CNXH vì chỉ có ĐLDT và CNXH con người mới giải phóng con người một cách triệt để, mới thật sự đem lại độc lập, tự do, hạnh phúc cho con người. Trong xã hội XHCN, con người vừa là mục tiêu vừa là động lực của sự phát triển.

Tiếp nối mục tiêu, lý tưởng Hồ Chí Minh phấn đấu thực hiện, Đảng và Chính phủ luôn nhấn mạnh “Cần phải coi nghèo đói là một thứ “giặc nội xâm”. Nghèo thường đi đôi với hèn. Nếu đất nước và nhân dân ta không giàu mạnh thì nền độc lập dân tộc phải đổi bằng xương máu của hàng triệu người cũng khó giữ được” [167, tr.77]. Hiện thực hóa chủ trương đó, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn quan tâm, chăm lo đời sống cho người dân, toàn Đảng, toàn quân và toàn dân. Ngày 31-10-2025, Việt Nam cơ bản hoàn thành mục tiêu xóa nhà tạm, nhà dột nát trên phạm vi cả nước. Bộ Chính trị quyết định thực hiện miễn học phí cho học sinh từ mầm non đến hết trung học phổ thông công lập trên phạm vi cả nước từ năm học 2025-2026. Xây dựng đề án với lộ trình từng bước giảm gánh nặng chi phí y tế cho người dân, tiến tới miễn viện phí toàn dân vào giai đoạn 2030-2035. Những quyết sách lấy con người làm trung tâm đó chính là sự hiện thực hóa ở tầm cao mới khát vọng của Hồ Chí Minh về một đất nước độc lập, tự do, hạnh phúc.

Hiện nay, thế giới đang chứng kiến sự gia tăng sâu sắc tình trạng phân hóa giàu nghèo và bất bình đẳng xã hội. Dù lực lượng sản xuất đạt trình độ phát triển cao, song hàng tỷ người lao động tại các nước tư bản chủ nghĩa vẫn không được thụ hưởng thành quả tương xứng, liên tục phải đối mặt với khủng hoảng về chi phí y tế, giáo dục, nhà ở. Do đó, những thành tựu của Việt Nam đã cung cấp một mô hình phát triển thực tiễn ưu việt, đầy sức thuyết phục. Mô hình đó chứng minh rằng, các giá trị nhân quyền phổ quát và các *Mục tiêu phát triển bền vững* (SDGs) của Liên Hợp quốc hoàn toàn có thể được giải quyết triệt để thông qua định hướng XHCN. Trong xã hội đó, sự phát triển là thực

sự vì con người, phát triển kinh tế đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội, đó là một xã hội nhân ái, đoàn kết, tương trợ lẫn nhau và hướng tới các giá trị tiến bộ, nhân văn.

4.2.2. Khẳng định tính đúng đắn của đường lối chính trị: Giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội

Sau Hiệp định Giơnevơ, với những điều khoản ghi trong Hiệp định đã đủ cơ sở để Việt Nam tiến tới thống nhất, hòa bình, cả nước đi lên xây dựng CNXH. Tuy nhiên, đế quốc Mỹ và tay sai với âm mưu xâm lược đã đẩy dân tộc Việt Nam đứng trước sự lựa chọn về con đường phát triển. Trong bối cảnh đó, là người đứng đầu Đảng, đứng đầu Chính phủ, Hồ Chí Minh kiên định lựa chọn con đường Đảng, nhân dân đã lựa chọn đầu thế kỷ XX, tuy nhiên nhiệm vụ có sự ứng biến linh hoạt. Đó là miền Bắc đi lên xây dựng CNXH, còn miền Nam tiếp tục cuộc cách mạng GPDT. Người hiểu rõ: “Con người làm ra lịch sử của chính mình, nhưng không phải làm theo ý muốn tùy tiện của mình, trong những điều kiện tự mình chọn lấy, mà là trong những điều kiện trực tiếp có trước mặt, đã cho sẵn và do quá khứ để lại” [162, tr.145]. Từ thực tiễn hiện tại, quá khứ, tương lai cách mạng Việt Nam chỉ có thể là xây dựng CNXH ở miền Bắc và chiếu cố miền Nam.

Sự kiên định, bản lĩnh trong lãnh đạo cách mạng Việt Nam giương cao hai ngọn cờ, thực hiện hai nhiệm vụ cách mạng ở hai miền trong điều kiện một Đảng lãnh đạo, ở một nước đó là cống hiến to lớn của Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam. Thấm nhuần quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, với người cách mạng, trong từng tình huống cụ thể không thể chờ thụ động điều kiện khách quan đầy đủ rồi mới thực hiện mà cần phải sử dụng năng lực tư duy trừu tượng hóa “chủ động phát hiện, dựa vào những điều kiện khách quan này để tổ chức, xúc tiến hình thành những điều kiện khách quan khác cần thiết cho những nhiệm vụ nhất định của mình” [162, tr.169] nhằm tìm tòi cái tất yếu, những mối liên hệ có tính quy luật chi phối. Thực tiễn lịch sử cách mạng Việt Nam đã chứng tỏ điều

đó, không có xây dựng CNXH ở miền Bắc thì không đủ lực lượng để giúp đỡ cho tiền tuyến lớn ở miền Nam và không có tiền tuyến lớn của miền Nam thì không thể bảo vệ được miền Bắc trước âm mưu xâm lược của kẻ thù. Về vấn đề này, Lênin chỉ rõ: “Trong chiến tranh, ai có nhiều lực lượng hậu bị hơn, ai có nhiều nguồn lực lượng hơn..., thì người đó thu được thắng lợi” [91, tr.271], còn J.V.Xtalin khẳng định:

Không có một quân đội nào trên thế giới không có hậu phương vững chắc mà lại có thể chiến thắng được. Hậu phương có một tầm quan trọng bậc nhất với tiền tuyến: Chính là vì hậu phương, và chỉ có hậu phương mới cung cấp cho tiền tuyến chẳng những các nhu cầu đủ mọi loại, mà còn cả binh sĩ, cả tình cảm lẫn tư tưởng nữa. Hậu phương không vững chắc, nhất định sẽ biến những đội quân ưu tú nhất và cố kết nhất thành một đám quân chúng không vững vàng và hèn yếu [179, tr.8-9].

Với hậu phương miền Bắc vững chắc đã cổ vũ, động viên, thôi thúc đồng bào miền Nam quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược để cả nước đi lên xây dựng CNXH; đủ sức người, sức của để chi viện cho chiến trường miền Nam. Đối với đồng bào miền Nam, tất cả niềm tin, sự tin tưởng, tình cảm của đồng bào miền Bắc là động lực thôi thúc mỗi người dân quyết tâm dõng non lấp biển, đập bằng bất cứ trở ngại nào, hoàn thành bất cứ nhiệm vụ nào, đánh bại bất cứ kẻ thù nào.

Theo thống kê từ năm 1959-1975 hậu phương miền Bắc đã giành 50% ngân sách nhà nước hằng năm, 20-25% tổng sản lượng lương thực để chi viện cho miền Nam. Huy động hơn 3 triệu người phục vụ chiến đấu. Tiếp nhận 310.000 thương binh và trên 350.000 lượt người từ tiền tuyến về hậu phương chữa bệnh, học tập, công tác, triệu trái tim chung nhịp đập bền bỉ, họ đã “cùng nhau làm nên hậu phương miền Bắc vững chãi để hoàn thành một sứ mệnh non sông” [175].

Hơn nữa, giá trị những hoạt động, cống hiến của Hồ Chí Minh trong lãnh đạo cách mạng Việt Nam còn thể hiện ở việc đã biết phát huy điểm tương đồng trong thực hiện nhiệm vụ cách mạng của hai miền để huy động tối đa sức mạnh của toàn dân. Quan điểm này được Đảng vận dụng ngay trong Hội nghị lần thứ 15 khóa II (1959) khi khẳng định vai trò của cách mạng mỗi miền đối với sự nghiệp cách mạng chung, trong đó Đảng khẳng định: “nếu không ra sức củng cố miền Bắc và tích cực đưa miền Bắc tiến lên CNXH thì không có chỗ dựa vững chắc để tranh thủ hòa bình thống nhất nước nhà. Không kiên quyết đánh đổ ách thống trị của đế quốc và phong kiến ở miền Nam thì cũng không thể tạo điều kiện thuận lợi nhất để hòa bình thống nhất Tổ quốc” [26, tr.62].

Một nét độc đáo trong lãnh đạo cách mạng Việt Nam của Hồ Chí Minh thời kỳ này là Người luôn nắm vững các nguyên tắc có tính phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin trong giải quyết các vấn đề thực tiễn. Thực tế là không nắm được nguyên tắc có tính chiến lược sẽ dẫn đến hoạt động tự phát, chạy theo những lợi ích nhất thời, mất phương hướng. Với Người, cách mạng mỗi miền có nhiệm vụ khác nhau, song không phải hai chiến lược cách mạng đều được tiến hành đồng loạt ngang nhau, mà ưu tiên hơn cho nhiệm vụ GPDT, “mọi việc của ta đều nhằm chống đế quốc Mỹ”. Hồ Chí Minh đã giải quyết linh hoạt, khéo léo mối quan hệ giữa cái chung, cái riêng với cái đặc thù. Việc xác định nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn này đã giải quyết được vấn đề đặt ra phù hợp với đặc điểm cụ thể mỗi miền, vừa hướng tới cái chung. Điều này cũng được chính phía Mỹ thừa nhận: “Đôi phương đã tìm ra được một chiến lược khôn khéo đến mức rất nguy hiểm để đánh bại Mỹ... Nước ngoài không bao giờ có thể địch nổi chiến lược đó” [11, tr.142-143].

Với đường lối đúng đắn, thuận lòng dân đã đưa cách mạng Việt Nam vượt qua được những khó khăn, thử thách đạt được những thành tựu có ý nghĩa lớn. Thực tiễn cách mạng thế giới chứng tỏ một thực tế rằng, trong lịch sử việc giành chính quyền, thiết lập chính quyền mới chưa phải cách mạng đã hoàn thành

nhiệm vụ mà thiết lập được chính quyền mới chỉ là bắt đầu buổi bình minh của đất nước. Nhiệm vụ nặng nề tiếp theo đó là vấn đề giữ chính quyền như Lênin nói: “giành chính quyền đã khó, giữ chính quyền càng khó khăn, phức tạp hơn nhiều” và “Một cuộc cách mạng chỉ có giá trị khi nào nó biết tự vệ, nhưng không phải cách mạng có thể biết ngay được cách tự vệ. Cách mạng là sự thức tỉnh của hàng triệu người về cuộc đời mới” [90, tr.145]. Trong quá trình gìn giữ đó “Nếu thiếu niềm tin, thiếu kiên định, không biết lựa chọn mô hình và giải pháp thích hợp thì không dễ gì đi đến được thắng lợi hoàn toàn” [167, tr.322]. Đặc biệt, bối cảnh Việt Nam giai đoạn 1954-1969 có rất nhiều khó khăn.

Thắng lợi của Đại thắng mùa Xuân năm 1975, Nam - Bắc thu về một mối, cả nước đi lên xây dựng CNXH là câu trả lời chân thực, khách quan nhất về sự đúng đắn của việc xác định nhiệm vụ cách mạng hai miền mà Hồ Chí Minh là người đã dẫn đường, chỉ đường và soi đường cho việc thực hiện trong giai đoạn 1954-1969 và 1969-1975. Thắng lợi của cách mạng Việt Nam khẳng định sức mạnh của ĐLDT và sức mạnh của CNXH khi được kết hợp với nhau sẽ tạo nên một sức mạnh vô địch mà không có khí tài nào, vũ khí nào có thể địch lại nổi như nhận xét của một ký giả Mỹ tên là Peter Arnet của hãng AP ngày 2-10-1972: “Chúng tôi đã phải lắc đầu ngạc nhiên không phải trước sự tàn phá của bom từ trên trời, mà trước sức sống của những người dưới đất” [53, tr.289].

Giương cao hai ngọn cờ ĐLDT và CNXH ở Việt Nam đã phát huy cao độ sức mạnh của tiền tuyến lớn ở miền Nam và hậu phương lớn ở miền Bắc; đã động viên đến mức cao nhất lực lượng của toàn dân trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đánh giá về thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Đại hội IV của Đảng khẳng định: “Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là thắng lợi của cả hai chiến lược cách mạng được tiến hành đồng thời và kết hợp chặt chẽ với nhau: cách mạng DTDCND ở miền Nam và cách mạng XHCN ở miền Bắc” [32, tr.489-490]. Đại hội cũng nhấn mạnh: “Chúng ta đã kết hợp thành công hai loại quy luật: quy luật của chiến tranh cách mạng với

quy luật cách mạng XHCN, do đó đã phát huy được sức mạnh của chế độ XHCN nhằm phục vụ chiến tranh cứu nước và giữ nước, đồng thời vẫn tiếp tục phát triển công cuộc xây dựng CNXH trên một số mặt” [32, tr.494].

Những hoạt động của Hồ Chí Minh trong lãnh đạo thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng không chỉ góp phần quyết định vào thắng lợi của cách mạng Việt Nam giai đoạn 1954 - 1969 mà còn để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý giá trong giai đoạn hiện nay, nhất là vấn đề xác định mục tiêu, nhiệm vụ cách mạng; vấn đề về phương pháp cách mạng; về tổ chức thực hiện nhiệm vụ; về kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại; về giải quyết vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp... Thực tiễn trong 40 năm đổi mới, Đảng luôn vững vàng, kiên định và giữ vững ngọn cờ ĐLDT và CNXH. Nhờ đó, cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế của đất nước có sự thay đổi căn bản và toàn diện. Từ một trong 20 nước nghèo nhất thế giới, Việt Nam đã từng bước vượt qua khó khăn, trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình thấp vào năm 2008. Năm 2024, Việt Nam vượt qua mức thu nhập trung bình thấp, nằm trong nhóm các nước có thu nhập trung bình cao với thu nhập 4.700 USD/người/năm. Đến năm 2025, thu nhập bình quân đầu người 5.000 USD/người/năm, quy mô nền kinh tế Việt Nam đứng thứ 32 trên thế giới và thứ 4 ở khu vực ASEAN. Các lĩnh vực văn hóa, xã hội có nhiều tiến bộ, đời sống nhân dân được cải thiện. Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội được đảm bảo. Hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế được đẩy mạnh và ngày càng sâu, rộng, toàn diện.

Trên cơ sở đánh giá thực tiễn 40 năm đổi mới, tại Đại hội XIV của Đảng, Đảng tiếp tục khẳng định quan điểm chỉ đạo xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới: “Kiên định, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lý luận đường lối đổi mới; kiên định mục tiêu ĐLDT và CNXH” [42, tr.236] vì một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi lên CNXH.

4.2.3. Đặt nền móng cho việc xây dựng và hiện thực hóa mô hình chủ nghĩa xã hội phù hợp với thực tiễn Việt Nam

Hồ Chí Minh lãnh đạo hiện thực hóa mô hình CNXH từ khát vọng thành hiện thực trong điều kiện Việt Nam với đặc điểm to nhất đó là “từ một nước nông nghiệp lạc hậu *tiến thẳng* lên CNXH không phải kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa” [115, tr.411]. Đặc điểm đó chi phối đến toàn bộ phương thức, bước đi và biện pháp xây dựng CNXH ở miền Bắc. Đây là một công việc rất khó khăn. Trong điều kiện đó, làm thế nào để đưa miền Bắc tiến lên CNXH nhưng không rơi chủ quan, duy ý chí, nóng vội, đó là một thách thức lớn.

Nhận thức sâu sắc tính chất khó khăn của thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam và vận dụng sáng tạo lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin, Hồ Chí Minh cho rằng, “Chúng ta phải xây dựng một xã hội hoàn toàn mới xưa nay chưa từng có trong lịch sử dân tộc ta. Chúng ta phải thay đổi triệt để những nếp sống, thói quen, ý nghĩ và thành kiến có gốc rễ sâu xa hàng ngàn năm (...) dần dần biến nước ta từ một nước nông nghiệp lạc hậu thành một nước công nghiệp” [114, tr.92]. Theo đó, con đường đi lên xây dựng CNXH ở Việt Nam đó là một quá trình cải biến toàn diện xã hội, trong đó, khó khăn là tất yếu. Nhận thức rõ điều này giúp nhìn nhận đúng, biện chứng, khách quan, không đơn giản hóa con đường đi lên CNXH. Từ đó, thấy được tính chất khó khăn, lâu dài, phức tạp của thời kỳ quá độ để vững vàng trước mọi khó khăn, không dao động mục tiêu.

Vận dụng sáng tạo quan điểm chủ nghĩa Mác-Lênin về thời kỳ quá độ và xây dựng CNXH, Hồ Chí Minh xác định nội dung, bước đi, hình thức quá độ đi lên CNXH phù hợp với tình hình thực tế ở Việt Nam và lãnh đạo thực hiện công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc. Qua đó, công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc giai đoạn 1954-1969, nhưng từ năm 1965, miền Bắc phải chuyển hướng kinh tế từ thời bình sang thời chiến. Mặc dù vậy, công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc đã đạt được những thành quả đáng kể. Nhiều khu công nghiệp lớn đã và đang hình thành. Xuất hiện những cơ sở đầu tiên của các ngành

công nghiệp nặng quan trọng: điện, than, cơ khí, luyện kim, hóa chất, vật liệu xây dựng; xây dựng được một số ngành công nghiệp nhẹ; mạng lưới giao thông phát triển. Trong lĩnh vực nông nghiệp, phong trào hợp tác hóa đạt được những kết quả tích cực, phần lớn hợp tác xã nông nghiệp được trang bị máy móc nhỏ, bước đầu ứng dụng một số thành tựu và tiến bộ mới về kỹ thuật trồng trọt và chăn nuôi, nhiều công trình thủy lợi được xây dựng, bảo đảm tưới, tiêu nước cho hàng chục vạn héc-ta. Đặc biệt, sự nghiệp giáo dục, văn hóa, y tế phát triển với tốc độ cao. Hệ thống trường học được mở rộng khắp thành thị và nông thôn, đồng bằng và miền núi. Đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật và cán bộ quản lý có trình độ trên đại học, đại học và trung học chuyên nghiệp tăng nhanh. Mạng lưới y tế trải ra rộng khắp. Hoạt động văn hóa, nghệ thuật phát triển trên nhiều mặt với nội dung lành mạnh, góp phần xây dựng cuộc sống mới, con người mới. Đánh giá về công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc, Đại hội IV của Đảng khẳng định:

Những thành tựu và biến đổi ấy còn thấp so với những mục tiêu của chủ nghĩa xã hội. Song, trong hoàn cảnh miền Bắc vừa phải đương đầu với hàng triệu tấn bom đạn của đế quốc Mỹ, vừa không ngừng cung cấp sức người, sức của cùng đồng bào miền Nam đánh giặc, cứu nước, đồng thời gánh vác nghĩa vụ quốc tế, thì những thành tựu đã đạt được là những kỳ tích mà người ta không thể nào tưởng tượng bên ngoài quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội [32, tr.494].

Đồng thời, Đảng khẳng định: “không thể nào có thắng lợi của sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước nếu không có miền Bắc xã hội chủ nghĩa” [32, tr.490]. Chính “Thử thách cực kỳ nghiêm trọng của chiến tranh đã làm ngời sáng tính ưu việt và sức mạnh của chủ nghĩa xã hội” [32, tr.494].

Tiếp tục kiên định con đường cách mạng Việt Nam mà Hồ Chí Minh và nhân dân đã lựa chọn, năm 1975, với Đại thắng mùa Xuân, Bắc - Nam thống nhất, Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam chuyển sang giai đoạn mới “*giai đoạn*

cả nước độc lập, thống nhất làm nhiệm vụ chiến lược duy nhất là tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa, tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội” [32, tr.500], đồng thời chỉ rõ: “CNXH là mục đích trước mắt của cách mạng Việt Nam, đồng thời là con đường tiến hoá tất yếu của xã hội Việt Nam, phù hợp với quy luật phát triển của xã hội loài người đang ở trong thời đại quá độ từ CNTB lên CNXH trên phạm vi toàn thế giới” [32, tr.500].

Kiên trì, kiên định con đường đã lựa chọn, từ Đại hội VI (1986) đến nay trong bối cảnh tình hình thế giới và trong nước có nhiều diễn biến phức tạp, Đảng vẫn kiên định, giữ vững con đường đi lên CNXH. Tại Đại hội VII (1991), Đảng xác định 6 đặc trưng của CNXH ở Việt Nam: (1) Do nhân dân lao động làm chủ; (2) Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu; (3) Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; (4) Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân; (5) Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ; (6) Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới.

Tại Đại hội XI (2011), Đảng bổ sung, phát triển các đặc trưng của CNXH được xác định tại Đại hội IX và các Đại hội trước đó. Đó là (1) Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; (2) Do nhân dân làm chủ; (3) Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiên bộ phù hợp; (4) Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; (5) Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; (6) Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; (7) Có Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; (8) Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới.

Mới đây, tại Đại hội XIV (2026), tổng kết 40 năm thực hiện công cuộc đổi mới theo định hướng XHCN, Đảng khẳng định, sau 40 năm thực hiện công cuộc đổi mới, Đảng đã từng bước xây dựng và hoàn thiện lý luận về đường lối đổi mới, trong đó “đã dần hình thành các trụ cột chính của mô hình CNXH Việt Nam là: Nền kinh tế thị trường định hướng XHCN Việt Nam, Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, nền dân chủ XHCN Việt Nam, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo” [42, tr.200].

Tiếp tục con đường đi lên CNXH dưới ánh sáng tư tưởng và giá trị thực tiễn hoạt động của Hồ Chí Minh, “Công cuộc đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng 40 năm qua đã làm thay đổi căn bản, toàn diện cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế của đất nước” [42, tr.205]. *Trong lĩnh vực chính trị*, công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức được đẩy mạnh, tăng cường, tại Đại hội XII, Đảng bổ sung thêm nội dung xây dựng Đảng về đạo đức, tại Đại hội XIII, Đảng bổ sung thêm nội dung xây dựng Đảng về cán bộ; Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân bảo đảm nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ngày càng đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, trở thành trung tâm của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. *Trong lĩnh vực kinh tế*, Việt Nam từ một nước nghèo có cơ sở vật chất - kỹ thuật, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội lạc hậu, trình độ thấp đã trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình, hội nhập sâu và rộng vào nền kinh tế khu vực và toàn cầu. *Trong lĩnh vực văn hóa, con người* có bước phát triển mới, vai trò của văn hóa góp phần vào sự phát triển bền vững được khẳng định và thể hiện ngày càng rõ hơn, lĩnh vực giáo dục và đào tạo phát triển với nhiều thay đổi, đã phổ cập giáo dục tiểu học vào năm 2000; phổ cập giáo dục trung học cơ sở vào năm 2010; hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ dưới 5 tuổi vào năm 2017. *Trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh*, nền quốc phòng toàn dân có bước phát triển cả chiều rộng và chiều sâu, ngày càng vững

chắc; tiềm lực, lực lượng và thế trận quốc phòng an ninh được tăng cường; phát huy tốt vai trò nòng cốt của Quân đội nhân dân và Công an nhân dân trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân. *Trong lĩnh vực đối ngoại*, đã phá vỡ được thế bao vây, cấm vận Việt Nam của các thế lực thù địch trên thế giới; phát triển quan hệ ngoại giao với 195 quốc gia và vùng lãnh thổ. Đã xây dựng được các mối quan hệ đối tác, hợp tác chiến lược, đối tác chiến lược toàn diện với tất cả các cường quốc trên thế giới và khu vực.

Từ thực tiễn 40 năm đổi mới và căn cứ vào tình hình thế giới, khu vực và tình hình trong nước, Đảng chỉ rõ mục tiêu, định hướng xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới đó là kiên định các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN; lấy phát triển để ổn định, ổn định để thúc đẩy phát triển, nâng cao đời sống nhân dân, trong đó phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; xây dựng, phát triển văn hóa, con người là nền tảng, nguồn lực nội sinh, động lực quan trọng cho sự phát triển nhanh, bền vững của đất nước; tập trung xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị thực sự trong sạch, vững mạnh toàn diện; nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền, sức chiến đấu của Đảng, tiếp tục đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, thắt chặt mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; phát huy sức mạnh văn hóa, con người thành nguồn lực nội sinh và động lực phát triển.

Những định hướng của Đảng trong quá trình phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc giai đoạn mới tiếp tục khẳng định giá trị xuyên suốt và lâu dài hoạt động của Hồ Chí Minh trong lãnh đạo xây dựng CNXH ở miền Bắc giai đoạn 1954-1969.

4.2.4. Khơi dậy và phát huy sức mạnh toàn dân tộc trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa

Tiếp tục vận dụng sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, đồng thời kế thừa triết lý của dân tộc: “Dễ mười lần không dân cũng chịu. Khó trăm lần dân liệu cũng xong”. Mọi hoạt động lãnh đạo của Hồ Chí Minh đều quán triệt sâu sắc nguyên tắc: “*Phải dựa vào quần chúng mà phát động mọi phong trào sản xuất, chiến đấu. (...) Làm việc gì cũng phải có quần chúng. Không có quần chúng thì không thể làm được*” [118, tr.279], coi đoàn kết toàn dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược.

Ở miền Bắc, với nhiệm vụ vừa xây dựng CNXH, vừa làm hậu phương cho tiền tuyến lớn ở miền Nam. Để hoàn thành trọng trách lịch sử, Người kêu gọi đoàn kết đại đa số nhân dân, mà đại đa số nhân dân là công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác. Phải biến quyết tâm của Đảng, của Trung ương thành quyết tâm của mỗi đảng viên, mỗi chiến sĩ, mỗi người dân. Thực hiện lời kêu gọi của Người, trên khắp xóm làng miền Bắc đã dấy lên phong trào thi đua yêu nước sôi nổi, rộng khắp: người người, nhà nhà tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm; tất cả vì tiền tuyến, vì đồng bào miền Nam ruột thịt *thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người*. Các ngành, các cơ quan, các địa phương, mọi người dân đều tham gia đắc lực vào sự nghiệp giải phóng miền Nam. Nhờ đó, đã xây dựng miền Bắc thành hậu phương lớn, vững chắc cả về kinh tế, chính trị, quốc phòng, tạo điều kiện quyết định cho thắng lợi của sự nghiệp giải phóng miền Nam.

Người luôn đề cao vai trò chủ thể của nhân dân trong xây dựng CNXH. Người yêu cầu cán bộ, đảng viên phải dựa vào nhân dân, tôn trọng nhân dân, phát huy sáng kiến, trí tuệ và sức lao động của nhân dân; gắn phát triển kinh tế - xã hội với không ngừng cải thiện đời sống của nhân dân, mọi hoạt động của Đảng và Chính phủ đều vì lợi ích của nhân dân. Với cách làm đó, Hồ Chí Minh đã khơi dậy được tinh thần trách nhiệm và ý thức làm chủ của nhân dân, biến sự

nghiệp xây dựng CNXH thành sự nghiệp chung của tất cả mọi người dân, do đó gia tăng sức mạnh và nguồn lực to lớn cho sự nghiệp xây dựng đất nước và phát triển kinh tế - xã hội.

Ở miền Nam, trước yêu cầu GPDT trong điều kiện rất khó khăn, Hồ Chí Minh và Đảng đã lãnh đạo phát huy sức mạnh toàn dân thông qua đường lối chiến tranh nhân dân. Người nói, chiến tranh của ta là chiến tranh nhân dân và chủ trương xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, kết hợp đấu tranh chính trị - đấu tranh vũ trang - đấu tranh ngoại giao, phối hợp hợp lực lượng vũ trang với lực lượng chính trị của quần chúng; kết hợp nổi dậy, làm chủ và tấn công; tấn công trên cả ba vùng chiến lược đồng bằng, đô thị và miền núi.

Nhờ sức mạnh vô địch của đường lối chiến tranh nhân dân do Đảng lãnh đạo, dân tộc Việt Nam đã biến sức mạnh phân tán của từng cá nhân, từng địa phương thành sức mạnh tổng hợp, tạo nên thế trận chiến tranh nhân dân rộng khắp, đánh bại chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ - cuộc cách mạng có quy mô lớn nhất, dài ngày nhất và ác liệt nhất kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Điều này, một mặt chứng minh, một việc dù khó đến mấy, nếu xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chính đáng của nhân dân đều được nhân dân ủng hộ và tự nguyện coi đó là công việc chính của nhân dân, do nhân dân tự làm và chắc chắn sẽ thành công.

Vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng và bài học từ hoạt động thực tiễn của Hồ Chí Minh, Đảng luôn quán triệt sâu sắc và thực hành triệt để quan điểm “Dân là gốc” và không ngừng củng cố, tăng cường đại đoàn kết, coi đó là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Để xây dựng và phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc, qua 40 năm đổi mới, Đảng luôn coi trọng và đề cao vai trò chủ thể, vị trí trung tâm của Nhân dân trong toàn bộ quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; ban hành đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật

tạo nền tảng chính trị, pháp lý, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền làm chủ của nhân dân; kiên trì thực hiện phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Bên cạnh đó, Đảng không ngừng đổi mới tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội để thực hiện có hiệu quả quyền làm chủ của nhân dân trong việc tham gia các công việc quản lý nhà nước và chăm lo, bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân. Nhờ đó, việc phát huy sức mạnh của nhân dân trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đạt được nhiều kết quả quan trọng. Phát huy sáng tạo của nhân dân trong tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước và hệ thống chính trị. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội làm tốt vai trò cầu nối giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân, góp phần tích cực vào tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Trên cơ sở tổng kết 40 năm đổi mới, dự báo tình hình và những cơ hội, thách thức đối với công cuộc đổi mới, xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới, Đảng định hướng nhiệm vụ giải pháp: “Tiếp tục coi trọng xây dựng và phát huy nền dân chủ xã hội chủ nghĩa; bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân; xây dựng và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, (...) củng cố và phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc, hướng mạnh về cơ sở” [42, tr.286-287]. Đặc biệt, tại Đại hội XIV, quán triệt và thực hành triệt để quan điểm “Dân là gốc”, Đảng nhấn mạnh yếu tố “lấy việc tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, hạnh phúc và sự hài lòng của Nhân dân làm thước đo và mục tiêu phấn đấu” [41, tr.121].

Những quan điểm chỉ đạo và thành tựu về phát huy sức mạnh toàn dân tộc của Đảng trên cơ sở vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng và hoạt động của Hồ Chí Minh trong bối cảnh tình hình mới khẳng định giá trị hoạt động của Hồ Chí Minh không chỉ là có giá trị trong lịch sử mà còn là bài học quý trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN hiện nay.

4.2.5. Kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, tranh thủ sự ủng hộ quốc tế đối với cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam

Giai đoạn 1954-1969 là thời kỳ đặc biệt trong lịch sử cách mạng Việt Nam và phong trào cách mạng thế giới, đây cũng là giai đoạn cục diện thế giới có nhiều biến động sâu sắc. Trong bối cảnh đó, cách mạng Việt Nam đứng trước yêu cầu vừa phải tranh thủ tối đa sức mạnh thời đại, vừa giữ vững độc lập, tự chủ, không để bị chi phối và cuốn vào các mâu thuẫn quốc tế phức tạp. Hồ Chí Minh bằng hoạt động ngoại giao chủ động, sáng tạo, linh hoạt, trí tuệ đã xử lý khéo léo các bất đồng quốc tế, phát huy tối đa sức mạnh thời đại, góp phần quyết định vào thắng lợi của sự nghiệp ĐLDT gắn liền với CNXH ở Việt Nam.

Xác định cách mạng Việt Nam là một bộ phận của lực lượng hoà bình dân chủ, XHCN trên thế giới. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là một thành viên trong đại gia đình XHCN đứng đầu là Liên Xô vĩ đại. Người rất coi trọng xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết, nhất là sự ủng hộ và giúp đỡ của các nước XHCN, đứng đầu là Trung Quốc và Liên Xô. Người đánh giá cao sự ủng hộ nhiệt tình và sự giúp đỡ quý báu của các nước XHCN, của giai cấp công nhân và nhân dân yêu chuộng hòa bình trên toàn thế giới và coi đó là một nhân tố quan trọng bảo đảm thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Mặc dù đánh giá cao sự ủng hộ và giúp đỡ của các nước, song điểm đặc sắc trong tư duy của Hồ Chí Minh là Người luôn nhấn mạnh phương châm: “Tự lực cánh sinh là chính, việc các nước bạn giúp ta là phụ” [113, tr.56]. Nhận thức đó giúp cách mạng Việt Nam chủ động trong xây dựng lực lượng, phát triển nguồn lực nội sinh; giữ vững được độc lập, tự chủ chiến lược trong bối cảnh quốc tế phức tạp.

Để bạn bè quốc tế và chính nhân dân Mỹ hiểu, đồng tình và ủng hộ sự nghiệp đấu tranh chính nghĩa của nhân dân Việt Nam, Hồ Chí Minh thành công trong việc vận dụng ngoại giao “tâm công”. Bằng cách đánh vào tình cảm gia đình, lương tri con người và ý thức công lý, Người đã góp phần thúc đẩy mạnh mẽ phong trào phản chiến ở Mỹ. Từ đó hình thành “Mặt trận số 2” chống đế

quốc Mỹ xâm lược ngay tại nước Mỹ, nhiều tầng lớp nhân dân tiến bộ Mỹ, hàng chục vạn thanh niên, sinh viên, giáo sư, nhà khoa học, luật học, văn nghệ sĩ, các nhà tu hành và nhân dân lao động Mỹ đã dũng cảm lên tiếng phản đối và biểu tình rầm rộ chống chính sách xâm lược của Chính phủ Giônxon ở Việt Nam. Thanh niên Mỹ kiên quyết không chịu đi lính sang Việt Nam làm bia đỡ đạn cho đế quốc Mỹ. Nhân dân Mỹ đấu tranh từ bên trong, kết hợp với cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam từ bên ngoài, tạo thế “giáp công” làm suy yếu ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ.

Không chỉ với nhân dân Mỹ, Hồ Chí Minh còn kiên trì thực hiện ngoại giao “tâm công” với nhân dân các nước Á - Phi - Mỹ Latinh, các lực lượng XHCN, phong trào hòa bình và dân chủ trên toàn thế giới. Qua đó, nâng tầm cuộc kháng chiến của Việt Nam thành biểu tượng thời đại; cô lập các kẻ thù; tạo ra thế và lực quốc tế ngày càng có lợi cho cách mạng Việt Nam.

Đánh giá nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ của nhân dân Việt Nam, tại Đại hội IV, Đảng khẳng định: Nhờ kết hợp sức mạnh của nhân dân với sức mạnh của thời đại “chúng ta đã tranh thủ được sự ủng hộ rất to lớn về tinh thần và vật chất của các nước XHCN anh em, của tất cả các lực lượng cách mạng và tiến bộ trên thế giới, tạo thành một mặt trận quốc tế rộng lớn chưa từng có ủng hộ Việt Nam chống đế quốc Mỹ xâm lược” [32, tr.486].

Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước thắng lợi và bài học, Ban Chỉ đạo Tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị tiếp tục chỉ rõ:

Việt Nam đã thắng chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ bằng sức mạnh tổng hợp của dân tộc và thời đại. Việt Nam đã thắng nhờ biết lấy thành quả của kháng chiến để mở rộng và tăng cường đoàn kết quốc tế; và sự đoàn kết và sự ủng hộ của quốc tế đến lượt nó đã trở thành một trong những nhân tố quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam [3, tr.268].

Vận dụng sáng tạo những giá trị trong tư tưởng và hoạt động của Hồ Chí Minh, trong thời kỳ đổi mới (từ năm 1986) đến nay, Đảng luôn coi trọng kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đại hội VI của Đảng chỉ rõ: “Trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng của mình, chúng ta phải đặc biệt coi trọng kết hợp các yếu tố dân tộc và quốc tế, các yếu tố truyền thống và thời đại, (...) để phục vụ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, và luôn luôn làm tròn nghĩa vụ quốc tế của mình đối với các nước anh em và bầu bạn” [33, tr.364]. Trong hội nhập quốc tế, Đảng luôn chú trọng mối quan hệ giữa giữ vững độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng; sự cần thiết phải tăng cường nội lực để bảo đảm hội nhập thành công. Hội nhập quốc tế là định hướng chiến lược lớn để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, coi hội nhập quốc tế là sự nghiệp của toàn dân và của cả hệ thống chính trị; hội nhập quốc tế trên cơ sở phát huy tối đa nội lực, tranh thủ ngoại lực.

Dưới ánh sáng giá trị lý luận và thực tiễn tư tưởng Hồ Chí Minh về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, hoạt động đối ngoại của Việt Nam đạt được những thành tựu to lớn, trong đó đã tạo được sự chuyển biến quan trọng trong hoạt động hợp tác với các nước láng giềng, khu vực; duy trì, củng cố môi trường hòa bình, ổn định, giữ vững độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc và bảo vệ chế độ XHCN; phá vỡ thế bị cô lập, bao vây, cấm vận; đưa quan hệ với các nước và đối tác đi vào chiều sâu, ổn định, bền vững, nhất là tiếp tục thiết lập, mở rộng và củng cố mạng lưới quan hệ đối tác chiến lược toàn diện, đối tác chiến lược, đối tác toàn diện với các đối tác có tầm quan trọng chiến lược với sự phát triển bền vững của đất nước. Đến năm 2025, Việt Nam hiện có quan hệ ngoại giao hầu hết các quốc gia trên thế giới, có quan hệ đối tác chiến lược, đối tác toàn diện với 38 quốc gia, trong đó có quan hệ đối tác chiến lược, đối tác chiến lược toàn diện với cả 5 nước Ủy viên

Thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, 7 nước công nghiệp phát triển hàng đầu thế giới (G7) và 18/20 nền kinh tế lớn nhất thế giới (G20).

Những thành tựu đạt được tiếp tục khẳng định những giá trị hoạt động lãnh đạo thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH của Hồ Chí Minh trong phát huy sức mạnh thời đại, những giá trị đó không chỉ có ý nghĩa lịch sử trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc giai đoạn 1954-1969, mà cả trong thời kỳ đổi mới và toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế hiện nay.

Tại Đại hội XIV, nhìn lại 40 năm đổi mới, với những thành công và hạn chế, Đảng tiếp tục quan điểm chỉ đạo: “củng cố, tăng cường sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại, tạo thành sức mạnh tổng hợp trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới”; “Kiên trì và sáng tạo thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa; chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, hiệu quả” [42, tr.261].

Tiểu kết chương 4

Hoạt động lãnh đạo mục tiêu ĐLDT và CNXH ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969 của Hồ Chí Minh đã góp phần quyết định vào thắng lợi của cách mạng Việt Nam, thắng lợi to lớn của sự nghiệp chống Mỹ cứu nước gắn liền với tên tuổi và sự nghiệp của Người. Người không chỉ kiến tạo, khai mở nhận thức mà còn dẫn dắt, truyền cảm hứng về tầm nhìn, định hướng cho quá trình hiện thực hóa mục tiêu ĐLDT và CNXH thông qua các hoạt động thực tiễn vô cùng phong phú. Những hoạt động lãnh đạo của Hồ Chí Minh đã để lại những giá trị, bài học sâu sắc về phương pháp lãnh đạo, cách thức xử lý, giải quyết sáng tạo mọi vấn đề của quá trình hiện thực hóa mục tiêu ĐLDT và CNXH.

Những hoạt động và cống hiến to lớn của Hồ Chí Minh trong lãnh đạo thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH giai đoạn 1954-1969 đã nâng truyền thống yêu nước của con người Việt Nam lên một tầm cao mới; bổ sung, phát triển sáng tạo lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin về CNXH, về giải quyết mối quan hệ

biện chứng giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp trong điều kiện một nước nghèo nàn, lạc hậu, một Đảng lãnh đạo một nước thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược nhằm một mục đích chung; là cơ sở lý luận quan trọng để Đảng tiếp tục lãnh đạo thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH.

Sau khi đất nước thống nhất, cả nước tiến lên CNXH và bước vào thời kỳ đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục kiên định mục tiêu ĐLDT và CNXH. Dưới ánh sáng của tư tưởng Hồ Chí Minh, Việt Nam đã vươn lên từ một nước nghèo nàn, lạc hậu trở thành quốc gia có cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín ngày càng cao trên trường quốc tế, đồng thời trở thành một hình mẫu phát triển có ý nghĩa tham khảo đối với nhiều quốc gia đang phát triển trong thế giới đương đại.

KẾT LUẬN

Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969 trong bối cảnh trong nước và thế giới có nhiều thuận lợi, song cũng đặt ra nhiều thách thức, với đặc điểm nổi bật là một Đảng lãnh đạo thực hiện hai nhiệm vụ cách mạng nhằm một mục tiêu chung là giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Nhưng mục tiêu ĐLDT và CNXH sẽ không được hiện thực hóa và công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc, đấu tranh thống nhất đất nước không thành công nếu các điều kiện cơ bản không được đảm bảo. Đây là thách thức lớn đặt ra. Chính trong bối cảnh đó, với nhãn quan chính trị sắc bén, đặt lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân lên trên hết, trước hết, Người đã lãnh đạo hoạch định đường lối và tổ chức thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, từ chính trị, kinh tế đến văn hóa, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, nhằm tạo ra thế và lực cho cách mạng Việt Nam.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Hồ Chí Minh và Đảng Lao động Việt Nam, công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc đạt được những kết quả có ý nghĩa quan trọng, những giá trị ưu việt của CNXH lần đầu tiên được hiện thực hóa. Nhân dân thực sự trở thành người làm chủ; đời sống vật chất và tinh thần người dân được cải thiện, nạn mù chữ được xóa bỏ, cơ sở vật chất XHCN từng bước được tạo lập; miền Bắc làm tròn nghĩa vụ là hậu phương lớn của tiền tuyến lớn miền Nam; đồng thời đánh bại âm mưu phá hoại bằng không quân, hải quân của đế quốc Mỹ và tay sai. Ở miền Nam, quân và dân miền Nam liên tiếp đánh bại các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ: chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961-1965); chiến lược “Chiến tranh cục bộ” (1965-1968). Những thắng lợi của quân dân hai miền Nam - Bắc buộc Mỹ phải xuống thang chiến tranh, chấp nhận đàm phán, rồi đi đến ký kết Hiệp định Paris năm 1973, rút quân khỏi miền Nam Việt

Nam, tạo điều kiện thuận lợi để mùa Xuân 1975 giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Thành tựu của cách mạng Việt Nam đạt được qua 15 năm (1954-1969) là kết quả sức mạnh tổng hợp của toàn thể dân tộc dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Những quan điểm và hoạt động thực tiễn của Người không chỉ góp phần định hình đường lối cách mạng Việt Nam trong giai đoạn lịch sử đặc biệt này, tạo ra những bước ngoặt có ý nghĩa chiến lược, mở đường cách mạng Việt Nam tiến lên giành những thắng lợi vẻ vang, mà còn để lại những giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc. Những giá trị đó khẳng định vai trò vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong công cuộc đấu tranh thống nhất đất nước, đồng thời là bài học lịch sử quý báu soi sáng con đường xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn hiện nay. Đó là nâng truyền thống yêu nước của con người Việt Nam lên một tầm cao mới: yêu nước gắn liền với yêu CNXH; góp phần bổ sung, phát triển sáng tạo lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin về CNXH, về mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp; góp phần hoàn thiện tư tưởng về con đường cách mạng Việt Nam, làm cơ sở, nền tảng tư tưởng cho việc thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH ở Việt Nam hiện nay; hiện thực hóa khát vọng của nhân loại tiến bộ về thực hiện độc lập, tự do, hạnh phúc; khẳng định tính đúng đắn của đường lối chính trị: Giương cao ngọn cờ ĐLDT và CNXH; đặt nền móng cho việc xây dựng và hiện thực hóa mô hình CNXH phù hợp với thực tiễn Việt Nam; khơi dậy và phát huy sức mạnh toàn dân tộc trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN; kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, tranh thủ sự ủng hộ quốc tế đối với cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam, đưa cách mạng Việt Nam giành được những thắng lợi vẻ vang trong thế kỷ XX và trong giai đoạn hiện nay.

Thực tiễn 40 năm đổi mới, thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH ở Việt Nam cho thấy, Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo đất nước từ một nước nghèo

nàn, lạc hậu, bị chiến tranh tàn phá kéo dài đã vươn mình mạnh mẽ, đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử với cơ đồ, tiềm lực, vị thế, uy tín quốc tế của Việt Nam ngày càng được nâng cao.

Những giá trị từ hoạt động lãnh đạo của Hồ Chí Minh trong thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH ở Việt Nam giai đoạn 1954-1969 đã, đang và sẽ tiếp tục soi sáng con đường cách mạng Việt Nam; là cơ sở, là niềm tin vững chắc để toàn Đảng, toàn quân, toàn dân Việt Nam tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, phấn đấu đến năm 2030 trở thành nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045 trở thành nước phát triển, có thu nhập cao, “vì một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội” [42, tr.262].

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Trần Thị Thúy (2024), “Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo khôi phục và phát triển kinh tế ở miền Bắc, giai đoạn 1954-1969”, *Tạp chí Nghiên cứu Hồ Chí Minh*, Số 64 (7-8/2024), tr.21-27.
2. Trần Thị Thúy (2024), “Quan điểm của Hồ Chí Minh về thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, Số đặc biệt, Quý IV-2024, tr.33-38.
3. Trần Thị Thúy (2025), “Ảnh hưởng của bối cảnh lịch sử đến hoạt động lãnh đạo cách mạng Việt Nam của Chủ tịch Hồ Chí Minh từ năm 1954 đến năm 1969”, *Tạp chí Thông tin khoa học chính trị*, Số 05 (47)-2025, tr.8-14.
4. Trần Thị Thúy (2023), “Phát huy trách nhiệm tự giác nêu gương của đảng viên trong đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng”, *Tạp chí Thông tin khoa học chính trị*, Số 2 (32)-2023, tr.76-82.
5. Trần Thị Thúy (2024), “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo quan điểm chỉ đạo của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng”, *Tạp chí Giáo dục lý luận*, Số 369 (3/2024), tr.31-35.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

* Tài liệu trong nước

1. Ban Chấp hành Trung ương (1956), *Biên bản Hội nghị lần thứ 10 (mở rộng)*, ngày 24-9-1956 lưu tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.
2. Ban Chỉ đạo biên soạn Lịch sử Chính phủ Việt Nam (2001), *Biên niên lịch sử Chính phủ Việt Nam*, Nxb Văn hóa - Thông tin, tập 2.
3. Ban Chỉ đạo Tổng kết chiến tranh (2015), *Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước - Thắng lợi và bài học*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Ban Tuyên giáo Trung ương (2022), *Kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
5. Nguyễn Đức Bình (2015), “Giương cao ngọn cờ cách mạng và sáng tạo của tư tưởng Hồ Chí Minh”, *Tạp chí lý luận chính trị*, (5), tr.16-22.
6. Nguyễn Đức Bình (2016), *Về cách mạng Việt Nam trong thời đại ngày nay*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. Bộ Ngoại giao, “Quan hệ quốc tế trong thời kỳ 1950-1975”, Tài liệu đánh máy, phòng lưu trữ Bộ Ngoại giao, ký hiệu TK/HC 98.
8. Bộ Ngoại giao (1979), *Sự thật quan hệ Việt Nam - Trung Quốc trong 30 năm qua*, Hà Nội.
9. Bộ Ngoại giao (2008), *Hiệp định Giơnevơ 50 năm nhìn lại*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
10. Bộ Quốc phòng, Trung tâm từ điển Bách khoa quân sự (2009), *Từ điển Bách khoa quân sự Việt Nam*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
11. Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam (2013), *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954 - 1975, Tập I - Nguyên nhân chiến tranh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 1.
12. Trường Chinh (1991), *Chủ tịch Hồ Chí Minh và cách mạng Việt Nam*, Nxb Thông tin lý luận, Hà Nội.
13. Lê Duẩn (1976), *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, Nxb Sự thật, Hà Nội.

14. Lê Duẩn (1976), *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng. vì độc lập, tự do - vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới*, Nxb. Sự thật, Hà Nội.
15. Lê Duẩn (1986), *Chủ tịch Hồ Chí Minh, lãnh tụ vĩ đại của Đảng và dân tộc ta*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
16. Nguyễn Đăng Dung (1995), “Năm mươi năm nền pháp lý Việt Nam”, *Tạp chí khoa học Đại học quốc gia Hà Nội*, t.XI, n⁰4, 1995.
17. Thùy Dung (2025), “Chủ tịch Hồ Chí Minh với sự nghiệp thống nhất đất nước”, <https://thinhvuongvietnam.com>, truy cập ngày 30-4-2025.
18. Trần Đình Dương (2011), *Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội - Mục tiêu chiến lược và con đường tiếp cận*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
19. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 13.
20. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 14.
21. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 15.
22. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 16.
23. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 17.
24. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 18.
25. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 19.
26. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 20.
27. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 21.
28. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 22.

29. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 24.
30. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 25.
31. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 26.
32. Đảng Cộng sản Việt Nam (2004), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 37.
33. Đảng Cộng sản Việt Nam (2004), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 47.
34. Đảng Cộng sản Việt Nam (2004), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 51.
35. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
36. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
37. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tập 1.
38. Đảng Cộng sản Việt Nam (2025), *Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22-8-2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo*.
39. Đảng Cộng sản Việt Nam (2025), *Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 9-9-2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân*.
40. Đảng Cộng sản Việt Nam (2025), *Kết luận số 210-KL/TW, ngày 12-11-2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trong thời gian tới*.
41. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tập 1.

42. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tập 2.
43. Nguyễn Đức Đạt (2007), *Tư tưởng biện chứng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
44. Quang Đăng (2022), “Vĩ nhân của lịch sử nhân loại”, <https://thinhvuongvietnam.com>, truy cập ngày 25-2-2025.
45. Đặng Quang Định (2025), “Tư tưởng Hồ Chí Minh - ánh sáng soi đường thực hiện khát vọng phồn vinh, hạnh phúc trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam”, *Tạp chí Thông tin khoa học chính trị*, số 3-2025, tr.8-14.
46. Phạm Văn Đồng (1990), *Hồ Chí Minh, một con người, một dân tộc, một thời đại, một sự nghiệp*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
47. Phạm Văn Đồng (1991), *Hồ Chí Minh, quá khứ, hiện tại, tương lai*, Nxb. Sự thật, Hà Nội.
48. Phạm Văn Đồng (1998), *Những nhận thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
49. Võ Nguyên Giáp (1993), *Tư tưởng Hồ Chí Minh, quá trình hình thành và phát triển*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
50. Võ Nguyên Giáp (1994), *Những chặng đường lịch sử*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
51. Võ Nguyên Giáp (2008), *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
52. Võ Nguyên Giáp (2012), *Tổng hành dinh trong mùa Xuân toàn thắng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
53. Trần Văn Giàu (2011), *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
54. Lê Mậu Hãn (2000), *Sức mạnh dân tộc của cách mạng Việt Nam dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
55. Đoàn Thế Hanh (2007), “Kiên định mục tiêu ĐLDT và CNXH - Sự vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện hiện nay”, *Tạp chí Cộng sản* (số 777), tr.44-48.

56. Mai Trung Hậu - Ngô Hoan (2007), *Kiên định con đường đã chọn*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
57. Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh (2010), *Di sản Hồ Chí Minh trong thời đại ngày nay*, Nxb Chính trị - Hành chính.
58. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2016), *Hồ Chí Minh biên niên tiểu sử*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tập 5.
59. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2016), *Hồ Chí Minh biên niên tiểu sử*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tập 6.
60. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2016), *Hồ Chí Minh biên niên tiểu sử*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tập 7.
61. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2016), *Hồ Chí Minh biên niên tiểu sử*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tập 8.
62. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2016), *Hồ Chí Minh biên niên tiểu sử*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tập 9.
63. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2016), *Hồ Chí Minh biên niên tiểu sử*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tập 10.
64. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2019), *Những vấn đề cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
65. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2021), *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
66. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2021), *Giáo trình khoa học lãnh đạo*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
67. Vũ Đình Hòe, Bùi Đình Phong (2010), *Hồ Chí Minh với sự nghiệp độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
68. Hội đồng chỉ đạo biên soạn lịch sử Nam bộ kháng chiến (2012), *Biên niên sự kiện lịch sử Nam bộ kháng chiến (1945-1975)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
69. Hội đồng chỉ đạo biên soạn lịch sử Nam bộ kháng chiến (2012), *Những vấn đề chính yếu trong lịch sử Nam bộ kháng chiến 1945 - 1975*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

70. Hội đồng Lý luận Trung ương (2013), *Kiên định mục tiêu và con đường đi lên CNXH ở nước ta*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
71. Hội thảo khoa học cấp quốc gia (2025), “*Đảng Cộng sản Việt Nam - 95 năm kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc*”.
72. *Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh* (1990), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
73. Nguyễn Văn Huyền (2018), *Mối quan hệ giữa độc lập dân tộc với dân chủ và hạnh phúc của nhân dân trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
74. Nguyễn Khắc Huỳnh (2011), *Ngoại giao Việt Nam góc nhìn và suy ngẫm*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
75. Phan Công Khanh (2021), *Tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong sự nghiệp đổi mới*, Nxb Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
76. Lại Quốc Khánh (2024), *Triết lý chính trị Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
77. Khu Di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh (2020), *Những hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh giai đoạn 1954-1969 tập 1 (1954-1958)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
78. Khu Di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh (2020), *Những hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh giai đoạn 1954-1969 tập 2 (1959-1964)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
79. Khu Di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh (2020), *Những hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh giai đoạn 1954-1969 tập 3 (1965-1969)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
80. Khánh Lan (2025), “Việt Nam - hình mẫu của các nước đang phát triển”, <https://nhandan.vn>, truy cập ngày 30-4-2025.
81. Tô Lâm (2025), “Rạng rỡ Việt Nam”, <https://tuoitre.vn>, truy cập ngày 20-4-2025.

82. Tô Lâm (2025), “Bác vẫn cùng chúng cháu hành quân”, <https://hochiminh.vn>, truy cập ngày 19-5-2025.
83. Tô Lâm (2026), “Tiến lên! Toàn thắng ắt về ta!”, <https://baochinhphu.vn>, truy cập ngày 25-01-2026.
84. Tô Lâm (2026), Ánh sáng Hồ Chí Minh soi đường cho chúng ta đi”, <https://nhandan.vn>, truy cập ngày 19-5-2026.
85. Nguyễn Tùng Lâm (2017), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về giải quyết mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp với sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ Hồ Chí Minh học.
86. V.I.Lênin (2006), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 30.
87. V.I.Lênin (2006), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 34.
88. V.I.Lênin (2006), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 35
89. V.I.Lênin (2006), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 36.
90. V.I.Lênin (2006), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 37.
91. V.I.Lênin (2006), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 39.
92. V.I.Lênin (2006), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 40.
93. V.I.Lênin (2006), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 41.
94. V.I.Lênin (2006), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 43.
95. V.I.Lênin (2006), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 44.
96. Phan Ngọc Liên - Trịnh Vương Hồng (2001), *Hồ Chí Minh - Chiến sĩ cách mạng quốc tế*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
97. Phan Ngọc Liên (2008), *Hồ Chí Minh với tiến trình lịch sử dân tộc*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
98. Lê Thị Thanh Loan (2020), “Thế giới ngợi ca Người - Danh nhân Hồ Chí Minh”, <https://bvhttdl.gov.vn>, truy cập ngày 30-4-2025.
99. Lưu Văn Lợi - Nguyễn Anh Vũ (1990), *Tiếp xúc bí mật Việt Nam - Hoa Kỳ trước Hội nghị Pari*, Viện Quan hệ quốc tế, Hà Nội.
100. Lê Văn Lợi (2024), *Hồ Chí Minh với hành trình thực hiện khát vọng độc lập, tự do, hạnh phúc*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

101. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tập 3.
102. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tập 8.
103. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tập 36.
104. Xuân Mai, “Bác Hồ tiên đoán và chỉ đạo đánh máy bay B-52 từ rất sớm”, <http://phongkhongkhongquan.vn>, truy cập ngày 20-3-2026.
105. Hồ Chí Minh (2003), *Về chủ nghĩa Mác-Lênin, chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
106. *Hồ Chí Minh - Một người châu Á của mọi thời đại* (2010), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
107. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tập 3.
108. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tập 4.
109. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tập 5.
110. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tập 6.
111. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tập 8.
112. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tập 9.
113. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tập 10.
114. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tập 11.
115. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tập 12.
116. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tập 13.
117. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tập 14.
118. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tập 15.
119. “Hồ Chí Minh - một chính khách nổi bật trên truyền thông quốc tế”, <https://www.qdnd.vn>, truy cập ngày 30-4-2025.
120. “Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ” (5-10-2017), <https://binhphuoc.gov.vn>, truy cập ngày 20-4-2025.
121. Nhà xuất bản Lao động (2003), *Về một tư tưởng lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Hà Nội.

122. Trần Nhâm (2015), *Hồ Chí Minh nhà tư tưởng thiên tài*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
123. Trần Nhâm (2016), *Nghệ thuật biết thắng từng bước*, Nxb Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.
124. Phạm Chí Nhân (2021), *Bác Hồ với cuộc kháng chiến chống Mỹ*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
125. Tô Thị Hạnh Nhân (28-2-2025), “Chủ trương kiên định hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng của Đảng (1954-1975)”, <https://tapchilichsudang.vn>, truy cập ngày 20-4-2025.
126. *Nghị quyết Hội nghị Bộ Chính trị*, tháng 12-1967, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng.
127. “Nghị quyết hội nghị Trung ương 15 - một quyết định lịch sử” (2005), <https://nhandan.vn>, truy cập ngày 20-4-2025.
128. Lê Hữu Nghĩa (2013), *Những bài học kinh nghiệm của cách mạng Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
129. Trịnh Nhu (2008), *Lịch sử biên niên Xứ ủy Nam bộ và Trung ương Cục miền Nam (1954-1975)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
130. *Những cuộc thương lượng lịch sử thời đại Hồ Chí Minh* (2008), Nxb Lao động.
131. Nguyễn Dy Niên (2008), *Tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
132. Nguyễn An Ninh (2017), “Quá trình phát triển nhận thức lý luận về mô hình CNXH ở Việt Nam”, *Tạp chí Lý luận chính trị* (1), tr.24-29.
133. Bùi Đình Phong (2007), *Vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong sự nghiệp đổi mới*, Nxb Lao động, Hà Nội.
134. Bùi Đình Phong (2008), *Hồ Chí Minh và minh triết Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
135. Bùi Đình Phong (2010), *Hồ Chí Minh với sự nghiệp độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

136. Bùi Đình Phong (2020), „Tur tưởng Hồ Chí Minh mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta giành thắng lợi”, <https://lyluanchinhtri.vn>, truy cập ngày 20-4-2025.
137. Bùi Đình Phong (2021), *Khát vọng Hồ Chí Minh - Việt Nam độc lập, tự do, hạnh phúc, dân chủ, phồn vinh, hùng cường, sánh vai với các cường quốc năm châu*, Nxb Tổng hợp Tp Hồ Chí Minh, Tp Hồ Chí Minh.
138. Bùi Đình Phong (2023), *Di sản Hồ Chí Minh trong công cuộc đổi mới*, Nxb Công an Nhân dân, Hà Nội.
139. Bùi Đình Phong (2023), “Thi đua là yêu nước, yêu nước thì phải thi đua”, <https://hochiminh.vn>, truy cập ngày 20-4-2025.
140. Phùng Hữu Phú, Lê Hữu Nghĩa, Vũ Văn Hiền, Nguyễn Viết Thông (2016), *Một số vấn đề lý luận - thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam qua 30 năm đổi mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
141. Mai Phương (2023), “Nhà ngoại giao Cuba: “Việt Nam là hình mẫu cho các nước đang phát triển”, <https://baotintuc.vn>, truy cập ngày 30-4-2025.
142. Trần Phương (2023), “Thế giới đau đầu giải bài toán khoảng cách giàu nghèo”, <https://tuoitre.vn>, truy cập ngày 20-4-2025.
143. Lý Việt Quang - Trần Thị Hoi (2019), *Phong cách lãnh đạo, quản lý Hồ Chí Minh - Giá trị lý luận và thực tiễn*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
144. Lý Việt Quang, Trần Thị Huyền (2020), “Tur tưởng Hồ Chí Minh về Mặt trận Dân tộc thống nhất”, *Tạp chí lý luận chính trị*, (11), tr.44-49.
145. Lý Việt Quang (2023), “Quan điểm Hồ Chí Minh về đấu tranh ngoại giao với Mỹ - nền tảng định hướng cho thắng lợi trên bàn đàm phán hội nghị Paris”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, (539), tr.27-32.
146. Lý Việt Quang (2025), *Nghiên cứu, vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội thời kỳ đổi mới*, Đề tài khoa học cấp quốc gia, Hà Nội.
147. “Quốc hội nước ta qua các kỳ bầu cử” (2007), <https://www.tapchicongsan.org.vn>, truy cập ngày 30-3-2026.

148. Nguyễn Duy Quý (1998), *Những vấn đề lý luận về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
149. Nguyễn Duy Quý (2003) *Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
150. Tạp chí Cộng sản - Học viện Chính trị khu vực IV, Kỷ yếu hội thảo khoa học (2014), *Quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Cần Thơ.
151. Lê Hữu Tàng (2023), *Chủ nghĩa xã hội từ lý luận đến thực tiễn - Những bài học kinh nghiệm chủ yếu*, Nxb Khoa học xã hội.
152. Đặng Công Thành (2023), *Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ Hồ Chí Minh học.
153. Nguyễn Đăng Thành (2011), *Xây dựng chủ nghĩa xã hội Việt Nam - Lịch sử và kinh nghiệm*, Đề tài khoa học cấp bộ trọng điểm giai đoạn 2008 - 2010, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.
154. Song Thành (2010), *Hồ Chí Minh tiểu sử*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
155. Song Thành (2013), *Hồ Chí Minh - Nhà tư tưởng lỗi lạc*, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội.
156. Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh - Ban Tuyên giáo Trung ương - Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2011), *Chủ tịch Hồ Chí Minh - Hành trình cứu nước*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
157. Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh (2018), *Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt Nam, chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, tập 1.
158. Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh (2018), *Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt*

- Nam, chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, tập 2.
159. Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh (2018), *Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, Liên minh các lực lượng Dân tộc, Dân chủ và Hòa bình Việt Nam, Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, tập 3.
 160. Mạch Quang Thắng (2017), *Góp phần tìm hiểu tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
 161. Hà Huy Thông (2008), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về nghệ thuật đánh thắng chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ*, Nxb Quân đội Nhân dân.
 162. Hồ Văn Thông, Hồ Ngọc Minh (2003), *Quy luật xã hội với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 163. Hoàng Trang, Phạm Ngọc Anh (2000), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb Lao động, Hà Nội.
 164. Nguyễn Xuân Tú (2009), *Hậu phương miền Bắc trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
 165. Đào Đình Tuấn (2022), *Nghệ thuật lãnh đạo Hồ Chí Minh - Nội dung và giá trị*, Luận án tiến sĩ Hồ Chí Minh học.
 166. Nguyễn Minh Tuấn - Trần Khắc Việt (2018), *350 thuật ngữ xây dựng Đảng*, Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội.
 167. Trần Thị Minh Tuyết (2021), *Giá trị và sự vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
 168. Nguyễn Phú Trọng (2001), *Về định hướng xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 169. Nguyễn Phú Trọng (2021), “Lời kêu gọi của Tổng Bí thư gửi đồng bào ở trong và ngoài nước về phòng chống Covid-19”, <https://vov.vn>, truy cập ngày 20-4-2025.
 170. Nguyễn Phú Trọng (2022), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa*

xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

171. Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia - Đại học Quốc gia Hà Nội (2001), *Việt Nam trong thế kỷ XX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
172. Trần Minh Trường (2005), *Hoạt động ngoại giao của Chủ tịch Hồ Chí Minh từ năm 1954 đến 1969*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
173. Truyền hình VTV1 (21-1-2025), “Tài sản giới siêu giàu tăng gấp 3 lần trong khi hàng tỷ người dưới mức nghèo khổ”, <https://vtv.vn>, truy cập ngày 20-4-2025.
174. Truyền hình VTV1 (20-4-2025), <https://vtv.vn>, 21h51’-21h53’, truy cập ngày 20-4-2025.
175. Truyền hình VTV1 (27-4-2025), “Cầu truyền hình Vang mãi khúc khai hoàn”, <https://www.youtube.com>, truy cập ngày 20-4-2025.
176. Viện Hồ Chí Minh (1993), *Hồ Chí Minh sống mãi trong trái tim nhân loại*, Nxb Lao động - Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
177. Viện Lịch sử Đảng (2008), *Lịch sử biên niên Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam (1954-1975)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
178. Viện sử học (2002), *Việt Nam - Những sự kiện lịch sử (1945-1975)*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
179. J.V.Xtalin (1975), *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà Nội, tập 4.

*** Tài liệu nước ngoài**

180. Trương Lôi Khắc, Tự Lập Bình, Kiên Trung (1997), *Lịch sử, hiện trạng, tương lai của chủ nghĩa xã hội*, Xuân Hòa dịch, Sách tham khảo, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
181. Chu Thượng Văn, Chu Cẩm Uy, Trần Tích Hỷ (1999), *Chủ nghĩa xã hội là gì? Xây dựng chủ nghĩa xã hội như thế nào? Bản chất của chủ nghĩa xã hội và con đường phát triển*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
182. Dương Minh Vĩ (2015), *Những nhận thức mới của các học giả nước ngoài*

về chủ nghĩa Mác và chủ nghĩa xã hội trong bối cảnh khủng hoảng tài chính, Thông tin khoa học Lý luận chính trị.